

Tuần 20

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 77 – Văn bản:

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN
(Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí”- Tô Hoài)

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- Nắm được đặc điểm nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một văn bản truyện viết cho thiếu nhi.
- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”. Hiểu được hình ảnh Dế Mèn – một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ sôi nổi nhưng tính tình bông bột và kiêu ngạo.
- Biết được một số biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc trong đoạn trích.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc, phân tích truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả.
- Phân tích được các nhân vật trong đoạn trích.
- Vận dụng được các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa khi viết văn miêu tả.

3. Thái độ:

- Biết suy nghĩ trước khi hành động, không nên kiêu căng, tự phụ.
- Đoàn kết với mọi người.

4. Năng lực - Phẩm chất.

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ, phân tích, cảm thụ, tư duy sáng tạo.
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ:**1. Giáo viên:** máy chiếu, sách tham khảo.**2. Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:****1. Phương pháp:** Hoạt động nhóm, phân tích, giảng bình, vấn đáp, luyện tập thực hành.**2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, trình bày một phút**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:****1. Hoạt động khởi động:*** **Ôn định lớp:*** **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị của HS về tóm tắt tác phẩm.* **Tổ chức khởi động:**

GV chiếu 1 clip ngắn phim hoạt hình DMPLK.

? Cảm nhận của em về nhân vật Dế Mèn trong đoạn phim ngắn?

? HS phát biểu, GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>HD 1: Đọc, tìm hiểu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: đọc sáng tạo, vấn đáp - KT: đặt câu hỏi - NL: tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ <p>? Hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả Tô Hoài ?</p> <p>GV mở rộng (Về tG, TpP/Trần Đình Sử/T91)</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bút danh: được ghép từ hai tiếng lấy từ tên sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức .</i> - <i>Đóng góp: quan trọng vào nền VH nước nhà.</i> - <i>Văn nổi bật là năng lực quan sát, miêu tả tình huống, sắc nhạy, vốn hiểu biết đời sống phong phú, giọng điệu dí dỏm; câu văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, nhiều sáng tạo, tìm tòi trong sử dụng ngôn ngữ .</i> - <i>trên 60/150 dành cho thiếu nhi -> mỗi tác phẩm mang đến một niềm vui, một lời căn dặn, một bài học nho nhỏ dễ mến mà sâu sắc.</i> <p>? Văn bản “<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>” được trích từ tác phẩm nào ?</p> <p><i>"Đế Mèn phiêu lưu kí" có thể tạm dịch là "ghi chép về cuộc đời trôi dạt của Đế Mèn" ("phiêu lưu" có nghĩa là "trôi dạt", không phải là "mạo hiểm" theo cách dùng phổ biến hiện nay của người Việt Nam).</i></p> <p>GV : Tp gồm 10 chương: kể về những cuộc phiêu lưu của Đế Mèn. Chương 1 kể về bài học đường đời đầu tiên của Đế Mèn. Chương 2 tới chương 9 kể về những cuộc phiêu lưu của Mèn với người bạn đường cùng chí hướng là Đế Trũi. Chương cuối kể về việc Mèn cùng Trũi về nhà và nghỉ ngơi, dự tính cuộc phiêu lưu mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GVHD cách đọc, đọc mẫu 	<p>I. Đọc và tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Sen (1920-2014), quê Thanh Oai (HN) - Có khối lượng tác phẩm đồ sộ, chủ yếu là văn xuôi (truyện ngắn, kí, tiểu thuyết) <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Xuất xứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích từ chương I của truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí”. <p>b. Đọc, kể tóm tắt, hiểu chú thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đế Mèn coi thường Đế Choắt.

<p>- Đoạn: Dế Mèn tự tả chân dung mình đọc với giọng hào hứng, kiêu hãnh, to, vang, chú nhún nhún ở các tính từ, động từ miêu tả.</p> <p>- HS đọc phân 1 -> GV nhận xét</p> <p>- GV HD HS đọc phân vai đoạn trên chị Cốc ở nhà để thực hiện ở tiết sau</p> <p>- Yêu cầu HS kể tóm tắt văn bản, GV nhận xét.</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu chú giải .</p> <p>? Hãy xác định thể loại của văn bản ? Trình bày những hiểu biết của em về thể loại ?</p> <p>GV mở rộng: Thể loại của tác phẩm là kí nhưng thực chất vẫn là một truyện "Tiểu thuyết đồng thoại" một sáng tác chủ yếu là tưởng tượng và nhân hoá (truyện đồng thoại là loại truyện tưởng tượng dành cho thiếu nhi, viết về loài vật và các vật vô tri, theo phương thức nhân cách hóa)</p> <p>? Xác định ngôi kể, trình tự kể ? Tác dụng?</p> <p>+ <i>Làm cho câu chuyện trở nên thân mật, gần gũi, chân thực, đáng tin cậy đối với bạn đọc</i></p> <p>.</p> <p>+ <i>Các tình huống truyện bớt đi chút ít tính bất ngờ nhưng bù lại, do tận dụng lợi thế về “độ lùi thời gian”, không ít lần khi kể chuyện, nhân vật tôi đã nhiều lần phát biểu trực tiếp những chiêm nghiệm của mình, thậm chí báo trước kết cục làm cho tính luân lí của tác phẩm trở lên thực sự đậm đà.</i></p> <p>? Xác định bố cục văn bản? Nội dung từng phần?</p>	<p>- Dế Mèn trên chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.</p> <p>- Sự ân hận của Dế Mèn và tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.</p> <p>c. Chú thích</p> <p>d. Thể loại; Phương thức biểu đạt</p> <p>- Thể loại: Tiểu thuyết</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Tự sự</p> <p>- Ngôi kể: thứ nhất</p> <p>- Trình tự: kể ngược – hồi cố</p> <p>e. Bố cục: 2 phần</p> <p>- Phần 1: Từ đầu đến "Đứng đầu thiên hạ rồi" => DM tự họa về mình</p> <p>- Phần 2: Còn lại => bài học đường đời đầu tiên của Dế mèn.</p>
---	--

<p>HD 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>PP: phtích, bgiảng, vđáp, hđ nhóm</p> <p>KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm</p> <p>NL: hợp tác, tự học, giao tiếp, sd ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích, nhận xét</p>	<p>Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>Bức chân dung tự họa của Dế Mèn</p>
--	--

<p>- HS chú ý phần 1</p> <p>? Mở đầu đoạn trích, Dế Mèn đã tự giới thiệu về mình qua lời văn nào ?</p> <p>? Nhận xét về cách kể và từ ngữ trong hai câu mở đầu vb?</p> <p>GV tổ chức thảo luận nhóm (6 nhóm) – 4 phút</p> <p>? Để chứng minh mình là một chàng dế thanh niên cường tráng, DM đã tự tả về ngoại hình và hành động của mình ntn?</p> <p>? NT nào được tác giả sử dụng khi gọi tả ngoại hình và hành động của Dế Mèn ? (bpnt, từ ngữ, giọng văn)</p> <p>? Qua lời kể chuyện xen với yếu tố miêu tả đậm nét này, em hình dung ntn về Dế Mèn ?</p> <p>HS các nhóm t/luận, đại diện báo cáo.</p> <p>HS các nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>GV nhận xét, chốt kt.</p> <p>? Giọng kể trong đoạn sôi nổi, nhiệt tình cho thấy Dế Mèn có thái độ ntn về vẻ đẹp của mình?</p>	<p>- <i>Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực ... nên tôi chóng lớn lắm.....một chàng dế thanh niên cường tráng.</i></p> <p>+ Cách kể tự nhiên.</p> <p>* Ngoại hình, hành động:</p> <p>- Ngoại hình: <i>Càng: mắt bóng, vuốt cứng dần và nhọn hoắt... như có nhát dao...cánh hủn hoẳn dài chấm đuôi; người màu nâu bóng mỡ soi gương được; Đầu to, nổi từng tảng rất buồng; Răng đen nhánhnhư hai lưỡi liềm máy; râu dài, uốn cong hùng dũng, trịnh trọng, khoan thai</i></p> <p>- Hành động: <i>Đạp phanh phách, vũ thành phạch, nhai ngoàm ngoàm, trịnh trọng đưa hai chân lên vuốt râu.</i> <i>Đi đứng oai vệ, dún dẩy khoeo chân, cho đứng kiêu cách con nhà võ</i> <i>Cà khịa với tất cả bà con lối xóm.</i> <i>Quát mấy chị cào cào ngụ ngoài đầu bờ, ghẹo mấy anh gọng vó</i></p> <p>+ NT: Kể chuyện kết hợp miêu tả; So sánh, tính từ gọi hình gọi tả (mắt bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh ...) Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, vũ, nhai...); Giọng văn sôi nổi.</p> <p>-> Dế Mèn - chàng dế thanh niên cường tráng, khỏe mạnh.</p> <p>-> Dế Mèn kiêu hãnh, tự hào về vẻ đẹp của mình.</p>
--	---

* **GV bình:** đây là đoạn văn đặc sắc, độc đáo về nghệ thuật miêu tả loài vật. Đoạn văn tả được cái đẹp, cái hùng của DM thật giàu ấn tượng và là đv miêu tả mẫu mực. Những cụm từ “mầm bóng, nhộm hoắt, đen nhánh,.. đã cực tả được cái ngời vị vô song của DM, trước hết là ở dáng vẻ bề ngoài. Với DM, mọi thứ đều đạt đến độ hoàn hảo, tuyệt đối không chê vào đâu được. Thêm nữa, những từ tượng thanh, tượng hình như “phanh phách, phành phạch, ngoàm ngoạp, rung rinh, dún dầy...” đã làm cho độc giả có cảm tưởng như DM vừa thành linh nhảy ra từ trang sách để chọc ghẹo, nô đùa. Rõ ràng, DM ý thức rất cao và rất hãnh diện về điều đó.

? Bên cạnh những dòng tự thuật về ngoại hình và hành động, DM còn tự nhận xét về mình. Tìm chi tiết?

? Em hiểu gì về tính cách của Dế Mèn qua những chi tiết trên?
HS thảo luận cặp đôi, trả lời.

? Dế Mèn có điểm gì đáng yêu? Điểm gì đáng chê?
GV bình giảng.

- Đoạn văn sử dụng những nghệ thuật nổi bật nào? Qua đó thể hiện nội dung gì? Em hãy khái quát lại trong 1 phút?
GV: Mang tính kiêu căng vào đời, DM đã gây ra chuyện gì phải ân hận suốt đời? -> tiết sau tìm hiểu.

Tính cách, suy nghĩ:

- Tôi tợn lắm, dám cà khịa với bà con...nào quát, nào đá, nào ghẹo
- Tưởng mình là ghê gớm, sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

⇒ **Kiêu căng, hợm hĩnh, thích ra oai... liều lĩnh, không tự biết mình**

- Dế mèn có điểm đáng yêu: Khoẻ mạnh cường tráng, tự tin, yêu đời, tuy nhiên đáng chê trách: Kiêu căng hợm hĩnh, thích ra oai...

* **Tiểu kết.**

- Nghệ thuật: kể xen tả, bình luận, sử dụng tính từ, động từ đặc sắc, nhân hóa, so sánh...

- Nội dung: Tô đậm vẻ đẹp về ngoại hình và tính cách của Dế Mèn, một chàng dế khỏe đẹp, cường tráng nhưng kiêu căng,

xốc nổi.

3. Hoạt động luyện tập:

*

Câu 1: Trong đoạn văn kể này, Tô Hoài đã khéo léo kết hợp với yếu tố miêu tả. Em học được kinh nghiệm gì về cách miêu tả từ nhà văn?

+ Trình tự miêu tả: Kết hợp tả ngoại hình với hành động và tư thế, thái độ (tả từng bộ

phận của cơ thể, gắn liền *miêu tả hình dáng* với *hành động* khiến hình ảnh Đế Mèn hiện lên mỗi lúc một rõ nét -> tả động chứ ko tả tĩnh).

+ Khi miêu tả, sử dụng rất phong phú, chính xác các tính từ gợi hình, gợi cảm.

+ Miêu tả bằng chính lời nhân vật (tự thuật) – ngôi thứ nhất -> tạo sự gần gũi với người đọc (người đọc như đc trực tiếp nghe lời kể, lời tâm sự của nv) + thuận lợi cho nv biểu hiện tâm trạng, suy nghĩ, cách đánh giá của mình.

Câu 2: Em đã bắt gặp hình ảnh của ai ở ngoài đời có tính cách giống DM chưa? Hãy nêu cảm nhận của mình về những con người như vậy?

4. Hoạt động vận dụng:

- Dựa vào cách tả loài vật trong đoạn văn tả Đế Mèn, hãy viết đoạn văn ngắn (5 -6 câu) miêu tả con vật nuôi trong nhà em.

- Vẽ tranh về đế mèn.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc toàn truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí”.

- Chuẩn bị: “Bài học đường đời đầu tiên” (tiếp): tiếp tục phân tích nhân vật Đế Mèn trong phần còn lại của văn bản; Rút ra ý nghĩa truyện)

Tuần 20

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 78 – Văn bản:

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN (tiếp) (Trích “Đế Mèn phiêu lưu kí”- Tô Hoài)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được đặc điểm nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một văn bản truyện viết cho thiếu nhi.

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”. Hiểu được hình ảnh Đế Mèn – một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ sôi nổi nhưng tính tình bông bột và kiêu ngạo.

- Biết được một số biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc trong đoạn trích.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc, phân tích truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả.

- Phân tích được các nhân vật trong đoạn trích.

- Vận dụng được các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa khi viết văn miêu tả.

3.Thái độ:

- Biết suy nghĩ trước khi hành động, không nên kiêu căng, tự phụ.

- Đoàn kết với mọi người.

4. Năng lực - Phẩm chất.

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ, nhận xét.
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, nhân ái, khoan dung

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** máy chiếu, sách tham khảo.

2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

1. **Phương pháp:** Hoạt động nhóm, phân tích, giảng bình, vấn đáp, luyện tập thực hành.

2. **Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:** Hình ảnh Dế Mèn hiện lên ntn trong phần 1 của văn bản “DMPLK”? Cảm nhận ban đầu của em về nhân vật này?

* **Tổ chức khởi động:**

- HS sân khấu hoá đoạn truyện Dế Mèn trêu chị Cốc.

- HS nêu cảm nhận.

- GV giới thiệu: Khi kể về bức chân dung tự họa của DM, Tô Hoài đã khéo léo để lộ ra cái mầm họa do tính cách và sự kiêu căng của DM gây ra. Cùng tìm hiểu tiếp tp để thấy được sức hấp dẫn của tình tiết tiếp theo của câu chuyện.

2. Hoạt động tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<p>HD 1: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>HS đọc phân vai phần 2 của VB - chú ý phân biệt giọng các nhân vật.</p> <p>- HS tóm tắt sự việc ở phần còn lại của văn bản (Dế Mèn khinh thường Dế Choắt, gây sự với Cốc gây ra cái chết của Dế Choắt)</p> <p>? Dế Choắt có quan hệ ntn với Dế Mèn?</p> <p>? Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình và nơi ở của Dế Choắt hiện lên qua cái nhìn của DM?</p> <p>? Khi tả Dế Choắt, tác giả đã sd NT gì?</p> <p>? Cảm nhận chung ntn về Dế Choắt?</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>1. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn:</p> <p>2. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn:</p> <p>* Dế Choắt</p> <p>- gầy gò, dài lêu đêu <i>như gã nghiện thuốc phiện</i>; <i>Cánh ngắn củn hở cả nách và mạng sườn, râu ngắn một mẫu, mặt mũi ngắn ngo; đôi càng bè bè</i></p> <p>- <i>Hôi như cú mèo, có lớn mà không có khôn.</i></p> <p>- <i>Ở trong hang nông sát mặt đất</i></p> <p>+ NT: từ tượng hình, NT so sánh.</p> <p>-> ốm yếu, gầy gò, xấu xí, thảm hại</p>

GV: Để choắt bầm sinh yếu đuối. So râu, so cánh, so sức lực chẳng lại với DM. Sự thảm hại ấy lại càng tăng lên dưới góc nhìn của kẻ tự tôn coi mình là nhất.

? Em hãy tìm chi tiết nói nên thái độ của Để mèn đối với Để choắt (Biểu hiện qua lời nói, cách xưng hô, giọng điệu)?

? Qua đó em có nhận xét gì về nhân vật DM?

? Sự việc trêu chị Cốc được DM thực hiện ntn?

* KT động não:

? Tại sao DM lại trêu chị Cốc?

? Em có nhận xét ntn về hành động này của DM?

* **GV tổ chức thảo luận (6 nhóm):**

? Tìm các chi tiết kể diễn biến tâm lí và thái độ của DM trong việc trêu chị Cốc?

? Nghệ thuật nào được Tô Hoài sử dụng trong đoạn kể này?

? Qua đó em có suy nghĩ gì về tính cách của DM?

- GV hướng dẫn, phát phiếu HT.

- HS thảo luận nhóm 5 phút, hoàn thiện phiếu học tập -> đại diện nhóm báo cáo, nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chốt kt, thu PHT.

*** Thái độ của DM với Để Choắt:**

- Để Mèn đặt tên: *Để Choắt*

- Gọi: "*chú mày*", *xưng tao-mày*,

- Giọng điệu: *ôi thôi... Có lớn mà ko có khôn*

- Hành động: *hếch răng*, *xì ... mắng...* từ chối thẳng thừng lời đề nghị, van xin thiết, chân thành của Để Choắt

=> **Để mèn kiêu căng, hách dịch, sống ích kỉ, nhỏ nhen.**

*** Để Mèn trêu chị Cốc**

- Hành động: gây sự bằng câu hát: "Cái cò... tao ăn".

- Mục đích: đùa cho vui, thỏa mãn tính nghịch ranh + ra oai với để Choắt.

-> **Hành động thiếu suy nghĩ, xác xược, nông cuồng.**

- Diễn biến tâm lí và thái độ của Để Mèn:

	Chị Cốc	Để Choắt	Để Mèn
Lúc mới trêu	Chị Cốc xuất hiện	Can ngăn DM đừng trêu	- Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa?

			- Hát trêu chị Cốc
Lúc trêu xong	- trợn tròn mắt, giương cánh lên như sắp đánh nhau - Giận dữ mỗ Choắt	Van lạy	- chui tọt vào hang, nằm khểnh bắt chân chữ ngũ - Nép tận đáy mà cũng chết khiếp, nằm im thin thít.
Lúc Đế Choắt chết		- Không dạy được nữa, nằm thoi thóp - Khuyên: ở đời mà có ... vạ vào mình.	- Hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt: “Tôi hối hận lắm...chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi...” - Ăn năn, hối hận. - Đem Đế Choắt đi chôn, đứng lặng hồi lâu, nghĩ về bài học.
Nghệ thuật	Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, phù hợp Kể xem kẽ với miêu tả, bình luận Giọng kể sinh động hấp dẫn		
Tính cách Đế Mèn	Đế Mèn là kẻ xốc nổi, thích huênh hoang, nhưng cũng biết ăn năn, hối lỗi		
GV bình: <i>Trong phần 2 của vb, cảm xúc của người đọc trải qua đủ các cung bậc: tức giận có, thương xót có... Càng thương DC bao nhiêu lại càng tức giận với hành động của DM bấy nhiêu. Ta không còn thấy cái vẻ tự kiêu của DM nữa. Mọi điều bộ anh hùng đều bay biến đi đâu hết. Hóa ra cái oai trước kia chỉ là oai vờ, vì chưa gặp phải thử thách thực sự nên chưa biết đáy thôi. Cái kẻ ngông nghênh coi mọi việc chỉ là trò chơi kia đã biết tội mình.</i> ? Hậu quả của trò chơi dại dột này? ? Theo em trong lúc đứng lặng hồi lâu nghĩ về bài học đường đời đầu tiên Đế Mèn đã nghĩ gì - kết hợp phần Luyện tập (Hoặc: Mèn đã nhận ra bài học gì ?) ? Ai, điều gì đã cho Đế Mèn có được bài học đường đời đầu tiên?		- Hậu quả: Đế Choắt chết, Đế Mèn ân năn, hối lỗi ✉ Bài học đường đời đầu tiên: trong phép ứng xử với đồng loại cần biết bao dung, khiêm tốn, chớ ích kỉ, hung hăng, nghĩ kĩ trước khi làm. (lời khuyên của Đế Choắt trước khi chết đã thức tỉnh Đế Mèn)	

GV giảng: <i>Mây lời trắng trời của Dế</i>	
--	--

Choắt chính là bài học đường đời đầu tiên đối với Dế Mèn. Đó là bài học đau đớn, xót xa, ân hận đến suốt đời. Chỉ vì thói hung hăng, ngông cuồng, xúc nổi nhất thời

của mình mà bạn phải đổi cả tính mạng. Truyện còn thú vị ở chỗ, ai ngờ kẻ từng lên giọng dạy đời lại phải nghe một lời dạy nghiêm túc từ người hàng xóm vẫn bị mình coi là hèn kém. DC đã cho DM 1 bài học xương máu, nhớ đời. Nhiều bạn đọc trẻ tuổi khi đọc những trang văn này cũng chợt nhận ra mình trong đó còn những người lớn tuổi nhận ra thời trẻ của mình. Đây chính là sự thú vị của văn Tô Hoài: những bài học sâu sắc, thấm thía đến với người đọc một cách nhẹ nhàng mà sâu sắc. Sự hối lỗi của DM, cái lặng đi hồi lâu bên mộ Choắt đã chứng tỏ sự trưởng thành trong nhận thức của DM.

? Từ câu chuyện của DM em thấy trải nghiệm cuộc sống có vai trò ntn đối với sự trưởng thành của con người?

(Vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp đến sự thay đổi nhận thức và hành vi con người)

GV liên hệ chuyển đi thực tế của lớp vừa qua, giáo dục đạo đức.

HD 2: Tổng kết:

- PP: Vấn đáp
- KT: hỏi và trả lời
- NL: giao tiếp, hợp tác

? Truyện có những đặc sắc NT gì?

? Ý nghĩa nội dung của văn bản?

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Kể chuyện kết hợp với miêu tả.
- Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ.
- Sử dụng hiệu quả các phép tu từ.
- Lựa chọn lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.

- HS đọc Ghi nhớ -SGK	2. Nội dung: - Dế Mèn – một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ
-----------------------	---

	<p>sôi nổi nhưng tính tình bông bột và kiêu ngạo.</p> <p>- Bài học đường đời đầu tiên cho DM.</p> <p>Ghi nhớ -SGK</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

Câu 1: Tìm một số hình ảnh so sánh đặc sắc trong văn bản? Nêu tác dụng?

Câu 2: Lời trăng trối của DC với DM trước khi trút hơi thở cuối cùng cho em suy nghĩ gì về nhân vật Dế Choắt?

Gợi ý: Dế Choắt là một người nhân hậu, độ lượng. Dù chính DM là người gián tiếp gây ra cái chết cho DC nhưng DC không hề trách cứ hay tỏ ra căm giận. Ngược lại, DC còn chân thành khuyên nhủ.

4. Hoạt động vận dụng:

- Hãy kể về bài học đường đời đầu tiên của em bằng một đoạn văn.
- Kể cho các bạn mình nghe về bài học ấy.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tiếp tục tìm đọc toàn truyện DMPLK.
- Tập phân tích nhân vật Dế Mèn.
- Chuẩn bị bài: Phó từ.

Tuần 20

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 79

PHÓ TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu và nhớ được khái niệm phó từ (Ý nghĩa khái quát của phó từ; đặc điểm ngữ pháp của phó từ).
- Biết được các loại phó từ.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết được phó từ trong văn bản; phân biệt được các loại phó từ; sử dụng được phó từ để đặt câu, tạo lập văn bản nói viết.

3. Thái độ:

- Tích cực rau dồi vốn từ tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sd ngôn ngữ, giao tiếp, tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** máy chiếu, tài liệu tham khảo.
2. **Học sinh:** Đọc và soạn kĩ bài (trả lời câu hỏi tìm hiểu bài).

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành, trò chơi
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, chia nhóm, đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định lớp:

* **Kiểm tra bài cũ:** Kể tên các từ loại được học trong học kì I ?

* **Tổ chức khởi động:** GV tổ chức cho hs chơi trò chơi ô cửa may mắn.

- Luật chơi: người chơi xung phong chọn ô cửa (từ 1-> 5). Mỗi ô cửa có 1 câu hỏi + 1 phần quà. HS chơi sẽ chọn 1 ô cửa và trả lời câu hỏi, nếu đúng sẽ được quà. Nếu sai HS khác có quyền trả lời và nhận quà nếu đúng. HS chọn đc ô cửa may mắn sẽ đc nhận quà.

- Câu hỏi trong các ô cửa sổ:

1. Tính từ là gì?
2. Động từ là gì?
3. Danh từ là gì?
4. “chạy” là từ loại gì?
5. “Tủi lảm trong câu: “Đẹp lắm!” có phải là tính từ không?
6. Ô cửa may mắn.

- HS chơi trò chơi, GV nhận xét. GV dẫn vào bài mới từ câu hỏi 5.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT		
HĐ 1: Phó từ là gì? - PP: phân tích mẫu, hoạt động nhóm - KT: đặt câu hỏi, chia nhóm, TL nhóm - NL: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học - HS đọc ví dụ 1 SGK- trang 12 - GV tổ chức thảo luận nhóm 4 (8 nhóm) ? Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? ? Những từ được bổ sung nghĩa thuộc từ loại nào?	I. Phó từ là gì ?		
	1. Tìm hiểu ví dụ :		
	VD	Từ in đậm	Từ được bổ sung ý nghĩa
	a	Đã	đi
		Cũng	ra
		vẫn chưa	thấy
		thật	lỗi lạc
	b	Được	soi (gương)
		rất	ưa nhìn
		ra	to
		rất	bướng
		<i>Phó từ</i>	<i>động từ, tính từ</i>

<p>? Các từ trên bổ sung ý nghĩa gì cho động từ, tính từ mà nó đi kèm?</p> <p>? Nhận xét vị trí của các từ in đậm đó so với động từ, tính từ mà nó bổ sung nghĩa?</p> <p>HS thảo luận, báo cáo, nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, chốt ý.</p> <p>? Các từ in đậm trên được gọi là phó từ, vậy em hiểu phó từ là gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc ghi nhớ SGK - Yêu cầu HS đặt câu có sử dụng phó từ bổ sung cho động từ, tính từ. GV nhận xét + chuyển ý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa về thời gian, sự tiếp diễn, khả năng (được) mức độ, hướng... - Từ in đậm đứng trước hoặc sau động từ, tính từ <p>⇒ <i>Phó từ là những từ chuyên đi kèm với động từ, TT bổ sung ý nghĩa cho động từ và tính từ.</i></p> <p>2. Ghi nhớ - SGK trang 12</p>
<p>HD 2: Các loại phó từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm - KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não - NL: hợp tác, giao tiếp, sd ngôn ngữ, tự học. <p>? Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho những động từ, tính từ in đậm?</p> <p>? So sánh ý nghĩa của các cụm từ có và không có phó từ ?</p> <ul style="list-style-type: none"> a) rõ hơn mức độ cho từ “chóng” b) thể hiện thái độ cầu khiến c) thể hiện sự phủ định (không), thể hiện quan hệ thời gian (đã, đang) <p>? Điền các phó từ đã tìm được ở ví dụ 1 – 2 vào bảng phân loại?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi điền các phó từ vào bảng phân loại. - HS dán bảng phân loại của nhóm lên bảng Các nhóm nhận xét chéo, GV nhận xét. <p>? Kể thêm những phó từ nào mà em biết thuộc mỗi loại trên ?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian : đã, đang, từng, mới, sắp, sẽ,... + Sự tiếp diễn tương tự : cũng, vẫn, đều, còn 	<p>II. Các loại phó từ</p> <p>1. Tìm hiểu ví dụ :</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lắm b) Đứng, vào. c) Không, đã, đang <p>- Bảng phân loại phó từ:</p>

nữa,...	
---------	--

Ý nghĩa	Đứng trước	Đứng sau
Chỉ quan hệ thời gian	đã, đang	
Chỉ mức độ	thật, rất	lắm
Chỉ sự tiếp diễn tương tự	cũng, vẫn	
Chỉ sự phủ định	chưa, không	
Chỉ sự cầu khiến	đừng, hãy	
Chỉ kết quả và hướng		vào, ra
Chỉ khả năng		được

<p>+ Mức độ: thật, rất, lắm, quá, cực kỳ, khá, hơi...</p> <p>+ Phủ định : Không, chưa, chẳng.</p> <p>+ Khẳng định: Có.</p> <p>+ Sự cầu khiến : Đừng, hãy, chớ.</p> <p>+ Kết quả : hướng, vào, ra, mất, được, đi,...</p> <p>+ Khả năng : được.</p> <p>+ Tần số : Ít, hiếm, luôn, thường.</p> <p>+ Tình thái : Đánh giá, vụt, bỗng, chợt, thoát, thành linh, đột nhiên.</p> <p>? Dựa vào vị trí của phó từ đối với động từ, tính từ thì phó từ có mấy loại?</p> <p>? Từ ví dụ, cho biết khả năng kết hợp và chức vụ cú pháp của phó từ?</p> <p>HS đọc ghi nhớ 2 sgk.</p>	<p>- Các loại phó từ: 2 loại lớn.</p> <p>+ Phó từ đứng trước động từ, tính từ.</p> <p>+ Phó từ đứng sau động từ, tính từ.</p> <p>- Khả năng kết hợp: với ĐT, TT</p> <p>- Chức vụ ngữ pháp: làm phụ ngữ trong CĐT, CTT.</p> <p>2. Ghi nhớ - sgk/14</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập:</p> <p>HD xđ yêu cầu bài 1 sgk.</p> <p>? Tìm phó từ và nêu ý nghĩa của nó ?</p> <p>HD xác định yêu cầu B2</p> <p>- Viết về một đoạn văn (3-5 câu) thuật lại sự việc Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt.</p> <p>GV hướng dẫn.</p>	<p>III. Luyện tập:</p> <p>Bài tập 1 :</p> <p>a) Đã (Thời gian) đến.</p> <p>- không (phủ định) còn (sự tiếp diễn) ngủi.</p> <p>- Đã (thời gian) cỏi.</p> <p>- Đều (sự tiếp diễn) lắm tấm.</p> <p>- Đương (thời gian) trở.</p> <p>- Lại (sự tiếp diễn) – sắp (thời gian) buông tỏa.</p> <p>- Ra (Kết quả – hướng) tỏa.</p> <p>- Cũng (sự tiếp diễn) –sắp (thời gian) có.</p> <p>- Đã (thời gian) về.</p> <p>- Cũng (sự tiếp diễn) sắp(thời gian) về.</p> <p>b) Đã (thời gian) được (kết quả) xâu.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>- Một hôm, thấy chị Cốc đang kiếm mồi. Dế Mèn cất giọng đọc một câu: Cạnh khốe rồi chui lọt vào hang. Chị Cốc rất bức, đi tìm kẻ dám trêu mình. Không thấy Dế Mèn nhưng chị Cốc trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trước cửa hang. Chị Cốc trút cơn giận lên đầu Dế</p>

HS viết đoạn -> đọc. GV nhận xét.

4. Hoạt động vận dụng:

- Tìm phó từ trong phần 2 văn bản “Đề Mèn phiêu lưu kí”.
- Viết đoạn văn có chủ đề: Mùa xuân, trong đó sử dụng các phó từ em vừa tìm được.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm và làm thêm bài tập về phó từ trong sách nâng cao NV6.
- Chuẩn bị bài: *Tìm hiểu chung về văn miêu tả*

Tuần 20

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 80

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

I. MỤC TIÊU: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức

- Hiểu được những nét chung về văn miêu tả. Biết được mục đích miêu tả, cách thức miêu tả. Hiểu được các tình huống cần phải sử dụng văn miêu tả. Ra đề văn tả cảnh để tích hợp với môi trường.

2. Kỹ năng

- Nhận diện được những đoạn văn, bài văn miêu tả.
- Hiểu được trong những tình huống nào thì người ta thường dùng văn miêu tả.
- Bước đầu xác định được nội dung của một đoạn văn hay bài văn miêu tả, xác định đặc điểm nổi bật của đối tượng miêu tả trong đoạn văn hay bài văn miêu tả.

3. Thái độ

- Có ý thức sử dụng văn miêu tả.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự học, cảm thụ, nhận xét, tư duy sáng tạo.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: máy chiếu, tài liệu tham khảo.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành, trò chơi, giải quyết vấn đề.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, lược đồ tư duy, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định lớp:

* Tổ chức khởi động:

- GV chiếu 2 bức ảnh (người và cảnh thiên nhiên)
- Tổ chức cho hs thi miêu tả người và cảnh thiên nhiên trong ảnh.
- GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<p>HD 1: thế nào là văn miêu tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: phân tích mẫu, vấn đáp, hđộng nhóm - KT: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, TL nhóm - NL: sd ngôn ngữ, cảm thụ, hợp tác, giao tiếp. - HS đọc 3 tình huống - GV tổ chức thảo luận nhóm (6 nhóm) +Nhóm 1-2: Tình huống 1 +Nhóm 3-4: Tình huống 2 + Nhóm 5-6: Tình huống 3 <p>Câu hỏi thảo luận : Tình huống này yêu cầu điều gì? Để giải quyết yêu cầu đó em phải làm gì?</p> <p>HS các nhóm thảo luận, báo cáo, nhận xét chéo.</p> <p>GV nhận xét.</p> <p>? Trong 3 tình huống này, tình huống nào cần sử dụng văn miêu tả? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình huống 1: tả con đường và ngôi nhà để người khác nhận ra, không bị lạc. - Tình huống 2: tả cái áo cụ thể để người bán hàng không bị lấy lẩn, mất thời gian. - Tình huống 3: tả chân dung người lực sĩ để người ta hình dung người lực sĩ như thế nào. 	<p>I. Thế nào là văn miêu tả ?</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>a. Ví dụ 1: SGK-Trang 15</p> <ul style="list-style-type: none"> - TH1: Phải chỉ rõ đặc điểm con đường về tới nhà mình dựa vào những đặc điểm chính trên đường đi. - TH2: Phải nói rõ đặc điểm, màu sắc, kích thước, kiểu cách, hình dáng, chất liệu của áo. - TH3: Chỉ rõ người lực sĩ là người như thế nào: Khỏe mạnh, cao lớn, bắp thịt cuồn cuộn, dáng đi nhanh nhẹn hùng dũng, oai nghiêm, hay làm việc lớn. <p>-> Cả 3 tình huống đều cần sử dụng văn miêu tả vì căn cứ vào hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.</p>

? Em hãy chỉ ra 2 đoạn văn tả Dế Mèn và Dế Choắt?

? 2 đoạn văn giúp ta hình dung ra Dế Mèn và Dế Choắt ntn? Vì sao ta lại hình dung được?

- HS đọc phần Đọc thêm sgk/T.17

? Từ đó cho biết thể nào là văn miêu tả? Khi miêu tả cần chú ý tới đặc điểm gì?

- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.

? Em hãy tìm một số tình huống khác cũng sử dụng văn miêu tả?

TL: Các tình huống:

+ Em mất cái cặp và nhờ các chú công an tìm hộ

+ Bạn không phân biệt được con cua đực và con cái.

3. Hoạt động luyện tập:

- PP: luyện tập thực hành

- NL : giao tiếp, hợp tác, tư duy sáng tạo,...

- HS đọc bài tập, xác định yêu cầu.

- Gọi hs lên bảng làm bài tập

HS xác định yêu cầu B2 sgk: tả cảnh gì vào mùa đông và tả đặc điểm khuôn mặt mẹ ntn?

- HS thảo luận cặp đôi.

b. Ví dụ 2 : SGK-Trang 15, 16

+ Đoạn tả Dế Mèn: "*Bởi tôi ăn uống điều độ... hai chân lên vuốt râu...*"

+ Đoạn tả Dế Choắt: "*Cái anh chàng Dế Choắt...nhiều ngách như hang tôi...*"

⇒ Dế Mèn cường tráng, khỏe mạnh. Dế Choắt thì yếu đuối, xấu xí.

Hình dung được như vậy vì sử dụng miêu tả với các từ ngữ gợi hình, gợi tả, chân thực, sống động.

2. Ghi nhớ : sgk/16

II. Luyện tập :

Bài 1 :

- Đoạn 1: Tái hiện hình ảnh Dế Mèn khi đã lớn rất cường tráng, khỏe mạnh

- Đoạn 2: Hình ảnh chú bé liên lạc

Lượng: nhanh nhẹn, vui vẻ, hồn nhiên, lạc quan, tự tin, yêu đời

- Đoạn 3: Tái hiện cảnh hồ ao, bờ bãi sau trận mưa lớn. Thế giới loài vật ồn ào, náo động kiếm ăn..

Bài 2 :

a. Tả cảnh mùa đông đến ở quê hương em :

- Sự thay đổi của trời, mây, cây cỏ, mặt đất, gió mưa, không khí, con người

b. Đặc điểm khuôn mặt mẹ :

- Hiền hậu, nhân từ

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn tả đôi bàn tay của mẹ (của bố) em. Gạch chân dưới các tính từ miêu tả trong bài.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tập quan sát mọi vật xung quanh mình, tìm các từ ngữ khác nhau để miêu tả đặc điểm của chúng.
- Chuẩn bị bài: Sông nước Cà Mau (Đọc kĩ văn bản, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài)

Tuần 21

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 81+ 82**BẮT ĐẦU HĐTNST: TÔI LÀ NHÀ VĂN****I. MỤC TIÊU.**

1. Kiến thức: Giúp HS hiểu được vai trò và biết được cách thức quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.
2. Kỹ năng: HS viết được một bài văn miêu tả ngắn, trong đó có vận dụng các biện pháp so sánh, liên tưởng, nhân hóa.
 - Thuyết trình được ý tưởng, cấu trúc, bố cục, chủ đề của bài văn.
3. Thái độ: HS tích cực làm việc nhóm.
4. Phẩm chất, năng lực:
 - Yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, trân trọng quá trình làm việc của các nhà văn.
 - Năng lực hợp tác, tư duy, xử lý tình huống, thu thập và xử lý thông tin,...

II. CHUẨN BỊ.

1. GV: SGK Ngữ văn 6 tập 2, máy tính, máy chiếu.
2. HS : Chuẩn bị theo yêu cầu, HD của GV.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. PP: nêu vđ và giải quyết vđ, hđ nhóm,...
2. KT: chia nhóm, giao nhiệm vụ và hoàn tất một nhiệm vụ, cặp đôi chia sẻ...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**TẬP 1.HĐ khởi động**

* Ổn định tổ chức.

* Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

* Đặt vấn đề vào bài mới.

2. HĐ hình thành kiến thức mới.

HĐ CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>PP nêu vđ và giải quyết vđ KT chia nhóm, giao nhiệm vụ.</p> <p>-GV chia lớp làm 6 nhóm, tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu.</p> <p>? Để có được thông tin trên em cần tìm kiếm từ nguồn thông tin nào?</p> <p>- Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm thu thập thông tin. Chú ý sử dụng các cụm từ khóa: <i>Vẻ đẹp của văn miêu tả, Vài kinh nghiệm viết văn miêu tả, Tô Hoài, người sinh ra để viết, Kỹ năng quan sát trong văn miêu tả...</i></p> <p>- Các thành viên tìm kiếm thông tin và ghi lại vào phiếu thu thập thông tin.</p> <p>? Trong quá trình thu thập thông tin, em gặp những khó khăn gì? Em đã giải quyết những khó khăn đó như thế nào?</p> <p>? Trong số những thông tin em tìm kiếm được, em tâm đắc (thích thú, ấn tượng) nhất với thông tin nào? Vì sao?</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- HS xây dựng sơ đồ tư duy theo gợi ý SGK. Có thể bổ sung thêm một số nhánh thông tin:</p> <p>+ Ngôn ngữ, cảm xúc trong văn miêu tả: câu, từ...</p>	<p>I. Tìm kiếm thông tin.</p> <p>1. Thông tin cần tìm kiếm:</p> <p>- Khái niệm văn miêu tả.</p> <p>- Một số tình huống cần dùng văn miêu tả.</p> <p>- Một số trình tự cơ bản khi làm văn miêu tả.</p> <p>- những kĩ năng cần có khi làm văn miêu tả.</p> <p>- Một số câu văn, đoạn văn miêu tả đặc sắc.</p> <p>2. Nguồn tìm kiếm thông tin.</p> <p>- Thông tin từ SGK.</p> <p>- Thông tin từ các nguồn khác.</p> <p>+ Từ internet</p> <p>+ Từ thực tiễn cuộc sống.</p> <p>II. Xử lí thông tin.</p> <p>1. Các thành viên trong nhóm báo cáo kết quả tìm kiếm thông tin.</p> <p>2. Cả nhóm thống nhất, tổng hợp, khái quát thông tin đã tìm kiếm được.</p> <p>3. Xây dựng sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức cần lưu ý về văn miêu tả.</p>

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">+ Cảm xúc, thái độ khi làm văn miêu tả.- Các nhóm về nhà hoàn thiện sơ đồ tư | |
|---|--|

duy và nộp sau 1 tuần.

- GV hướng dẫn HS xác định đối tượng miêu tả.
 ? Đối tượng miêu tả của em là gì?
 ? Vì sao em chọn đối tượng ấy để miêu tả?
 ? Em có tình cảm như thế nào với đối tượng ấy?
 ? Em dự định chọn điểm nhìn nào để miêu tả đối tượng? (thực tế hay tưởng tượng?)
 ? Em định quan sát đối tượng vào khoảng thời gian nào?
 ? em sẽ quan sát đối tượng bằng những giác quan gì?
 ? Đặc điểm nổi bật nào của đối tượng khiến em chú ý và tập trung quan sát?

-HS sắp xếp các ý chính thành dàn bài.
 - Đại diện các nhóm trình bày dàn bài
 - Các nhóm + Gv nhận xét.

-HS xem lại các mẫu phiếu quan sát, lựa chọn chi tiết.

-Viết thành bài văn nháp -> hoàn chỉnh

IV. Xây dựng ý tưởng cho bài văn miêu tả về một đối tượng cụ thể.

1. Xác định đối tượng miêu tả: người, cảnh, vật.

2. Quan sát đối tượng

* Phiếu qua sát đối tượng miêu tả

Thời điểm quan sát.	
Điểm nhìn đối tượng.	
Những đặc điểm nổi bật của đối tượng	
Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng	
Tình cảm với đối tượng.	

3. Lập dàn bài

V. Lựa chọn, thiết kế sản phẩm.

Hs lựa chọn chi tiết và viết thành bài văn hoàn chỉnh trên giấy A4, kết hợp với hình vẽ minh họa hoặc phụ kiện trang trí.

3. HĐ luyện tập

- HS luyện tập viết các đoạn văn theo các đối tượng miêu tả

4. HĐ vận dụng

? Em học tập được gì về cách viết bài văn miêu tả của các nhà văn?

5. HĐ tìm tòi, mở rộng.

- Suu tầm các đoạn văn miêu tả hay.
 - Luyện tập viết bài văn miêu tả.

- Hoàn thành sản phẩm để báo cáo.

* **Phụ lục**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

1, Cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm

Mức độ đóng góp	4. <i>Có những đóng góp quan trọng cho nhóm</i>	3. <i>Có đóng góp có ý nghĩa cho nhóm</i>	2. <i>Có đóng góp nhỏ cho nhóm</i>	1. <i>Không có đóng góp cho nhóm</i>	0. <i>Gây cản trở hoạt động của nhóm</i>
Họ tên thành viên					

* Phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt động của nhóm:

Mức độ Đóng góp	4 <i>Có những đóng góp quan trọng cho nhóm</i>	3 <i>Có đóng góp có ý nghĩa cho nhóm</i>	2 <i>Có đóng góp nhỏ cho nhóm</i>	1 <i>Không có đóng góp cho nhóm</i>
Nội dung				
Tinh thần làm việc nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên làm việc với nhau rất tốt. - Mọi thành viên đều làm việc tích cực. - Tinh thần học tập nghiêm túc, hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên làm việc với nhau tốt. - Mọi thành viên đều có tinh thần hợp tác. - Mọi thành viên đều tham gia làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt. - Nhiều lúc các thành viên không tập trung. - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm. - Các thành viên thiếu tôn trọng nhau. - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao.
Hiệu quả làm việc nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Cả nhóm nhanh chóng tìm được giải pháp cho công việc chung. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương pháp, phương án làm việc độc đáo, hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có lúc tìm ra được giải pháp hiệu quả, có lúc gặp bế tắc. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương pháp, phương án làm việc khác nhau có giá trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả nhưng chưa được. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương pháp, phương án làm việc hiệu quả nhưng chưa đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp làm việc hiệu quả. - Các thành viên không có ý thức đưa ra phương pháp, phương án làm việc hiệu quả.
Trao đổi, thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên luôn đặt câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên đặt nhiều câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên có cố gắng trao 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm làm

trong nhóm	cho nhau.	cho nhau.	đổi ý kiến với nhau.	việc theo kiểu cá nhân không trao
-----------------------	-----------	-----------	-------------------------	--------------------------------------

	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả. - Các thành viên luôn biết cách đưa ra các ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên thảo với nhau hiệu quả. - Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít các ý kiến phân biệt với nhau - Thảo luận đôi khi không có hiệu quả. 	đối với nhau. <ul style="list-style-type: none"> - Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến của nhau trong quá trình làm việc.
--	--	---	--	--

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 21. Tiết 83. Bài 19. Văn bản:

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

(Đoàn Giỏi)

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Hiểu sơ giản về tác giả, tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”
- Cảm nhận được sự phong phú và độc đáo của thiên nhiên sông nước Cà Mau và cuộc sống của con người vùng đất phương Nam.
- Thấy được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật độc đáo được sử dụng trong đoạn trích.

2. Kỹ năng:

- Nắm bắt nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố miêu tả kết hợp thuyết minh.
- Đọc diễn cảm phù hợp với nội dung văn bản.
- Nhận biết các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản và vận dụng chúng khi làm văn miêu tả cảnh thiên nhiên.

3. Thái độ: Có lòng yêu mến thiên nhiên và những con người lao động bình dị ở mọi miền của tổ quốc.

4. Năng lực - Phẩm chất.

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ VH, phân tích,...
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ,...

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** máy chiếu, sách tham khảo.
2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

1. **Phương pháp:** Hoạt động nhóm, phân tích, giảng bình, vấn đáp, luyện tập thực hành.
2. **Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, trình bày một phút, lược đồ tư duy

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn ntn? Bài học nào em rút ra từ truyện?

? Cảm nhận của em về nhân vật DM trong văn bản “ Bài học đường đời đầu tiên” ?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu 1 clip ngắn về vùng sông nước Cà Mau.
- HS nêu cảm nhận, GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Đọc, tìm hiểu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: đọc sáng tạo, vấn đáp - KT: đặt câu hỏi, hỏi và trả lời. - NL: tư duy sáng tạo, hợp tác <p>* KT hỏi và trả lời: Cho HS đặt câu hỏi về năm sinh, quê quán, sự nghiệp sáng tác của Đoàn Giỏi...(HS này hỏi, gọi bạn khác TL, cứ thế cho đến hết)</p> <p>? Cho biết xuất xứ văn bản?</p> <p>? Nêu giọng đọc của văn bản ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng truyền cảm thể hiện niềm tự hào, đoạn đầu đọc chậm, nhấn 	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả. - Đoàn Giỏi (1925- 1989), quê ở tỉnh Tiền Giang. Ông viết văn từ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông thường viết về thiên nhiên và cuộc sống con người Nam Bộ. <p>2. Tác phẩm :</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm “Đất rừng phương Nam” (1957) là truyện dài nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi - Văn bản : Sông nước Cà Mau được trích từ chương XVIII truyện <i>Đất rừng phương Nam</i>. <p>b. Đọc và tìm hiểu chú thích.</p> <p>* Đọc.</p>

mạnh	
------	--

<p>tên đất, tên sông....</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu- Gọi HS đọc văn bản. ? Giải nghĩa chú thích 1, 2,...? HS giải nghĩa các chú thích (SGK) ? Cho biết thể loại văn bản? ? Xác định PTBĐ của văn bản? ? Cho biết bố cục văn bản? Giới hạn và nội dung chính từng phần? <p>? Cảnh trong đoạn trích được tác giả miêu tả theo trình tự nào? Tác dụng của lựa chọn trình tự kể đó là gì ?</p> <p>HD 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: phân tích, bình giảng, vấn đáp, hoạt động nhóm, trực quan - KT: đặt CH, TL nhóm, tbay 1 phút - NL: giao tiếp, hợp tác, cảm thụ VH, phân tích, tư duy sáng tạo. <p>* TL nhóm: 6 nhóm (TG: 3 phút)</p> <p>? Những chi tiết nào nói đến ấn tượng ban đầu của tác giả về quang cảnh sông nước Cà Mau?</p> <p>? Nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ở đây?</p> <p>? Cảnh sông nước Cà Mau hiện lên ntn qua cảm nhận ban đầu của người kể?</p> <p>- ĐD HS TB – HS khác NX, B/S.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>? Những từ ngữ hình ảnh nào làm nổi bật rõ màu sắc, âm thanh riêng biệt</p>	<p>* Chú thích :</p> <p>c. Thể loại, ptbđ : Truyện ký hiện đại. PTBĐ: MT kết hợp TM, TS, BC.</p> <p>d. Bố cục: Chia làm 3 phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Đầu ... xanh đơn điệu: ấn tượng ban đầu về cảnh sông nước Cà Mau. - Phần 2: Tiếp ... Ban mai: Cảnh kênh rạch và dòng sông Năm Căn. - Phần 3: Còn lại: Cảnh chợ Năm Căn. <p>e. Trình tự miêu tả: không gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng: thấy được cảnh quan vùng sông nước Cà Mau trù phú, rộng lớn qua cái nhìn và cảm nhận của tác giả. <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <p>1. Ấn tượng ban đầu về cảnh sông nước Cà Mau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh vật: Sông ngòi kênh rạch bủa rãng chi chít như mạng nhện <p>+ So sánh, từ láy gợi hình ” chi chít”.</p> <p>-> Không gian rộng lớn, nguyên sơ do thiên nhiên ban tặng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Trên trời xanh, dưới nước xanh, toàn một màu xanh cây lá... - Âm thanh: Tiếng rì rào bất tận của rừng, của
---	---

của vùng đất Cà Mau?	
----------------------	--

<p>? Cảnh sông nước Cà Mau được t/g cảm nhận bằng các giác quan nào ?</p> <p>? Nhận xét về từ ngữ và NT tả cảnh của tác giả?</p> <p>? Qua đó giúp em hình dung vùng sông nước Cà Mau như thế nào?</p> <p>- HS trình bày 1 phút cảm nhận ban đầu của mình về cảnh sông nước CM</p> <p>? Mở đầu đoạn 2, tác giả kể tên những địa danh nào?</p> <p>? Nhận xét về cách đặt tên các địa danh ở đây?</p> <p>- GV: <i>Cái tên dân dã mộc mạc theo lối dân gian. Những cái tên rất riêng ấy góp phần tạo nên màu sắc địa phương không thể chọn lẫn với các vùng sông nước khác.</i></p> <p>? Tác giả tiếp tục giới thiệu về vùng Cà Mau qua cách đặt tên đất, sông ngòi, kênh rạch nơi đây. Em hãy tìm những câu văn đó?</p> <p>? Người Cà Mau dựa vào đâu để đặt tên đất, tên sông?</p> <p>? Phương thức biểu đạt nào được tác giả sử dụng ở đây ?</p> <p>? Điều đó giúp em hiểu gì về cảnh thiên nhiên nơi đây?</p> <p>- GV: <i>Đoạn văn không chỉ tả cảnh mà còn xen kẽ thể loại văn thuyết minh(Tích văn 7,8). Giới</i></p>	<p>biển vang lên bốn mùa...</p> <p>+ Cảm nhận bằng thị giác, thính giác, cảm giác.</p> <p>+ Tính từ, từ láy, liệt kê, miêu tả khái quát.</p> <p>⇒ Sông nước Cà Mau có rất nhiều kênh rạch, sông ngòi, cây cối, tất cả phủ kín một màu xanh. Thiên nhiên hoang sơ, đầy ócs sổng và bí ẩn.</p> <p>2. Cảnh kênh rạch và dòng sông Năm Căn. a, Cảnh kênh rạch:</p> <p>* Địa danh:</p> <p>- Chà Là, Cái Keo, sông Bảy Háp...</p> <p>- Đặt tên không phải bằng những danh từ mỹ lệ mà rất dân dã.</p> <p>- Gọi rạch Mái Giầm vì hai bên bờ toàn cây mái giầm.</p> <p>- Gọi kênh Bọ Mắt vì ở đó có cơ man nào là bọ mắt, đen như hạt vừng...</p> <p>- Gọi kênh Ba Khía vì hai bên bờ toàn ba khía.</p> <p>- Gọi xã Năm căn xưa trên bờ sông chỉ có cái lán năm gian....</p> <p>- Đặt tên đất, tên sông, kênh rạch theo đặc điểm riêng của nó.</p> <p>+ Thuyết minh, miêu tả.</p> <p>⇒ Thiên nhiên hoang dã, phong phú gắn liền với cuộc sống lao động của con người.</p>
--	--

<i>thiếu cụ thể, chi tiết về cảnh quan riêng biệt,</i>	
--	--

<p><i>đặc sắc của một vùng đất nước.</i></p> <p>* TL cặp đôi:</p> <p>? Những chi tiết nào miêu tả cảnh dòng sông Năm Căn?</p> <p>? Em có nhận xét gì về nghệ thuật, từ ngữ t/g sử dụng khi miêu tả dòng sông Năm Căn?</p> <p>? T/g tả cảnh bằng các giác quan nào? Tác dụng ?</p> <p>? Từ đó giúp ta hình dung dòng sông Năm Căn như thế nào?(GV bình)</p> <p>- KT trình bày 1 phút.</p> <p>? Đưa bức ảnh về vùng sông nước, cho học sinh quan sát. Em hãy trình bày những cảm nhận của em về vùng sông nước Cà Mau?</p> <p>- HS TB – HS khác NX, b/s.</p> <p>- GV NX, cho điểm.</p> <p>? Cảm nhận chung của em về cảnh sông ngòi, kênh rạch Cà Mau ?</p> <p>- LHMT: Ngoài vùng sông nước Cà Mau, em kể tên những vùng đất thiên nhiên hoang sơ mà em biết? Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ TNTN đó?</p> <p>? Tìm những chi miêu tả quang cảnh chợ Năm Căn? Cảnh chợ Năm Căn có gì độc đáo?</p>	<p>* Dòng sông Năm Căn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rộng hơn ngàn thước, nước đỏ ăm ăm ngày đêm như thác. - Cá nước bơi hàng đàn...như người bơi ếch. - Rừng đước hai bên bờ dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. <p>+ Nghệ thuật: so sánh độc đáo, động từ mạnh, tính từ gợi hình.</p> <p>+ Tác giả tả trực tiếp bằng thị giác, thính giác -> Khiến cảnh hiện lên cụ thể, sinh động, người đọc dễ hình dung. ⇒ Dòng sông rộng lớn, hùng vĩ, đẹp say lòng người.</p> <p>=> Thiên nhiên mang vẻ đẹp hùng vĩ, nên thơ, trù phú.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS kể: Rừng Cúc Phương... - Bảo vệ, yêu mến và tự hào về đất nước có những miền đất trù phú đó... <p>3. Cảnh chợ Năm Căn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Chợ nằm sát bên bờ sông. - Không khí: Ôn ào, đông vui, tấp nập - Cảnh: Những túp lều lá thô sơ. - Những đồng gỗ cao như núi chắt dựa bờ. - Hẹp ngay dưới mặt nước.
--	--

<p>? Ở đoạn văn trước tác giả chú ý đến miêu tả, ở đoạn văn này tác giả chú ý đến kể chuyện. Ở đây bút pháp kể được tác giả sử dụng như thế nào ?</p> <p>* KT động não.</p> <p>? Có ý kiến cho rằng: Quang cảnh chợ Năm Căn vừa quen thuộc, vừa lạ lùng. Ý kiến của em ntn?</p> <p>- HS TB – HS khác NX, b/s.</p> <p>- GV NX, cho điểm.</p> <p>? Em có nhận xét gì về cảnh chợ Năm Căn? GV bình.</p> <p>HD 3: Tổng kết:</p> <p>- PP: vấn đáp</p> <p>- KT: đặt câu hỏi, lược đồ tư duy</p> <p>- HS: vẽ lược đồ tư duy khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.</p> <p>? <i>Nghệ thuật đặc sắc của văn/b ?</i></p> <p>? <i>Văn bản thể hiện nội dung gì ?</i></p> <p>HS đọc ghi nhớ sgk/23</p> <p>* Liên hệ môi trường: vẻ đẹp của thiên nhiên hoang dã ...cần bảo vệ</p>	<p>- Đa dạng về màu sắc, trang phục, tiếng nói của nhiều dân tộc.</p> <p>+ Tác giả chú trọng liệt kê hàng loạt chi tiết về chợ năm Căn: Những nhà, những lều, những bến, những lò... kê, tả từ bao quát đến cụ thể.</p> <p>- Quen thuộc: Giống các chợ kẻ bên vùng Nam Bộ, lều lá nằm cạnh nhà tầng; gỗ chất thành đống, rất nhiều thuyền trên bến-> đông vui.</p> <p>- Lạ lùng: Nhiều bến, nhiều lò than hầm, gỗ đước; nhà bè như những khu phố nổi, như chợ nổi trên sông; bán đủ thứ, nhiều dân tộc</p> <p>⇒ Cảnh chợ tấp nập, đông vui, độc đáo mang bản sắc riêng của vùng đất Năm Căn.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật.</p> <p>- Bằng nhiều giác quan tác giả vừa kể vừa tả 1 cách tỉ mỉ theo trình tự từ bao quát đến cụ thể.</p> <p>- Ngôn ngữ mang đậm màu sắc Nam Bộ với nhiều từ ngữ gợi cảm, tinh tế.</p> <p>- Biết quan sát, so sánh, nhận xét về đối tượng miêu tả, say mê với đối tượng được tả.</p> <p>2. Nội dung</p> <p>- Thiên nhiên phong phú hoang sơ mà tươi đẹp; Sinh hoạt độc đáo mà hấp dẫn.</p> <p>- Tình yêu đất nước sâu sắc và vốn hiểu biết rất phong phú đã giúp tác giả miêu tả, giới thiệu sông nước Cà Mau tường tận, hấp dẫn đến như vậy</p> <p>(*Ghi nhớ Sgk /23)</p>
--	---

4. Hoạt động vận dụng:

- Hãy viết đoạn văn ngắn (5 -6 câu) miêu tả cảnh quê hương em.
- Đọc bài văn mẫu miêu tả về con sông Hồng.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc toàn truyện “Đất rừng phương Nam”.
- Nắm được nội dung kiến thức đã học.
- Học thuộc phần ghi nhớ SGK/ T. 23
- Chuẩn bị bài mới : **So sánh.**
- + Bằng cách đọc kỹ phần ví dụ và ghi nhớ SGK.
- + Tìm hiểu thế nào là so sánh, đặc điểm cấu tạo của phép so sánh.
- + Biết quan sát sự giống và khác nhau giữa các sự vật để tạo ra những cách so sánh đúng, tiến đến tạo so sánh hay.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 21. Tiết 84. Bài 19. Tiếng việt.

SO SÁNH

I. Mục tiêu bài học. Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu được thế nào là so sánh, đặc điểm cấu tạo của phép tu từ so sánh.

- Các kiểu so sánh thường gặp.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng nhận diện phép so sánh. Nhận biết và phân tích được các kiểu so sánh đã dùng trong văn bản, chỉ ra được tác dụng của các kiểu so sánh đó.

3. Thái độ: Có ý thức học tập, đặt câu có so sánh, gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, giải quyết vấn đề, phân tích

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: máy chiếu, tài liệu tham khảo.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, lược đồ tư duy

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định lớp:

* **Kiểm tra bài cũ:** ? Thế nào là phó từ ? Cho ví dụ ?
? Nêu đặc điểm của phó từ? Các loại phó từ ? Ví dụ?

* **Tổ chức khởi động:**

GV cho HS thi tạo những h/a so sánh -> Dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt.
<p>HD 1. So sánh là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: phân tích mẫu, vấn đáp, trực quan, TL nhóm - KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm - NL: sd ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác, phân tích <p>? Tìm những tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong ví dụ a, b?</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (TG: 3 ph)</p> <p>? Trong những hình ảnh trên những hình ảnh nào được so sánh với nhau?</p> <p>? Vì sao ta có thể so sánh như vậy?</p> <p>- HS TB - HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV nx, chốt kiến thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gt sự tương đồng(Trẻ em - búp non: non nớt, đang đà phát triển ; Rừng đước - trường thành: cao, dài) <p>? Việc so sánh như vậy nhằm mục đích gì?</p> <p>- Cách nói như trên gọi là so sánh.</p> <p>? Qua tìm hiểu ví dụ em cho biết thế nào là biện pháp tu từ so sánh?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại ghi nhớ - Gọi HS đọc. <p>? Tìm thơ, văn có sử dụng so sánh?</p> <p>? Phép so sánh này có gì khác biệt so với các phép so sánh trên ?</p>	<p>I. So sánh là gì?</p> <p>1. Ví dụ (sgk) :</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trẻ em như búp trên cành b. Hai bên bờ rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em - So sánh - búp trên cành - Rừng đước - So sánh - hai dãy trường thành vô tận. - Vì giữa chúng có sự tương đồng. <p>- Để làm nổi bật được cảm nhận của người nói, người viết và sự vật được nói tới, làm cho câu văn câu thơ gợi cảm giác, giàu hình ảnh.</p> <p>=> So sánh (phép tu từ so sánh)</p> <p>👤 So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt (* Ghi nhớ (sgk/24))</p> <p>VD: Cô giáo như mẹ hiền.</p> <p>2. Ví dụ (sgk)</p> <p>Con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ</p>

	nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến.
--	-----------------------------------

<p>? Tác dụng của so sánh như trên ?</p> <p>? Từ vd, em rút ra lưu ý gì khi so sánh ?</p> <p>? Nhận xét về phép so sánh này ?</p> <p>- Cho HS qs hình ảnh - điền từ còn thiếu.</p> <p>? Hãy viết tiếp vào chỗ trống để tạo phép so sánh?</p> <p>HD 2: Cấu tạo của phép so sánh</p> <p>- PP: gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm</p> <p>- KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm</p> <p>- NL: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề,</p> <p>- Đưa bảng phụ ghi mô hình phép so sánh</p> <p>- Gọi học sinh đọc lại VD 1/ SGK.</p> <p>? Điền tập hợp từ so sánh vào mô hình phép so sánh?</p>	<p>- Các sv so sánh với nhau có nét t/đ: lông vằn.</p> <p>- Chỉ ra sự tương phản: mèo - hiền >< hổ: giữ</p> <p>-> Gọi hình, gọi cảm => So sánh.</p> <p>* Lưu ý: So sánh còn dựa trên sự tương phản của các sự vật.</p> <p>3. Ví dụ: Tôi học giỏi hơn Lan.</p> <p>-> So sánh không gọi hình, ko gọi cảm</p> <p>=> So sánh thường.</p> <p>- Bài tập 2 :</p> <p>- Khoẻ như voi; khoẻ như trâu.</p> <p>- Đen như củ sừng; cột nhà cháy; mực....</p> <p>- Trắng như bông; mây; vôi...</p> <p>II. Cấu tạo của phép so sánh.</p> <p>1. Ví dụ .</p>
---	--

Cấu tạo của phép so sánh

Vế A (Sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (Sự vật dùng để so sánh)
Trẻ em		như	búp trên cành
Rừng đước	Dựng lên cao ngất	như	hai dãy trường thành vô tận
Con mèo vằn	vào tranh	to hơn	con hổ

<p>? Tìm thêm từ ngữ so sánh em biết ?</p> <p>? Từ mô hình trên, em cho biết cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm mấy phần, đó là những phần nào?</p>	<p>- VD: giống như, tựa như, như là, y như...</p> <p>* Cấu tạo của phép so sánh đầy đủ: 4 phần</p> <p>+ Vế A: Sự vật được so sánh</p> <p>+ Phương diện so sánh</p> <p>+ Từ so sánh</p>
--	---

<p>? Em hãy lấy ví dụ minh họa?</p> <p>? Cấu tạo của phép so sánh trong ví dụ có gì đặc biệt?</p> <p>? Từ mô hình, nêu cấu tạo đầy đủ của phép so sánh?</p> <p>? Từ ví dụ trên, em có thể rút ra lưu ý gì?</p> <p>- Gọi hs đọc ghi nhớ.</p> <p>- Khái quát nội dung bài học bằng lược đồ tư duy.</p> <p>? Em hãy lấy ví dụ và phân tích cấu tạo của phép so sánh đó ?</p>	<p>+ Vế B (Sự vật dùng để so sánh)</p> <p>- VD: Cuốn sách bìa đen này dày hơn cuốn sách bìa vàng kia.</p> <p>* Ví dụ (sgk/25)</p> <p>- Câu a. Vắng từ chỉ phương diện so sánh, vế B đảo lên trước vế A.</p> <p>- Câu b. Từ so sánh và vế B được đảo lên trước vế A.</p> <p>* Lưu ý: Trong một phép so sánh có thể lược bớt từ ngữ chỉ phương/d so sánh, từ so sánh nhưng không thể lược bỏ Sự vật được so sánh và Sự vật dùng để so sánh (Vế A, B).</p> <p>*Ghi nhớ SGK /T.25</p> <p>VD: Dòng sông Năm Căn rộng mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác.</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
<p>- PP: luyện tập thực hành, vấn đáp, DH nhóm</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.</p> <p>- NL: hợp tác, giao tiếp, gqvd Gọi HS lên bảng làm BT.</p> <p>* TL cặp đôi: 3 phút.</p> <p>? Cho biết các phép so sánh trong các câu trên ?</p> <p>- HS tb- HS khác nx, bổ sung.</p> <p>- GV nx, chốt kiến thức.</p> <p>* HS hđ cá nhân làm BT 3.</p> <p>? Hãy tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh trong 2 vb: Bài học đường đời đầu tiên và Sông nước Cà Mau ?</p>	<p>Bài tập 1:</p> <p>a. So sánh đồng loại:</p> <p>- Thầy thuốc như mẹ hiền. (Người với người)</p> <p>- Sông ngòi.....như mạng nhện (Vật với vật)</p> <p>b. So sánh khác loại.</p> <p>- So sánh vật với người.</p> <p>- So sánh cái cụ thể với cái trừu tượng.</p> <p>Bài 3.</p> <p>- Văn bản: "Bài học đường đời đầu tiên".</p> <p>+ Những ngọn cỏ gãy rạp y như có nhát dao vừa....</p> <p>+ Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy.</p> <p>+ cánh ngắn hủn hoãn như người cởi trần mặc áo</p> <p>- Văn bản; " Sông nước Cà Mau"</p> <p>+ ... Sông ngòi, kênh rạch bủa giăng.....như mạng...</p> <p>+ Cá nước bơi từng đàn nhô lên.... như người bơi ếch...</p>

* HĐ cá nhân:

* **Bài tập bổ sung.**

? Viết 1 đoạn văn có sử dụng phép so sánh bầu trời trong xanh cao vời vợi. Làn mây trắng mỏng m

Gọi HS đọc

Gọi HS nx - GV nhận xét.

4. Hoạt động vận dụng:

- Tìm phó từ trong phần 2 văn bản “Đế Mèn phiêu lưu kí”.
- Viết đoạn văn có chủ đề: Mùa xuân, trong đó sử dụng các phó từ em vừa tìm được.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm và làm thêm bài tập về so sánh trong sách nâng cao NV6.
- Học thuộc phần ghi nhớ SGK /T. 24, 25
- Tự tìm các phép so sánh trong các văn bản đã học. Làm bài tập còn lại
- Chuẩn bị bài mới: Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.
(Đọc ví dụ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 22. Tiết 85. Bài 19. TLV.

QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ (TIẾT 1)

I. Mục tiêu bài học. Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu được mối quan hệ giữa quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.

- Thấy được vai trò, t/d của quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.

. Kỹ năng: Có kỹ năng quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét khi miêu tả.

- Nhận diện và vận dụng được những thao tác cơ bản quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét khi viết văn miêu tả.

3. Thái độ: Có ý thức học tập nghiêm túc, quan sát sự vật, sự việc xung quanh để viết văn miêu tả.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: máy chiếu, tài liệu tham khảo.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành, trò chơi
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là văn miêu tả? Khi miêu tả cần chú ý tới đặc điểm gì?

? Đọc đoạn văn miêu tả em viết ở nhà ?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV cho HS chơi trò chơi “Ai tưởng tượng giỏi hơn”
- GV phổ biến luật chơi.
- HS chia 2 đội tham gia chơi. (GV cho các từ khoá là các sự vật, các nhóm thảo luận 1 phút, miêu tả sv theo tưởng tượng)
- GV nhận xét, chấm điểm 2 đội.
- GV dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>- HD1: Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.</p> <p>- PP: Phân tích mẫu, vấn đáp, TL</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm</p> <p>- NL: giao tiếp, hợp tác, tư duy sáng tạo</p> <p>- Yêu cầu HS đọc các tình huống.</p> <p>* TL nhóm : 6 nhóm (TG : 3 ph). Nhóm 1,2 : Đoạn văn a giúp em hình dung đặc điểm gì nổi bật của sự vật? Nêu những hình ảnh nổi bật?</p> <p>Nhóm 3,4 : Đặc điểm nào nổi bật trong đoạn văn b? Thông qua những hình ảnh nào?</p>	<p>I. Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.</p> <p>1. Ví dụ.</p> <p>a. Anh chàng Dế Choắt gầy gò, ốm yếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện - Cánh ngắn cùn hờ cả mạng sườn - Râu cụt ngắn..... <p>b. Cảnh thiên nhiên hoang dã và dòng sông Năm Căn rộng lớn, mênh mông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sông ngòi chi chít như mạng nhện - Nước đổ ra biển âm âm ngày đêm như thác - Hai bên bờ rừng đước dựng lên cao ngất như hai

<p>Nhóm 5,6 : Đặc điểm nào nổi bật trong đoạn văn c? Tìm những hình ảnh đó?</p> <p>- HS TB - HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV nx, chốt kiến thức.</p> <p>? Để miêu tả được, người viết cần có năng lực gì?</p> <p>? Tìm những câu văn có sự liên tưởng, so sánh, nhận xét?</p> <p>? Để làm nổi bật sự vật... được tả, cần s/d những yếu tố nào?</p> <p>? Qua tìm hiểu VD, Cho biết muốn làm văn miêu tả đòi hỏi người viết cần có năng lực gì?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>dây trường thành vô tận.</p> <p>c. Cảnh cây gạo vào mùa xuân.</p> <p>- Từ xa nhìn lại cây gạo đỏ rực như một tháp đèn khổng lồ</p> <p>- Sầm sầm, sề sề, le le... âm ỉ, sự tập nập ồn ào của các loài chim</p> <p>-> Cần có năng lực quan sát.</p> <p>- VD: Cái anh chàng DC....nghiện thuốc phiện.</p> <p>- Sông ngòi, kênh rạch bủa rặng chi chít như mạng nhện...</p> <p>- Từ xa nhìn lại cây gạo đỏ rực như một tháp đèn khổng lồ....</p> <p>-> Tưởng tượng, liên tưởng, dùng biện pháp so sánh và nhận xét.</p> <p>=> Muốn miêu tả được, người viết phải biết quan sát, từ đó nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh...để làm nổi bật lên những đặc điểm tiêu biểu của sự vật.</p> <p>2. Ghi nhớ SGK /T.28</p>
---	--

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
<p>- PP: luyện tập thực hành, vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm.</p> <p>- NL: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề</p> <p>* TL cặp đôi: TG 3 phút.</p> <p>? Để miêu tả cảnh Hồ Gươm tác giả dùng hình ảnh tiêu biểu đặc sắc nào?</p> <p>? Điền từ thích hợp vào chỗ trống?</p> <p>- HS TB - HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV nx, chốt kiến thức.</p> <p>? Tìm thêm những đoạn văn miêu tả đặc sắc có sử dụng yếu tố qs, tưởng tượng, so</p>	<p>* Bài tập 1.</p> <p>- Mặt hồ sáng long lanh; cầu Thê Húc màu son uốn cong cong</p> <p>- Đèn Ngọc Sơn....; tháp rùa nổi trên ...</p> <p>- Đó là những đặc điểm nổi bật mà các hồ khác không có.</p> <p>1- Gương bầu dục; 2- Cong cong; 3- Lấp ló; 4- Cổ kính; 5- Xanh um.</p> <p>* Bài tập bổ sung:</p> <p>VD: " Cả vùng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão ... chỗ vết thương nhựa</p>

sánh...?	ưa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh
----------	--

<p>? Qua đoạn văn, em học được điều gì về phương pháp tả cảnh ?</p>	<p>dưới nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện lại thành từng cục máu lớn"</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát kĩ lưỡng đối tượng định tả. - Lựa chọn đặc điểm tiêu biểu để tả. - Sử dụng những hình ảnh so sánh, nhân hóa...
---	---

4. Hoạt động vận dụng:

? Tìm những câu văn miêu tả có hình ảnh so sánh trong văn bản “Bài học đường đời...”

- Viết đoạn văn tả cảnh (5-7 câu) tả về người bạn thân trong lớp em.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm và làm thêm bài tập về văn miêu tả trong vở bài tập Ngữ văn 6.

- Học thuộc phần ghi nhớ SGK. Làm bài tập còn lại trong sgk/29.

- Chuẩn bị tiếp phần còn lại: “Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả” để học tiếp tiết sau. Tiếp tục hiểu được vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.

- Nhận diện và vận dụng được những thao tác cơ bản trên khi viết văn miêu tả.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 22. Tiết 86 Bài 19. TLV.

QUAN SÁT, TƯỚNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ (TIẾT 2)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Tiếp tục hiểu được vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.

- Nhận diện và vận dụng được những thao tác cơ bản quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét khi viết văn miêu tả.

3. Thái độ: Học tập nghiêm túc, có ý thức vận dụng quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét để miêu tả.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** máy chiếu, tài liệu tham khảo.
2. **Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, KT động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là văn miêu tả? Khi miêu tả cần chú ý tới đặc điểm gì?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV cho hs vẽ 1 chiếc lá ra giấy vẽ.

? E thấy vai trò của quan sát, tưởng tượng trong văn miêu tả ntn?

- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP: hđ nhóm, vấn đáp, lt thực hành</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm, động não</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (4 phút)</p> <p>? Tác giả miêu tả Dế Mèn đẹp, cường tráng, kiêu căng, hóm hỉnh qua những h/a tiêu biểu nào?</p> <p>- ĐD HS TB – HS khác NX, B/S.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>* HĐ cá nhân:</p> <p>? Quan sát và ghi chép lại những đặc điểm nổi bật của ngôi nhà em ở?</p> <p>* KT động não.</p> <p>? Nếu tả lại quang cảnh một buổi sáng trên quê hương em bằng cách</p>	<p>I. Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả</p> <p>II. luyện tập.</p> <p>* Bài tập 2.</p> <p>- Cả người rung rinh một màu ...soi gương được.</p> <p>- Đầu to, nổi từng tảng</p> <p>- Răng đen nhánh như ... nhai ngoàm ngoàm</p> <p>- Trịnh trọng, khoan thai vuốt râu tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ rồi.</p> <p>- Tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ rồi.....</p> <p>* Bài tập 3.</p> <p>- Kiểu dáng nhà, màu sắc, mái nhà.</p> <p>- Cách bố trí, sắp xếp đồ đạc từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới</p> <p>- Hướng nhà, cảnh xung quanh nhà....</p> <p>* Bài tập 4 .</p> <p>- Tả lại quang cảnh một buổi sáng trên quê hương em bằng cách so sánh các hình ảnh sau:</p> <p>- Mặt trời như chiếc mâm lửa(hòn than, hòn lửa, mâm vàng, quả cầu lửa. không lò)</p>

so sánh. Em sẽ so sánh các hình ảnh	
-------------------------------------	--

như thế nào? - HS TB – HS khác NX, B/S. - GV NX, chốt kiến thức. * HĐ cá nhân: ? Viết một đoạn văn miêu tả lại quang cảnh dòng sông mà em yêu thích. - Gọi HS TB - HS khác NX, B/S. - GV nhận xét.	- Bầu trời như (chiếc lồng bàn khổng lồ, chiếc ô màu xanh lục, nửa quả cầu xanh lớn...) - Hàng cây thẳng đứng như (đội quân đứng oai nghiêm, một bức tường thành cao vút) - Núi, đồi như (chiếc oản tiên khổng lồ.....) - Những ngôi nhà như (những bao diêm, trạm gác trầm mặc ẩn hiện dưới làn sương mỏng. * Bài tập 5 . * Gọi ý: tả dòng sông cần có các đặc điểm: + Dáng vẻ: Dòng sông quanh co uốn khúc như một dải lụa đào... + Màu nước: Nước đỏ đục phù sa... + Cảnh bờ sông: Bãi mía, nương ngô xanh biếc như một tấm thảm trải dài vô tận...
---	--

4. Hoạt động vận dụng:

- Em hãy viết những câu văn miêu tả cảnh lớp học của mình.
- Đọc bài văn mẫu: miêu tả cảnh lớp học của em.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm và đọc những đoạn văn, bài văn miêu tả.
- Viết hoàn chỉnh bài văn theo yêu/c của bài tập 5.
- Chuẩn bị văn bản: “ Bức tranh của em gái tôi” bằng cách trả lời phần hướng dẫn phần đọc hiểu văn bản.

Tuần 22

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 87 – Văn bản:

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

-Tạ Duy Anh-

I. MỤC TIÊU

Qua bài học, HS

cần: 1.Kiến thức:

- Hiểu được nội dung của truyện: tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu của người em gái có tài năng đối với người anh.
- Biết được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Hiểu được cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

2. Kỹ năng:

- Đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với tâm lí nhân vật.
- Đọc – hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lí nhân vật.
- Kể tóm tắt được câu chuyện trong một đoạn văn ngắn.

3. Thái độ:

- Có ý thức rèn luyện bản thân, yêu cái tốt, sống thân thiện, chan hòa với mọi người xung quanh.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, nhân ái, khoan dung.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: máy chiếu, tài liệu liên quan.

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: vấn đáp, phân tích, giảng bình, hoạt động nhóm, trò chơi
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, mảnh ghép

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ:

GV kiểm tra vở soạn của 3 HS.

* Tổ chức khởi động:

? Kể tên các tp/vh viết cho thiếu nhi mà em biết? – HS kể.

- GV giới thiệu bài học: Văn hào Anh Rơ-đơ đã từng nói: “Ai đã sống cho trẻ em, người đó mãi mãi trẻ và không bao giờ chết”. Dành tình yêu cho trẻ qua những trang văn-trang đời, Tạ Duy Anh đã góp mình thắp sáng hơn ngọn lửa ấm áp và yêu thương dành cho con trẻ qua 4 tập truyện cho thiếu nhi, trong đó, đáng chú ý là tác phẩm “Bức tranh của em gái tôi”. Cô và các em cùng tìm hiểu.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<p>HD 1: Đọc và tìm hiểu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp, trò chơi. - KT: hỏi và trả lời - NL: giao tiếp, hợp tác,... <p>? Truyện nên đọc với giọng ntn?</p> <p>GV hướng dẫn, đọc mẫu, HS đọc tiếp. GV nhận xét.</p> <p>* GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh tay, nhanh mắt</p>	<p>I. Đọc và tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạ Duy Anh (1959) - Quê: Chương Mỹ- Hà nội - Bút danh: Lão Tạ, Chu Quý, Bình Trâm - Ông là cây bút trẻ trong thời kỳ đổi mới.

- HS chia 2 đội (5 thành viên/ 1 đội) thi tìm các miếng ghép có nội dung chính xác nhất về tác giả, tác phẩm “Bức tranh của em gái tôi” (Tác giả, xuất xứ tp, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, bố cục)

- GV phổ biến luật chơi.

- HS 2 đội tìm và dán thông tin về tgtk lên sơ đồ tư duy vẽ sẵn các nhánh trong 3 phút.

- HS 2 đội chơi xong, HS dưới lớp nhận xét, bổ sung về tgtk.

- GV chiếu ảnh, mở rộng: *Tạ Duy Anh có 1 số phẩm tiêu biểu với nhiều thể loại:*

+ *Tập truyện ngắn: Bước qua lời nguyện(1990), Luân hồi, Ánh sáng nằng.*

+ *Tiểu thuyết: Lão khổ;*

+ *Tập truyện cho thiếu nhi: Hiệp sĩ áo cỏ; Quả trứng vàng; Vó ngựa trở về; Con dế ma.*

+ *Văn bản đạt giải nhì cuộc thi viết “Tương lai vậy gọi” của báo Thiếu niên Tiền phong.*

Cũng như nhiều tác phẩm đương thời, tác phẩm của Tạ Duy Anh cũng hướng vào chủ đề bao trùm đó là đất nước, con người trong thời kì đổi mới. Nhưng, ông đã tìm lối đi riêng cho mình khi biết khai thác cảm xúc từ những điều rất bình thường, giản dị, từ sự quan sát và chiêm nghiệm thường ngày, để từ đó góp vào tình cảm chung của thời đại. Đặc biệt, ông luôn chú trọng tới đối tượng độc giả, “trước tiên là độc giả nhỏ tuổi, đang cần 1 sự định hướng văn hóa” như lời ông nói. Cho nên có thể nói, Tạ Duy Anh là nhà văn có tâm với đời, có tình với thiếu nhi.

? Theo em, truyện được kể bằng ngôi thứ nhất, người anh xưng tôi có tác dụng gì?

- Giúp cho nv “tôi” thể hiện được suy nghĩ, cx của mình một cách tự nhiên. Tạo sự thoải mái khi tiếp nhận, sau nữa nó tạo cho truyện âm hưởng của một lời tự thú, ăn năn. Đây cũng là quá trình tự đánh giá, tự nhận thức – 1 phẩm

2. Tác phẩm:

* Xuất xứ

- In trong “Con dế ma”(1999)

* Đọc, kể tóm tắt, hiểu chủ thích

* Thể loại: truyện ngắn hiện đại

* Ngôi kể thứ nhất

* Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp MT và biểu cảm

* Bố cục: 3 phần

- Phần 1: Từ đầu☑vui lắm: Tâm trạng người anh trước khi phát hiện tài năng của em gái.

- Phần 2: Tiếp☑đi nhận giải: Tâm trạng người anh khi tài năng của em được phát hiện.

- Phần 3: Còn lại : Tâm trạng người anh khi đứng trước bức tranh đạt giải.

<p>chất rất cần thiết trong quá trình hoàn thiện nhân cách mỗi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV liên hệ <i>Đế mèn phiêu lưu kí</i> - NV em gái hiện lên một cách tự nhiên qua cái nhìn biến đổi của người anh từ đầu đến cuối truyện mới bộc lộ đầy đủ vẻ đẹp tâm hồn, sự nhân hậu hồn nhiên trong sáng của mình -> làm câu chuyện trở lên sinh động, hấp dẫn hơn. <p>GV mở rộng: Trả lời phóng viên truyền hình về lí do chọn ngôi kể người anh, Tạ Duy Anh có nói: "Trẻ em vốn nhạy cảm và dễ bị sốc, vì thế rất cần một sự tinh tế trong cách thể hiện. Chọn ngôi thứ nhất trước hết sẽ tạo sự thoải mái khi tiếp nhận, sau nữa nó tạo cho truyện âm hưởng của một lời tự thú, ăn năn, đồng thời tạo cho nhân vật họa sĩ nhí nét hồn nhiên, nhân hậu, dịu dàng không tự biết...rất đáng yêu và đáng tin". GV dẫn chuyện.</p>	
<p>HD 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: hđ nhóm, vấn đáp, giảng bình, p.tích - KT: thảo luận nhóm, mảnh ghép <p>Vòng 1: vòng chuyên gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức TL nhóm: (4 phút) <p>+ Nhóm 1, 2:</p> <p>? Tìm chi tiết miêu tả về ngoại hình, tính cách của Kiều Phương?</p> <p>? Nhận xét nghệ thuật miêu tả nhân vật KP?</p> <p>? Qua đó em hiểu gì về tính tình của Kiều Phương ?</p> <p>HS các nhóm TL, cử đại diện báo cáo. Các nhóm khác nx, bổ sung.</p> <p>+ Nhóm 3, 4:</p> <p>? Sở thích của Kiều Phương?</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>II. Phân tích</p> <p>1. Nhân vật người em.</p> <p>* Ngoại hình, tính cách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên là Kiều Phương - Anh đặt cho biệt hiệu là mèo bởi vì khuôn mặt luôn bị chính nó bôi bẩn. - Dùng tên mèo để xưng hô với bạn thật vui vẻ - Hay lục lọi các đồ vật <p>+ Nghệ thuật: Miêu tả đặc sắc với sự quan sát tinh tế, lựa chọn những chi tiết tiêu biểu -> nhân vật hiện lên sống động, mang nét tính cách riêng</p> <p>-> Hồn nhiên vô tư trong sáng, hiếu động đáng yêu.</p> <p>* Sở thích: Yêu thích vẽ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em tự chế thuốc vẽ bằng những

<p>? Niềm yêu thích vẽ của Kiều Phương được thể hiện ntn?</p> <p>? Điều đó giúp em hiểu thêm gì về nhân vật người em?</p> <p>+ Nhóm 5, 6:</p> <p>? Tìm những chi tiết thể hiện cách cư xử của Kiều Phương dành cho mọi người và cho anh trai?</p> <p>? Bức tranh Kiều Phương vẽ anh trai đã bộc lộ điều gì?</p> <p>? Em có nhận xét gì về Kiều Phương?</p> <p>* Vòng 2: Vòng mảnh ghép:</p> <p>- HS các nhóm đảo nhóm theo hướng dẫn của GV, tạo ra nhóm mới.</p> <p>- Các thành viên trong nhóm chia sẻ phần tìm hiểu của mình, dán kết quả vào sơ đồ tư duy (cô chuẩn bị sẵn)</p> <p>- Các nhóm tiếp tục thảo luận câu hỏi:</p> <p>? Em có nhận xét chung gì về nhân vật người em trong văn bản?</p> <p>(GV bình, liên hệ thực tế).</p>	<p><i>vật liệu có sẵn trong nhà từ các xoong nồi, bí mật vẽ tranh.</i></p> <p>- Mọi thứ trong nhà đều được đưa vào tranh: cái bát cảm lợn sứt mẻ cũng trở nên ngộ nghĩnh; con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại rất dễ mến...</p> <p>-> Là cô bé say mê nghệ thuật, có tài năng hội họa, đáng khâm phục.</p> <p>* Tình cảm dành cho gia đình, mọi người:</p> <p>- Vui vẻ chấp nhận biệt hiệu ”mèo” anh tặng.</p> <p>- Dễ thân với bé Quỳnh, chú Tiến Lê (họa sĩ)</p> <p>- Bị anh mắng vô cớ cũng không khóc hay cãi lại.</p> <p>- Đi thi vẽ tranh - vẽ về anh trai với tất cả tình yêu thương anh.</p> <p>- Được giải, hồ hởi ôm cổ anh chia vui.</p> <p>-> Bức tranh đạt giải đã thể hiện tài năng hội họa vượt trội và tấm lòng nhân hậu, yêu thương anh của Kiều Phương.</p> <p>-> Vui vẻ, cởi mở sống chan hòa với mọi người.</p> <p>⇒ Kiều Phương là cô bé hồn nhiên vô tư, đáng yêu, có tài năng hội họa, có tấm lòng trong sáng, khoan dung, độ lượng....</p> <p>* Tiểu kết.</p>
---	--

<p>? Em học tập được những đức tính tốt đẹp nào từ Kiều Phương ?</p> <p>? Khái quát nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả nv của tác giả ?</p> <p>? Hình ảnh Kiều Phương hiện lên là cô bé ntn ?</p>	<p>- NT miêu tả:</p> <p>+ Quan sát tinh tế, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu.</p> <p>+ Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu.</p> <p>- Nội dung: Tác giả đã vẽ lên bức chân dung người em là cô bé vô tư, hồn nhiên, trong sáng và có tấm lòng nhân hậu, vị tha.</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- ? Liệt kê các tính từ miêu tả Kiều Phương trong văn bản?
- ? Em yêu mến KP ở tài năng hay tâm hồn?

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Kiều Phương.
- Viết đoạn văn tả em gái (chị gái, anh trai, em trai) mình.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm thêm và đọc các truyện về tình cảm anh em.
- Tiếp tục soạn bài: “Bức tranh của em gái tôi”, tập trung phân tích nhân vật người anh.

Tuần 22

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 88 - Văn bản:

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI (tiếp) -Tạ Duy Anh-

I. MỤC TIÊU

Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Hiểu được nội dung của truyện: tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu của người em gái có tài năng đối với người anh.
- Biết được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Hiểu được cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

2. Kỹ năng:

- Đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với tâm lí nhân vật.
- Đọc – hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lí nhân vật.
- Kể tóm tắt được câu chuyện trong một đoạn văn ngắn.

3. Thái độ:

- Có ý thức rèn luyện bản thân, yêu cái tốt, sống thân thiện, chan hòa với mọi người xung quanh.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích, ...
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, nhân ái, khoan dung.

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** máy chiếu, tài liệu liên quan.

2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: vấn đáp, phân tích, giảng bình, hoạt động nhóm, trò chơi
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, mảnh ghép

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:**

GV kiểm tra vở soạn của 3 HS.

* **Tổ chức khởi động:**

GV cho HS đọc bài thơ "Làm anh". GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp, hđ nhóm - KT: đặt câu hỏi, TL nhóm, động não - NL: phân tích, giao tiếp, hợp tác, tự học... <p>? Nhân vật người anh được miêu tả chủ yếu qua đời sống tâm trạng. Tâm trạng đó được thể hiện qua những thời điểm nào?</p> <p>? Người anh đặt biệt hiệu nào cho em gái mình ?</p> <p>* KT động não:</p> <p>? Vì sao người anh lại chọn tên "Mèo"</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>1. Nhân vật người em.</p> <p>2. Nhân vật người anh.</p> <p>- 3 thời điểm: trước khi p/hiện ra tài năng của em; khi và sau khi p/h ra tài năng của em</p> <p>a. Trước khi phát hiện ra tài năng của người em gái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tặng em biệt hiệu là mèo. - Vì mặt em hay bần, hay lục lọi các đồ

<p>để đặt cho em gái? (GV bình về cái tên “ mèo”) ? Đặt tên cho em là “mèo” đã chứng tỏ thái độ nào của anh ? ? Mang tâm trạng đó người anh đã làm gì ?</p> <p>? Em hiểu gì về thái độ lúc này của người anh ?</p> <p>? Qua đó em hiểu gì về người anh ? - GV bình.</p> <p>? Khi phát hiện ra tài năng hội họa của Kiều Phương mọi người có thái độ nào ?</p> <p>? Em hiểu gì về tâm trạng của mọi người lúc này ? ? Khác với mọi người, người anh có suy nghĩ gì?</p> <p>? Em hiểu đc tâm trạng nào của người anh ?</p> <p>? Với thái độ mặc cảm, tự ti người anh đã có hành động nào?</p> <p>? NX bút pháp miêu tả của tác giả khi tả người anh? ? Vì sao người anh lại có hành động như vậy?</p> <p>? Đằng sau thái độ và hành động đó là tâm trạng gì của người anh ?</p>	<p>vật.</p> <p>-> <i>coi thường, bức bối, khó chịu với em.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bí mật theo dõi việc làm của em - Ngạc nhiên khi thấy em chế tạo thuốc vẽ: “ Trời ạ! Thì ra nó chế thuốc vẽ ” <p>-> <i>ngạc nhiên, xem thường cho đây là trò nghịch ngợm của trẻ con.</i> => Người anh sống không chan hòa, thiếu thân thiện, cởi mở với em gái mình.</p> <p>b. Khi phát hiện tài năng hội họa của em.</p> <p>* Thái độ của mọi người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chú Tiến Lê: rạng rỡ lắm. - Bố: không tin vào mắt mình. - Mẹ: không kìm được xúc động. - Bé Quỳnh: reo lên thích thú. <p>-> <i>ngạc nhiên, sung sướng, vui mừng.</i></p> <p>* Ý nghĩ của người anh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gục đầu nước khóc. - Chẳng tìm thấy ở mình một năng khiếu gì cả. - Không thể thân với mèo như trước được nữa. <p>-> <i>Thất vọng, buồn chán, thiếu tự tin, mặc cảm.</i></p> <p>* Hành động của người anh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nén xem tranh của em gái. - Trút ra một tiếng thở dài - Hay gắt gỏng với em, đẩy em ra... <p>+ NT : Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì tò mò, vì người anh không chịu được sự thành đạt của em. <p>=> Buồn bã, thất vọng và ghen tị.</p>
--	--

<p>- Gv bình: Người anh đồ kỵ với sự thành công của em, cảm thấy mình thua kém: Đó là lòng tự ái, mặc cảm, ghen ghét... với những người hơn mình thật đáng chê trách.</p> <p>? Khi chứng kiến mọi người quan tâm, giúp đỡ Kiều Phương, người anh có thái độ nào?</p> <p>? Em hiểu thêm gì về người anh qua thái độ trên?</p> <p>? Nếu cần có một lời khuyên thì em sẽ nói gì với người anh lúc này ?</p> <p>- Bỏ sự đồ kỵ, tự ti...</p> <p>- GV bình: <i>ét - môn- đồ đề A-mi-xi từng nói: Đừng để cho con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là con rắn độc, nó găm mòn khối óc và làm đòi bại trái tim. Sự ghen ghét, đồ kỵ sẽ làm thay đổi con người...</i></p> <p>? Vậy đứng trước thành công của các bạn và mọi người, em sẽ làm gì?</p> <p>- Vui vẻ chúc mừng, học tập theo...</p> <p>? Chi tiết nào miêu tả bức tranh của người em?</p> <p>- Tại sao tác giả viết: "Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ." Theo em đó là thứ ánh sáng gì?</p> <p>- <i>Ánh sáng lạ ấy phải chăng là ánh sáng của lòng mong ước, của bản chất trẻ thơ: cả cặp mắt suy tư và mơ mộng nữa. Rõ ràng người em gái không vẽ bức chân dung người anh bằng dáng vẻ hiện tại mà bằng tình yêu, lòng nhân hậu, bao dung, tin tưởng vào bản chất tốt đẹp của anh trai mình.</i></p> <p>? Nhận xét bức tranh đó?</p> <p>* TL cặp đôi:</p> <p>? Đứng trước bức tranh em gái vẽ mình, người anh có phản ứng gì?</p>	<p>- Cái mặt lem nhem như chọc tức tôi.</p> <p>- Tôi thấy khó chịu</p> <p>- Khi đạt giải, Kiều Phương ôm cổ- tôi đẩy nó ra.</p> <p>-> Xa lánh em, đồ kỵ với em.</p> <p>c. Khi đứng trước bức tranh của người em.</p> <p>* Bức tranh :</p> <p>- Đóng khung, lồng kính</p> <p>- Một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh.</p> <p>- Mặt chú bé toả ra một thứ ánh sáng kỳ lạ</p> <p>- Suy tư mơ mộng.</p> <p>-> Bức tranh đẹp, có hồn</p> <p>* Thái độ:</p> <p>- Giật sững người, bám chặt vào mẹ</p> <p>- Ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ.</p>
---	--

<p>? Phân tích diễn biến tâm trạng của người anh ?</p> <p>? NX về NT tác giả sử dụng khi tả người anh đứng trước b/t của em gái?</p> <p>? Em hiểu gì về thái độ đó?</p> <p>? Trong truyện 2 lần người anh khóc, hãy so sánh sự khác biệt đó ?</p> <p>? Người anh thay đổi thái độ là do đâu ? (Gv bình)</p> <p>? Tại sao bức tranh lại có sức cảm hóa người anh?</p> <p>? Từ đó em hiểu gì về cái gốc nghệ thuật trong sự hoàn thiện ra sao?</p> <p><i>GV: Sức mạnh của NT là tìm kiếm cái đẹp, làm đẹp cho con người, nâng con người lên bậc thang cao nhất của cái đẹp là chân-thiện-mỹ. Vì thế mà bức tranh có sức cảm hóa người anh.</i></p> <p>? Khi kể về người anh, nhà văn đã thành công với nghệ thuật nào?</p> <p>? Em có nhận xét gì về người anh trai?</p> <p>- GV bình.</p> <p>? Cuối truyện người anh muốn nói với mẹ: “Không phải con đâu. đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đây.” Câu nói</p>	<p>- Nhìn như thôi miên vào bức tranh. + Giật sững: giật mình, sững sờ, ngạc nhiên. + Nhìn như thôi miên: nhìn thu hết tâm trí.</p> <p>-> Ngỡ ngàng trước tài năng và t/yêu của em đối với mình. -> Hãnh diện vì em vẽ mình rất đẹp -> Xấu hổ vì em hơn mình tài năng và nhân cách.</p> <p>+ NT: Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, ngôn ngữ độc thoại nội tâm (lớp 9 sẽ học).</p> <p>=> Xúc động, ngạc nhiên, không ngờ mình hoàn thiện đến thế. Đây là sự hối hận chân thành, tự nhận thức về bản thân.</p> <p>- Lần 1: Khóc vì mặc cảm tự ti. - Lần 2: Khóc vì xúc động, ăn năn, hối hận. - Do tấm lòng nhân ái, khoan dung, độ lượng của người em. - Vì bức tranh là nghệ thuật.</p> <p>- Cái gốc nghệ thuật là ở tấm lòng tốt đẹp của con người.</p> <p>+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. => Người anh có tính ghen ghét, đố kỵ nhưng sớm đã nhận ra những sai lầm, biết ăn năn hối lỗi trước những việc làm của mình.</p> <p>- Cuối truyện người anh đã nhận ra thói xấu của mình; nhận ra tình cảm trong sáng, nhân hậu của em gái; biết xấu hổ, người</p>
---	---

<p>ấy gọi cho em suy nghĩ gì về nhân vật người anh?</p> <p>? Theo em nhân vật người anh đáng yêu hay đáng ghét vì sao?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì về nhan đề của văn bản ?</p> <p>GV bình: Tác giả để lại 1 quan niệm đẹp về cách nhìn cuộc sống: nếu chúng ta biết lặn sâu vào lòng sự vật để nhìn cuộc sống bằng đôi mắt cảm thông, trong sáng thì hẳn rằng cuộc sống sẽ trở nên tươi đẹp hơn rất nhiều. Đôi khi, nhờ thế mà chúng ta có thể cảm hóa, giúp con người nhận ra lỗi lầm. Vì thế Vichito Huy-gô, nhà văn nổi tiếng nước Pháp mới nói: “Hai điều làm ta cho ta vái lạy: Đó là lòng tốt và tài năng”. Ở nhân vật Kiều Phương, hai phẩm chất ấy cùng song song tồn tại, thành điểm tựa nâng đỡ nhau. Hơn thế, chúng cứ bộc lộ hết sức hồn nhiên và tự nhiên, đến chính em cũng không hay biết. Vì thế phẩm chất ấy càng tỏa sáng thì tài năng ấy càng rực rỡ.</p> <p>HD 2: Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp - KT: đặt câu hỏi - NL: tự học <p>? Cho biết nghệ thuật đặc sắc của vb ?</p> <p>? Nội dung chính của văn bản là gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK. 	<p>anh có thể trở thành người tốt như bức tranh của cô em gái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người anh đáng trách nhưng cũng rất đáng cảm thông vì những tính xấu trên chắt chắt cũng chỉ nhất thời. Sự hối hận day dứt nhận ra tài năng quan trọng hơn, nhận ra tâm hồn trong sáng của em gái chứng tỏ cậu ta cũng biết sửa mình, muốn vươn lên, cũng biết tính ghen ghét đố kỵ là xấu. - Nhan đề " Bức tranh": thể hiện tư tưởng chủ đề của vb. Truyện kể về người em vẽ bức tranh anh trai mình và bức tranh ấy đã có sức cảm hóa người anh. <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả tâm lí nv đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm. - So sánh, kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn. <p>2. Nội dung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu của em gái đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình. <p>* Ghi nhớ sgk/</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Em có thiện cảm với Kiều Phương hay anh trai Kiều Phương? Vì sao?
- Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho mình?

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của mình về nhân vật anh trai Kiều Phương.
- Vẽ chân dung em (anh, chị) của mình.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc thêm những câu chuyện thiếu nhi viết về tình cảm gia đình.
- Soạn: Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.

Tuần 23

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 89 – TLV:

**LUYỆN NÓI VỀ QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ
NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ (tiết 1)**

I. Mục tiêu. Qua bài học, HS cần :**1. Kiến thức:**

- Nắm được các kiến thức về văn miêu tả được sử dụng trong giờ luyện nói : những kiến thức đã học về quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.
- Nắm được những yêu cầu cần đạt với giờ luyện nói, các bước cơ bản để lựa chọn các chi tiết hay, đặc sắc khi miêu tả một đối tượng cụ thể.

2. Kỹ năng:

- Biết sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.
- Đưa các hình ảnh có phép so sánh vào bài.
- Nói trước tập thể to, rõ ràng, mạch lạc, biểu cảm, nói đúng nội dung, tác phong tự nhiên.

3. Thái độ: Tự tin nói trước tập thể, tích cực, tự giác thực hành luyện nói.**4. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. Chuẩn bị

1. GV : Soạn bài, dự kiến một số thao tác cơ bản trong khi nói.
2. HS : Chuẩn bị trước bài tập - nói trước ở nhà

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: luyện tập thực hành, hoạt động nhóm, vấn đáp
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định tổ chức.**

* **Kiểm tra.**

- Thế nào là văn miêu tả ?
- Muốn làm được văn miêu tả người viết phải có năng lực gì? Ví dụ?

* **Tổ chức khởi động:**

? Theo em cần làm gì để có thể phát biểu được trước đám đông?

- HS phát biểu. GV dẫn vào bài.

3. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Nêu yêu cầu của giờ luyện nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp - KT: đặt câu hỏi - NL: tự học, giao tiếp <p>? Khi nói trước tập thể ta cần chú ý tới điểm gì?</p> <p>? Yêu cầu của giờ luyện nói một đoạn văn, bài văn miêu tả, em cần vận dụng những năng lực nào?</p> <p>HD 2: Lập dàn bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: luyện tập thực hành, vấn đáp - KT: đặt câu hỏi - NL: tự học, giao tiếp - HS đọc bài tập 1 <p>? Khi miêu tả về nhân vật người em, ta cần miêu tả những đặc điểm gì? (Về hình dáng tính cách?)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi miêu tả nhân vật người anh cần chú ý tới đặc điểm gì? (Về hình dáng, tính cách) - Y/C HS so sánh ngoại hình với tính 	<p>I. Yêu cầu của giờ luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng vấn đề, đúng nội dung. - Nói lưu loát, rõ ràng, mạch lạc trước tập thể. - Nhìn thẳng vào người nghe, tự tin, giọng truyền cảm... - Vận dụng năng lực quan sát, liên tưởng, tưởng tượng, so sánh, nhận xét... - Sử dụng từ láy gợi hình ảnh, âm thanh. - Sử dụng phép tu từ nhân hóa... - Kết hợp yếu tố miêu tả, tự sự với biểu cảm... <p>II. Lập dàn bài.</p> <p>* Bài tập 1.</p> <p>a. Nhân vật người em (Kiều Phương)</p> <p>+ Hình dáng: Gầy, nhỏ nhắn, thanh mảnh, mặt lợt lem, mắt sáng, miệng rộng, răng khênh, hay lục lọi, biệt hiệu là Mèo.</p> <p>+ Tính cách: Hồn nhiên, vui tươi, nhân hậu, độ lượng, tài năng.</p> <p>b. Nhân vật người anh.</p> <p>+ Hình dáng: Gầy, cao, đẹp trai, sáng sủa...</p> <p>+ Tính cách: Ghen tị, nhỏ nhen, mặc cảm, ăn</p>

<p>cách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài tập 3 <p>? Khi miêu tả đêm trăng cần chú ý tới điểm gì? Qua việc miêu tả đêm trăng em thấy mình cần phải bảo vệ môi trường như thế nào?</p> <p>HD 3: Thực hành luyện nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: luyện tập thực hành, hđ nhóm - KT: TL nhóm - NL: giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ - Chia lớp thành bốn nhóm, cho học sinh, nói trước nhóm theo các dàn bài đã lập. - HS TLuan trình bày trước tổ nhóm - HS khác NX, bổ sung. - Các nhóm cử đại diện lên trình bày trước lớp. - Các nhóm khác nhận xét. - Gọi các HS lên bảng nói trước lớp. - Gọi HS khác NX, bổ sung. - GV nhận xét, bổ sung cho điểm 	<p>năn, hồi hận...</p> <p>* Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đó là 1 đêm trăng (Đẹp, đáng nhớ) - Đêm trăng có gì đặc sắc (ánh vàng, sáng lung linh, huyền ảo...) - Bầu trời đêm, nhiều sao, vàng trắng như mâm bạc, sáng trong, cây cối, nhà cửa, đường làng, ngõ phố, ánh trăng hiện ra như thế nào? - Những hình ảnh so sánh, liên tưởng, tưởng tượng Hình ảnh trong thơ ca truyền thống. <p>III. Thực hành luyện nói</p> <p>1. Thực hành nói.</p> <p>a, Trình bày trước nhóm.</p> <p>b, Trình bày trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện tổ (nhóm) lên trình bày trước lớp
--	--

3. Hoạt động vận dụng:

- Làm bài tập 2, trình bày trước gương hoặc gia đình, bạn bè theo bài tập đã làm.
- Nhận xét kết quả, nêu ưu điểm và hạn chế cần khắc phục.
- Khi nói trước tập thể chúng ta cần chú ý hoạt động, lời nói như thế nào?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Chuẩn bị tiếp tiết sau: Lập dàn ý, nói theo dàn ý đã lập của các bài tập trong bài: - Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả. Bằng cách lập dàn bài và nói theo dàn bài đã lập cho các đề văn trong SGK
- Biết cách trình bày và diễn đạt một vấn đề bằng miệng trước tập thể để nắm vững hơn các kĩ năng quan sát, tưởng tượng, so sánh trong văn miêu tả.
- Nhận diện và vận dụng được những thao tác cơ bản trên khi viết văn miêu tả.

Tuần 23

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 90. Bài 20.

LUYỆN NÓI QUAN SÁT, TƯỚNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ (Tiếp)

I. Mục tiêu

Qua bài học, HS cần :

1. Kiến thức:

- Nắm được các kiến thức về văn miêu tả được sử dụng trong giờ luyện nói : những kiến thức đã học về quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả.
- Nắm được những yêu cầu cần đạt với giờ luyện nói, các bước cơ bản để lựa chọn các chi tiết hay, đặc sắc khi miêu tả một đối tượng cụ thể.

2. Kỹ năng:

- Biết sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.
- Đưa các hình ảnh có phép so sánh vào bài.
- Nói trước tập thể to, rõ ràng, mạch lạc, biểu cảm, nói đúng nội dung, tác phong tự nhiên.

3. **Thái độ:** Tự tin nói trước tập thể, tích cực, tự giác thực hành luyện nói.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. Chuẩn bị

1. GV: Soạn bài, dự kiến một số thao tác cơ bản trong khi nói.

2. HS: Chuẩn bị trước bài tập- nói trước ở nhà

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học :

- Phương pháp : vấn đáp, luyện tập thực hành, hđ nhóm
- Kĩ thuật : TL nhóm, đặt câu hỏi

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ổn định.**

* **Kiểm tra.**

- Khi miêu tả cần vận dụng những năng lực nào?
- Hãy miêu tả lại cảnh đêm trăng trên quê hương em?

* **Tổ chức khởi động:**

GV cho HS nghe bài hát “Quê hương em biết bao tươi đẹp”.

GV giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập:

HĐ 1: Lập dàn bài

- PP: vấn đáp, hđ nhóm, luyện tập thực hành
- KT: TL nhóm, động não, đặt câu hỏi
- NL: giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ...

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>- Gọi học sinh đọc bài tập 4. ? Nếu kể và miêu tả lại sáng bình minh trên quê hương vùng biển em sẽ miêu tả những gì ?</p> <p>- Liên hệ môi trường: Em sẽ làm gì để cho cảnh biển luôn giữ được vẻ đẹp đó ?</p> <p>- Gọi học sinh đọc bài tập 5. ? Khi miêu tả chàng dũng sĩ ta cần chú ý tới điều gì?</p> <p>HĐ 2: Thực hành luyện nói: - Chia lớp thành bốn nhóm, cho học sinh, nói trước nhóm theo các dàn bài đã lập. - GV nhắc lại Y/C: Trình bày đúng vấn đề, đúng nội dung. - Nói lưu loát, rõ ràng, mạch lạc trước tập thể. - Nhìn thẳng vào người nghe, tự tin, giọng truyền cảm...</p>	<p>II. Lập dàn bài (tiếp theo)</p> <p>* Bài tập 4. Miêu tả lại buổi sáng bình minh trên quê hương vùng biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buổi sáng khi bắt đầu có ánh mặt trời - Bầu trời như lòng... - Chim chóc hót líu lo - Gà gáy vang động không gian - Không khí trong lành - Mặt biển phẳng lì như tờ giấy xanh mịn - Bãi cát trắng mịn như con đường dài vô tận - Những chiếc thuyền sau 1 đêm lao động trở về. - Giữ gìn môi trường: Nhặt rác, vứt rác đúng quy định... <p>* Bài tập 5.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại hình: cao, to, thân hình vạm vỡ, khỏe mạnh như lực sĩ. - Nước da: nâu.... - Hành động: mạnh mẽ. - Giọng nói: sang sảng... - Việc làm: luôn giúp đỡ kẻ yếu, sẵn sàng diệt gian, trừ ác... <p>III. Thực hành luyện nói (Tiếp theo).</p> <p>1. Thực hành nói trước tổ, nhóm.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các nhóm cử đại diện lên trình bày trước lớp. - Gọi HS lần lượt lên trình bày trước lớp. - Y/C các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, bổ sung cho điểm. 	2. Thực hành nói trước lớp.
---	------------------------------------

3. Hoạt động vận dụng:

? Qua tiết luyện nói em thấy mình cần phải nói trước tập thể như thế nào?

- Nhận xét những ưu nhược điểm và chỉ ra cách khắc phục khi trình bày.
- Nhận xét việc chuẩn bị bài của học sinh. Tuyên dương học sinh tốt, nhắc nhở học sinh ý thức chuẩn bị bài chưa tốt.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tự luyện nói 1 mình trước gương miêu tả cây bàng.
 - Ôn lại toàn bộ kiến thức văn miêu tả. Làm các bài tập còn lại.
 - Chuẩn bị bài “Vượt Thác” theo câu hỏi phần hướng dẫn tìm hiểu văn bản.
- + Cảm nhận được vẻ đẹp phong phú, hùng vĩ của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động được miêu tả trong bài.
- + Hiểu được nghệ thuật phối hợp miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người.

Tuần 23.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 91 . Bài 21. Văn bản :

VƯỢT THÁC

- Võ Quảng -

I. Mục tiêu bài học. Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Thấy được giá trị nội dung và nghệ thuật độc đáo của văn bản “Vượt thác”
- Hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp phong phú, hùng vĩ của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động được miêu tả trong bài. Thấy được tình cảm của tác giả đối với quê hương, với người lao động.
- Nắm được một số phép tu từ được sử dụng trong văn bản nhằm miêu tả thiên nhiên và hoạt động của con người.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc diễn cảm: giọng đọc phải phù hợp với sự thay đổi của cảnh sắc thiên nhiên; cảm thụ, quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét s/d trong văn bản.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng con người và thiên nhiên trong đoạn trích.

3. Thái độ: Có tình cảm yêu quý, cảm phục với cảnh và con người quê hương đất nước.

4. Năng lực - Phẩm chất.

- Năng lực: Hợp tác, giao tiếp, tự học, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, yêu thiên nhiên, đất nước.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: máy chiếu, sách tham khảo.

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

1. Phương pháp: Hoạt động nhóm, phân tích, giảng bình, vấn đáp, luyện tập thực hành, pp trực quan.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Diễn biến tâm trạng nhân vật người anh trong truyện “ Bức tranh của em gái tôi”?

? Cảm nhận của em sau khi học xong văn bản này ?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu 1 clip ngắn về cảnh vượt thác trên dòng sông Thu Bồn

- HS xem và phát biểu cảm nhận.

- GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Đọc, tìm hiểu chung.</p> <p>-PP: đọc tích cực, hđ nhóm, vấn đáp</p> <p>- KT: đặt câu hỏi, TL nhóm</p> <p>- NL: giao tiếp, sd ngôn ngữ, hợp tác...</p> <p>? Dựa vào chú thích * SGK hãy cho biết đôi nét về tác giả Võ Quảng?</p> <p>? Nêu những nét chính về văn bản ?</p> <p>? Nêu giọng đọc của văn bản?</p>	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả.</p> <p>- Võ Quảng (1920 – 2007), quê ở Quảng Nam, là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi.</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm. Văn bản “<i>Vượt thác</i>” được trích từ chương XI của truyện “<i>Quê nội</i>” sáng tác vào năm 1974.</p> <p>b. Đọc và tìm hiểu chú thích:</p>

- GV: Chậm ở đoạn 1; Nhanh mạnh,	* Đọc.
----------------------------------	--------

ở đoạn con thuyền vượt thác.

- GV đọc mẫu
- Gọi học sinh đọc - nhận xét

? Giải nghĩa chú thích 1, 2, 3...?

? Xác định thể loại văn bản ?

? Xác định các PTBD của văn bản ?

*** TL cặp đôi: 2 phút.**

? Theo em, văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?

- ĐD HS TB – HS khác NX, b/s.

- GV NX, chốt KT.

? Xác định vị trí để quan sát của tác giả? Vị trí quan sát ấy có thích hợp không? vì sao?

HD 2: Phân tích:

- PP: phân tích, bình giảng, vấn đáp, hoạt động nhóm, trực quan
- KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày một phút.

? Có mấy phạm vi miêu tả cảnh thiên nhiên trong văn bản này?

? Cảnh dòng sông được miêu tả ở những hình ảnh nào?

? Tại sao tác giả miêu tả sông chỉ bằng hoạt động của con thuyền?

? Nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong đoạn văn trên ?

? Cảm nhận của em về dòng sông và cảnh trên dòng sông Thu Bồn ?

- GV giảng - bình về cảnh nơi đây...

? Cảnh bờ sông được tác giả miêu tả qua hình ảnh nào?

*** Chú thích:**

c. Thể loại: Truyện ký

d. PTBD: MT + TS, BC.

e. Bố cục: Văn bản có thể chia làm 3 phần

+ Phần 1: từ đầu ... Thác nước: Cảnh trước khi vượt thác.

+ Phần 2: Tiếp ... dạ dạ: Cảnh vượt thác của Dương Hương Thư.

+ Phần 3: Còn lại : Cảnh sau khi vượt thác.

- Vị trí quan sát: trên con thuyền di động và vượt thác. Vị trí ấy thích hợp vì phạm vi cảnh rộng, thay đổi, cần điểm nhìn trực tiếp và di động.

II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.

1. Cảnh trước khi vượt thác.

- Hai phạm vi: miêu tả cảnh dòng sông và 2 bên bờ.

*** Cảnh dòng sông:**

- Cảnh buồm nhỏ căng phồng

- Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhô núi rừng.

- Những thuyền chèo đầy cau tươi, dây mây, dầu rái...

-Thuyền xuôi chậm chậm

-> Con thuyền là sự sống của sông; miêu tả con thuyền cũng là miêu tả sông.

+ NT: Liệt kê, từ láy, MT + TS

-> Dòng sông rộng mênh mông, êm ả.

-> Cảnh tấp nập, nhộn nhịp.

*** Cảnh bờ sông:**

- Những bãi dâu trải ra bạt ngàn.

- Vườn tược um tùm

<p>? Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để khắc họa hình ảnh dòng sông và 2 bên bờ sông? Tác dụng?</p> <p>? Qua việc miêu tả của tác giả, em hình dung cảnh thiên nhiên ở đây như thế nào?</p> <p>- GV bình.</p> <p>? DHT vượt thác trong hoàn cảnh nào?</p> <p>? Em hiểu đây là hoàn cảnh như thế nào?</p> <p>- Cho HS quan sát tranh.</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (4 phút)</p> <p>? Hình ảnh DHT vượt thác được tác giả khắc họa qua những chi tiết nào: Về ngoại hình?</p> <p>? Nhận xét về hình ảnh, từ ngữ mà tác giả sử dụng ở đây ?</p> <p>? Dượng Hương Thư là người ntn?</p> <p>- ĐD HS TB – HS khác NX, b/s.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>- GV bình.</p> <p>? Tìm những hình ảnh miêu tả hành động của DHT khi vượt thác ?</p> <p>? Theo em nét nghệ thuật nổi bật trong đ.v miêu tả nhân vật DHT là gì? Tác dụng?</p> <p>? Từ đó em hình dung về DHT trong</p>	<p>- Những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm....</p> <p>- Núi cao đột ngột hiện ra chắn ngang trước mắt</p> <p>+ Nghệ thuật: Nhân hoá (thuyền nhớ núi, nhớ rừng, chòm cổ thụ trầm ngâm); so sánh (núi cao- đột ngột) từ láy gợi hình (sừng sững) miêu tả -> Cảnh hiện nên sinh động, rõ nét.</p> <p>=> Cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ, đa dạng phong phú, giàu sức sống, rất đẹp, khung cảnh vui tươi sinh động vừa nguyên sơ lại cổ kính.</p> <p>2. Cảnh vượt thác của Dượng Hương Thư</p> <p>* Hoàn cảnh: - Mùa nước còn to</p> <p>- Nước từ trên cao phóng xuống giữa 2 vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn.</p> <p>-> Hoàn cảnh đầy khó khăn nguy hiểm, cần tới sự dũng cảm của con người.</p> <p>* Ngoại hình:</p> <p>- Đánh trần: Như một pho tượng đồng đúc (khỏe khoắn, rắn chắc, da nâu đỏ rậm).</p> <p>- Bắp thịt cuộn cuộn, hai hàm răng cắn chặt quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa.</p> <p>- Như hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ...(gợi ra hình ảnh huyền thoại anh hùng xa xưa với tầm vóc và sức mạnh phi thường)</p> <p>+ NT: so sánh độc đáo, tính từ gợi tả.</p> <p>-> DHT có vẻ đẹp khỏe khoắn, vạm vỡ</p> <p>* Hành động:</p> <p>- Co người phóng sào xuống lòng sông nghe “soạc”.</p> <p>- Ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại</p> <p>- Chiếc sào dưới sức chống của DHT bị cong lại.</p> <p>- Thả sào rút sào rập ràng nhanh như cắt.</p> <p>- DHT vượt thác khác hẳn DHT ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì...</p> <p>+ Nghệ thuật: so sánh, sử dụng động từ, làm nổi bật hình ảnh DHT trong lao động.</p>
---	---

<p>lao động ntn ?</p> <p>* KT trình bày một phút. ? Em hãy trình bày về đẹp ngoại hình và hành động của DHT? - HS khác NX, gv nx.</p> <p>? Cảnh thiên nhiên gợi tả qua những hình ảnh nào ?</p> <p>? Trong vb, hình ảnh những chòm cổ thụ 2 lần xuất hiện, nhưng mỗi lần lại khác nhau. Em hãy so sánh và nêu ý nghĩa ?</p> <p>- GV giảng. ? NT đặc sắc trong đoạn văn là gì ? ? Cảnh hiện nên như thế nào ? - GV bình .</p> <p>HD 3: Tổng kết. - PP: vấn đáp. - KT: đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy - NL: tư duy sáng tạo ? Dùng sơ đồ tư duy khái quát nghệ thuật và nội dung chính văn bản?</p> <p>- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>✉ DHT là người rắn chắc, khoẻ mạnh, lao động bền bỉ, quả cảm, dày dạn kinh nghiệm, có ý chí, nghị lực, tinh thần vượt lên gian khó.</p> <p>3. Cảnh sau khi vượt thác. - Dòng sông chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững - Cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. - Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. - Hình ảnh cây cổ thụ: + Lần đầu khi thuyền chưa vượt thác: " Chòm cổ thụ đáng... nước" -> báo hiệu những khó khăn, vất vả đang đợi phía trước mà con thuyền cần thận trọng. + Lần 2: Khi thuyền đã vượt thác: cây to.... vung tay hô đám con cháu -> niềm hân hoan chào đón con thuyền đã vượt thác bình an. + NT: Miêu tả, nhân hóa. -> Cảnh êm đềm, cổ kính, rộng lớn.</p> <p>III. Tổng kết. 1. Nghệ thuật: Miêu tả người xen lẫn tả cảnh, sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh. Miêu tả theo hành trình vượt thác rất tự nhiên, sinh động. 2. Nội dung: Tả cảnh vượt thác của con người, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên hùng vĩ, rộng lớn từ đó bộc lộ tình cảm của tác giả: yêu quý với cảnh quê hương nhất là tình cảm dành cho người lao động. * Ghi nhớ SGK/T. 41</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- PP: vấn đáp, LTTH.	

- KT: đặt câu hỏi - NL: tự học ? Hai bài “Sông nước Cà Mau” và “Vượt thác” đều miêu tả sông nước. Em hãy nêu những nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả ở mỗi bài và nghệ thuật miêu tả của mỗi tác giả? - Đưa bức tranh cảnh DHT vượt thác. ? Hãy miêu tả lại hình ảnh DHT qua bức tranh trên?	- VB " Sông nước Cà Mau" miêu tả cảnh thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ, trù phú - VB " Vượt thác" tả cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ, cổ kính... - DHT đang chèo lái con thuyền vượt thác. Hai hàm răng cắn chặt...
--	---

4. Hoạt động vận dụng:

? Dựa vào cách tả dòng sông Thu Bồn trong đoạn trích, hãy viết đoạn văn ngắn (5 -6 câu) miêu tả dòng sông Hồng quê em.

? Kể những hoạt động của con người thường diễn ra trên dòng sông hồng quê em.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Quê nội” của Võ Quảng.

* Phân tích, cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh dòng sông Thu Bồn và con người nơi đây qua đoạn trích.

* Đọc và chuẩn bị trước bài : so sánh (tiếp). Bằng cách đọc kỹ phần I, II. Hiểu được 2 kiểu so sánh cơ bản: Ngang bằng và không ngang bằng.

- Hiểu được tác dụng chính của so sánh.

- Bước đầu tạo được 1 số phép so sánh.

Tuần 23.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 21. Tiết 92. Tiếng việt.

SO SÁNH (Tiếp)

I. Mục tiêu bài học. Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu được hai kiểu so sánh cơ bản: Ngang bằng và không ngang bằng và hiểu được tác dụng của so sánh trong khi nói và viết.

2. Kỹ năng: - Phát hiện sự giống nhau giữa các sự vật để tạo ra được những so sánh đúng, so sánh hay.

- Đặt câu có phép tu từ so sánh theo hai kiểu cơ bản trên.

3. Thái độ: có ý thức học tập, sử dụng phép so sánh khi nói, viết.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, phân tích, ...
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ,...

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: máy chiếu, tài liệu tham khảo.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, lược đồ tư duy

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ:** ? Thế nào là so sánh ? cho ví dụ ?

? Nêu cấu tạo của phép so sánh ? Làm bài tập 2 (sgk).

* **Tổ chức khởi động:**

HS chơi trò chơi “ Nhìn hình đoán thành ngữ” có chứa hình ảnh so sánh (VD: nhanh như cắt, khỏe như voi...). Từ đó gv giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Phó từ là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: phân tích mẫu, vấn đáp - KT: đặt câu hỏi - NL : phân tích, sd ngôn ngữ, giao tiếp - HS đọc VD SGK, nhắc lại khái niệm so sánh? <p>? Những sự vật nào được so sánh với sự vật nào?</p> <p>? Tìm từ ngữ so sánh? Việc so sánh sự vật trên có gì khác nhau ?</p> <p>? Tìm thêm các từ ngữ chỉ ý so sánh ngang bằng và không ngang bằng ?</p> <p>? Qua ví dụ cho biết có mấy kiểu so sánh? Đó là những kiểu nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. <p>? Xác định các kiểu so sánh trong các câu sau: 1. Lan học giỏi hơn</p>	<p>I. Các kiểu so sánh.</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>Những ngôi sao thức ngoài kia Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con Đêm nay con ngủ giấc tròn Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những ngôi sao (thức) - Mẹ (đã thức) Mẹ - ngọn gió - Từ so sánh: Chẳng bằng -> so sánh không ngang bằng + Là -> So sánh ngang bằng <p>VD: hơn, không bằng...-> không ngang bằng Giống như, y như...-> so sánh ngang bằng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 kiểu so sánh: + So sánh ngang bằng. + So sánh không ngang bằng. <p>2. Ghi nhớ: SGK/T.42</p> <p>* Bài tập nhanh:</p>

Mai.	- So sánh ngang bằng: 2, 3.
------	-----------------------------

<p>2. Đẹp như tiên. 3. Quê hương là chùm khế ngọt. 4. An cao hơn Tú.</p> <p>HD 2: Tác dụng của phép so sánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: gọi mở - vấn đáp, hđ nhóm - KT: đặt câu hỏi, TL, sơ đồ tư duy - NL: phân tích, hợp tác - Gọi HS đọc ví dụ. <p>* Thảo luận nhóm: 3 nhóm.</p> <p>? Tìm phép so sánh trong ví dụ ? ? Sự việc nào được đem ra so sánh ? ? Việc so sánh trên có tác dụng gì ? + <i>Mời đại diện HS trình bày.</i> + <i>HS khác nhận xét.</i> + <i>GV NX, chốt kiến thức.</i></p> <p>? Cảm nhận của em khi đọc đoạn/v ? ? Từ đó em thấy phép so sánh có tác dụng gì?</p> <p>- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ. ? Vẽ sơ đồ tư duy khái quát KT bài học?</p>	<p>- So sánh không ngang bằng: 1,4.</p> <p>II. TÁC DỤNG CỦA PHÉP SO SÁNH</p> <p>1. Xét ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chiếc lá tựa mũi tên...như xoay - Có chiếc lá như con chim lao đảo - Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan thai - Có chiếc như sợ hãi, ngại ngần... - Sự vật: chiếc lá rụng - một vật vô tri vô giác. <p>* Tác dụng: - Tạo ra hình ảnh cụ thể, sinh động, giúp người đọc, người nghe dễ dàng hình dung được những cách rụng khác nhau của lá. - Tạo ra lối nói hàm súc giúp người đọc dễ nắm bắt tình cảm của người viết. Cụ thể trong đoạn văn đã dẫn, phép so sánh thể hiện quan niệm của tác giả về sự sống và cái chết. -> Đoạn văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn. => So sánh vừa có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động; vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.</p> <p>2. Ghi nhớ (SGK/T. 42)</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP: lt thực hành, vấn đáp, hđ nhóm - KT: đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: hợp tác, tự học, tư duy sáng tạo <p>* TL cặp đôi (3 phút).</p> <p>? Chỉ ra các phép so sánh trong khổ thơ và cho biết chúng thuộc những kiểu so sánh nào?</p> <p>- ĐD HS TB – HS khác NX, b/s.</p>	<p>* Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh ngang bằng: Là; như, y như, giống như, tựa như là, bao nhiêu, bấy nhiêu. - So sánh không ngang bằng: Hơn, hơn là, kém, không bằng, chưa bằng, chẳng bằng.

<p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>? Tìm những câu văn sử dụng phép so sánh trong vb " Vượt thác" ? HS hđ cá nhân.</p> <p>? Tìm những câu ca dao...có chứa hình ảnh so sánh? Nêu tác dụng ?</p>	<p>* Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những động tác rút sào.... nhanh như cắt - DHT như một pho tượng đồng đúc, như một hiệp sĩ của T. Sơn oai linh hùng vĩ. - Dọc sườn núi....như những cụ già vùng tay hô đám con cháu. <p>* Bài 3.</p> <p>VD: Miệng cười như thể hoa ngâu. Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.</p>
---	--

4. Hoạt động vận dụng:

- ? Tìm các câu thành ngữ em và các bạn thường sử dụng hằng ngày có h/a so sánh?
? Viết đoạn văn (tự chọn) có sử dụng phép so sánh.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- * Tìm các câu văn, thơ có chứa hình ảnh so sánh.
- * Học thuộc phần ghi nhớ SGK/ T. 42. Làm bài tập còn lại : bài 3 (sgk)
- Tìm các VD về các kiểu so sánh trên?
- * Chuẩn bị bài: Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt). Bằng cách thống kê lỗi chính tả về phụ âm đầu mà người địa phương em thường mắc.
- Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến các lỗi chính tả kể trên. Biết được cách sửa lỗi chính tả do ảnh hưởng của phát âm địa phương.
- Đọc và xem trước bài tập (sách Ngữ văn địa phương/17,18)

Tuần 24.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 93. Bài 21.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần tiếng việt)
RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ.

I. Mục tiêu bài học. Qua bài học, HS cần:**1. Kiến thức:**

- Nắm vững những lỗi chính tả về phụ âm đầu mà bản thân và người địa phương Hưng yên (cũng như ở một số tỉnh đồng bằng, trung du Bắc Bộ) thường mắc.
- Phát hiện, giải thích được nguyên nhân mắc lỗi và sửa được một số lỗi chính tả do ảnh hưởng của phát âm địa phương.
- Hạn chế lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng phát hiện, sửa lỗi sai, phát âm chuẩn trong khi nói và viết.**3. Thái độ:** Có ý thức tự giác sửa lỗi sai, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**4. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự quản lí, tự học
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ,

II. CHUẨN BỊ:**1. Giáo viên:** máy chiếu, tài liệu tham khảo.**2. Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:**

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:**1. Hoạt động khởi động:***** Ổn định lớp:***** Kiểm tra 15 phút:** *** Đề bài:**

- **Câu 1:** Thế nào là so sánh? Có mấy kiểu so sánh, đó là những kiểu nào ? Cho ví dụ ?
- **Câu 2:** Chỉ ra phép so sánh trong bài ca dao sau và phân tích tác dụng:

“ Công cha như núi Thái Sơn
 Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
 Một lòng thờ mẹ kính cha
 Cho tròn chữ hiếu mới là đạo
 con”

*** Đáp án, biểu điểm:**

- **Câu 1(4đ):** - So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác... (2đ)
- Có 2 kiểu so sánh là so sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng(1đ).
- VD: Lan học giỏi hơn Hoa...(1đ)

- *Câu 2 (6đ):*

+ Bài ca dao sử dụng phép so sánh: công cha – núi Thái Sơn, nghĩa mẹ - nước trong nguồn. (2đ)

+ Tác dụng: So sánh như vậy giúp cho lời thơ giàu hình ảnh và giá trị biểu cảm; đồng thời còn nhằm khẳng định và ngợi ca công lao dưỡng dục của cha mẹ lớn lao tựa núi Thái Sơn, bao la như nước trong nguồn không bao giờ vơi cạn. (4đ)

*** Tổ chức khởi động:**

- Cho học sinh một số từ mắc lỗi chính tả.
- GV gọi HS sửa lỗi và đọc.
- GV dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và của trò	Nội dung cần đạt				
<p>- PP: vận đáp, TL nhóm, luyện tập thực hành, trò chơi</p> <p>- KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, giao nhiệm vụ, động não</p> <p>- NL: giao tiếp, hợp tác, tự học, tự quản lí, sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>? Nhắc lại các tỉnh miền Bắc và người Hưng Yên thường mắc các lỗi chính tả nào ?</p> <p>- Y/C đại diện HS từng nhóm lên trình bày phần chuẩn bị các lỗi chính tả đã sưu tầm ở nhà ra giấy tờ ki to.</p> <p>GV sd kĩ thuật động não: ? Nguyên nhân mắc các lỗi trên ?</p> <p>- TL theo bàn (2 HS): TG 2 phút: ? Tác hại của việc phát âm sai, viết sai chính tả là gì ?</p> <p>- Gọi đại diện HS TB.</p> <p>- Gọi HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p>	<p>* Bài tập 1. Phụ âm Tr/ Ch; L/n; d/r/gi; s/x</p>				
	Lỗi	Lẫn tr/ch	Lẫn s/x	Lẫn d/r/gi	Lẫn l/n
	Ví dụ	chập chùng	sử sự, suất sứ	ra nhập ...	tấp lập ...
<p>* Nguyên nhân: Do phát âm không phân biệt đúng chính tả: không phân biệt đặc trưng uốn lưỡi và không uốn lưỡi trong từng cặp âm s/x, ch/tr, r/d/gi.</p> <p>- Do không nắm vững quy tắc chính tả.</p> <p>- Do không nắm được nghĩa của tiếng, của từ cần viết.</p> <p>- Do cầu thả, không cân nhắc khi viết.</p> <p>* Tác hại:</p> <p>- Phát âm sai, viết sai sẽ làm sai nghĩa của từ.</p>					

<p>? Tìm những từ do viết sai chính tả dẫn đến viết sai về nghĩa ?</p> <p>? Theo em, sửa các lỗi trên như thế nào ?</p> <p>- Tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn</p> <p>- 4 đội chơi: mỗi đội 2 HS (TG: 2 ph)</p> <p>? Gv đọc - HS viết các từ sgk.</p> <p>- HS viết (Đội nào viết đúng nhiều nhất, đội đó sẽ chiến thắng).</p> <p>- GV NX, sửa lỗi.</p> <p>- Gọi HS đọc bài 3.</p> <p>- HS làm việc cá nhân - lên bảng viết</p> <p>? Điền ch/tr, d/r/gi, s/x vào chỗ trống?</p> <p>? Điền ch/tr, s/x, d/r/gi vào chỗ trống sao cho thích hợp ?</p> <p>? Căn cứ vào nghĩa để phân biệt các cặp từ chỉ khác nhau ở phụ âm đầu sau: ra/da/gia, sa/xa....?</p> <p>? Viết chính tả .</p>	<p>VD: ăn trưa (bữa trưa) viết thành ăn chưa (đề hỏi)</p> <p>* Sửa lỗi:</p> <p>- Rèn phát âm đúng chuẩn khi nói, đọc, phát âm có sự phân biệt giữa s/x, ch/tr, r/d/gi, l/n..</p> <p>- Nắm vững quy tắc chính tả để x/đ cách viết đúng trong nhiều trường hợp.</p> <p>- Hiểu rõ nghĩa của tiếng, từ để viết đúng.</p> <p>- Trau dồi vốn từ qua đọc sách, báo, dùng từ điển tiếng Việt.</p> <p>* Bài 2.</p> <p>* Bài 3.</p> <p>a, Phụ âm tr/ch: chương...ình, ...ái cây, đợi...ờ, ...ái qua, vận ...uẩn.</p> <p>- Phụ âm s/x: cái ...ẻng, chim ...áo, ...âu bộ...</p> <p>- Phụ âm r/d/gi: ... ắc rồi, ...ũ rươi, ...ang sơn, rau ...iếp.</p> <p>* Bài 4.</p> <p>- x/s: xám xịt, sà xuống, sát mặt đất, sẫm, sáng, xé, sung, sở, xơ xác, rậm rạp, xoảng.</p> <p>- Tr/ch: tre, trời,</p> <p>- r/d/gi: ra đến giữa dòng...</p> <p>* Bài 5:</p> <p>- ra: ra vào, da: da thịt ...</p> <p>- sa: rơi xuống, xa: xa xôi...</p> <p>* Bài tập bổ sung.</p> <p>- Phụ âm Tr/ch:</p> <p>Trò chơi là của trời cho Chớ nên chơi trò chỉ trích, chê bai</p> <p>* Phụ âm S/ X:</p> <p>- Sầm sập sóng dữ xô bờ Thuyền xoay sở mãi lò dò bơi ra</p> <p>* Phụ âm L/ N:</p> <p>- Nỗi niềm này lắm long đong Lửng lơ lời nói khiến lòng nao nao</p>
---	--

3. Hoạt động vận dụng:

- Luyện cách phát âm theo những bài tập sau: - **Lời nói- Hoa nở trên nền văn hoá**

“ Nói năng là một nét đẹp làm nên nhân cách con người. Lời nói như những bông hoa nở trên nền văn hoá. Nó là nhịp nối những tâm hồn con người làm đẹp thêm niềm vui bè bạn. Mỗi lời nói hay lung linh một vẻ đẹp làm cho ai đấy đều thấy hài lòng. Mỗi lời nói nặng nề, chì chiết đều làm người nghe thấy khó chịu, rồi lặng lẽ lãng xa. Vì thế nếu chót lờ lời nên xin lỗi là hơn, đừng làm ngơ dễ gây hiểu lầm bất lợi. Hơn nữa cần phải luôn tâm niệm : Nói lời phải giữ lấy lời

Đừng như con bướm đậu rồi lại bay”

? Đọc bài thơ “ Hạt gạo làng ta” của nhà thơ Trần Đăng Khoa?

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Lập sổ tay chính tả: Với những lỗi dễ nhầm lẫn để tránh mắc lỗi lần sau.

* Ôn tập toàn bộ những lỗi chính tả người dân địa phương em thường mắc phải.

* **Chuẩn bị bài tiếp: Phương pháp làm văn tả cảnh - Viết bài Tập làm văn tả cảnh ở nhà.**

+ Xem lại các kiến thức về văn miêu tả. Tìm hiểu phương pháp làm văn tả cảnh.

+ Tìm hiểu bố cục, hình thức của một bài văn tả cảnh, từ đó vận dụng những kiến thức đã học để biết viết bài Tập làm văn tả cảnh ở nhà.

Tuần 24.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 94 - PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH**- VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN TẢ CẢNH (làm ở nhà)**

I. Mục tiêu bài học: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Hiểu được yêu cầu và phương pháp làm bài văn tả cảnh.

- Nắm được bố cục, thứ tự miêu tả, cách xây dựng đoạn văn và lời văn trong bài văn tả cảnh từ đó vận dụng những kiến thức đã học để biết viết bài Tập làm văn tả cảnh ở nhà (Tích hợp môi trường : ra đề văn tả cảnh về môi trường).

2. Kỹ năng: Biết quan sát cảnh vật, trình bày những điều quan sát được về cảnh vật theo một trình tự hợp lý.

3. Thái độ:

- Có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, sáng tạo.

- Có thái độ tích cực khi viết bài văn miêu tả cảnh về nhà, có ý thức giữ gìn môi trường chung góp phần BV môi trường trong sạch như nội dung bài viết tập làm văn đã nêu.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, tự học, tự quản lí, đánh giá
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** Phiếu học tập, tài liệu tham khảo.
2. **Học sinh:** Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Phương pháp: phân tích mẫu, dạy học nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

- * **Ôn định lớp:**
- * **Kiểm tra bài cũ:** vở bài tập của HS.
- * **Tổ chức khởi động:**

? Khi bắt đầu đọc 1 đề văn miêu tả, để làm dc bài em sẽ bắt đầu ntn?

- HS chia sẻ cởi mở. Gv dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Phương pháp viết văn tả cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: phân tích mẫu, vấn đáp, dạy học nhóm - KT: đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm - NL: giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ, tự quản lí, tự học <p>- HS đọc các đoạn văn (sgk/45).</p> <p>T/C cho HS thảo luận: 6 nhóm (3').</p> <p>+ Nhóm 1,2: Đoạn văn 1 miêu tả điều gì? Qua đó ta hình dung ra được khúc sông này ra sao? Vì sao ta hình dung ra được điều đó?</p> <p>+ Nhóm 3,4: Đối tượng miêu tả của đoạn văn 2 là gì? Trình tự miêu tả như thế nào? Để miêu tả tác giả sử dụng các hình ảnh tiêu biểu nào?</p> <p>- Gọi đại diện nhóm TB - HS TB.</p> <p>- Y/C HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Từ ví dụ, cho biết muốn tả cảnh</p>	<p>I. Phương pháp viết văn tả cảnh.</p> <p>1. Ví dụ.</p> <p>a. Đoạn văn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả cảnh Dượng Hương Thư chống thuyền vượt thác - Hình dung ra khúc sông có nhiều thác dữ, nước chảy mạnh. Vì miêu tả ngoại hình và động tác của nhân vật <p>b. Đoạn văn 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả cảnh sông nước Cà Mau- Dòng sông Năm Căn. - Trình tự: Dưới mặt sông đến bờ sông (Từ thấp lên cao) <p>-> Muốn tả cảnh cần:</p>

cần làm gì ?	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định được đối tượng miêu tả. + Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu. + Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự (Ghi nhớ/ ý 1 – sgk/47).
	<p>c. Đoạn văn 3:</p> <p>* Bố cục: 3 phần.</p> <p>? Đoạn văn trên gồm mấy phần? - Phần 1(Mở bài): 3 câu đầu: Khái quát về tác Giới hạn và nội dung của từng phần? đụn g, cấu tạo của Luỹ làng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 2 (Thân bài): Tiếp -> Không rõ: Tả kỹ 3 vòng của lũy tre. - Phần 3 (Kết bài): Còn lại: Tả măng tre dưới gốc và cảm nghĩ về hình ảnh cây tre. <p>* ần 2:</p> <p>Ph giả tả chi tiết về cấu tạo, đặc điểm của lũy</p> <ul style="list-style-type: none"> - ỹ ngoài cùng: gồm tre gai, tre truyền từ Tả này sang đời khác. c ỹ giữa: tre thẳng. làng ỹ trong cùng: tre càng thẳng hơn... <p>? Trong phần 2, tác giả miêu tả lũy tre làng qua những hình ảnh nổi bật nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> + L ãn tự: Miêu tả từ khái quát đến cụ thể, từ đời ài vào trong. + L ãn bài: Giới thiệu khái quát cảnh được tả - Thân bài: Miêu tả cảnh vật theo một trình tự ngọt bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh vật - Bố tả (Ghi nhớ/ ý 2 –sgk-47). <p>? Nhận xét trình tự miêu tả cảnh trong bài văn ?</p> <p>+ Mở nhó SGK /T.47</p> <p>? Từ bài văn “Lũy làng” trong SGK, em hãy nêu bố cục của bài văn tả cảnh? Nhiệm vụ của từng phần ?</p> <p>+ T</p> <p>+ K</p> <p>đượ</p> <p>2. G</p> <p>- GV chốt lại nội dung ghi nhớ.</p> <p>3. Hoạt động luyện tập.</p>
Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt

<ul style="list-style-type: none"> - PP: LTTH, vấn đáp, dạy học nhóm - KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, giao nhiệm vụ. - HS đọc bài 1. - <i>T/C cho HS làm việc cá nhân (TG: 2 phút)</i> - Gọi HS lên trả lời câu hỏi a,b,c - HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT. 	<p>II. Luyện tập.</p> <p>* Bài tập 1(SGK):</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Từ ngoài vào trong (Trình tự không gian) b. Từ lúc trông vào lớp đến khi hết giờ. c. Kết hợp cả hai trình tự trên - Những hình ảnh cụ thể tiêu biểu. - cảnh HS nhận đề, một vài gương mặt

<p>? Nếu tả cảnh trong giờ ra chơi em sẽ lựa chọn trình tự tả nào ?</p> <p>? Em sẽ lựa chọn cảnh nào để tả ? Hãy viết đoạn văn tả lại cảnh đó ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết và trình bày. - Đọc bài 3. - T/C cho HS TL: cặp đôi (TG: 2 phút). ? Rút lại thành dàn ý cho từ bài văn trên ? - Gọi đại diện nhóm TB - HS TB. - Y/C HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt kiến thức. - <i>Gv: Người viết không tả theo trình tự thời gian, cũng không tả theo không gian mà theo mạch cảm xúc và hướng theo con mắt của mình</i> 	<p>tiêu biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh HS chăm chú làm bài, GV quan sát HS làm bài. - Cảnh bên ngoài lớp học: Sân trường, góc, cây... <p>* Bài 2/47:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả cảnh sân trường lúc ra chơi: trình tự thời gian và trình tự không gian. <p>a. Cảnh tả theo trình tự thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trống hết tiết 2, báo giờ ra chơi đã đến - HS từ các lớp ủa ra sân trường - Cảnh HS chơi đùa - Các trò chơi quen thuộc - Trống vào lớp, HS về lớp - Cảm xúc của người viết <p>b. Cách tả theo trình tự không gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trò chơi giữa sân trường, các góc sân - Một trò chơi đặc sắc, mới lạ, sôi động. <p>* Bài 3:</p> <p>Dàn ý chi tiết bài Biển đẹp</p> <p>a. Mở bài: Biển thật đẹp</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh biển đẹp trong mọi thời điểm khác nhau - Buổi sớm nắng sáng - Buổi chiều gió mùa đông bắc - Ngày mưa rào - Buổi sớm nắng mờ - Buổi chiều lạnh - Buổi chiều nắng tàn, mát dịu - Biển, trời đỏ màu <p>c. Kết bài: nhận xét vì sao biển đẹp</p>
---	--

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn tả đôi bàn tay của mẹ (của bố) em. Gạch chân dưới các tính từ miêu tả trong bài.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tập quan sát mọi vật xung quanh mình, tìm các từ ngữ khác nhau để miêu tả đặc điểm

của chúng.

* Học thuộc phần ghi nhớ SGK /T.47. Làm các bài tập còn lại (sgk).

* **Chuẩn bị văn bản: Buổi học cuối cùng.**

+ Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài, sưu tầm ảnh và thông tin về nhà văn An-phông-xơ Đô-đê.

Viết bài tập làm văn tả cảnh (làm ở nhà)

I. MỤC TIÊU. Qua bài KT, HS cần:

1. Kiến thức: - Vận dụng những kiến thức đã học về văn miêu tả để làm bài kiểm tra :

+ Nắm được văn miêu tả là gì.

+ Biết xác định phương thức biểu đạt và những năng lực được sử dụng trong một đoạn văn miêu tả; Viết được một bài văn miêu tả cảnh .

2. Kỹ năng:

Có kỹ năng trình bày, diễn đạt, kỹ năng làm bài kiểm tra.

3. Thái độ: Có ý thức tự giác, trung thực khi làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, cảm thụ,...

- Phẩm chất: tự chủ, tự lập, tự tin.

II. HÌNH THỨC: Tự luận.

III. MA TRẬN ĐỀ.

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			CĐT	CĐ cao	
Tập làm văn: Văn miêu tả.	Biết được khái niệm văn miêu tả.	Xác định được phương thức biểu đạt, năng lực sử dụng trong đoạn văn miêu tả.		Viết được bài văn miêu tả cảnh.	
Tổng số câu	SC : 1	SC : 1		SC : 1	Số câu : 3
Số điểm	SD : 1	SD : 2		SD : 7	Số điểm: 10
Tỉ lệ %	TL:10 %	TL: 20 %		TL: 70 %	Tỉ lệ :100%

IV. BIÊN SOẠN ĐỀ .

- **Câu 1:** Văn miêu tả là gì ?

- **Câu 2:** Cho đoạn văn

”Buổi sáng thức dậy, khí trời se se lạnh, gió nhẹ thoảng lay động cành cây để lộ những giọt sương mai trong vắt trên lá. Cả làng quê như bỗng bình trong sương sớm. Ở phía Đông, mặt trời sáng rực, to như cái mâm khổng lồ, nấp sau hàng cây phía xa, toả ánh sáng lấp lánh nhiều màu rực rỡ. Mặt trời nhô lên từ từ, trên không, từng đám mây trắng trôi nhẹ nhàng”.

a, Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt nào?

b, Xác định yếu tố liên tưởng, tưởng tượng được sử dụng trong đoạn văn trên ? Tác dụng của yếu tố đó ?

- **Câu 3:** Viết bài văn tả cảnh sân trường em.

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM:

- **Câu 1 (1 điểm):** Văn miêu tả là loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh... làm cho cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe.

- **Câu 2 (2 điểm).**

a, Đoạn văn miêu tả.

b, Yếu tố liên tưởng tưởng tượng được thể hiện qua các hình ảnh:

+ Cả làng quê như bông bênh trong sương sớm.

+ Mặt trời sáng rực, to như cái mâm khổng lồ... tỏa ánh sáng lấp lánh, rực rỡ.

-> Tác dụng: Cảnh buổi sáng ở làng quê thật đẹp, sinh động, tràn đầy sức sống.

- **Câu 3 (7 điểm).**

1. Yêu cầu :

* **Kĩ năng, hình thức.**

- Trình bày sạch sẽ, khoa học, không mắc lỗi chính tả.

- Viết đúng thể loại tả cảnh, không sao chép tài liệu, bạn bè.

- Viết thành một bài văn tả cảnh hoàn chỉnh có mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết chân thật, cảm xúc, sử dụng các năng lực quan sát, liên tưởng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả một cách thuần thực, độc đáo..

* **Kiến thức.**

- Bài viết phải miêu tả được quang cảnh ngôi trường (Tả theo trình tự không gian hoặc thời gian)

* Mở bài: Giới thiệu chung về cảnh sân trường em: Trường của em tuy không rộng nhưng khá khang trang...

* Thân bài : Tả cụ thể cảnh vật trường em: cổng trường trang nghiêm như những chú lính gác, các phòng học khang trang, sạch sẽ, sân trường đồ bê tông và là nơi học sinh vui chơi...

- Thời điểm: sáng không khí trong lành, ánh nắng ban mai chiếu những tia nắng vàng óng lên những cành cây, tán lá, gió thổi nhẹ cuốn theo những chiếc lá khô...

- Thiên nhiên trên sân trường: cây cối xanh mơn mơn ngày ngày vươn cao chào đón nắng mới , chim chóc hòa những bản nhạc vui nhộn...

- Cảnh các lớp học: thầy say sưa giảng bài, các trò chăm chú nghe như nuốt từng lời ...

- Cảnh học sinh: giờ ra chơi học sinh nô đùa, chơi đá bóng... Không khí lúc này thật nhộn nhịp.

- Ngôi trường luôn được các bạn học sinh dọn sạch mỗi ngày, trong giờ ra chơi hưởng ứng " Một phút vệ sinh môi trường" ai ai cũng nhặt lá, nhặt rác cho sân trường thêm sạch đẹp....

* Kết bài: Trường như ngôi nhà thứ hai mang cho em nhiều điều tốt đẹp.

2. Thang điểm.

* **Điểm 7:** - Viết đúng thể loại, đáp ứng yêu cầu trên.

- Trình bày sạch đẹp - Văn viết có cảm xúc.

- Biết vận dụng tốt năng lực quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong bài viết của mình. Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu (sai không quá 1 lỗi chính tả).

* **Điểm 5, 6:** - Viết đúng thể loại. Bố cục rõ ràng.

- Đáp ứng được yêu cầu của đề bài.

- Đôi chỗ diễn đạt chưa hay, miêu tả khá đầy đủ các hình ảnh nổi bật cảnh trường (Sai không quá 2 lỗi chính tả).

- Vận dụng các năng lực liên tưởng, so sánh, nhận xét chưa hiệu quả.

* **Điểm 3, 4:**

- Tả cảnh đúng yêu cầu của đề bài, nhưng bố cục không rõ, bài làm còn sơ sài, cảnh tả chưa phong phú.

- Diễn đạt lủng củng, trình bày thiếu khoa học.

- Mắc nhiều lỗi chính tả.

* **Điểm 0,1, 2:** - Lạc đề, viết chưa đúng thể loại văn miêu tả.

- Diễn đạt lủng củng, chữ không đọc được.

Tuần 24

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 95 – Văn bản:

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

Chuyện của một em bé người An-
Dát) (An-phông-xơ Đô-đê)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm được tình huống truyện, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời đối thoại và lời độc thoại của nhân vật trong tác phẩm.

- Hiểu ý nghĩa, giá trị của tiếng nói dân tộc.

- Hiểu tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong truyện.

2. Kỹ năng:

- Kể tóm tắt truyện.

- Tìm hiểu và phân tích nhân vật Phrăng qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động.

3. Thái độ:

- Có tình yêu tiếng Việt; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ, tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, bản đồ hành chính nước Pháp, chân dung tác giả An-phông-xơ Đô-đê.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, dạy học nhóm, phân tích, bình giảng, đặt và giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành.

- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não, giao nhiệm vụ, trình bày một phút

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

- Cảm nhận của em về hình ảnh Dượng Hương Thư trong cảnh vượt thác?

- Hình ảnh so sánh nào trong bài làm em thích nhất? Vì sao?

* **Tổ chức khởi động:**

GV chiếu ảnh lá cờ tổ quốc.

- Mỗi khi nhìn thấy lá cờ này em có cảm xúc gì?

- HS chia sẻ.

- GV dẫn vào bài mới: yêu nước, tự hào về đất nước là tình cảm thiêng liêng trong mỗi con người chúng ta. Biểu hiện của lòng yêu nước thật muôn hình vạn trạng. Yêu nước có thể là yêu những gì tâm thường nhất, thân thuộc nhất,... Thầy giáo Ha-men trong câu chuyện ngày nay chúng ta tìm hiểu sẽ cho ta thấy được một biểu hiện nữa của lòng yêu nước. Đó là gì? -> vào bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<p>HD 1: Đọc và tìm hiểu chung:</p> <p>- PP: vấn đáp.</p> <p>- KT: đặt câu hỏi.</p> <p>- NL: sd ngôn ngữ, tự học</p> <p>? Trình bày hiểu biết về tác giả ?</p> <p>- HS giới thiệu về tác giả (kèm chân dung tác giả đã sưu tầm).</p> <p>GV mở rộng:</p> <p>+ Về tiểu sử: Ông sinh ra tại 1 tỉnh miền Nam nước Pháp, trong 1 gđ bình dân. Từ nhỏ, ông là 1 cậu bé thông minh, có tâm hồn lãng mạn và ham đọc sách.</p> <p>+ Sự nghiệp VH: ông đã có 1 số tập thơ từ năm 18 tuổi. Ông tác và thành công ở rất nhiều thể loại như: thơ,</p>	<p>I. Đọc và tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Là nhà văn chuyên viết truyện ngắn nổi tiếng của nước Pháp nửa cuối thế kỉ 19.</p> <p>- Các tác phẩm của ông thấm đẫm tinh thần nhân đạo và chất thơ.</p>

<p><i>truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch...</i></p> <p>+ Có niềm say mê với thiên nhiên cảnh vật và con người miền Nam nước Pháp quê ông, nơi ông gắn bó gần hết c.đời. Nó trở thành nguồn cảm hứng phong phú trong các tp của Đô-đê.</p> <p>? Cần đọc truyện với giọng ntn?</p> <p>- GV hướng dẫn: Giọng đọc chậm, xót xa và cảm động day dứt. Lời nói của thầy Ha-men cần đọc thật dịu dàng và buồn. Đoạn kết giàu cảm xúc cần thay đổi nhịp để diễn tả niềm xúc động.</p> <p>- HS đọc truyện- tóm tắt truyện.</p> <p>- HS tìm hiểu phần chú thích</p> <p>-GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:</p> <p>-HS chia 2 đội thi chọn ra những thông tin đúng về hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, thể loại, ptbđ, ngôi kể, bố cục của truyện- > hoàn thiện sơ đồ tư duy.</p> <p>HS thảo luận 1p, thống nhất trong nhóm, đại diện nhóm dán đáp án lên sơ đồ tư duy.</p> <p>Các nhóm nx, bổ sung. GV chốt kt.</p>	<p>2. Tác phẩm:</p> <p>* Đọc, kể tóm tắt, hiểu chú thích:</p> <p>+ <i>Phrăng vì mãi chơi, ko học bài nên ko muốn đi học. Sau cũng quyết định đến lớp.</i></p> <p>+ <i>Dọc đường thấy nhiều người đọc cáo thị nhưng cậu ko biết đấy là chuyện gì.</i></p> <p>+ <i>Vào lớp cậu thấy có sự khác thường: lớp trật tự, có cả dân làng đến dự buổi học.</i></p> <p>+ <i>Thầy Ha- men thông báo đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp.</i></p> <p>+ <i>Phrăng hiểu ra và ân hận vì trước đây đã mãi chơi, ko học cẩn thận tiếng mẹ đẻ.</i></p> <p>+ <i>Các học trò và người dân chăm chú đọc, viết tiếng Pháp.</i></p> <p>+ <i>Buổi học kết thúc = dòng chữ thầy Ha men viết lên bảng “Nước Pháp muôn năm”.</i></p> <p>* Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ:</p> <p>- Truyện lấy bối cảnh từ một biên cố lịch sử: Sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870 – 1871, nước Pháp thua trận, 2 vùng An – dát và Lo- ren giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ. Cho nên các trường học ở 2 vùng này bị buộc học bằng tiếng Đức. Truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An- dát.</p> <p>- In trong tập truyện ngắn chọn lọc “Những vì sao”</p> <p>* Thể loại: truyện ngắn</p> <p>- Ptbđ: tự sự + miêu tả, biểu cảm</p> <p>- Ngôi kể: thứ nhất, Phrăng kể chuyện</p> <p>-> <i>Tác dụng: tạo ấn tượng về 1 câu chuyện có thật, thuận lời trong việc biểu hiện tâm trạng, ý nghĩ của nhân vật kể chuyện.</i></p>
---	---

<p>GV mở rộng: Với ngôi kể thứ nhất, người đọc như hòa vào dòng suy nghĩ hồn nhiên, ngây thơ, đầy xúc động của chú bé. Từ đó tạo cảm giác chân thực, sống động cho câu chuyện của Phrăng.</p> <p>Điều đặc biệt ở đây là: Truyện được kể từ một em bé trong hoàn cảnh nước Pháp thua trận phải cắt nhượng lãnh thổ cho kẻ thù càng làm cho người đọc phải suy nghĩ sâu xa hơn.</p> <p>? Em hiểu thế nào về nhan đề của tp?</p> <p>- “Buổi học cuối cùng” ngỡ như 1 sự kiện bình thường lại trở thành 1 tình huống thử thách mạnh mẽ tình yêu Tổ quốc đối với ~ cư dân ở miền quê sát biên giới. Buổi học Pháp văn của thầy Ha-men trở thành buổi học của tình yêu nước Pháp, tình yêu tiếng mẹ đẻ - tiếng Pháp. Đó là “buổi học cuối cùng” nhưng qua đây Đô-đê đã khơi mở 1 tình yêu thiêng liêng, vĩnh cửu với mỗi con người cũng như mỗi dân tộc trên TG.</p> <p>? Theo em tại sao tác giả lại chọn <i>lời đề tựa là “Chuyện của một em bé người An-dát”</i> ? (Gợi ý: Tại sao không phải là “Chuyện của chú bé Phrăng”?)</p> <p>? Ai là nhân vật chính trong truyện? ? GV chuyển ý.</p>	<p>* Bố cục: 3 phần</p> <p>- Phần 1: Từ đầu – “mà vắng mặt con” Quang cảnh trên đường đến trường và cảnh ở trường qua sự quan sát của Phrăng.</p> <p>- Phần 2: Tiếp – “buổi học cuối cùng này” : Diễn biến của buổi học cuối cùng.</p> <p>- Phần 3: Còn lại: Cảnh kết thúc buổi học cuối cùng</p> <p>* Nhan đề: nêu lên 1 sự kiện quan trọng - gợi trí tò mò.</p> <p>Bởi lẽ chuyện của một em bé người An-dát cũng là chuyện của một vùng quê, một vùng lãnh thổ của nước Pháp, của cả nước Pháp lúc bấy giờ. Chuyện của một em bé cũng là chuyện tương lai của một dân tộc.</p> <p>* Nhân vật chính: Phrăng và thầy Ha men.</p>
<p>HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <p>- PP: vấn đáp, phân tích, bình giảng, dạy học nhóm</p> <p>- KT: động não, thảo luận nhóm, giao nhiệm vụ</p> <p>- NL: tư duy sáng tạo, cảm thụ, phân tích, sd ngôn ngữ, hợp tác</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>1. Nhân vật Phrăng</p> <p>a. Tâm trạng Phrăng trước buổi học.</p> <p>* Trên đường đi học:</p>

<p>? Trước buổi học Phrăng đã có ý nghĩ nào ? Vì sao em lại có ý nghĩ đó ?</p> <p>? Em hiểu gì về Phrăng qua chi tiết này?</p> <p>GV giảng: <i>Cậu bé vẫn tự do ngắm cảnh thiên nhiên của một ngày ấm áp với những âm thanh trong trẻo, yên bình quen thuộc. Ở Phrăng ta bắt gặp những nét tính cách đặc trưng của trẻ nhỏ, vẫn còn ngây thơ, còn lười học, mãi chơi .</i></p> <p>? Phrăng có hành động như vậy ko? Cậu bé đã làm gì?</p> <p>? Trên đường tới trường Phrăng còn thấy có gì đặc biệt?</p> <p>? Sự thay đổi đó tác động ntn tới Phrăng?</p> <p>? Trước sự khác lạ đó, Phrăng có tâm trạng gì?</p> <p>- GV tổ chức TL nhóm (5p): ? Chỉ ra sự khác biệt cảnh lớp học hôm nay so với ngày thường ? GV phát PHT, HS thảo luận cặp đôi. Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả TL GV chốt.</p> <p>? Nghệ thuật nào được t/g sử dụng khi tả không khí lớp học? ? Qua cách tả, em thấy lớp học hôm</p>	<p>- Ý định: Trốn học Lí do: + Giờ lên lớp đã trễ, sợ thầy Ha-men quở trách, sợ thầy hỏi bài mà cậu ”chẳng thuộc lấy một chữ”. + Thiên nhiên lại rất đẹp: Trời trong trẻo, ấm áp lạ thường. Sáo hót ven rừng</p> <p>-> Phrăng hồn nhiên, ngây thơ, rất lười học và ham chơi</p> <p>- Hành động: vội vã chạy đến trường</p> <p>* Trên đường đến trường: - Lính phủ đang tập trên cánh đồng cỏ ven rừng; - Tới trụ sở xã, nhiều người tập trung trước bảng cáo thị. -> gây cho Phrăng sự tò mò</p> <p>* Khi tới lớp học. - Cảm nhận:</p>
--	---

Ngày thường	Hôm nay
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng ồn ào như vỡ chợ của hs -Tiếng mọi người đọc to bài học. -Tiếng thầy gõ thước. - Đi muộn -> thầy giận dữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Mọi sự bình lặng như 1 sáng chủ nhật. - Lớp học: có dân làng, cụ Hô-de, bác phát thư: ngồi lặng lẽ, buồn rầu. -Thầy kẹp thước dưới nách - Thầy mặc lễ phục, nói nhẹ nhàng: vào đi con, ko la mắng

<p>nay ntn? Sự khác lạ đó báo hiệu điều gì ?</p> <p>- GV giảng: Quang cảnh yên tĩnh, khác thường so với mọi hôm, buổi học có sự xuất hiện của cả dân làng, của cụ Hô-de – xã trưởng cũ, không khí lớp học trang nghiêm,... Tất cả những chi tiết ấy báo hiệu 1 buổi học đặc biệt: buổi học tiếng Pháp cuối cùng trong trường làng ở vùng An-dát - nơi đã mất tự do vào tay người Phổ. Có điều gì đó thật thiêng liêng trong cái không khí yên tĩnh khác thường ấy...</p> <p>? Trước sự trang nghiêm của buổi học, Phrang có cảm nhận gì?</p> <p>? Em hiểu gì về tâm trạng của Phrang lúc này ? (GV bình)</p> <p>? Phần đầu văn bản, tác giả đã thành công với NT nổi bật nào ?</p> <p>? Qua đó, em có cảm nhận chung gì về cảnh trước buổi học và cậu bé Phrang? Hãy trình bày cảm nhận trong 1p.</p>	<p>+ NT: So sánh, đối lập, bút pháp miêu tả.</p> <p>-> Lớp học thay đổi, báo hiệu về điều gì nghiêm trọng, khác thường.</p> <p>- Tâm trạng của Phrang: + Ngạc nhiên, cảm nhận được sự khác thường + Ý nghĩ: Đi vào giữa sự lặng ngắt đó, tôi đỏ mặt, sợ đến chừng nào. -> Lo lắng, sợ hãi, ngượng ngùng, xấu hổ.</p> <p>* Tiểu kết. - Nghệ thuật: + So sánh, đối lập. + Kể xen tả hợp lí. - Nội dung : Quang cảnh thiên nhiên và cảnh 2 bên đường, cảnh lớp học huy có sự thay đổi. Dự báo về điều ko lành đến với vùng An-dát-vùng bị quân Phổ chiếm đóng.</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

? Khung cảnh từ nhà đến trường của Phrang được miêu tả như thế nào?

? Nhận xét tâm trạng của Phrang trên đoạn đường đấy?

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn miêu tả cảnh lớp học của em.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc thêm các truyện của An-phông-xơ Đô-đê.

Chuẩn bị: Tiếp tục tìm hiểu về văn bản: Diễn biến buổi học cuối cùng và cảnh kết thúc buổi học. Thấy được diễn biến, kết thúc buổi học cuối cùng.

Tuần 24

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 96 – Văn bản:

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

Chuyện của một em bé người An-
Dát) (An-phông-xơ Đô-đê)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm được tình huống truyện, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời đối thoại và lời độc thoại của nhân vật trong tác phẩm.
- Hiểu ý nghĩa, giá trị của tiếng nói dân tộc.
- Hiểu tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong truyện.

2. Kỹ năng:

- Kể tóm tắt truyện.
- Tìm hiểu và phân tích nhân vật Phrăng qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động.

3. Thái độ:

- Có tình yêu tiếng Việt; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ, tư duy sáng tạo.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, bản đồ hành chính nước Pháp, chân dung tác giả An-phông-xơ Đô-đê.
- 2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, dạy học nhóm, phân tích, bình giảng, đặt và giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, động não, giao nhiệm vụ, trình bày một phút

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

*** Ổn định :**

*** Kiểm tra bài cũ:**

- Giải thích tên gọi vb ”Buổi học cuối cùng”?

*** Tổ chức khởi động:**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
<p>HD 1 : Tìm hiểu chi tiết văn bản :</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vđáp, ptích, bình giảng, DH nhóm - KT: động não, thảo luận nhóm, giao nhiệm vụ - NL: tư duy sáng tạo, cảm thụ, phân tích, sd ngôn ngữ, hợp tác <p>? Trước khi vào lớp Phrăng lo lắng vì sợ thầy mắng. Thấy lớp học yên ắng Phrăng có thái độ nào ?</p> <p>? Khi nghe thầy Ha-men nói đây là buổi học cuối cùng, Phrăng có tâm trạng, suy nghĩ gì? Tìm chi tiết đó ?</p> <p>? Nhận xét về ngôn ngữ tác giả sử dụng ở đoạn văn ?</p> <p>? Em hiểu gì về Phrăng ?</p> <p>? Khi thầy gọi đọc bài, Phrăng có phản ứng ra sao ?</p> <p>? Tâm trạng khi không học bài?</p> <p>? Thái độ của Phrăng đối với việc học tiếng Pháp trong buổi học cuối cùng?</p> <p>- Y/C HS trao đổi theo bàn (2ph)</p> <p>? Vì sao Phrăng lại có sự thay đổi như vậy?</p> <p>- Gọi HS TB, HS khác NX, bổ sung.</p> <p>? Hình ảnh các cụ già đến lớp dự buổi học đã thể hiện điều gì đối với Phrăng và người dân nói chung?</p> <p>? Tìm tiếp chi tiết biểu hiện thái độ của Phrăng trong buổi học?</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản :</p> <p>1. Nhân vật Phrăng.</p> <p>b. Trong buổi học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngạc nhiên trước sự nghiêm túc của buổi học này. - Tâm trạng: Choáng váng. “ A! Quân khốn nạn” Tự hỏi và tự trách mình. - Chẳng bao giờ được học nữa ư. - Tôi tự giận mình biết mấy. + NT : ngôn ngữ độc thoại. <p>-> <i>Bất ngờ, xúc động, căm thù quân xâm lược.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi thầy gọi đọc bài: lúng túng, không đọc được quy tắc về phân từ. -> <i>Lần đầu thấy ân hận, xấu hổ tự trách mình, biết không còn cơ hội để sửa chữa.</i> <p>* Khi thầy giảng bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chăm chú nghe: thấy rõ ràng, dễ hiểu (trước đây thấy rắc rối, phức tạp, khó hiểu) + Thấy yêu thầy, biết ơn thầy. + Nhớ mãi buổi học cuối cùng này. -> Phrăng đã hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng Pháp, tiếng mẹ đẻ -> tha thiết muốn được học tập, yêu tiếng nói của dân tộc -> yêu nước. - Các cụ già đến lớp học không có sách, chỉ đọc theo học trò không những đã ảnh hưởng sâu sắc tới tâm hồn Phrăng mà còn cách để người dân thể hiện lòng yêu tiếng Pháp. - “Liệu con bồ câu có bị hót bằng tiếng Đức

<p>? Thái độ đó chuyển biến như thế nào? Thái độ biểu hiện điều gì?</p> <p>? Qua Phrăng, tác giả muốn thể hiện chủ đề tư tưởng gì? - GV bình</p> <p>? Thầy Ha-men mặc trang phục nào trong buổi học cuối cùng?</p> <p>? Nhận xét trang phục ấy? Qua đó giúp ta biết điều gì?</p> <p>? Thầy có thái độ như thế nào đối với học sinh ? Tìm chi tiết đó ?</p> <p>? Nhận xét thái độ và việc làm của thầy?</p> <p>? Chi tiết nào nói lên tâm niệm của thầy? ? Nhận xét tâm niệm này?</p> <p>- T/C cho HS TL : 4 nhóm (2ph) - Câu nói của thầy Ha men “Khi một dân tộc rơi vào.... chốn lao tù” có ý nghĩa gì? - Gọi đại diện HS trả lời. - Gọi HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT. - GV bình</p>	<p>không” -> Từ chán học - tự nguyện học - xong đã muộn. Lời tự hỏi đau đớn xót xa, căm giận - > Tình cảm sâu sắc với ngôn ngữ của dân tộc. => <i>Bộc lộ lòng yêu nước, lòng tự hào về ngôn ngữ của dân tộc. Đó là nỗi đau mất nước, mất tự do, không được nói tiếng nói mẹ đẻ.</i></p> <p>2. Thầy Ha- men: a, Trang phục: - Áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục diềm lá xanh, diềm lá sen, gấp nếp mịn. - Đội mũ tròn bằng lụa đen thêu. -> Y phục trang trọng mặc trong dịp lễ hay đón tiếp khách, chứng tỏ buổi học vô cùng quan trọng, vô cùng ý nghĩa đối với thầy Ha-men. b, Thái độ với học sinh. - Thái độ của thầy trong buổi học không còn nghiêm khắc, giận dữ mà dịu dàng nhắc nhở. - Thầy nhiệt tình giảng dạy như muốn truyền thụ hết kiến thức cho học sinh. -> Thầy như thay đổi hoàn toàn, một tình yêu tiếng nói dân tộc sâu sắc. c. Lời nói về việc học tiếng Pháp - Điều tâm niệm lớn nhất của thầy: Tiếng Pháp là thứ ngôn ngữ hay nhất trên thế giới. - Thầy ca ngợi tiếng Pháp giàu đẹp -> niềm tự hào dân tộc mình, ẩn trong đó là sự xót xa đau đớn khi phải rời xa nó. => tiếng nói dân tộc là tài sản tinh thần vô giá, được vun đắp qua hàng nghìn năm. => Phải biết yêu quý, nắm vững, giữ gìn tiếng nói của dân tộc mình, nhất là khi đất nước rơi vào vòng nô lệ. - Nó không chỉ là tài sản quý báu của dân tộc mà còn là phương tiện quan trọng để</p>
--	--

<p>? Cuối buổi học những âm thanh nào được chú ý?</p> <p>? Những tiếng động đó có ý nghĩa gì? Tượng trưng cho điều gì?</p> <p>? Thái độ, cử chỉ của thầy Ha-men lúc này ra sao?</p> <p>? Những cử chỉ đó cho ta biết điều gì về tâm trạng thầy Ha-men lúc này?</p> <p>? Lời nói của Thầy “Nước Pháp muôn năm” gợi trong em suy nghĩ gì?</p> <p>? Em có nhận xét gì về buổi học cuối cùng này?</p> <p>- GV bình</p> <p>? T/C của em với tiếng mẹ đẻ ntn – hãy trình bày trong tgian 1 phút ?</p> <p>HD 2: Tổng kết văn bản:</p> <p>- PP: vấn đáp</p> <p>- KT: đặt câu hỏi</p> <p>- NL: sd ngôn ngữ</p> <p>? Nêu những nét chính về nghệ thuật?</p>	<p>đấu tranh giành lại độc lập tự do.</p> <p>d. Cảnh kết thúc buổi học, cử chỉ, hành động của thầy Ha-men.</p> <p>- Tiếng chuông nhà thờ điểm 12h.</p> <p>- Tiếng kèn của quân Phổ</p> <p>-> Báo hiệu thời gian trôi nhanh, chấm dứt buổi học cuối cùng, chấm dứt một giai đoạn của thầy và trò trong vùng bị tạm chiếm. Chiến tranh - hoà bình, tự do - nô lệ cùng hiện lên trong căn phòng nhỏ.</p> <p>- Thầy Ha-men:</p> <p>+ Đứng trên bục, người tái nhợt.</p> <p>+ Cổ cầm phấn dẫn mạnh hết sức, viết thật to: “Nước pháp muôn năm”.</p> <p>+ Thầy đứng đó, đầu dựa vào tường, chẳng nói, đưa tay ra hiệu .</p> <p>-> Tâm trạng vô cùng xúc động. Thầy xót xa nuối tiếc, uất ức vì không được dạy tiếng Pháp nữa; tê tái vì mất tự do, căm thù quân Đức</p> <p>- “Nước Pháp muôn năm”, Thầy trút tình cảm vào những chữ trên bảng. Khẩu hiệu đó như một niềm tin vào tự do trong tương lai cũng là lòng yêu nước nồng nàn của thầy, của nhân dân Pháp.</p> <p>-> Buổi học cuối cùng diễn ra vô cùng hệ trọng trong sự tiếc nuối, đau đớn buồn tủi, căm tức giặc ngoại xâm, thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân Pháp.</p> <p>- Yêu quý, trân trọng tiếng nói dân tộc.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật.</p> <p>- Kể chuyện ngôi thứ nhất.</p> <p>- Miêu tả nv qua ý nghĩ, tâm trạng, qua ngoại hình cử chỉ lời nói, hành động.</p> <p>- Ngôn ngữ tự nhiên, giọng kể chân thành, xúc động: câu biểu cảm, so sánh, ẩn dụ- Kể</p>
---	--

? Nội dung chính văn bản ?

- HS đọc phân ghi nhớ

chuyện ngôi thứ nhất.

- Ngôn ngữ tự nhiên, giọng kể chân thành, xúc động: c

2. Nội dung:

Ca ngợi t.yêu đất nước và ngôn ngữ dân tộc..

(Ghi nhớ SGK/T.55)

3. Hoạt động luyện tập:

- GV hướng dẫn HS làm BT phần Lt sgk.
- Tìm hình ảnh so sánh đặc sắc trong bài, cho biết tác dụng?
- ? Cảm nhận của em về thầy giáo Ha-men?

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn nói về cảm nhận của em về tiếng Việt qua đoạn

thơ: Tiếng mẹ đẻ

Mơ hồ thăm từng âm thanh tiếng mẹ

Tôi bỗng tỉnh ra. Tới giây phút lạ lòng

Tôi chợt hiểu, người chữa tôi khỏi bệnh

Chẳng thể là ai, ngoài tiếng mẹ thân thương

Những tiếng khác dành cho dân tộc khác

Cũng sẽ khiến cho lành bệnh bao người

Tôi chỉ biết nếu tiếng tôi biến mất

Thì tôi sẵn sàng nhắm mắt buông xuôi.

(R.Gam-da-tốp)

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc bài thơ viết về tiếng Việt của Lưu Quang Vũ.
- Chuẩn bị bài: Nhân hóa: Đọc các ví dụ, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 25**Tiết 97+ 98****BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ: TÔI LÀ NHÀ VĂN****I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: HS viết được một bài văn miêu tả ngắn trong đó có vận dụng biện pháp so sánh, tương tượng, nhân hóa

2. Kỹ năng:

-Thuyết trình được ý tưởng, cấu trúc, bố cục của bài văn

3. Thái độ: HS tự bồi dưỡng lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

4. Năng lực - Phẩm chất:

- Năng lực tự học, sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,

- Biết yêu thương, đoàn kết giúp đỡ bạn, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1, Giáo viên: SGK, SGV, tranh ảnh, giáo án.

2, Học sinh: SGK, vở ghi bài, đồ dùng học tập.

*** Chú ý:**

- **Thời gian thực hiện:** 2-3 tuần sau khi học xong bài 18: Tìm hiểu chung về văn miêu tả SGK Ngữ văn 6 tập 2

- **Thiết bị, vật tư:** SGK Ngữ văn 6 tập 2, máy tính kết nối Internet, máy chiếu, băng đĩa về các tiêu phẩm biểu diễn; sổ tay, bút đánh dấu, nguyên vật liệu để chế tạo đạo cụ sân khấu (bìa các- tông, giấy màu, hồ dán...)

- **Hình thức hoạt động:** Nhóm 3->5 người.

III. BÁO CÁO SẢN PHẨM

Hình thức tổ chức hoạt động

*Các nhóm cử đại diện báo cáo, thuyết trình sản phẩm của nhóm

-Làm rõ đối tượng quan sát, miêu tả

-lam rõ quá trình quan sát

-Đọc diễn cảm bài viết của mình trước lớp

* chú ý lựa chọn các bài văn để trình bày: Khi lựa chọn cần chú ý chọn đa dạng (cả bài tốt và bài chưa tốt)

*Gợi ý cho HS các hình thức báo cáo khác nhau để tránh sự lặp lại, nhàm chán..

IV. ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

- Cá nhân các nhóm tự đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm theo các mức độ 0,1,2,3,4.

- Các nhóm đánh giá sản phẩm của các nhóm theo phiếu.

- Cả nhóm thống nhất tự đánh giá các nội dung bằng cách khoanh tròn vào các mức độ A,B,C,D.

PHỤ LỤC

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Chủ đề: *Tôi là nhà văn*

(Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:.....; Ngày đọc:.....

CỤM TỪ KHOÁ	NỘI DUNG ĐỌC LIÊN QUAN
Vẻ đẹp của văn miêu tả	
Trình tự quan sát, miêu tả	
So sánh, liên tưởng	
Nhận xét trong văn miêu tả	
Thái độ, tình cảm trong văn miêu tả...	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

1, Cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm

Mức độ đóng góp	4. <i>Có những đóng góp quan trọng cho nhóm</i>	3. <i>Có đóng góp có ý nghĩa cho nhóm</i>	2. <i>Có đóng góp nhỏ cho nhóm</i>	1. <i>Không có đóng góp cho nhóm</i>	0. <i>Gây cản trở hoạt động của nhóm</i>
Họ tên thành viên					

* Phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt động của nhóm:

Mức độ Đóng góp	4 <i>Có những đóng góp quan trọng cho nhóm</i>	3 <i>Có đóng góp có ý nghĩa cho nhóm</i>	2 <i>Có đóng góp nhỏ cho nhóm</i>	1 <i>Không có đóng góp cho nhóm</i>
Nội dung				
Tinh thần làm việc nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên làm việc với nhau rất tốt. - Mọi thành viên đều làm việc tích 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên làm việc với nhau tốt. - Mọi thành viên đều có tinh thần 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt. - Nhiều lúc các thành viên không 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm. - Cá thành viên thiếu tôn

				trọng
--	--	--	--	-------

	<p>cực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần học tập nghiêm túc, hiệu quả. 	<p>hợp tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi thành viên đều tham gia làm việc. 	<p>tập trung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. 	<p>nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao.
Hiệu quả làm việc nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Cả nhóm nhanh chóng tìm được giải pháp cho công việc chung. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương pháp, phương án làm việc độc đáo, hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có lúc tìm ra được giải pháp hiệu quả, có lúc gặp bế tắc. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương pháp, phương án làm việc khác nhau có giá trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả nhưng chưa được. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương pháp, phương án làm việc hiệu quả nhưng chưa đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp làm việc hiệu quả. - Các thành viên không có ý thức đưa ra phương pháp, phương án làm việc hiệu quả.
Trao đổi, thảo luận trong nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên luôn đặt câu hỏi cho nhau. - Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả. - Các thành viên luôn biết cách đưa ra các ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên đặt nhiều câu hỏi cho nhau. - Các thành viên thảo với nhau hiệu quả. - Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên có cố gắng trao đổi ý kiến với nhau. - Ít các ý kiến phân biệt với nhau - Thảo luận đôi khi không có hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm làm việc theo kiểu cá nhân không trao đổi với nhau. - Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến của nhau trong quá trình làm việc.

V. NHẬN XÉT RÚT KINH NGHIỆM:

Giáo viên đánh giá, rút kinh nghiệm, cho điểm nhóm

*HD tìm tòi mở rộng

-Tìm hiểu bà:Phương pháp tả người.

Tuần 26

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 99 – Tiếng Việt:**NHÂN HOÁ****I. Mục tiêu :** Qua bài học, HS cần :**1. Kiến thức:**

- Nắm được khái niệm nhân hóa, các kiểu nhân hoá, tác dụng của phép nhân hoá.

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng nhận biết và bước đầu phân tích được tác dụng của phép nhân hóa.
 - Sử dụng phép nhân hoá trong nói và viết.

3. Thái độ: Có thái độ nghiêm túc, tích cực học bài.**4. Năng lực, phẩm chất :**

- Năng lực : hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tự học, tư duy sáng tạo, phân tích
 - Phẩm chất : tự tin, tự chủ

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài; Bảng phụ ghi các ví dụ, phiếu học tập.

- Tích hợp: Các văn bản " Vượt thác, Mưa".

2. Trò: Học bài cũ- Chuẩn bị trước bài mới.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: phân tích mẫu, gợi mở- vấn đáp, hoạt động nhóm, It thực hành

- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động :*** **Ôn định :*** **Kiểm tra:**

- Có mấy kiểu so sánh? Làm bài tập 2(sgk)

- Tác dụng của phép so sánh? Lấy ví dụ?

* **Tổ chức khởi động:**

GV tổ chức cho hs chơi trò chơi: ô cửa bí mật (Các ô cửa là những câu văn, thơ chứa hình ảnh nhân hoá) -> HS tìm các biện pháp nhân hoá trong các câu thơ, văn ở mỗi ô.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV –HS	Nội dung cần đạt
HĐ 1 : Nhân hóa là gì ? - PP : vấn đáp, p.tích mẫu, hđ nhóm - KT : thảo luận nhóm - NL : hợp tác, phân tích, tự học - HS đọc ví dụ ? Những sự vật nào được nói đến	I. Nhân hoá là gì? 1. Xét ví dụ: a. Ví dụ 1. - Sự vật: ông trời/ mía/kiến

<p>trong câu? Sự vật ấy được gán những hành động gì? ? Hành động của các sự vật này thường thấy của ai? Khi nào? ? Cách gọi tên, tả các sự vật đó có gì khác nhau?</p> <p>- Gọi học sinh đọc các câu vd 2. - T/C cho HS TL : 4 nhóm (2ph) : + <i>Cách diễn đạt ở mục 1 có gì khác nhau so với cách diễn đạt ở mục 2 ?</i> + <i>Tác dụng của việc sử dụng phép nhân hóa trong ví dụ 1 ?</i> - Gọi đại diện HS trả lời. - Gọi HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT.</p> <p>? Qua ví dụ, cho biết thế nào là nhân hoá ?</p> <p>? Tìm thêm thơ, văn có sử dụng nhân hóa ?</p> <p>HS làm BT1 sgk.</p> <p>HD 2: Các kiểu nhân hóa: - PP: vấn đáp. Phân tích mẫu - KT: đặt câu hỏi - NL: phân tích - Học sinh đọc ví dụ a,b,c. ? Tìm từ in đậm? Các từ đó thường dùng để gọi cho ai ? ? Lão, bác... ở đây dùng để gọi gì ?</p>	<p>- Hành động: <i>Mặc</i> áo giáp ra trận /<i>Múa</i> gươm/ <i>Hành quân</i> ra trận. -> Đó là hành động của con người chuẩn bị chiến đấu.</p> <p>- Trời : Gọi là ông trời -> dùng từ ngữ vốn gọi, tả người để gọi, tả vật. - Mía, kiến : Gọi tên bình thường. -> Cách gọi tên, tả hành động của sự vật như vậy gọi là nhân hóa.</p> <p>b. Ví dụ 2. - So sánh : + Diễn đạt ở mục 1 sống động hơn, bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết. + Diễn đạt ở mục (2) chỉ có tính chất miêu tả, tự thuật. - Tác dụng: Những sự vật, con vật ... được gán cho những thuộc tính, hành động của con người -> làm cho thế giới loài vật, đồ vật gần gũi với con người, để biểu thị suy nghĩ tình cảm, tâm trạng của con người (làm cho câu văn hay hơn, sinh động hơn) => Nhân hóa là gọi, tả đồ vật, cây cối... bằng những từ vốn để gọi người, tả người... làm cho thế giới loài vật gần gũi với con người ...</p> <p>2. Ghi nhớ SGK/T.57 VD: Chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. * Bài tập 1(sgk/58): - Bến cảng.....đông vui - Tàu mẹ, tàu con, xe anh, xe em...rộn ràng. -> Làm người đọc hình dung ra cảnh nhộn nhịp, không khí lao động khẩn trương, phấn khởi của con người nơi bến cảng.</p> <p>II. Các kiểu nhân hoá 1. Xét ví dụ: a. <i>Lão</i> miệng, <i>bác</i> Tai, <i>cô</i> Mắt, <i>cậu</i> Chân, <i>cậu</i> Tay -> Đại từ nhân xưng chỉ người. - Dùng để gọi bộ phận trên cơ thể người. => Kiểu nhân hóa: Dùng từ ngữ vốn gọi</p>
--	--

	<i>người để gọi vật.</i>
--	--------------------------

<p>? Sự vật nào được nhân hoá trong ví dụ b ? Chúng có hành động gì ?</p> <p>? Những hành động chỉ có ở ai?</p> <p>? Con người gọi trâu thế nào? Nhận xét về cách nói này?</p> <p>? Qua tìm hiểu ví dụ có mấy kiểu nhân hóa?</p> <p>- HS đọc phần ghi nhớ</p>	<p>b. Sự vật: Gậy tre, chông tre, tre</p> <p>- Hành động: Chống lại, xung phong, giữ</p> <p>-> chỉ có ở con người.</p> <p>=> Nhân hóa: Dùng từ vốn chỉ hành động, tính chất của con người để chỉ hành động, tính chất của vật.</p> <p>c. Trâu ơi?</p> <p>-> Nhân hóa: Trò chuyện xưng hô với vật như đối với con người.</p> <p>=> Có 3 kiểu nhân hóa:</p> <p>- Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.</p> <p>- Dùng từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.</p> <p>- Trò chuyện xưng hô với vật như đối/v người.</p> <p>2. Kết luận: Ghi nhớ SGK/ T.58</p>
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

- PP: luyện tập thực hành, hđ nhóm
- KT: TL nhóm, giao nhiệm vụ
- NL: hợp tác, tư duy sáng tạo

<p>- HS làm việc cá nhân (TG: 1 ph)</p> <p>? So sánh với cách diễn đạt của bài 1.</p> <p>- Gọi HS trả lời.</p> <p>- Gọi HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>- T/C cho HS TL : 4 nhóm (2ph)</p> <p>? So sánh hai cách viết về chổi rom ?</p> <p>- Gọi đại diện HS trả lời.</p> <p>- Gọi HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>* Bài tập 2(sgk/58):</p> <p>- ĐV1: Dùng phép nhân hoá, nhờ vậy khung cảnh diễn ra sinh động hơn, thể hiện niềm vui phấn khởi của con người.</p> <p>- ĐV2: Chỉ là ghi chép khách quan của người ngoài cuộc.</p> <p>* Bài tập 3(sgk/58):</p> <p>- Giống: Đề tả cái chổi rom</p> <p>- Khác: ĐV1: Dùng phép nhân hoá gọi hình ảnh: VB biểu cảm</p> <p>ĐV2: Không dùng nhân hoá Thiếu hấp dẫn: VB: thuyết minh</p>
--	---

4. Hoạt động vận dụng:

- Thế nào là phép nhân hoá? Tác dụng của phép nhân hoá?
- Có mấy kiểu nhân hoá? Lấy ví dụ minh họa ?
- Dùng sơ đồ tư duy để khái quát kiến thức bài học (bảng phụ).

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Sưu tầm các câu thơ, câu văn có sử dụng nhân hóa.
- **Chuẩn bị bài mới: Phương pháp tả người.**
- + Đọc kỹ các đoạn văn trong SGK, trang 59, 60.
- + Tìm hiểu cách tả người và bố cục, hình thức của một đoạn, một bài văn tả người. Từ đó, vận dụng vào viết đoạn văn tả người (chủ đề tự chọn).

Tuần

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 100. Bài 22. Tập làm văn. PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI**I. Mục tiêu :** Qua bài học, HS cần :

1. Kiến thức: Hiểu được phương pháp làm bài văn tả người, cách tả người và bố cục, thứ tự miêu tả của bài văn tả người.
 - Biết cách xây dựng đoạn văn và lời văn trong bài văn tả người.
2. Kỹ năng: Biết quan sát, lựa chọn các chi tiết cần thiết cho bài văn miêu tả.
 - Trình bày những điều quan sát, lựa chọn theo một trình tự hợp lí.
 - Biết viết đoạn văn, bài văn tả người.
 - Bước đầu có thể trình bày miệng một đoạn hoặc một bài văn tả người trước tập thể lớp.
3. Thái độ: Có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác viết văn miêu tả người.
4. Năng lực, phẩm chất:
 - Năng lực: giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tự học, phân tích, tư duy sáng tạo
 - Phẩm chất: tự tin, tự chủ

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài; Tham khảo các bài văn tả người.
 - Tích hợp: So sánh, văn bản đã học.
2. Trò: Học bài cũ; chuẩn bị trước bài mới

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- PP: vấn đáp, phân tích mẫu, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành
- KT: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động :*** **Ôn định tc.*** **Kiểm tra :**

- Khi miêu tả cần chú ý những gì?
- Bố cục của bài văn tả cảnh, nội dung của từng phần?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu bức ảnh chân dung chủ tịch HCM và 1 bức ảnh chụp HCM đang tưới cây.
- ? Tổ chức thi: Ai tả hay nhất.
- HS chia 2 đội, mỗi đội có 2 phút thảo luận -> tả nhanh HCM trong 2 bức ảnh -> trình bày trước lớp.
- GV dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: PP viết một đoạn văn, bài	I- Phương pháp viết một đoạn văn, bài văn tả

<p>văn tả người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: hoạt động nhóm - KT: TL nhóm, giao nhiệm vụ - NL: hợp tác, phân tích <p>- HS đọc đoạn văn 1,2 SGK.</p> <p>- T/C cho HS TL : 4 nhóm (4 ph)</p> <p>* Nhóm 1,2: Đoạn văn 1 miêu tả ai? Với những đặc điểm gì nổi bật? ? Nhận xét DHT trong đoạn văn?</p> <p>* Nhóm 3,4: ? Đoạn văn 2 tả ai? Chân dung đó hiện lên qua từ ngữ nào?</p> <p>? Em hình dung điều gì về nhân vật này qua cách miêu tả trên?</p> <p>- Gọi đại diện HS trả lời. - Gọi HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT. ? Nhận xét cách miêu tả đoạn văn 1 và đoạn văn 2 ?</p> <p>? Các đoạn văn miêu tả nhân vật theo trình tự nào? ? Qua VD cho biết muốn tả người cần chú ý tới đặc điểm gì?</p> <p>- HS đọc phần ghi nhớ. ? Hãy tìm và đọc những đoạn văn tả người hay ? - HS tìm và đọc trước lớp.</p> <p>- Học sinh đọc VD3/SGK ? Văn bản trên gồm mấy phần? Nội dung chính từng phần?</p>	<p>người. 1. Ví dụ 1, 2 sgk.</p> <p>a. Đoạn 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả: Dượng Hương Thư - Đặc điểm: (so sánh) + Như pho tượng đồng đúc. Bắp thịt cuộn cuộn, hàm răng cắn chặt, cặp mắt nảy lửa. + Như 1 hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. -> DHT vững chãi, chắc chắn, khoẻ khoắn, kiên cường trong cuộc vượt thác. <p>b. Đoạn 2: - Miêu tả : Cai Tứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấp và gầy, mặt vuông má hóp, lông mày lồm chồm, mắt gian hùng, mũi gồ sống lưng, mồm toét toét om như cửa hang, răng vàng... -> Nhân vật hiện lên với chân dung gian hùng, vẻ mặt xấu xí, đều cáng. <p>c. Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐV1: Miêu tả con người lao động, chân dung kết hợp hành động, dùng nhiều động từ, ít tính từ - ĐV2: Chỉ đặc tả chân dung nên dùng ít động từ, nhiều tính từ. - Quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu và trình bày kết quả quan sát theo một trình tự. -> <i>Muốn tả người cần xác định đối tượng cần tả ; Quan sát, lựa chọn những chi tiết tiêu biểu; Sau đó trình bày kết quả quan sát được theo một trình tự.</i> <p>* Ghi nhớ 1 (SGK/T. 61)</p> <p>2. Ví dụ 3.</p> <p>* Đoạn văn 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: “Đầu” ... Nổi lên ầm ầm” Cảnh keo vật chuẩn bị bắt đầu. - Phần 2: Tiếp ... Bụng vậy: Diễn biến keo vật. - Phần 3: Còn lại: Nhận xét về keo vật.
--	--

<p>? Nếu phải đặt tên cho bài văn này em sẽ đặt tên là gì ? Vì sao ?</p> <p>? Qua VD, Cho biết bố cục một bài văn tả người? Nhiệm vụ từng phần?</p> <p>- Học sinh đọc ghi nhớ</p>	<p>VD : Keo vạt.</p> <p>* Bố cục bài văn tả người : 3 phần.</p> <p>+ MB : <i>Giới thiệu người được tả.</i></p> <p>+ TB : <i>Miêu tả chi tiết về người được tả (ngoại hình, hành động...)</i></p> <p>+ KB : <i>Nhận xét, nêu cảm nghĩ về người được tả.</i></p> <p>* Ghi nhớ 2(SGK / T.61)</p>
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

- PP: luyện tập thực hành, hđ nhóm
- KT: TL nhóm, giao nhiệm vụ
- NL: giao tiếp, hợp tác

đoạn văn tả ngoại hình em bé ?

? Tìm chi tiết tiêu biểu mà em sẽ lựa chọn khi miêu tả : em bé, cụ già, cô giáo ?

HS làm việc cá nhân, phát biểu GV chốt

? Lập dàn ý cho đề văn tả em bé .

? MB em sẽ viết gì ?

? TB em cần trình bày những gì ?

? KB em viết ra sao?

? Viết một đoạn mở bài và một

II. Luyện tập

* Bài tập 1:

- a. Một em bé chừng 4- 5 tuổi
 - Mắt đen láy như hạt nhãn; môi đỏ như son.
 - Cười tươi, tóc tơ mềm mại, da trắng hồng.
 - Chân tay bụ bẫm, hay nghịch...
- b. Một cụ già cao tuổi
 - Tóc bạc trắng như cước.
 - Da có nếp nhăn, có nốt đồi mồi.
 - Tiếng nói trầm âm, hiền hậu.
 - Bàn tay gân guốc, răng đen vì ăn trầu...
- c. Cô giáo của em đang giảng bài trên lớp
 - Dáng người thon thả, tóc dài, tiếng nói trong trẻo dịu dàng.
 - Say sưa giảng bài, giọng trầm ấm, đôi mắt đen.
 - Bàn tay mềm mại, viết chữ đẹp, thẳng hàng.
 - Cô quan tâm, ân cần chỉ bảo cho học sinh từ nét chữ đến bài học...

* Bài 2.

- MB: Giới thiệu về em bé định tả.
- TB: Miêu tả chi tiết về em bé:
- + Ngoại hình: Nhỏ nhắn
- + Nước da: trắng mịn như trứng gà bóc.
- + Tóc: ngắn, cắt ngang vai.
- + Mắt: đen láy như hạt nhãn...
- + Hành động: hay nghịch...
- + Thích hát, xem hoạt hình...
- KB: Yêu mến em bé.

(HS viết)

Gọi HS đọc.

Y/C HS khác nhận xét.

GV nhận xét.

*** Bài 3.**

Son

Pho tượng

- Gọi HS đọc bài 3.

T/C cho HS TL cặp đôi (2 ph) : - ^{> Chuẩn bị cho kéo đầu vật} Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong đoạn văn ?
? Ông Cử Ngủ được miêu tả trong tư thế chuẩn bị làm việc gì ?

Gọi đại diện HS trả lời.

Gọi HS khác NX, bổ sung.

GV NX, chốt KT.

4. Hoạt động vận dụng :

- Hãy viết đoạn văn tả một người em yêu quý. Đọc chia sẻ với các bạn cùng lớp.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc các sách tham khảo những bài văn tả người.

- Quan sát mọi người trong gia đình.

- Chuẩn bị bài mới: “Đêm nay Bác không ngủ”.

+ Tìm hiểu về tác giả Minh Huệ và tác phẩm: “Đêm nay Bác không ngủ” - trình bày ra giấy tờ ki to.

+ Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản.

+ Hiểu và cảm nhận được hình tượng Bác với vẻ đẹp thiêng liêng gần gũi và tình cảm tấm lòng yêu thương mệnh mông, chăm sóc ân cần với chiến sĩ và tình cảm của người chiến sĩ, toàn dân đối với Bác.

+ Thấy nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 27. Tiết 101. Bài 23. Văn bản.

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

(Minh Huệ)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu và cảm nhận được tình yêu thương lớn lao của Bác Hồ dành cho bộ đội, dân công và tình cảm của người chiến sĩ đối với Bác trong bài thơ.
 - Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của bài thơ : đó là sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và miêu tả, biểu cảm và các biện pháp nghệ thuật khác được sử dụng trong bài thơ.
2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc diễn cảm, kể tóm tắt diễn biến câu chuyện bằng một đoạn văn ngắn.
 - Bước đầu biết cách đọc thơ tự sự được viết bằng thể thơ 5 chữ có kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm thể hiện được tâm trạng lo lắng của Bác; tâm trạng ngạc nhiên, xúc động, lo lắng và niềm sung sướng, hạnh phúc của người chiến sĩ, cảm nhận và phân tích văn bản.
3. Thái độ: Kính yêu, cảm phục và biết ơn Bác Hồ.
4. Năng lực, phẩm chất:
 - Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ
 - Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án.....ảnh Bác Hồ, chân dung tác giả Minh Huệ.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, bình giảng,....
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, động não, giao nhiệm vụ, trình bày một phút

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Cảm nhận của em về thầy Ha-men trong buổi học cuối cùng?

? Văn bản bồi đắp cho em tình cảm nào?

*** Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu đoạn clip về h/a Bác Hồ trong thời kì tham gia kháng chiến.

? Em nhìn thấy hình ảnh nào của Bác trong đoạn clip trên? Bằng 1 phút, hãy phát biểu cảm nhận của mình.

- HS phát biểu. GV dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>* HĐ 1 : Đọc và tìm hiểu chung.</p> <p>- PP : vấn đáp, thuyết trình, hđ nhóm</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm, giao nhiệm vụ</p> <p>- NL: giao tiếp, sd ngôn ngữ, hợp tác</p> <p>- GV tổ chức trò chơi “Bông hoa điểm 10” cho hs tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.</p> <p>(Hoa 5 cánh: tác giả, hoàn cảnh st, thể loại, btbđ, cấu trúc vb)</p> <p>- HS thi.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Giọng đọc btho?</p> <p>- Giọng truyền cảm, thể hiện niềm kính trọng và biết ơn đối với Bác...</p> <p>- HS đọc văn bản -> GV đọc.</p> <p>? Giải nghĩa chú thích 1, 2....?</p> <p>- Dựa vào văn bản cho biết mỗi khổ có mấy câu - mỗi câu có mấy tiếng.</p> <p>- Liên hệ tới cách làm thơ 5 tiếng.</p> <p>* Luật thơ: 5 tiếng/câu; 4 câu/1khổ:</p> <p>Ngũ ngôn</p> <p>- 2 câu liền cùng vần: Vần liền</p> <p>- Gieo ở cuối câu: Vần chân</p> <p>- Nhịp 3/2 hoặc 2/3</p> <p>HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <p>- PP : vấn đáp, hđ nhóm, ptích, bgiảng.</p>	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả.</p> <p>- Minh Huệ tên khai sinh là Nguyễn Thái, sinh năm 1927, quê ở tỉnh Nghệ An, làm thơ từ thời kháng chiến chống Pháp.</p> <p>2. Tác phẩm :</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời.</p> <p>- Đêm nay Bác không ngủ là bài thơ nổi tiếng nhất của Minh Huệ.</p> <p>- Bài thơ dựa trên sự kiện có thực: Trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, Bác Hồ trực tiếp ra trận theo dõi và chỉ huy cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân ta.</p> <p>b. Đọc và tìm hiểu chú thích.</p> <p>* Đọc:</p> <p>* Chú thích :</p> <p>c. Thể loại : Thơ tự sự.</p> <p>d. PTBĐ: TS + BC + MT</p> <p>e. Cấu trúc: 3 phần</p> <p>+ Phần 1: 9 khổ thơ đầu: Lần thức dậy thứ nhất của anh đội viên.</p> <p>+ Phần 2: 6 khổ tiếp: Lần thức dậy thứ ba của anh đội viên.</p> <p>+ Phần 3: Còn lại: Tình cảm đối với Bác.</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p>

<p>- KT: Đặt CH, TL nhóm, t.bày 1 phút - NL: cảm thụ, tư suy stao, sd ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác</p> <p>HS: thảo luận cặp đôi tìm hiểu: ? Anh đội viên thức dậy trong hoàn cảnh nào? (Thời gian, thời tiết ra sao) ? Tác giả sử dụng nghệ thuật gì? ? Thế nào là mưa lâm thâm? Qua đó em hiểu gì về hoàn cảnh này? (Bình về hoàn cảnh)</p> <p>? Trong hoàn cảnh ấy anh đ.v đã bắt gặp Bác trong dáng vẻ nào?</p> <p>? Trầm ngâm là gì? ? Tác giả sử dụng NT gì để khắc hoạ hình ảnh Bác ? ? Quan sát hình ảnh đó em có nhận xét gì về dáng vẻ của Bác? ? Tìm cách xưng hô của anh đội viên với Bác ? NX về cách xưng hô đó ? ? Tác dụng của cách nói này? Liên hệ “Người là cha.... * TL nhóm: 6 nhóm (4 phút). ? Trong đêm không ngủ ấy Bác đã có những hành động gì? ? Nhận xét từ ngữ tg sử dụng ở đây ? ? Từ đó bộc lộ tình cảm gì của Bác?</p> <p>- ĐD HS TB – HS khác NX, b/s. - GV NX, chốt KT.</p> <p>(GV bình từ "dém"- "nhón")</p>	<p>1. Lần thức dậy thứ nhất của anh Đội viên. a. Hoàn cảnh: - Khuya lắm - Mưa lâm thâm -> Lúc mọi người đã ngủ - Lều tranh xơ xác + Nghệ thuật: miêu tả, từ láy gợi hình, gợi cảm. -> Hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt khó khăn</p> <p>b. Hình ảnh Bác Hồ: * Dáng vẻ: - Bác ngồi - Lặng yên - Vẻ mặt trầm ngâm (Trầm ngâm: thể chủ động đã ngồi từ rất lâu) + Miêu tả, từ láy.</p> <p>- Tư thế ưu tư suy nghĩ - Bác hiện lên như một pho tượng thiêng liêng giữa trời khuya. - Người cha: Chỉ Bác -> ẩn dụ -> Thân thiết- gần gũi như người thân trong gia đình đầy tình cảm ấm áp. * Hành động - Đốt lửa - Dén chăn - Nhón chân + Năng lực quan sát, nhận xét. + Động từ chỉ mức độ rất nhẹ nhàng. + Cách kể: rồi + Miêu tả. - Từ ngữ trên đã gợi tả sự cẩn trọng khéo léo, tỉ mỉ, chăm chút của Bác như người cha, người mẹ hiền. -> Tình yêu thương chăm sóc của Bác dành cho các chiến sĩ đội viên. - Bóng Bác cao lồng lộng</p>
--	--

? Qua cái nhìn của anh đ.v hình ảnh	
-------------------------------------	--

<p>Bác hiện lên qua những câu thơ nào? ? Biện pháp tu từ, loại từ nào được tổ sử dụng ở đây ?</p> <p>- T/C cho HS TL cặp đôi (2 ph) : ? Tại sao lại so sánh bóng Bác với ngọn lửa? Tác dụng ?</p> <p>- Gọi đại diện HS trả lời. - Gọi HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT.</p> <p>* GV bình: Hình Bác thật đẹp như một ông tiên từ truyện cổ tích vừa lung linh huyền diệu vừa sáng trong tâm trí người đội viên.</p> <p>* KT trình bày 1 phút. ? Cảm nhận của em về hình ảnh Bác Hồ trong bài thơ ?</p> <p>? Nêu những nét đặc sắc nghệ thuật trong những khổ thơ vừa học?</p> <p>? Hình ảnh Bác hiện nên như thế nào?</p> <p>? Em học được vẻ đẹp nào từ Bác?</p>	<p>- Âm hơn ngọn lửa hồng + So sánh, ẩn dụ , từ láy</p> <p> Bác vừa cao cả thiêng liêng vừa gần gũi và toả sáng một tình yêu bao la.</p> <p>=> Bác là vị lãnh tụ cao quý, vị cha của muôn dân. Bác hy sinh tất cả vì dân, vì nước.</p> <p>* Tiểu kết. - Nghệ thuật. + Ẩn dụ, so sánh, từ láy, tính từ, động từ gợi tả. + Ngôn ngữ đặc sắc, giàu hình ảnh. - Nội dung. + Hình ảnh Bác Hồ hiện nên trong đêm không ngủ khi chỉ huy chiến dịch là người lớn lao, cao cả, vĩ đại, yêu nước, thương các chiến sĩ bộ đội. - Tấm lòng, tình yêu nước, thương dân.</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP : vấn đáp, đọc sáng tạo. - KT: Đặt câu hỏi. - NL: giao tiếp</p> <p>* Thi đọc thơ. - 4 đội chơi: Mỗi đội đọc thuộc hai khổ thơ viết về Bác Hồ. Đội nào đọc diễn cảm, chính xác sẽ chiến thắng. - Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về hình ảnh Bác Hồ qua 2 khổ thơ đầu. - GV HD HS viết. - Gọi HS đọc – HS khác NX, bổ sung. - GV NX, cho điểm.</p>	<p>* Bài 1.</p> <p>* Bài 2:</p>

4. Hoạt động vận dụng.

- Đọc những bài thơ viết về anh bộ đội và Bác Hồ mà em biết.

- Kể những việc em đã làm bày tỏ lòng biết ơn đối với Bác Hồ.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- * Tìm đọc thêm những bài thơ viết về người lính trong những năm tháng kháng chiến của dân tộc ta.
- * Học thuộc lòng bài thơ. Nắm được nội dung đã học
- Phân tích, cảm nhận về đẹp tâm hồn của Bác.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 27. Tiết 102 Bài 23. Văn bản.
ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ (Tiếp theo)
Minh Huệ

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. **Kiến thức:** Tiếp tục hiểu và cảm nhận được tình yêu thương lớn lao của Bác Hồ dành cho bộ đội, dân công và tình cảm của người chiến sĩ đối với Bác trong bài thơ.
 - Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của bài thơ : đó là sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và miêu tả, biểu cảm và các biện pháp nghệ thuật khác được sử dụng trong bài thơ.
2. **Kỹ năng:** Cảm nhận và phân tích được vẻ đẹp của Bác và tâm trạng, cảm xúc của anh đội viên trong bài thơ.
 - Tìm và phân tích được tác dụng của các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong bài thơ.
 - Trình bày được suy nghĩ của mình sau khi học xong bài thơ.
3. **Thái độ:** Kính yêu, cảm phục và biết ơn Bác Hồ.
4. **Năng lực, phẩm chất:**
 - Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
 - Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án ảnh Bác Hồ, chân dung tác giả Minh Huệ.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, bình giảng
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, trình bày 1 phút

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

- * **Kiểm tra bài cũ:** ? Đọc thuộc 2 khổ thơ đầu bài thơ “ Đêm nay Bác không ngủ” ?
? Hình ảnh Bác Hồ hiện lên như thế nào trong lần thức dậy thứ nhất của Bác?

*** Tổ chức khởi động:**

- GV cho HS thi: Tìm tên bài thơ, bài hát viết về Bác -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vđáp, hđ nhóm, ptích, b.giảng - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm, trình bày 1 phút. - NL : hợp tác, giao tiếp, sd ngôn ngữ <p>? Anh đ.viên thấy trong đêm khuya Bác vẫn thức, anh tự hỏi mình bằng lời thơ nào?</p> <p>? Tác giả sử dụng kiểu câu gì ?</p> <p>? Em hiểu gì về thái độ của anh đội viên lúc này ?</p> <p>? Anh đội viên có cảm xúc gì ?</p> <p>? Qua đó bộc lộ thái độ gì? Liên hệ: Bác Hồ đó....</p> <p>Màu quê hương....</p> <p>* TL nhóm: 4 nhóm (TG 4 ph)</p> <p>? Sau lúc mơ màng ấy tâm trạng của anh đ.viên được thể hiện qua những lời thơ nào?</p> <p>? NX từ loại tác giả sử dụng ở đây?</p> <p>? Em hiểu gì về tâm trạng, tình cảm của anh đội viên lúc này ?</p> <p>- ĐD HS TB - HS khác NX, b/s.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Câu thơ nào bộc lộ tình cảm của anh đ.v? Từ nào được nhắc đi nhắc lại? NX cách biểu cảm?</p> <p>? Cảm nhận của em về tình cảm của anh đv dành cho Bác ?</p> <p>? Anh đội viên có suy nghĩ gì?</p> <p>? Em hiểu thêm gì về tình cảm của anh đội viên lúc này ?</p> <p>? Qua đó thể hiện tình cảm, tâm trạng của anh đối với Bác như thế nào?</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản (tiếp)</p> <p>1. Lần thứ dậy thứ nhất.</p> <p>a. Hoàn cảnh.</p> <p>b. Hình ảnh Bác Hồ.</p> <p>c. Tâm trạng, tình cảm của anh đội viên</p> <p>- Mà sao Bác vẫn ngồi : Lời tự hỏi</p> <p>+ Câu hỏi tu từ</p> <p>-> Băn khoăn, ngạc nhiên.</p> <p>- Nhìn Bác: Mơ màng như nằm trong mộng</p> <p>-> Xúc động bởi Bác là một vị lãnh tụ lại có những cử chỉ vô cùng yêu thương gần gũi đến thế.</p> <p>* Tâm trạng:</p> <p>- Thôn thức.....</p> <p>- Bồn chồn</p> <p>-Bề bộn</p> <p>+ Động từ, từ láy gợi cảm</p> <p>-> Lo lắng và thương Bác vô cùng.</p> <p>* Tình cảm:</p> <p>- Càng nhìn - càng thương</p> <p>+ Điệp từ " càng", biểu cảm trực tiếp.</p> <p>-> Tình yêu thương kính trọng của anh đội viên dành cho Bác, như tình cảm của người con dành cho người cha.</p> <p>- Bác ơi!... Bác có....</p> <p>-> Sự quan tâm săn sóc, cảm phục của anh đối với Bác.</p> <p>- Từ băn khoăn -> xúc động lo lắng => tình yêu thương sâu sắc sự cảm phục của anh đội viên dành cho Bác.</p>

<p>- GV bình: Tình cảm anh đội viên, nhân dân dành cho Bác.</p> <p>? Hình ảnh Bác được khắc hoạ bằng câu thơ nào?</p> <p>? Em hiểu gì về từ "đỉnh ninh" ?</p> <p>? "Đỉnh ninh" "phăng phắc" thuộc loại từ nào?</p> <p>? Bác hiện nên trong tư thế nào?</p> <p>? Câu thơ nào cho biết Bác ko ngủ?</p> <p>? Vì sao Bác không ngủ?</p> <p>? Qua đây giúp em hiểu thêm gì về Bác?</p> <p>- GV bình về tình cảm của Bác dành cho dân, cho nước.</p> <p>? Qua đó bộc lộ tình cảm gì của Bác?</p> <p>? Câu thơ nào nói rõ tâm trạng của Bác?</p> <p>? Nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ở đây ?</p> <p>? Điệp từ "càng" nhắc đi nhắc lại có ý nghĩa gì ?</p> <p>? Qua tất cả hình ảnh trên em có cảm nhận gì về hình ảnh của Bác?</p> <p>? Qua tìm hiểu về Bác em có suy nghĩ, tình cảm nào đối với Bác ?</p> <p>? Thức dậy lần 3 anh đội viên có tâm trạng gì?</p> <p>? Cảm nhận về tâm trạng anh đội viên?</p> <p>? Anh có cử chỉ nào?</p>	<p>2. Lần thứ hai thức dậy của anh đội viên</p> <p>a. Hình ảnh Bác Hồ</p> <p>- Bác vẫn ngồi đỉnh ninh Chòm râu im phăng phắc.</p> <p>+ Từ láy.</p> <p>-> Bác ngồi im lặng, suy tư như một pho tượng tạc vào đêm.</p> <p>- “Bác ngủ không an lòng Bác thương đoàn dân công Đêm nay ngủ ngoài rừng</p> <p>- Bác lo giấc ngủ của từng anh đội viên và lo cho cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.</p> <p>-> Bác không chỉ chăm lo cho các chiến sĩ bộ đội mà Bác còn dành trọn cả cuộc đời lo cho nước, cho dân.</p> <p>-> Lòng yêu nước, thương dân, lo cho cuộc kháng chiến của dân tộc.</p> <p>- Càng thương càng nóng ruột Mong trời sáng mau mau + Điệp từ.</p> <p>-> Nỗi lo lắng, nôn nóng của Bác ngày càng tăng theo từng phút, từng giây.</p> <p>=> Bác Hồ thiêng liêng gần gũi, tình cảm của Bác thật mênh mông cao cả dành cho dân tộc, cho tất cả mọi người.</p> <p>- Yêu quý, kính trọng Bác.</p> <p>b. Tâm trạng của anh đội viên</p> <p>- Hoảng hốt</p> <p>- Giật mình</p> <p>-> Hết sức bất ngờ, ngạc nhiên vì thấy tư thế</p>
---	---

	của Bác vẫn không hề thay đổi. - Cử chỉ vội vàng nằng nặc
--	--

<p>? Cử chỉ đó bộc lộ tâm trạng gì của anh đội viên ?</p> <p>? Anh đã nói gì với Bác?</p> <p>? Cấu trúc câu có gì độc đáo? Tác dụng?</p> <p>? Câu thơ nào diễn tả hành động của Bác và anh đội viên?</p> <p>? Cảm nhận của em về cái hay trong câu thơ trên ?</p> <p>? Anh đội viên có hành động gì?</p> <p>? Em hiểu gì về tâm trạng của anh đ.v lúc đó?</p> <p>GV: gọi học sinh đọc khổ thơ cuối.</p> <p>* TL cặp đôi: (TG 3 ph)</p> <p>- Câu 1: Nghệ thuật nổi bật trong khổ thơ ?</p> <p>- Câu 2: Lời thơ giúp em hiểu thêm gì về Bác?</p> <p>- Gọi đại diện HS trình bày.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>* KT trình bày 1 phút.</p> <p>? Bài thơ thể hiện điều gì?</p> <p>HD 2: Tổng kết :</p> <p>- PP: vấn đáp.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy.</p> <p>- NL: tư duy sáng tạo</p> <p>? Bằng sơ đồ tư duy, em hãy khái quát nghệ thuật, nội dung chính của văn bản?</p>	<p>-> Thể hiện sự hồi hả, hấp tấp, lo lắng đến tột bậc đồng thời thể hiện sự nung nấu song rất kiên quyết.</p> <p>- Nói: Mời Bác ngủ Bác oi Bác oi mời Bác ngủ</p> <p>+ Điệp ngữ vòng tròn</p> <p>-> Thể hiện tấm lòng quan tâm, săn sóc của anh đội viên đối với Bác.</p> <p>- Anh đội viên nhìn Bác Bác nhìn ngọn lửa hồng</p> <p>- Một sự tiếp nối để rồi sáng bừng lên trong từ “Hồng” sự ấm cúng được lan toả trong tâm hồn của con người.</p> <p>- Lòng vui Bác</p> <p>-> Hiểu được tấm lòng cao cả mệnh mông anh vừa yêu mến vừa kính phục Bác.</p> <p>3. Cảm nhận về Bác</p> <p>- <i>Đêm nay Bác ngồi đó</i> <i>Đêm nay Bác không</i> <i>ngủ Vì một lẽ thường</i> <i>tình Bác là Hồ Chí</i> <i>Minh</i></p> <p>+ Điệp ngữ " đêm nay", giọng thơ nhẹ nhàng</p> <p>-> Khẳng định đêm nay cũng như biết bao đêm khác Bác đã mất ngủ vì lo cho dân, cho nước. Bác hiện lên kì vĩ nhưng cũng rất đời thường.</p> <p>- Lời giải thích như một chân lí chắc chắn khẳng định Bác giản dị nhưng cũng thật cao cả.</p> <p>=> <i>Tình yêu thương, chăm sóc của Bác dành cho các chiến sĩ, cho dân và lòng kính yêu của anh đội viên dành cho Bác.</i></p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1 Nghệ thuật</p> <p>+ Dùng thể thơ năm tiếng có vần, điệu</p> <p>- Có sự kết hợp kể chuyện ,miêu tả và biểu cảm</p> <p>- Lời thơ giản dị, chân thành với nhiều từ láy</p>
---	--

	<p>gợi hình, gợi cảm.</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>Bài thơ đã diễn đạt một cách chân thực và</p>
--	---

- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ.	cảm động về hình ảnh Bác Hồ và niềm kính yêu của người chiến sĩ với lãnh tụ. * Ghi nhớ SGK/T. 67
----------------------------------	---

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP : vấn đáp, đọc sáng tạo. - KT: Đặt câu hỏi. - NL: sáng tạo, sd ngôn ngữ <p>? Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về hình ảnh Bác Hồ qua 2 khổ thơ cuối.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV HD HS viết. - Gọi HS đọc – HS khác NX, bổ sung. - GV NX, cho điểm. 	<p>* Bài 2:</p>

4. Hoạt động vận dụng.

? Kể những việc em đã làm bày tỏ lòng biết ơn đối với anh bộ đội cụ Hồ.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc thêm những bài thơ viết về người lính trong những năm tháng kháng chiến của dân tộc ta.

* Học thuộc lòng bài thơ, phần ghi nhớ SGK/T.67. Làm bài tập phân luyện tập.

- Vẽ lại chân dung hình ảnh Bác Hồ theo trí tưởng tượng.

- Chuẩn bị bài mới: ẩn dụ. Hiểu được khái niệm ẩn dụ; Các kiểu ẩn dụ.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 27. Tiết 103. Bài 23. Tiếng việt.

ẨN DỤ

I. Mục tiêu cần đạt:

Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm ẩn dụ, các kiểu ẩn dụ.
- Hiểu được tác dụng của ẩn dụ
- Biết vận dụng những kiến thức về ẩn dụ vào việc đọc - hiểu văn bản, viết bài văn miêu tả.

2. Kỹ năng: Nhận biết và phân tích được ý nghĩa cũng như tác dụng của phép tu từ ẩn dụ trong thực tế sử dụng tiếng Việt.

- Bước đầu tạo ra được một số kiểu ẩn dụ đơn giản trong viết và nói.

3. Thái độ: Tự giác học và sử dụng ẩn dụ khi nói, viết phù hợp.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là nhân hoá? Có mấy kiểu nhân hoá? Cho VD?

? Làm bài tập 2/sgk.

* **Tổ chức hoạt động:**

GV tổ chức cho hs chơi trò chơi: Ai giỏi hơn.

- HS chia 3 đội thi tìm ra hình ảnh ẩn dụ trong 6 câu thơ.
- Các đội có tgian 2p để thảo luận và ghi đáp án vào phiếu.
- GV kiểm tra, nx và giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Ẩn dụ là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích mẫu. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL : tư duy sáng tạo, sd ngôn ngữ, hợp tác, giao tiếp - Học sinh đọc ví dụ. - HS TL: cặp đôi (2 ph) <p>? Cụm từ “ Người cha” dùng để chỉ ai? Vì sao lại diễn đạt như vậy?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao em biết điều đó? <ul style="list-style-type: none"> - Gọi đại diện HS trình bày. - HS khác NX, bổ sung. - GV chốt lại. <p>? Tìm ví dụ có hình ảnh tương tự ?</p>	<p>I. Ẩn dụ là gì?</p> <p>1. Xét ví dụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người cha: Chỉ Bác Hồ - Vì cùng có những điểm tương đồng: <ul style="list-style-type: none"> + Cùng lứa tuổi như cha (tóc bạc). + Cùng phẩm chất yêu thương, chăm sóc ân cần. - Nhờ vào ngữ cảnh của bài thơ, lời thơ. VD: Bác Hồ, cha của chúng con Hồn của muôn hồn Cho con được ôm hôn má Bác Cho con hôn mái đầu tóc bạc. Hôn chòm râu mát rượi hoà bình

<p>? Cách nói như vậy có tác dụng gì? ? Đặc điểm của cách nói này?</p> <p>? Thế nào là ẩn dụ?</p> <p>- HS đọc phần ghi nhớ. ? Tìm ví dụ có chứa hình ảnh ẩn dụ ?</p> <p>HD 2: Các kiểu ẩn dụ.</p> <p>- PP: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích mẫu. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ, tự học, giải quyết vấn đề - HS đọc phần VD.</p> <p>? Những từ “Thấp”; “lửa hồng” có ý nghĩa gì? ? Dùng để chỉ hiện tượng, sự vật nào? ? Vì sao có thể ví như vậy?</p> <p>? Nhận xét về cách thấp lửa với sự nở hoa ?</p> <p>? Cách sử dụng cụm từ “thấy nắng giòn tan” có gì đặc biệt?</p> <p>? Việc chuyển đổi cảm giác ấy có tác dụng gì?</p>	<p>.... Người là Cha, là Bác, là Anh Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ (Tố Hữu)</p> <p>-> Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Gọi tên sự vật... này bằng tên sự vật... khác có những nét tương đồng. -> Đó là so sánh ngầm (ẩn dụ) - Gọi tên sự vật... này bằng tên sự vật... khác có những nét tương đồng.</p> <p>2. Ghi nhớ SGK/T.68 VD: Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.</p> <p>II. Các kiểu ẩn dụ</p> <p>1. Xét các ví dụ</p> <p>a. - Thấp: Nở hoa - Lửa hồng : màu đỏ -> Chỉ hàng rào hoa dâm bụt trước nhà Bác Hồ ở làng Sen. - Dựa trên cơ sở mối liên tưởng tương đồng màu đỏ -> màu ngọn lửa -> Ẩn dụ hình thức. -> hoa đỏ đung đưa giống như ngọn lửa đang cháy (cách thức thể hiện, kiểu dáng giống/nh). -> Ẩn dụ cách thức.</p> <p>b. - Thấy: Động từ chỉ hành động của mắt - Đối tượng thị giác là không gian, ánh sáng, màu sắc, kích thước. - Giòn tan: âm thanh (đối tượng của thính giác (tai), vị giác lại được dùng cho đối tượng thị giác. -> Chuyển đổi cảm giác từ thính giác -> thị giác => Tạo ra sự liên tưởng mới mẻ thú vị -> Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.</p>
--	--

<p>Hsinh đọc VD c</p> <p>? Giải thích nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ “thuyền”, từ “biển”?</p> <p>? Qua những VD trên, em hãy cho biết có những kiểu ẩn dụ nào?</p> <p>- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>c. Thuyền về có nhớ bến chăng Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền</p> <p>- Thuyền: Sự vật, phương tiện giao thông đường thủy có tính chất cơ động, chỉ người đi xa.</p> <p>- Bến: Sự vật, đầu mối giao thông, nơi thuyền đỗ có tính chất cố định chỉ người chờ đợi.</p> <p>-> Ẩn dụ phẩm chất</p> <p>* Có 4 kiểu ẩn dụ: - Hình thức - Cách thức - Phẩm chất - Chuyển đổi cảm giác</p> <p>2. Ghi nhớ SGK/T.69</p>
--	--

3. Hoạt động vận dụng.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP: vấn đáp, hđộng nhóm, It thực hành</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.</p> <p>- TL nhóm: 4 nhóm (TG: 2 phút)</p> <p>? So sánh tác dụng của 3 cách diễn đạt trên ?</p> <p>- Gọi đại diện HS trình bày.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV chốt lại.</p> <p>? Tìm ẩn dụ hình tượng trong các VD. Nêu nét tương đồng ?</p>	<p>* Bài tập 1:</p> <p>- Bác Hồ mái tóc bạc: Cách nói bình thường, trực tiếp miêu tả, nhận thức lí tính.</p> <p>- Bác Hồ như người Cha: cách so sánh, định danh lại, không biểu cảm</p> <p>- Người Cha mái tóc bạc: ẩn dụ, hình tượng hoá -> hàm súc</p> <p>* Bài tập 2:</p> <p>- Ăn quả: Người hưởng thành quả của người đi trước</p> <p>- trồng cây: Người đi trước, người gây dựng</p> <p>- quả: (Nghĩa đen) Có sự tương đồng với thành quả (nghĩa bóng)</p> <p>b. Mực: Đen, khó tẩy rửa; cảnh xấu, người xấu</p> <p>- Đền - rạng: sáng sủa tốt đẹp, cảnh tốt, người tốt.</p> <p>c. Mặt trời đi: Nhân hoá (mặt trời của tự nhiên)</p> <p>- Mặt trời trong lòng (ẩn dụ chỉ Bác Hồ) - ấm áp, tươi sáng như mặt trời.</p> <p>- Lòng thành kính, biết ơn, ngưỡng vọng</p>

<p>- HS làm việc cá nhân làm BT3.</p> <p>- Gọi HS lên bảng làm.</p> <p>? Tìm ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và nêu tác dụng ?</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV chốt lại.</p>	<p>của nhân dân cội nguồn cuộc sống, nguồn gốc sự sống)</p> <p>c. Thuyền: Chỉ người con trai- Biển: Người con gái</p> <p>Bài tập 3:</p> <p>a. Mùi: Khứu giác (mũi ngửi) ->Thị giác (nhìn) -> Liên tưởng mới lạ</p> <p>b. Xúc giác -> Thị giác -> Liên tưởng mới lạ</p> <p>c. Xúc giác -> thính giác -> Mới lạ, độc đáo, thú vị</p> <p>d. Xúc giác, thị giác -> thính giác -> Mới lạ sinh động</p>
--	--

4. Hoạt động vận dụng.

? Đọc những bài thơ, câu thơ có hình ảnh ẩn dụ ?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm thêm những bài thơ, khổ thơ, đoạn văn có chứa hình ảnh ẩn dụ. Phân tích cái hay của hình ảnh ẩn dụ đó.

* Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T. 68, 69. Làm bài tập còn lại.

* Chuẩn bị của bài tập đề giờ sau: Luyện nói văn miêu tả. Củng cố kiến thức văn miêu tả bằng cách tập nói theo dàn bài đã chuẩn bị.

- Hiểu được cách trình bày miệng một đoạn văn, bài văn miêu tả.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 27. Bài 24. Tiết 104. Tập làm văn.

LUYỆN NÓI VỀ VĂN MIÊU TẢ

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm được phương pháp làm một bài văn tả người.

- Củng cố kiến thức văn miêu tả người : lập dàn ý, dựa vào dàn ý để phát triển thành bài văn nói.

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng sắp xếp những điều đã quan sát và lựa chọn theo một trình tự hợp lí. Nói theo dàn bài.

- Trình bày diễn đạt trước tập thể : nói rõ ràng, mạch lạc, biểu cảm, trình bày trước tập thể bài văn miêu tả một cách tự tin.

3. **Thái độ:** Có tinh thần tự lập, bình tĩnh tự tin nói trước tập thể diễn cảm.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động:**

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

- ? Khi miêu tả cần chú ý tới vấn đề gì ?
- ? Trình bày bố cục của một bài văn miêu tả?

* **Tổ chức khởi động:**

- ? GV mời 2 hs lên bảng làm người dẫn chương trình, phỏng vấn các bạn trong lớp về kinh nghiệm nói trước tập thể (3p)
- GV dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp, hoạt động nhóm, lt thực hành - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm, động não. - NL : giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ,... ? Nêu yêu cầu, kĩ năng nói ? ? Khi nói cần đưa yếu tố nào ? Sử dụng những năng lực gì ? Những biện pháp tu từ nào ? - Đọc đề bài (SGK/71) ? Từ đoạn văn trên, hãy tả lại bằng miệng quang cảnh lớp học trong “Buổi học cuối cùng” ? ? Cần trình bày những gì ? - Hs nhận xét. 	<p>I. Yêu cầu của giờ luyện nói.</p> <p>1. Kĩ năng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói theo dàn ý. - Nói có lời giới thiệu, lời chào, lời cảm ơn. - Nói truyền cảm, tự tin, rõ ràng, mạch lạc, nhìn thẳng vào người nghe thể hiện sự tự tin... - Yếu tố: MT + TS + BC và sử dụng năng lực quan sát, nhận xét, so sánh... - Biện pháp tu từ : so sánh, nhân hóa, ẩn dụ... <p>2. Kiến thức.</p> <p>* Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cảnh thầy Ha-men say sưa giảng bài. + Cảnh học sinh, những người trong lớp chú ý lắng nghe. + Không khí yên tĩnh, chỉ nghe tiếng sột soạt trên giấy.... <p>* Bài tập 2:</p>

<p>? Tả lại bằng miệng hình ảnh thầy giáo Ha-men trong <i>Buổi học cuối cùng</i> ?</p> <p>? Y/C HS nói cần đảm bảo những ý nào ?</p> <p>- Y/C HS nhận xét, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài 3</p> <p>- GV tổ chức TL nhóm (4hs/nh)</p> <p>? Tả lại h/ảnh thầy giáo trong phút giây xúc động gặp lại học trò sau bao năm xa cách?</p> <p>? Lập dàn ý cho đề văn trên?</p> <p>? Mở bài em viết gì ?</p> <p>? Thân bài em trình bày những gì ?</p> <p>? Cảnh chia tay như thế nào?</p> <p>? Kết bài ra sao ?</p> <p>HD 2: Thực hành luyện nói</p> <p>- PP: hđ nhóm</p> <p>- KT: TL nhóm</p> <p>- NL: hợp tác, giao tiếp</p> <p>- TL nhóm : 4 nhóm (TG: 5 p).</p> <p>- Yêu cầu học sinh nói trước tổ</p>	<p>- Trang phục của thầy: áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục điểm lá xanh, điểm lá sen, gấp nếp mịn và đội mũ tròn bằng lụa đen thêu.</p> <p>- Đây là những trang phục trang trọng mặc trong dịp lễ hay đón tiếp khách, chứng tỏ buổi học vô cùng trang trọng, quan trọng, vô cùng ý nghĩa đối với thầy Ha-men.</p> <p>- Thầy không nghiêm khắc mà dịu dàng nhắc nhở.</p> <p>- Thầy nhiệt tình giảng dạy như muốn truyền thụ hết kiến thức cho học sinh.</p> <p>-> Thầy như thay đổi hoàn toàn, một tình yêu -> Lúc chia tay thật sâu sắc như không muốn phá vỡ buổi học cuối cùng này.</p> <p>* Bài tập 3:</p> <p>- Dàn ý.</p> <p>* Mở bài: Nhân dịp Ngày NGVN 20/11, Nam về thăm trường, gặp lại thầy giáo cũ.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- 10 học trò cũ của thầy Bình trở về thăm thầy.</p> <p>- Khung cảnh của nhà thầy: ngôi nhà nhỏ, gọn gàng..</p> <p>- Hình dáng: Thầy đã già, người gầy gầy.</p> <p>- Gương mặt đã có những nếp nhăn, mái tóc bạc, nước da có những hạt đồi mồi, giọng thầy vẫn ấm áp.</p> <p>- Thầy thích đọc báo và chăm cây cảnh...</p> <p>- Thầy vui mừng, xúc động khi gặp lại trò cũ, thầy trò nói chuyện thật cảm động....</p> <p>- Thầy và trò lưu luyến, xúc động không muốn chia tay.</p> <p>* Kết bài: Thầy là tấm gương sáng...</p> <p>II .Thực hành luyện nói</p> <p>1. Thực hành luyện nói trước nhóm.</p>
---	---

HS nói trước tổ – HSKhác
NX, bổ sung.

HS nói trước lớp

Y/C HS nhận xét, bổ sung

Giáo viên nhận xét, cho điểm.

2. Thực hành luyện nói trước lớp.

3. Hoạt động vận dụng.

? Đọc những bài thơ, câu thơ có hình ảnh ẩn dụ ?

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm thêm những đoạn văn, bài văn miêu tả hay.

* Ôn tập lại các kiến thức về văn miêu tả.

- Làm một bài văn hoàn chỉnh cho bài tập 3.

- Luyện nói ở nhà trước gia đình (gương) theo các đề văn trên lớp.

- Ôn lại kiến thức văn học về văn, thơ hiện đại Việt Nam chuẩn bị giờ sau: Kiểm tra văn.

+ Ôn tập nghệ thuật và nội dung của các văn bản: ***Đêm nay Bác không ngủ và Bức tranh của em gái tôi, Bài học đường đời đầu tiên.***

+ ***Học thuộc bài thơ: Đêm nay Bác không ngủ.***

Tuần 27.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 105. KIỂM TRA VĂN

I. Mục tiêu đề kiểm tra.

1. Kiến thức: Biết tự đánh giá quá trình tiếp thu nhận thức của bản thân về các kiến thức đã học trong chương trình học kỳ II qua văn bản: *Đêm nay Bác không ngủ và Bức tranh của em gái tôi*, bài học đường đời đầu tiên.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng diễn đạt, cảm thụ văn bản, trình bày một bài viết hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Có tinh thần tự giác, nghiêm túc, ý thức tự lập khi làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Hình thức đề kiểm tra: Tự luận.

III. Ma trận đề kiểm tra.

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			CDT	CĐC	
Bài học đường đời đầu tiên				Viết được bài văn cảm nhận về một nhân vật đã học.	

SC SD TL%				SC = 1 SD = 5 TL%= 50%	SC = 1 SD = 5 TL%= 50%
Bức tranh của em gái tôi		Giải thích được ý nghĩa một chi tiết trong văn bản đã học			
SC SD TL%		SC = 1 SD = 2 TL = 20%			SC = 1 SD = 2 TL= 20%
Đêm nay Bác không ngủ	Nêu được hoàn cảnh ra đời bài thơ.				
SC SD TL%	SC = 1 SD = 1 TL%= 10%				SC = 1 SD = 1 TL= 10%
Vượt thác			Viết đoạn văn giới thiệu về giá trị nội dung và nghệ thuật của vb		
SC SD TL%			SC = 1 SD = 2 TL = 20%		SC = 1 SD = 2 TL = 20%
Cộng	SC = 1 SD = 1 TL%= 10%	SC = 1 SD = 2 TL = 20%	SC = 1 SD = 2 TL= 20%	SC = 1 SD = 5 TL%= 50%	SC = 4 SD = 10 TL=100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra.

- **Câu 1:** Nêu hoàn cảnh ra đời bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” (Minh Huệ)?
- **Câu 2:** Vì sao trong truyện “Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh, bức tranh Kiều Phương vẽ anh trai lại có sức cảm hóa người anh ?
- **Câu 3:** Viết đoạn văn giới thiệu về giá trị ND và NT của VB “Vượt thác” của Võ Quảng.
- **Câu 4:** Nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” đã để lại cho người đọc những ấn tượng và bài học sâu sắc. Em hãy viết bài văn ngắn trình bày cảm nhận của em về nhân vật này.

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm.

- **Câu 1 (1đ):** Sáng tác năm 1951, dựa trên sự kiện trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, Bác Hồ trực tiếp ra mặt trận theo dõi và chỉ huy cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân ta.

- **Câu 2 (2đ):** Bức tranh có sức cảm hóa người anh vì:

+ Bức tranh là tp NT đặc sắc. Cái gốc của NT là làm đẹp và hoàn thiện con người...

+ Bức tranh còn thể hiện tài năng hội họa của Kiều Phương. Người anh thấy xấu hổ và khâm phục trước tài năng của em.

+ Bức tranh còn thể hiện lòng nhân hậu, độ lượng của em gái. Chính tấm lòng nhân hậu của em gái đã có sức cảm hóa mạnh mẽ người anh.

- **Câu 3 (2 đ):** HS viết đúng hình thức một đoạn văn nêu được:

+ Nghệ thuật: Tả cảnh, tả người tự nhiên, sinh động; hình ảnh so sánh, nhân hóa đặc sắc; từ loại động từ, tính từ gọi tả...

+ Nội dung: Bài văn làm nổi bật cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên hùng vĩ, rộng lớn...

Câu 4 (5đ):

* Yêu cầu hình thức, kĩ năng: bài đảm bảo bố cục 3 phần chặt chẽ, hành văn trôi chảy.

* Yêu cầu về nội dung: Bài đảm bảo các ý cơ bản sau:

* MB: Giới thiệu văn bản, nhân vật Dế Mèn.

* TB:

- Trong đoạn trích, Dế Mèn được miêu tả là một chàng dế thanh niên cường tráng, khỏe mạnh, rất đáng yêu. (Phân tích chi tiết)

- Dế Mèn có tính xấu: hung hăng, xốc nổi, coi thường người khác (pt chi tiết)

- Mèn đã nhận được bài học đường đời đầu tiên trong câu chuyện với Dế Choắt.

* KB : Suy nghĩ về nhân vật. Bài học cho bản

thân. Điểm 0-1: Làm lạc đề hoặc bỏ bài

Điểm 2-3: Bài làm đảm bảo yêu cầu về nội dung, hình thức. Rút ra được những bài học phù hợp từ văn bản. Mắc 3-5 lỗi chính tả, diễn đạt, lỗi ngữ pháp.

Điểm 4-5: Bài đảm bảo tốt các yêu cầu về nội dung, hình thức. Văn phong trôi chảy, trong sáng. Bài viết sâu sắc. Rút ra được những bài học phù hợp từ văn bản. Mắc không quá 3 lỗi chính tả, diễn đạt, lỗi ngữ pháp.

Tuần 27.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 106. Tập làm văn.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN TẢ CẢNH VIẾT Ở NHÀ

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu được cách làm bài văn tả cảnh, nhận ra được cái đúng, cái sai trong bài viết, thấy được những ưu điểm, nhược điểm từ đó có phương pháp sửa chữa.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng nhận biết lỗi sai, cách sửa lỗi sai, tránh lặp lại lỗi sai.

3. Thái độ: Có tính tự giác sửa lỗi khi làm bài, tránh những lỗi đã mắc phải.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

- 2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở bài tập của HS

* **Vào bài mới:**

- Đề hạn chế những lỗi sai mà các em thường mắc khi viết bài, qua giờ trả bài hôm nay, cô và các em sẽ cùng sửa những lỗi đó -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động luyện tập:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
PP : Vấn đáp, TL, LTTH KT : Đặt câu hỏi, TL. - Gọi học sinh nhắc lại đề bài viết tập làm văn số 5. GV đọc đoạn văn đã cho. ? Văn miêu tả là gì ? ? Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt nào? ? Xác định câu văn có yếu	I. Tìm hiểu đề và đáp án. 1. Đề bài. - Câu 1: Văn miêu tả là gì ? - Câu 2: Cho đoạn văn a, Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt nào? b, Xác định câu văn có yếu tố liên tưởng, tưởng tượng được sử dụng trong đoạn văn trên ? Tác dụng của yếu tố đó ? - Câu 3: Viết bài văn tả quang cảnh trường em. 2. Đáp án. - Câu 1 (1điểm). Văn miêu tả là loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh... làm cho cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. - Câu 2 (2 điểm). a, Đoạn văn miêu tả. b, Yếu tố liên tưởng tưởng tượng được thể hiện qua các hình ảnh:

<p>tổ liên tưởng, tưởng tượng được sử dụng trong đoạn văn trên ? Tác dụng của yếu tố đó ?</p> <p>? Khi viết em cần trình bày, diễn đạt như thế nào ?</p> <p>? Em cần vận dụng những năng lực gì trong bài của mình ?</p> <p>- T/C cho HS TL: 4 nhóm (TG: 4 phút).</p> <p>- Câu hỏi: Lập dàn ý cho đề văn (câu 3).</p> <p>- Gọi đại diện HS trình bày.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>- GV trả bài - HS nhận bài</p>	<p>+ Cả làng quê như bỗng bành trong sương sớm.</p> <p>+ Mặt trời sáng rực, to như cái mâm khổng lồ... tỏa ánh sáng lấp lánh nhiều màu rực rỡ.</p> <p>-> Tác dụng: Cảnh buổi sáng ở làng quê hiện lên thật đẹp, sinh động, tràn đầy sức sống.</p> <p>- Câu 3 (7 điểm).</p> <p>1. Yêu cầu :</p> <p>* Kĩ năng, hình thức.</p> <p>- Trình bày sạch sẽ, khoa học, không mắc lỗi chính tả.</p> <p>- Viết đúng thể loại tả cảnh, không sao chép tài liệu.</p> <p>- Ngôn ngữ trong sáng, diễn đạt lưu loát.</p> <p>- Viết thành một bài văn tả cảnh hoàn chỉnh có mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết chân thật, cảm xúc.</p> <p>- Sử dụng các năng lực quan sát, liên tưởng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả một cách thuần thục, độc đáo..</p> <p>* Kiến thức.</p> <p>- Bài viết cần tả được quang cảnh ngôi trường.</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu chung về cảnh sân trường em:</p> <p>Trường của em tuy không rộng nhưng khá khang trang...</p> <p>* Thân bài: Tả cụ thể cảnh vật trường em: cổng trường trang nghiêm như những chú lính gác, các phòng học khang trang...</p> <p>- Thời điểm: sáng không khí trong lành, ánh nắng ban mai chiếu những tia nắng vàng óng ...</p> <p>- Thiên nhiên trên sân trường: cây cối xanh tươi ngày ngày vươn cao chào đón nắng mới, chim chóc hòa những bản nhạc vui nhộn...</p> <p>- Cảnh các lớp học: thầy say sưa giảng bài, các trò chăm chú nghe như nuốt từng lời ...</p> <p>- Cảnh học sinh: giờ ra chơi học sinh nô đùa, chơi đá bóng... Không khí lúc này thật nhộn nhịp.</p> <p>- Ngôi trường luôn được các bạn học sinh dọn sạch mỗi ngày hưởng ứng " Một phút vệ sinh môi trường"....</p> <p>* Kết bài: Trường như ngôi nhà thứ hai mang cho em nhiều điều tốt đẹp.</p> <p>II. Trả bài.</p>
--	--

III. Nhận xét.

1. Ưu điểm:

- Hầu hết học sinh xác định được yêu cầu giới hạn của đề, bài viết có những hình ảnh đặc sắc tiêu biểu cho quang cảnh trường vào từng thời điểm khác nhau.

- Bố cục chặt chẽ, rõ ràng, có sự liên tưởng, so sánh khi viết
 - Bài làm sạch sẽ, cẩn thận
 - Nhiều bài viết có sự mạch lạc, chặt chẽ, sắp xếp theo một trình tự hợp lí.
- 6A: Mai, Đỗ Nhi, Huyền, Lan Anh, Thành,...
- 6B: Nguyễn Hương, Ly, Hoàng,...

2. Nhược điểm:

- Một số bài viết còn lủng củng, chưa vận dụng hiệu quả các năng lực quan sát, nhận xét, tưởng tượng, so sánh khi viết
 - Bài viết còn sơ sài
 - Một số chữ viết xấu, câu thả
 - Một số bài diễn đạt lủng củng, dùng từ ngữ không hợp
- lí 6A: Hoàng, Dương, Thắng, Tiến, Hường, ...
- 6B: Đỗ Linh, Quảng, Quân, Việt, Hùng, Vũ Hào, ...

IV . Sửa lỗi .

1. Lỗi chính tả:

Lỗi	Sửa lỗi.
- cho lên	- cho nên
- tán lá sò da	- tán lá xòe ra
- chong sáng	- trong sáng ...
- dục rõ	- rục rờ

2. Lỗi dùng từ, đặt câu.

- *T/C cho HS TL cặp đôi (Tg: 2 phút).*
- *GV đưa ra các lỗi dùng từ, đặt câu. Em hãy sửa lại cho hợp lí.*
- *Gọi đại diện HS lên trình bày - HS khác NX, bổ sung - GV nhận xét.*

Lỗi	Sửa lỗi
- Sân trường rộng như một chiếc ô...	- Sân trường rộng mênh mông...
- Tường quét vôi ve nham nhở nhiều màu...	- Tường được quét vôi màu trắng, màu vàng sạch sẽ và đẹp mắt...
- Chú ve trên cây bàng hót inh tai.	- Chú ve kêu râm ran từ những tán lá bàng, lá phượng.
- Đọc bài hay.	V. Đọc và bình bài văn, đoạn văn hay.
- Y/C HS chọn đoạn hay và bình.	

3. Hoạt động vận dụng.

- ? Trao đổi với các bạn về những từ ngữ còn băn khoăn trong bài viết của mình ?
- Cho HS đọc bài tham khảo hay tả quang cảnh trường em.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- * Tìm đọc những đoạn văn, bài văn tham khảo hay.
- * Lập lại dàn ý cho đề văn trên lớp, làm lại. Tự sửa những lỗi sai trong bài viết.
- * Chuẩn bị văn bản: Lượm - Mưa theo phần hướng dẫn đọc hiểu văn bản.

- Nêu những nét chính về tác giả Tố Hữu và hoàn cảnh sáng tác bài thơ (Viết ra giấy ô ki to) -> Giờ sau lên bảng trình bày.
- + Thấy được công việc và sự hi sinh anh dũng của Lượm
- + Văn bản “Mưa” của nhà thơ Trần Đăng Khoa giúp các em thấy được sự độc đáo trong thể thơ tự do, đó là các hình ảnh được nhân hoá một cách sinh động.

Tuần 27

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 107. Bài 24. Văn bản. LƯỢM

MƯA (Hướng dẫn đọc thêm)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp ngây thơ, hồn nhiên, vui tươi, trong sáng và ý nghĩa cao cả trong sự hi sinh của nhân vật Lượm.

- Thấy được tình cảm yêu mến của tác giả dành cho nhân vật Lượm.

- nắm được những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả nhân vật kết hợp với tự sự trong và bộc lộ cảm xúc trong bài thơ.

2. Kỹ năng: Có kĩ năng đọc diễn cảm, khả năng cảm thụ những hình ảnh thơ Văn.

- Phát hiện và phân tích ý nghĩa của các từ láy, hình ảnh hoán dụ và những lời đối thoại trong bài thơ.

3. Thái độ: Cảm phục trước sự hy sinh anh dũng của Lượm, tự hào về thế hệ trẻ Việt Nam đã cống hiến cho sự nghiệp cứu nước.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích, bình giảng, đọc s/t.

- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy, trình bày 1 phút.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định :

* Kiểm tra bài cũ:

? Đọc thuộc lòng 7 khổ thơ cuối bài thơ "Đêm nay Bác không ngủ" của Minh Huệ .

? Cảm nhận của em về hình ảnh Bác Hồ trong bài thơ ?

*** Vào bài mới:**

Cho HS xem đoạn clip giới thiệu về nhà thơ Tố Hữu và bài thơ "Lượm" -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>* HĐ 1 : Đọc – Tìm hiểu chung.</p> <p>- PP : Vấn đáp, thuyết trình, đọc s/t</p> <p>- KT : Đặt câu hỏi</p> <p>- NL : tự học, giao tiếp, hợp tác</p> <p>- <i>Mời đại diện HS lên thuyết trình về t/g Tố Hữu và hoàn cảnh ra đời của bài thơ : Lượm</i></p> <p>? Nêu giọng đọc của văn bản ? Giọng đọc truyền cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp 2/2... giọng xót xa khi Lượm hi sinh...</p> <p>- Đọc mẫu, gọi học sinh đọc văn bản.</p> <p>? Giải nghĩa chú thích 1, 2, 3.....</p> <p>? Cho biết thể thơ của văn bản ?</p> <p>? PTBĐ sử dụng trong bài thơ là gì ?</p> <p>? Hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ là ai ?</p> <p>- <i>T/C cho HS TL: cặp đôi (2ph)</i></p> <p>? Văn bản có thể chia thành mấy phần? Giới hạn và nội dung từng phần?</p> <p>- <i>Gọi đại diện HS TB</i></p> <p>- <i>HS khác NX, bổ sung.</i></p> <p>- <i>GV NX, chốt.</i></p> <p>* HĐ 2 : Phân tích.</p> <p>- PP : Vấn đáp, thuyết trình, phân tích, bình giảng, TL nhóm</p> <p>- KT : Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút</p> <p>- NL : tư duy sáng tạo, sd ngôn ngữ, hợp tác, tự học,...</p> <p>? Hai chú cháu gặp nhau trong hoàn</p>	<p>A- Lượm</p> <p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả.</p> <p>- Tố Hữu (1920 - 2002). Quê: Thừa Thiên Huế</p> <p>- Là chiến sĩ, thi sĩ - Lãnh đạo Đảng, Nhà nước.</p> <p>2. Tác phẩm.</p> <p>a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của văn bản.</p> <p>- Bài "Lượm" được ông sáng tác năm 1949 trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.</p> <p>b. Đọc và tìm hiểu chú thích.</p> <p>* Đọc.</p> <p>* Chú thích :</p> <p>c. Thể loại : Thơ tự do.</p> <p>d. PTBĐ: BC + TS + MT.</p> <p>- Chú bé Lượm.</p> <p>e. Bố cục:</p> <p>- Gồm có 3 phần</p> <p>+ Phần 1: 5 khổ thơ đầu: Hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ tình cờ.</p> <p>+ Phần 2: Tiếp còn không (7 khổ tiếp): H/a Lượm trong chuyến công tác cuối cùng, sự hi sinh của Lượm</p> <p>+ Phần 3: Còn lại: Lượm còn sống mãi trong lòng mọi người.</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản :</p> <p>1. Hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ tình cờ.</p> <p>a. Hoàn cảnh</p> <p>- Ngày Huế đổ máu</p> <p>+ hoán dụ chỉ ngày chiến tranh nổ ra ở Huế, cuộc kháng chiến chống Pháp lại bắt đầu.</p>

<p>cảnh nào? ? Em hiểu “Huế đổ máu” là gì?</p> <p>? Em hiểu gì về hoàn cảnh này ? ? Trong hoàn cảnh đó nhà thơ gặp ai, Tìm những lời thơ miêu tả cuộc gặp gỡ đó ? ? “ Tình cờ” giúp em hiểu gì về cuộc gặp gỡ này ? - GV giảng về cuộc gặp gỡ giữa nhà thơ và chú bé Lượm.</p> <p>? Hình ảnh của Lượm hiện lên qua những lời thơ nào?</p> <p>? Thế nào là loắt choắt, nghênh ... tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? ? Lời thơ gợi tả chú bé như thế nào?</p> <p>? Dáng điệu của Lượm còn được gợi tả qua những hình ảnh nào? ? Nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ở đây ? ? Tác dụng của việc miêu tả, so sánh?</p> <p>? Trang phục của Lượm được tác giả miêu tả qua những câu thơ nào ? ? Từ ngữ, lời thơ có gì đặc biệt ? ? Nhận xét về trang phục của Lượm?</p> <p>? Vì sao tác giả chỉ khắc hoạ hai hình ảnh này? - T/C cho HS TL: 4 nhóm(3ph) ? Tìm những câu thơ miêu tả cử chỉ của Lượm ? ? Nhận xét về hình ảnh thơ? ? Em hiểu thêm gì về chú bé Lượm ? - Đại diện HS TB- HS khác NX, b/s - GV NX, chốt.</p>	<p>-> Chiến tranh ác liệt, khó khăn, gian khổ. - Tình cờ chú cháu Gặp nhau Hàng Bè.</p> <p>-> Cuộc gặp gỡ bất ngờ, không hẹn trước.</p> <p>b. Hình ảnh của Lượm * Dáng điệu : <i>Chú bé loắt choắt</i> <i>Cái chân thoăn thoắt</i> <i>Cái đầu nghênh nghênh</i> + Nghệ thuật: Từ láy, miêu tả</p> <p><i>Chú bé nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, hoạt bát, năng nổ, tinh nghịch đáng yêu.</i> - Cháu cười híp mí Má đỏ bồ quân + Nghệ thuật: Miêu tả, so sánh</p> <p>Em bé vui tươi hồn nhiên, yêu đời</p> <p>* Trang phục: Cái sắc xinh xinh Ca lô đội lệch + Từ láy, miêu tả <i>Trang phục nghiêm chỉnh như người chiến sĩ quân đội thực thụ.</i> - Đây là những nét tiêu biểu nhất cho công việc và lứa tuổi của Lượm</p> <p>* Cử chỉ Mồm huýt sáo vang Như con chim chích Nhảy trên đường vàng + Hình ảnh đẹp, so sánh <i>Chú bé nhanh nhẹn, hồn nhiên, yêu đời .</i></p>
---	---

(GV bình cử chỉ, dáng vẻ của	* Lời nói: Vui lắm....
------------------------------	----------------------------------

<p>Lượm)</p> <p>? Lời nói của Lượm bộc lộ qua những câu thơ nào?</p> <p>? PTBĐ nào được tác giả sử dụng ?</p> <p>? Bộc lộ thái độ gì của Lượm?</p> <p>? Qua đây em cho biết Lượm là một chú bé như thế nào?</p> <p>- GV bình.</p> <p>-</p> <p>? Công việc của Lượm được giới thiệu qua lời thơ nào?</p> <p>? Em hiểu gì về cách giới thiệu thời gian ấy? Gọi tả điều gì ?</p> <p>? Em hiểu gì về công việc Lượm đang làm ?</p> <p>? Em làm việc trong hoàn cảnh nào ?</p> <p>? NX về bút pháp nghệ/t ở đây ?</p> <p>? Em hiểu gì về công việc của Lượm?</p> <p>? Trong công việc nguy hiểm ấy Lượm có thái độ nào?</p> <p>? Câu thơ có gì đặc biệt ? Tác dụng ?</p> <p>- GV bình.</p> <p>? Sự hi sinh của Lượm và tâm trạng của tác giả khi nghe tin nhà thể hiện qua câu thơ nào ?</p> <p>? Nhận xét về cấu trúc lời thơ ?</p> <p>? Cách ngắt nhịp ấy thấy hiện lên điều gì?</p> <p>? Hình ảnh Lượm hi sinh được miêu</p>	<p>Thích hơn ở nhà</p> <p>+ PTTS với cách kể tự nhiên.</p> <p>. Bộc lộ niềm vui phần chân, hãnh diện về công việc vừa có sự nung nấu song rất tự nhiên chân thực.</p> <p>=>Rất nhỏ nhắn, vui tươi, ngây thơ, hồn nhiên và yêu đời .</p> <p>- Hồn nhiên, trong sáng, nhiệt tình trong cv...</p> <p>2. Công việc và sự hi sinh của Lượm</p> <p>a. Công việc:</p> <p>- Một hôm nào</p> <p>đó Như bao hôm nào... Bỏ thư vào bao</p> <p>+ Điệp từ ❖ công việc diễn ra thường xuyên liên tục</p> <p>❖ Ngày lại qua ngày em vẫn đưa thư liên lạc những con đường ra tiền tuyến.</p> <p>- Hoàn cảnh làm việc</p> <p>- Vụt qua mặt trận Đạn bay vào vèo</p> <p>+ Động từ mạnh, từ láy gọi tả</p> <p>❖ Công việc khó khăn, gian khổ.</p> <p>- Thái độ: Sợ chi hiểm nghèo?</p> <p>+ Câu hỏi tu từ như để khẳng định sự anh dũng, kiên cường không nề sợ gian nguy sẵn sàng vượt qua khó khăn thử thách để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>b. Sự hi sinh của Lượm</p> <p>- Đến nay tháng sáu Chợt nghe tin nhà.</p> <p>- Ra thế</p> <p>Lượm ơi</p> <p>+ Cách ngắt đôi câu thơ như một niềm khắc khoải, một tiếng nấc nghẹn ngào.</p> <p>❖ Sự xúc động lớn làm tác giả bàng hoàng đau đớn</p> <p>- Bỗng loè chớp</p>
--	---

	đỏ Thôi rồi! Lượm ơ Chú đồng chí nhỏ Một dòng máu tươi
--	---

<p>tả qua lời thơ nào?</p> <p>? Nghệ thuật trong khổ thơ có gì đ/s ?</p> <p>? Cảm nhận về sự hy sinh của Lượm ?</p> <p>? Hình ảnh Lượm lúc hi sinh tiếp tục được gọi tả qua những câu thơ nào?</p> <p>? Những câu thơ ấy gợi cho em cảm xúc gì?</p> <p>? Vì sao tác giả tách câu thơ “Lượm ơi...không?” thành một khổ riêng?</p> <p>* KT trình bày 1 phút.</p> <p>? Cảm nhận về sự hy sinh của Lượm.</p> <p>? Em học tập được gì qua hình ảnh Lượm?</p> <p>? Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật, nội dung của phần đầu văn bản “Lượm”?</p>	<p>+ Miêu tả, sử dụng câu cảm thán</p> <p>✦ Lượm hi sinh trong lúc làm nhiệm vụ khiến ta xúc động đau đớn, thương tâm. - Cháu nằm trên lúa....giữa đồng.</p> <p>✦ Lượm nằm yên nghỉ/ Cánh đồng lúa ngát hương thơm. Tay còn nắm bông lúa như ôm cả sự sống. Mảnh đất đồng quê như nâng đỡ và che giấc ngủ cho em. Linh hồn bé nhỏ ấy đã hoá thân vào quê hương đất nước. - Lượm ơi còn không?</p> <p>✦ Câu thơ như hạ đột ngột bằng một câu hỏi tu từ đau xé lòng nó nức nở nghẹn ngào day dứt trong sự bàng hoàng như không tin vào mắt mình, không tin vào sự thật.</p> <p>* Tiểu kết:</p> <p>- NT: Từ láy gợi hình, gợi cảm, hoán dụ...</p> <p>- ND: H/a Lượm ngây thơ, hồn nhiên, yêu đời.</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>? Viết 1 đoạn văn từ 5 đến 7 câu nêu cảm nhận của em về h/a Lượm.</p> <p>- HS viết – Gọi HS đọc.</p> <p>- HS khác NX, b/s. GV cho điểm.</p>	

4. Hoạt động vận dụng.

? Trước những khó khăn trong học tập, em sẽ làm gì ?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm hiểu thêm về nhà thơ Tố Hữu và bài thơ « Lượm ».

* Học thuộc lòng bài thơ

- Hình ảnh Lượm hiện lên như thế nào trong bài?

- Vẽ lại hình ảnh Lượm trong bức tranh

* Chuẩn bị tiếp phần còn lại : Công việc và sự hy sinh của Lượm...để học tiếp tiết sau. Thấy được công việc và sự hi sinh anh dũng của Lượm- Lượm còn sống mãi trong lòng người đọc.

- Chuẩn bị văn bản “ Mưa” của nhà thơ Trần Đăng Khoa.

+ Trình bày ra giấy tô ki những nét chính về tác giả, tác phẩm.

- + Phân tích cảnh thiên nhiên trước và trong cơn mưa.
- + Hình ảnh người lao động hiện lên ntn trong bài thơ.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 27. Bài 24. Tiết 108. Văn bản. LƯỢM

MƯA (hướng dẫn đọc thêm) (Tiếp)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

- 1. Kiến thức:** Hiểu được công việc và sự hi sinh anh dũng của Lượm - Lượm còn sống mãi trong lòng người đọc.
- 2. Kỹ năng:** Đọc diễn cảm, phân tích được biện pháp nhân hóa, ẩn dụ trong bài thơ, nhận xét, cảm thụ những hình ảnh thơ văn.
- 3. Thái độ:** yêu mến, kính phục, tự hào về thế hệ trẻ VN. Yêu thiên nhiên, con người, yêu cuộc sống.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
 - Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, yêu thiên nhiên, đất nước.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích, bình giảng.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy, trình bày 1 phút.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định :

* Tổ chức khởi động:

? Đọc thuộc lòng và diễn cảm 5 khổ thơ đầu bài thơ “ Lượm” của Tố Hữu.

? Cảm nhận của em về hình ảnh Lượm qua 5 khổ đầu bài thơ ?

- GV Sự hy sinh của Lượm có ý nghĩa như thế nào cô và các em tìm hiểu tiếp bài thơ “Lượm” -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung bài học
	A. Văn bản : Lượm.
	I. Đọc - Tìm hiểu chung.

<p>* HĐ 1 : Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : Vấn đáp, phân tích, bình giảng, TL nhóm - KT : Đặt câu hỏi, T/C TL - NL: cảm thụ, tự học, hợp tác, sd ngôn ngữ,... <p>* T/C cho HS TL: 4 nhóm (3phút)</p> <p>? Nhận xét sự giống nhau giữa 2 khổ thơ đầu và 2 khổ thơ cuối?</p> <p>? Dựng ý của đoạn điệp lại này?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện HS TB - HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt. <p>- GV bình kết thúc bài thơ.</p> <p>? Cảm xúc của em sau khi học xong bài thơ ?</p> <p>HĐ 2 : Tổng kết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : vấn đáp - KT : đặt câu hỏi - NL : tự học, tổng hợp đánh giá <p>? Bài thơ tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?</p> <p>? Biểu đạt nội dung gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc ghi nhớ 	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <p>3. Lượm còn sống mãi</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giống: Cùng miêu tả hình ảnh của Lượm, nhắc lại y nguyên 2 khổ thơ đầu. + Khác: Giọng nhịp đọc trùng xuống như một câu trả lời cho câu hỏi day dứt trên. <p>✚ Lượm như còn sống mãi trong tâm trí mọi người. Gây ấn tượng mạnh mẽ về sự trọn vẹn của hình ảnh Lượm từ tư thế đến trang phục của anh hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đó là cách kết: Đầu cuối tương ứng bài thơ... - Xúc động, yêu mến, tự hào về thế hệ trẻ anh hùng đã hy sinh vì đất nước... <p>III. Tổng kết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghệ thuật. <ul style="list-style-type: none"> - Cách gọi tên khác nhau: Bằng nhiều đại từ xưng hô (chú bé, cháu, Lượm, chú đồng chí nhỏ) thể hiện sắc thái quan hệ và tình cảm khác nhau giữa người kể chuyện và nhân vật. - Thể thơ 4 chữ ,sử dụng nhiều từ láy gọi hình, so sánh, hoán dụ, câu cảm thán... - Biểu cảm + Miêu tả + kể chuyện 2. Nội dung: Hình ảnh chú bé Lượm hồn nhiên, tươi vui và dũng cảm. <p>* Ghi nhớ SGK/T.77</p>
<p style="text-align: center;">B. Mưa (Hướng dẫn đọc thêm)</p>	
<p>* HĐ 1 : Tìm hiểu chung vb</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : Vấn đáp, thuyết trình, đọc sáng tạo, TL nhóm - KT : Đặt câu hỏi, T/C TL - NL: sd ngôn ngữ, hợp tác <p>- Mời đại diện HS lên thuyết trình về Trần Đăng Khoa và hoàn cảnh ra đời của bài thơ : Mưa</p>	<p>I . Tìm hiểu chung.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tác giả. <ul style="list-style-type: none"> - Trần Đăng Khoa sinh năm 1958 quê Nam Sách - Hải Dương hiện đang công tác ở tạp chí Quân đội. 2. Tác phẩm: <p>a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ sáng tác năm 1967, khi tác giả còn là học sinh tiểu học. - Bài thơ được trích từ tập thơ đầu tay “ Góc

? Nêu giọng đọc của văn bản ?
 Đọc giọng nhanh, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.
 - Đọc mẫu, gọi học sinh đọc văn bản.
 ? Giải nghĩa chú thích 1, 2, 3.....
 ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào ?
 ? Bài thơ tả cảnh gì?

? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Giới hạn và nội dung từng phần?

*** HD 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:**

- PP : Vấn đáp, phân tích, bình giảng, TL nhóm
- KT : Đặt câu hỏi, T/C TL, trình bày 1 phút, lược đồ tư duy
- NL: phân tích, cảm thụ, hợp tác...
- * T/C cho HS TL: 4 nhóm (4phút)**
- ? Cảnh khi trời sắp mưa được miêu tả qua những hình ảnh nào?
- ? Nghệ thuật nào được tác giả sử dụng để tả cảnh? Tác dụng?
- ? Cảm nhận của em về cảnh thiên nhiên trước khi mưa ?
- **Đại diện HS TB**
- **HS khác NX, bổ sung.**
- **GV NX, chốt.**

? Hình ảnh nào xuất hiện khi trời mưa?

? Em có NX gì về nghệ thuật miêu tả

sân và khoảng trời”.

b, Đọc và tìm hiểu chú thích.

* Đọc

* Chú thích :

c. Thể thơ: thơ tự do.

- Bài thơ tả cảnh thiên nhiên, cảnh trận mưa rào mùa hạ ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.
- Cấu trúc: 2 phần.
- + Phần 1: Đầu trời lốc -> Lúc trời sắp mưa
- + Phần 2: Còn lại -> Lúc trời mưa

II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:

1. Lúc trời sắp mưa.

- Mối bay ra... gà tìm nơi ẩn nấp.
- Ông trời - mặc áo giáp đen
- Cây mía - múa gươm; - Kiến - hành quân
- Lá khô - gió cuốn; - Cỏ gà - rung tai
- Bụi tre - gõ tóc; - Bưởi đu đưa - Bể con
- Chớp - sấm
- + Nghệ thuật: Nhân hoá độc đáo, động từ
- > Thế giới loài vật cỏ cây như đang chuẩn bị đón một cơn mưa lớn, chúng hồi hả cuống quýt, vui sướng đón mưa.

=> Cảnh vật đang chuyển động gấp gáp sống động, khẩn trương để chuẩn bị đón mưa.

2. Quang cảnh lúc trời mưa .

*** Cảnh thiên nhiên:**

- Chớp: rạch ngang trời, sấm cời khanh khách.
- Mùng tơi: nhảy múa.
- Mưa ù ù, lộp độp, mà trắng nước - mưa chéo sủi bọt, cóc nhảy, chó sủa, cây hả hê.
- NT: Nhân hóa, động từ mạnh, từ láy, quan sát tinh tế, diễn tả có hồn.

của tác giả ? Cái hay của việc s/d	
------------------------------------	--

<p>những biện pháp nghệ thuật đó ? ? Em hình dung được trận mưa rào ở đồng bằng Bắc Bộ diễn ra ntn ?</p> <p>? Trong cơn mưa ấy xuất hiện hình ảnh con người, tìm câu thơ đó? ? NX về nghệ thuật ? ? Cảm nhận của em về hình ảnh con người lao động trong thời kì kháng chiến chống Mĩ ?</p> <p>* KT TB 1 phút: Cảm nhận về đẹp của người lao động qua khổ thơ.</p> <p>* HD 4 : Tổng kết. - PP : Vấn đáp. - KT : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy ? Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của bài thơ bằng lược đồ tư duy?</p>	<p>-> <i>Trận mưa ở làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ nước ta vào mùa hè thật dữ dội.</i> * Hình ảnh con người: - Bó em đội sấm - đội chóp - đội cả trời mưa .</p> <p>+ Hình ảnh rất độc đáo, nói quá. -> <i>Tầm vóc lớn lao, con người chiến thắng, chế ngự được thiên nhiên khắc nghiệt, dữ dội. Hình ảnh người lao động VN chăm chỉ, không ngại khó, ngại khổ.</i></p> <p>III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: Cách miêu tả lựa chọn hình ảnh đặc sắc, nhân hoá, sử dụng động từ, tính từ... 2. Nội dung: Miêu tả sinh động cơn mưa rào mùa hạ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nước ta.</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>? Viết 1 đoạn văn từ 5 đến 7 câu miêu tả cảnh trận mưa rào ở làng quê em. - HS viết – Gọi HS đọc. - HS khác NX, b/s. GV cho điểm.</p>	

4. Hoạt động vận dụng:

? Dựa vào hình ảnh Lượm hãy đặt câu miêu tả về người bạn thân của em.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Đọc thêm những bài viết tham khảo về bài thơ Lượm, Mưa.

* Học thuộc lòng 2 bài thơ: Lượm và Mưa

- Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T.77, 81. Viết một đoạn văn miêu tả cảnh mưa rào

* Chuẩn bị bài: Hoán dụ.

+ Bằng cách đọc kỹ phần ví dụ và ghi nhớ.

+ Hiểu được thế nào là hoán dụ, các kiểu hoán dụ và tác dụng của hoán dụ.

Tuần 28

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 109. Bài 24. Tiếng việt.**HOÁN DỤ****I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS cần:**1. Kiến thức:** Hiểu được thế nào là hoán dụ; các kiểu hoán dụ và tác dụng của hoán dụ.**2. Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận biết và phân tích tác dụng của hoán dụ, lấy được ví dụ có sử dụng hình ảnh hoán dụ.**3. Thái độ:** học sinh ý thức học tập, gìn giữ sự trong sáng của Tiếng Việt.**4. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, yêu thiên nhiên, đất nước.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

- 2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích mẫu.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động:*** **Ôn định :*** **Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là ẩn dụ? Ví dụ?

? Có mấy kiểu ẩn dụ? Ví dụ?

Tổ chức khởi động:

Xác định biện pháp tu từ trong các câu

sau: a, Long lánh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc non phơi bóng

vàng. b, Thôi rồi, Lượm ơi.

Chú đồng chí nhỏ

Một dòng máu tươi.

Câu a là so sánh, câu b là hoán dụ -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
* HĐ 1 : Hoán dụ là gì ? - PP : Vấn đáp, phân tích mẫu, TL, trò chơi, LTTH. - KT : Đặt câu hỏi, T/C TL. - NL : sd ngôn ngữ, hợp tác,... - Gọi HS đọc VD.	I. Hoán dụ là gì ? 1. Xét ví dụ Áo nâu cùng với áo xanh

<p>* T/C cho HS TL : 4 nhóm (TG : 3 phút)</p> <p>? Tìm từ ngữ in đậm trong vd? Những từ in đậm trong câu thơ chỉ ai? ? Giữa chúng có mối quan hệ gì? ? Cách nói này có tác dụng gì?</p> <p>+ Gọi đại diện HS TB. + HS khác NX, bổ sung. + GV chốt kiến thức.</p> <p>- GV : So với cách diễn đạt “ Tất cả nhân dân ở nông thôn và công nhân ở các thành phố đều đứng lên”- Diễn đạt theo lối văn xuôi chỉ thông báo sự kiện không có giá trị biểu cảm như câu thơ trên.</p> <p>? Thế nào là hoán dụ?</p> <p>- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ ? Hãy lấy ví dụ minh họa ?</p> <p>- Chơi trò chơi: Ai nhanh hơn (2ph): Tìm thơ, văn có hoán dụ ? - Đội nào tìm được nhiều thơ, văn có hoán dụ đội đó sẽ chiến thắng.</p> <p>-Y/C HS TL cặp đôi (2ph) ? Hoán dụ và ẩn dụ có gì giống, khác nhau ?</p> <p>- Đại diện HS TB - HS khác NX, bổ sung - GV nhận xét, chốt.</p> <p>* HD 2 : Các kiểu hoán dụ. - PP: Vđáp, ptích mẫu, hđ nhóm</p>	<p>Nông thôn cùng với thị thành đứng lên</p> <p>- Áo nâu: Chỉ người nông dân - Áo xanh: Chỉ người công nhân</p> <p>Chúng có mối quan hệ gần gũi màu áo chỉ đặc điểm của lớp người (nông dân, công nhân).</p> <p>- Nông thôn: Người sống ở nông thôn - Thị thành: Người sống ở thành thị -> Nông thôn thành thị có mối quan hệ giữa vật chứa đựng với vật bị chứa đựng.</p> <p>=> Tác dụng: Người đọc, người nghe dễ hình dung, tăng sức gợi cảm cho sự diễn đạt, có giá trị biểu cảm</p> <p>=> Diễn đạt như trên là hoán dụ.</p> <p>- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.</p> <p>2. Ghi nhớ SGK/T.82 VD: Đầu xanh tuổi trẻ, mày râu đàn ông Đầu bạc tuổi già, má hồng đàn bà VD: ... quen thói má hồng đánh ghen.</p> <p>* Bài 2.</p> <p>- Giống : Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng kia. - Khác : + Ẩn dụ dựa vào quan hệ tương đồng + Hoán dụ dựa vào quan hệ gần gũi.</p> <p>II. Các kiểu hoán dụ</p>
---	--

<p>- KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: hợp tác, tự học, ... ? Hình ảnh “bàn tay” làm ta liên tưởng tới ai? ? Hai sự việc này có quan hệ với nhau ntn ? ? Em hiểu gì về kiểu hoán dụ này? (HS trình bày)</p> <p>? Một, ba chỉ điều gì? ? Giữa chúng có mqh gì?</p> <p>? “ Đổ máu” chỉ điều gì? ? Chúng có mối quan hệ gì?</p> <p>? Miền Nam 2 chỉ điều gì?</p> <p>? Chúng có mối quan hệ với nhau ntn ?</p> <p>? Hãy cho ví dụ minh họa ?</p> <p>? Qua ví dụ, em cho biết có mấy kiểu hoán dụ? Đó là những kiểu nào ? (Dùng sơ đồ tư duy khái quát kiến thức).</p>	<p>1. Xét các ví dụ: a. Bàn tay ta...thành cơm - Bàn tay: Bộ phận của cơ thể con người, công cụ đặc biệt để lao động -> chỉ người lao động. - Quan hệ giữa cái bộ phận với cái toàn thể.</p> <p><i>Đó là kiểu hoán dụ: Lấy bộ phận để chỉ toàn thể</i> b. Một cây làm chẳng....cao Một (số ít) (rất ít); Ba - số nhiều (rất nhiều) Cụ thể - Vô hạn, trừu tượng - Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng <i>Hoán dụ: Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng</i> c. Ngày Huế đổ máu. Hàng Bè - Đổ máu: Chiến tranh năm 1947 ở thành phố Huế - Dấu hiệu sự vật -> gọi sự vật. <i>Hoán dụ: Lấy dấu hiệu sự vật để chỉ sự vật</i> d. Bác nhớ Miền Nam nỗi nhớ nhà Miền Nam mong Bác nỗi mong cha - Miền Nam: chỉ người sống ở Miền Nam - Quan hệ vật chứa đựng (miền Nam) với vật bị chứa đựng (nhân dân miền Nam) <i>Hoán dụ: Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng</i> - VD: Cả nước bên em, quanh giường nệm trắng Hát cho em nghe như tiếng mẹ ngày xưa - Cả nước (vật chứa) và vật được chứa (Nhân dân việt nam sống trên đất nước VN) vật chất để chỉ vật chất chứa đựng. => <i>Có 4 kiểu hoán dụ:</i> Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng Lấy dấu hiệu sự vật để chỉ sự vật Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng</p> <p>2. Kết luận: Ghi nhớ SGK/T83</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
PP : Vấn đáp, TL, trò chơi, LTTH. KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm	* Bài tập 1: a. Làng xóm: Chỉ nhân dân sống trong

<p>- NL: sd ngôn ngữ, tự học,...</p> <p>? Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ.</p> <p>-Y/C HS TL: 4 nhóm (2ph) :</p> <p>? Chỉ ra phép hoán dụ trong các câu thơ, văn và cho biết mối quan hệ của chúng?</p> <p>- Đại diện HS TB</p> <p>- HS khác NX, bổ sung</p> <p>? Phân tích tác dụng của h/a hoán dụ trong câu thơ:</p> <p><i>Vì lợi ích ... trồng cây</i></p> <p><i>Vì lợi ích..... trồng người</i></p>	<p>làng xóm vật chứa - vật bị chứa đựng.</p> <p>b. 10 năm: Thời gian ngắn, trước mắt, cụ thể</p> <p>Trăm năm: Thời gian dài, trừu tượng</p> <p>c, áo chàm: Người dân tộc ở Việt Bắc</p> <p>Dấu hiệu sự vật để chỉ sự vật mang dấu hiệu</p> <p>d, Trái đất: Loài người đang sống trên trái đất vật chứa đựng vật bị chứa đựng.</p> <p>* Bài 2.</p> <p>- Hình sử dụng h/a hoán dụ: mười năm, trăm năm</p> <p>-> Bác chỉ ra lợi ích trước mắt là trồng cây, nhưng lợi ích lâu dài là phải trồng người. Vì người có tài năng sẽ tạo được thành công...</p>
---	--

4. Hoạt động vận dụng :

? Tìm thơ, văn có hoán dụ và đọc cho các bạn trong nhóm nghe. Trao đổi với bạn về cái hay của việc sử dụng hình ảnh hoán dụ đó.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Lập sổ tay văn học: ghi những câu văn, câu thơ có sử dụng hoán dụ.

* Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T.82,83. Làm bài tập còn lại SGK

- Suy tầm các câu văn, thơ có sử dụng biện pháp nghệ thuật Hoán dụ

*** Chuẩn bị bài: Tập làm thơ 4 chữ.**

+ Hiểu những đặc điểm cơ bản của thể thơ 4 chữ (tiếng).

+ Vận dụng các kiến thức đã đọc tìm bài thơ 4 chữ, làm đoạn thơ bốn chữ

Tuần 28.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 24. Tiết 110.

TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu những đặc điểm cơ bản của thể thơ 4 chữ (tiếng) ; các kiểu vần trong thơ nói chung và thơ bốn chữ nói riêng.

- Tích môi trường: Làm bài thơ, đoạn thơ 4 chữ về thiên nhiên, môi trường sống...

2. Kỹ năng: Có kỹ năng nhận diện thể thơ bốn chữ khi đọc và học thơ ca, xác định độ cách gieo vần của thể thơ bốn chữ, làm thể thơ 4 chữ.

- Vận dụng các kiến thức đã học về thể thơ bốn chữ vào làm thơ bốn chữ.

3. Thái độ: Có ý thức tự giác học tập, yêu mến văn chương, thơ ca.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, yêu thiên nhiên, đất nước.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

- 2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích mẫu.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Đọc thuộc lòng 2 khổ cuối bài thơ *Lượm*, nhận xét cách ngắt nhịp - vần thơ ?

* **Tổ chức khởi động:**

- Em đã dc nghe những bài thơ 4 chữ nào? Hãy đọc cho cả lớp cùng nghe?

- HS đọc thơ (sưu tầm trc)

- GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP : Vấn đáp, TL, trò chơi, LTTH. - KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL : tự học, sd ngôn ngữ, đánh giá. - Gọi HS đọc bài thơ : <i>Lượm</i> <p>? Dựa vào bài thơ <i>Lượm</i> cho biết đặc điểm của thể thơ 4 chữ: số câu/khổ, số tiếng/câu, cách ngắt nhịp?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đoạn thơ SGK. <p>? Xác định các tiếng gieo vần trong khổ thơ ?</p> <p>? Nhận xét cách gieo vần?</p> <p>? Em hiểu thế nào là vần chân ?</p> <p>? Nhận xét cách gieo vần tiếng: hàng và ngang, trang và màng ?</p>	<p>I. Đặc điểm thể thơ bốn chữ.</p> <p>* Ví dụ 1: Bài thơ “ <i>Lượm</i>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi khổ gồm 4 câu - Mỗi câu gồm 4 tiếng - Ngắt nhịp 2/ 2 <p>* Ví dụ 2 (sgk/84)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gieo vần: Hàng - trang <p>-> Gieo ở tiếng cuối câu trên với tiếng cuối câu dưới -> vần chân</p> <p>=> Vần chân là vần được gieo vào cuối dòng thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gieo vần: Hàng- ngang, trang - màng. <p>-> Tiếng cuối câu trên vần với tiếng thứ hai (tiếng giữa) câu dưới -> Vần lưng.</p> <p>=> Vần lưng là vần được gieo ở giữa dòng</p>

<p>? Em hiểu thế nào là vần lưng ?</p> <p>? Đọc đoạn thơ, tìm những tiếng gieo vần với nhau ?</p> <p>? Nhận xét cách gieo vần của khổ thơ này ?</p> <p>? Em hiểu thế nào là gieo vần cách ?</p> <p>? Tìm gieo vần của khổ thơ ?</p> <p>? Cho biết cách gieo vần trong khổ thơ như thế nào ?</p> <p>? Em hiểu thế nào là gieo vần liền ?</p> <p>? Qua ví dụ, em nêu đặc điểm của thể thơ 4 chữ ?</p> <p>? Đọc khổ thơ, bài thơ 4 chữ mà em biết ?</p>	<p>thơ.</p> <p>* Ví dụ 3.</p> <p>- Đoạn 1:</p> <p>+ Gieo vần: Cháu - sáu, ra - nhà</p> <p>-> Gieo vần các tiếng cuối dòng trên với các tiếng cuối dòng dưới (cách ra một dòng)</p> <p>-> Gieo vần cách.</p> <p>=> Gieo vần cách là vần không gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ.</p> <p>- Đoạn 2:</p> <p>+ Gieo vần: Hẹ - mẹ, đàn- càn</p> <p>-> Gieo các tiếng cuối dòng trên với các tiếng cuối dòng dưới => Gieo vần chân liền.</p> <p>=> Gieo vần liền là vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ.</p> <p>* Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi khổ gồm 4 câu - Mỗi câu gồm 4 tiếng - Ngắt nhịp 2/ 2 <p>- Gieo vần: vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách.</p> <p>- VD: Bài thơ ” Hạt gạo làng ta”</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP : Vấn đáp, TL, trò chơi, LTTH.</p> <p>- KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm</p> <p>- NL: tự học, hợp tác</p> <p>? Trình bày bài, đoạn thơ 4 chữ có nội dung kể hay miêu tả về một sự việc hay người nào đó ?</p> <p>? Cho biết đặc điểm của bài đoạn thơ đó ?</p> <p>- HS trình bày - HS khác nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>- HS làm việc cá nhân : TG 2 phút.</p> <p>* Liên hệ môi trường:</p> <p>? Làm bài, đoạn thơ 4 chữ về đề tài môi trường.</p> <p>- Gọi HS trình bày - Y/c hs nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>II. Tập làm thơ bốn chữ trên lớp</p> <p>* Bài 1.</p> <p>* Bài 2.</p>

<p>- Y/C HS TL cặp đôi (TG: 2 phút)? ? Tìm hai chữ có vần sai và sửa lại cho đúng ? - Gọi đại diện HS TB - HS khác NX. - GV NX, chốt lại.</p>	<p>* Bài tập 4 (sgk/85) - Sửa vần: Sưởi -> cạnh dò -> sông</p>
---	---

4. Hoạt động vận dụng :

- Đọc đoạn thơ phần đọc thêm

? Làm thơ 4 chữ về chủ đề mái trường và đọc cho bạn nghe ?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm các bài thơ 4 chữ.

* Tiếp tục làm thơ bốn chữ.

* Chuẩn bị bài mới: **Cô Tô**. Bằng cách trả lời câu hỏi phần Hướng dẫn đọc - Hiểu văn bản. Trình bày ra giấy tờ ki những nét chính về tác giả Nguyễn Tuân và hoàn cảnh ra đời của văn bản.

+ Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng hùng vĩ, tráng lệ và nhộn nhịp tươi vui trong bức tranh thiên nhiên của cảnh biển Cô Tô và nghệ thuật miêu tả độc đáo của nhà văn Nguyễn Tuân.

Tuần 28.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 25. Tiết 111. Văn bản:

CÔ TÔ

(Nguyễn Tuân)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng hùng vĩ, tráng lệ và nhộn nhịp tươi vui trong bức tranh thiên nhiên của cảnh biển Cô Tô; Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn.

- Từ đó liên hệ môi trường: Tìm hiểu và biết được về những biển, hải đảo đẹp ở Việt Nam là những khu du lịch, danh lam thắng cảnh nổi tiếng.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc văn bản: giọng đọc vui tươi, hồ hởi. Đọc Hiểu văn bản kí có yếu tố miêu tả, cảm thụ và phân tích văn học.

3. Thái độ: Có tinh thần yêu mến, tự hào về cảnh đẹp quê hương, đất nước.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích,...
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, yêu thiên nhiên, đất nước.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích, bình giảng.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định :

* 2. Kiểm tra(15 phút):

Đề bài.

- **Câu 1:** Bài thơ “Mưa? Của tác giả nào? Sáng tác năm nào?
- **Câu 2:** Vì sao trong bài thơ ” Đêm nay Bác không ngủ” Minh Huệ không kể về lần thức dậy thứ 2 của anh đội viên ?
- **Câu 3:** Nêu cảm nhận của em về h/a Lượm trong 2 khổ thơ: “Chú bé loắt choắt
Cái xác xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

(Trích: “ Lượm” - Tố Hữu)

Đáp án + Biểu điểm

- **Câu 1 (đ):** - Tác giả; trần Đăng Khoa, viết năm 1967.
- **Câu 2 (đ):** Trong bài thơ ta hiểu có lần thức dậy thứ 2 của anh đội viên nhưng nhà thơ không kể để tránh lặp lại, tránh gây nhàm chán và cũng thể hiện thời gian lúc này đã gần sáng. Qua đó nhà thơ muốn nhấn mạnh về một đêm không ngủ được của Bác vì lo cho dân, cho nước....
- **Câu 3 (đ):** Khổ thơ trên trích trong văn bản ” Lượm” của Tố Hữu, khắc họa vẻ đẹp của Lượm. Một chú bé liên lạc nhỏ nhắn, nhanh nhẹn. Nhà thơ sử dụng nhiều từ láy gợi hình, gợi tả kết hợp với h/a so sánh làm hiện lên trước mắt người đọc chú bé Lượm ngây thơ, đáng yêu, nhanh nhẹn, yêu đời...

* **Tổ chức khởi động:**

Cho HS xem đoạn clip giới thiệu về quần đảo Cô Tô -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
* HD 1 : Đọc – tìm hiểu chung.	I . Đọc - Tìm hiểu chung

<p>- PP : Vấn đáp, đọc sáng tạo, thuyết trình.</p> <p>- KT : Đặt câu hỏi, T/C TL.</p> <p>- NL : sd ngôn ngữ, giao tiếp,...</p> <p>- Gọi HS lên thuyết trình về phần tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt và mở rộng.</p> <p>? Nêu giọng đọc của văn bản ?</p> <p>- Đọc giọng vui tươi, hồ hởi...</p> <p>- GV đọc mẫu, HS đọc.</p> <p>- Gọi HS khác NX bạn đọc.</p> <p>? Giải nghĩa chú thích 1, 2, 3.....</p> <p>HS giải nghĩa các chú thích (SGK)</p> <p>? Cho biết thể loại văn bản?</p> <p>? Xác định PTBD của vb ?</p> <p>? VB miêu tả cảnh nổi bật nào ?</p> <p>? Cảnh được tác giả miêu tả theo trình tự nào ?</p> <p>? Văn bản có thể chia thành mấy phần? Giới hạn và nội dung từng phần ?</p> <p>* HĐ 2 : Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <p>- PP : Vấn đáp, thuyết trình, phân tích, bình giảng, TL.</p> <p>- KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm</p> <p>- NL : hợp tác, sd ngôn ngữ, cảm thụ</p> <p>- Cho HS TL: 4 nhóm (TG : 4phút)</p> <p>? Sau ngày bão cảnh Cô Tô được tác giả khắc họa qua các hình ảnh nào?</p> <p>? NX từ ngữ tác giả sử dụng ở đây ?</p>	<p>1. Tác giả. Nguyễn Tuân (1910 - 1987)</p> <p>- Quê: Hà Nội</p> <p>- Ông có sở trường viết thể tùy bút, ký.</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm.</p> <p>- Bài văn Cô Tô là phần cuối của bài kí Cô Tô- tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động của vùng đảo Cô Tô mà nhà văn Nguyễn Tuân thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo Cô Tô.</p> <p>b. Đọc và tìm hiểu chú thích.</p> <p>* Đọc</p> <p>* Chú thích :</p> <p>c. Thể loại : Truyện ký hiện đại</p> <p>b. PTBD: MT + BC</p> <p>- Cảnh Cô Tô sau trận bão và cuộc sống, sinh hoạt của con người trên đảo.</p> <p>- Trình tự: không gian và thời gian.</p> <p>c. Bố cục: 3 phần</p> <p>+ Phần 1: Đầu- Mùa sóng ở đây: Toàn cảnh Cô Tô sau ngày bão.</p> <p>+ Phần 2: Tiếp Là là nhịp cánh: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô</p> <p>+ Phần 3: Còn lại: Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô.</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản :</p> <p>1. Toàn cảnh Cô Tô sau ngày bão.</p> <p>- Cảnh: Trời trong trẻo, sáng sủa...bao giờ bầu trời cũng trong sáng như vậy.</p> <p>+ Lựa chọn từ ngữ chính xác</p> <p>Quang cảnh hiện lên với không khí thoáng</p>
---	---

<p>? Qua đó gợi cho em suy nghĩ gì về khung cảnh này?</p> <p>- Gọi đại diện HS TB - HS khác NX - GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Cảnh trong sáng ấy được cụ thể qua các chi tiết nào?</p> <p>? Em hiểu gì về : xanh mượt, lam biếc, vàng giòn ?</p> <p>? Tác giả đã dùng nghệ thuật gì để khắc hoạ hình ảnh Cô Tô?</p> <p>? Qua đó gợi khung cảnh thiên nhiên như thế nào trong cảm nhận của em?</p> <p>? Vị trí tác giả quan sát khung cảnh đó? Từ góc độ đó tác giả ghi lại cảnh Cô Tô với những gì ?</p> <p>? Em có cảm nhận gì về toàn cảnh Cô Tô sau ngày bão qua sự quan sát của tác giả ?</p> <p>? Em hiểu gì về tình cảm của tác giả dành cho Cô Tô ?</p> <p><i>Tác giả còn cảm thấy Cô Tô tươi đẹp gần gũi như quê hương của chính mình. Tác giả là người sẵn sàng yêu mến, gắn bó với thiên nhiên, đất nước.</i></p> <p>* Liên hệ môi trường: em biết thêm những biển, đảo nào ở nước ta. Hãy kể về những thắng cảnh đó ?</p> <p>? Đưa bức tranh về cảnh biển, cho HS quan sát, nhận xét.</p> <p>? Em sẽ làm gì để làm cho những thắng cảnh đó ngày một thêm đẹp ?</p> <p>? Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn văn.</p>	<p>đăng, mát mẻ, trong sáng (Đây là quy luật của tự nhiên).</p> <p>- Trời trong sáng, cây xanh mượt.</p> <p>- Nước biển lam biếc đậm đà, cát vàng giòn.</p> <p>+ Tính từ “vàng giòn” tả đúng sắc vàng khô của cát biển, một thứ sắc vàng có thể tan ra được. đó là sắc vàng riêng của cát Cô Tô trong cảm nhận của tác giả.</p> <p>- Xanh mượt: Lá màu xanh mỡ màng, tươi tốt, đầy sức sống.</p> <p>- Lam biếc : Màu xanh đậm đà.</p> <p>+ Sử dụng nhiều tính từ chỉ màu sắc, giàu chất tạo hình, quan sát tinh tế, lựa hình ảnh tiêu biểu ⇒ Một bức tranh phong cảnh biển đảo trong sáng, phóng khoáng, lộng lẫy.</p> <p>- Vị trí quan sát của tác giả trên nóc đồn nhìn ra bốn phương tám hướng</p> <p>- Nhìn rõ Tô Bắc, Tô Nam....</p> <p>- Tình cảm yêu mến hòn đảo như bất cứ người dân chài nào ở đây....</p> <p>Cảnh Cô Tô hiện lên thật trong sáng, tươi đẹp giữa sự bao la của mây trời và một vẻ đẹp thơ mộng êm đềm gợi cảm xúc.</p> <p>=> Yêu mến, tự hào quê hương....</p> <p>- VD : Sầm Sơn, Hạ Long, Cát Bà...</p> <p>- Giữ gìn, phát huy...</p> <p>* Tiểu kết.</p> <p>- Nghệ thuật : Miêu tả, tính từ gợi hình gợi cảm...</p>
--	--

- Nội dung : Cảnh Cô Tô sau ngày bão thơ mộng, trong sá

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- PP: Vấn đáp, trò chơi. - KT : Đặt câu hỏi. - NL : sáng tạo * Chơi trò chơi : Ai nhanh hơn (2 đội, Tg 2 phút). ? Kể những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử mà em biết. - HS TG – GV tổng kết trò chơi. ? Em sẽ làm gì để bảo vệ danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử đó?	- Tổng vệ sinh môi trường - Không xả rác, không viết vẽ bậy lên tường ... các khu di tích...

4. Hoạt động vận dụng.

? Từ văn bản Cô tô, em hãy viết 1 đoạn văn ngắn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử ở địa phương em?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Sưu tầm bức tranh về cảnh đẹp của biển.

* Đọc lại văn bản, nắm vững kiến thức đã học.

* Chuẩn bị tiếp phần còn lại của văn bản : Cô Tô -> để học tiếp tiết sau:

+ Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô và Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô.

+ Tiếp tục cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng hùng vĩ, tráng lệ và nhộn nhịp tươi vui trong bức tranh thiên nhiên của cảnh biển Cô Tô - Nghệ thuật miêu tả của tác giả.

Tuần 28.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 112. Bài 25. Văn bản:

CÔ TÔ

(Nguyễn Tuân)

I. Mục tiêu cần đạt: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

Tiếp tục hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng hùng vĩ, tráng lệ và nhộn nhịp tươi vui trong bức tranh thiên nhiên của cảnh biển Cô Tô; Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô và Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô.

- Thấy được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng cảm thụ những hình ảnh của thơ Văn, phân tích.

- Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của em về vùng đảo Cô Tô sau khi học xong vb

3. Thái độ: Có tinh thần yêu mến, tự hào về cảnh đẹp quê hương, đất nước.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, yêu thiên nhiên, đất nước.

II. Chuẩn bị

- 1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích, bình giảng.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Cảnh biển Cô Tô sau ngày bão được miêu tả như thế nào?

? Cảm nhận của em về vẻ đẹp của cảnh Cô Tô sau ngày bão ?

* **Tổ chức khởi động:**

Cho HS q.s tranh và đoán hình ảnh tương ứng với nội dung từng phần văn bản Cô Tô
-> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>* HĐ 1 : Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <p>- PP : Vấn đáp, đọc sáng tạo, DH hợp đồng</p> <p>- KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm</p> <p>- NL : cảm thụ, phân tích, sd ngôn ngữ, hợp tác</p> <p>? Tác giả đã chọn thời điểm nào để chứng kiến cảnh mặt trời mọc ?</p> <p>? Canh tư là thời điểm nào trong ngày?</p> <p>? Tại sao tác giả lại chọn thời điểm này để chứng kiến mặt trời mọc ?</p> <p>- NT ra thăm đảo Cô Tô hơn 1 tuần và những ngày cuối trên đảo, ông đã dành t/g để chiêm ngưỡng cảnh mặt trời mọc...</p> <p>? Cách đón nhận mặt trời mọc của tác giả</p>	<p>I . Tìm hiểu chung</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <p>1. Toàn cảnh Cô Tô sau ngày bão.</p> <p>2. Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô</p> <p>* Thời điểm:</p> <p>- Ngày thứ sáu trên đảo Thanh Luân.</p> <p>- Dậy từ canh tư, trời còn tối đất. (Từ 1 đến 3 giờ đêm)</p> <p>-> T/g có thể chứng kiến toàn cảnh mặt trời lên trên biển đảo Cô Tô rõ nét, cụ thể.</p> <p>* Cách đón nhận mặt trời mọc.</p> <p>- Đi mãi trên đá đầu su.</p> <p>- Ra thâu đầu mũi đảo.</p>

<p>được gọt tả qua chi tiết nào?</p> <p>? “Rình” thuộc từ loại nào ?</p> <p>? Chỉ ra cái hay của việc sử dụng từ “rình” trong câu “ngồi đó rình mặt trời lên” ?</p> <p>? Theo em, cách đón nhận mặt trời mọc của tác giả có gì đặc biệt ?</p> <p><i>Đón mt lên, NT đi mãi trên đá đầu su, ra thau đầu mũi đảo sát mép nước, ngồi rình mt mọc.. Ông ko xem, ko nhìn, ko trông hời hợt mà ngồi rình mt mọc 1 cách công phu, tỉ mỉ bằng cả trái tim của 1 người nghệ sĩ yêu thiên nhiên, thích khám phá cái đẹp.</i></p> <p>+ TL cặp đôi: TG 2 phút.</p> <p>? Cảnh trước khi mặt trời lên được tác giả khắc hoạ qua hình ảnh nào ?</p> <p>? Tác giả sử dụng nghệ thuật nào?</p> <p>? Khung cảnh bầu trời Cô Tô hiện lên ntn ?</p> <p>+ Gọi đại diện HS TB - HS khác NX.</p> <p>+ GV NX, chốt kiến thức.</p> <p><i>Đến với CT, nhà văn có dịp bao quát toàn cảnh. Sau trận bão, Cô Tô như khoác trên mình 1 chiếc áo mới: cây trên núi đảo thêm xanh mượt, nước biển lam biếc... đôi. Bầu trời CT cũng ko kém phần tươi đẹp “chân trời ngấn bể...bụi”. Với sự q.s tinh tế, h/a ss đẹp, NT vẽ lên bt cảnh bầu trời CT sau ngày mưa bão thật quang đãng, trong sáng như pha lê, ko gợn 1 chút mây, chút bụi.</i></p> <p>* PP DH hợp đồng : GV thanh lí hợp đồng đã kí với HS từ giờ học trước.</p> <p>? Cảnh mặt trời lên được t/g miêu tả qua những câu văn nào? NX về trình tự t/c ?</p> <p>? Chỉ ra những đặc sắc về nghệ thuật tả cảnh ở đây ?</p> <p>? Cảm nhận của em về cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô ?</p>	<p>- Ngồi rình mặt trời lên.</p> <p>+ Rình là động từ độc đáo, chính xác -> gợi tư thế người theo dõi mặt trời lên chăm chú, kĩ lưỡng với sự thích thú, tò mò, chờ đợi.</p> <p>=> Công phu, tỉ mỉ như 1 người nghệ sĩ đi săn lùng cái đẹp</p> <p>* Cảnh trước khi mặt trời mọc.</p> <p>- Cảnh: Chân trời ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây, hết bụi</p> <p>+ So sánh, miêu tả tinh tế.</p> <p>=> Bầu trời trong trẻo, rộng lớn, phẳng lặng, tinh khôi.</p> <p>* Cảnh mặt trời mọc.</p> <p>- Mặt trời nhú lên dần dần rồi lên cho kì hết.</p> <p>+ Trình tự thời gian (mới lên -> lên hết)</p> <p>* Mặt trời:</p> <p>- Tròn trĩnh, phúc hậu như một lòng đỏ quả trứng thiên nhiên.</p> <p>- Quả trứng hồng hào, thăm thẳm, đường</p>
--	--

+ **Gọi đại diện HS TB - HS khác NX.**
 + **GV NX, chốt kiến thức.**

? Chỉ ra cái hay của việc s/d từ « nhú » khi miêu tả mặt trời mọc ?

Mặt trời mọc chậm chậm, từng chút, từng chút, từ từ, dần dần như một mầm non đang trỗi dậy căng tràn sức sống.

? Tại sao tác giả lại ví mặt trời như lòng đỏ 1 quả trứng thiên nhiên ? như 1 mầm lễ phẩm tiến ra từ bình minh ?

- *Ví mt tròn trịa, hồng hào, đầy đặn*

- *MT lên báo hiệu biển yên, gió lặng...*

- *GV bình : Viết về mt, Huy Cận ví mt như hòn lửa, Xuân Diệu lại ví mt như hàng mi người thiếu nữ “rặng mi dài sao động ánh dương vui”. NT có cách so sánh độc đáo, mới lạ... cảnh mt mọc được đặt trong 1 khung cảnh t/nh rộng lớn tạo lên 1 bt tuyệt mỹ, tráng lệ*

? Để tô điểm thêm cho bức tranh cảnh bình minh trên biển là h/a nào? Tìm chi tiết đó ?

? NX về từ ngữ và bp miêu tả ở đây?

? Gọi khung cảnh bình minh trên biển Cô Tô ntn?

? Qua đó, em hiểu gì về cảnh mặt trời lên ở đây?

Đường nét hình khối tạo ra vẻ đẹp rực rỡ, huy hoàng không giống với bất cứ cảnh bình minh nào trên núi, đồng bằng hay cao nguyên....

? Em hiểu gì về tác giả qua việc đón nhận mặt trời mọc trên đảo Cô Tô?

? Cảnh sinh hoạt được khắc hoạ ở đâu? Lúc nào?

? Tại sao t/g lại chọn vị trí tả cảnh ở cái

bệ, đặt lên mâm bạc.

- Như 1 mâm lễ phẩm tiến ra từ b/m

+ Nghệ thuật: So sánh, liên tưởng, ẩn dụ, từ láy, động từ, tính từ gợi tả, gợi cảm.

Bức tranh cảnh mặt trời rực rỡ, tráng lệ giữa không gian biển hùng vĩ lồng lầy, tinh khôi.

- Vài chiếc thuyền mùa thu chao đi chao lại.... Một con hải âu...

+ số từ, từ ngữ chính xác

Cảnh sống động, đầy chất thơ, nó như tấm phông nền cho bức tranh hùng vĩ ấy.

=> Cảnh mặt trời lên lung linh, kì vĩ.

- Trân trọng, yêu thiên nhiên tha thiết.

3. Cảnh sinh hoạt và lao động của con người trên đảo Cô Tô.

*** Địa điểm:** Cái giếng nước ngọt trên đảo

<p>giếng nước ngọt ?</p> <p>- <i>Cái giếng là nơi người dân tụ hội ở đây để sinh hoạt trước và sau chuyến ra khơi...</i></p> <p>- Y/C hs qs bức tranh (sgk/88).</p> <p>* T/C TL nhóm: 4 nhóm (TG: 4 phút)</p> <p>? Cảnh sinh hoạt của người dân trên đảo được miêu tả qua những hình ảnh nào ?</p> <p>? TS tác giả lại nói ”cái giếng nước ngọt vui như cái bến... chợ trên đất liền” ?</p> <p>? Chỉ ra những đặc sắc về NT tả cảnh ?</p> <p>? Cuộc sống sinh hoạt nơi đây diễn ra ntn ?</p> <p>- Gọi đại diện HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Cảnh sinh hoạt tiếp tục gợi tả qua chi tiết nào?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì về hình ảnh anh Châu Hòa Mãn và chị Châu Hòa Mãn ?</p> <p>? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật ở đây? Tác dụng?</p> <p>? Hình ảnh cuộc sống nơi đây để lại cho em ấn tượng gì?</p> <p><i>Đến thăm Cô Tô, NT đã yêu đảo như máu thịt, yêu mến Cô Tô như bất kì người con nào sinh ra và lớn lên ở đây...</i></p> <p>? Cảm nhận chung của em về cuộc sống của con người nơi đây ?</p>	<p>Thanh Luân vào buổi sáng.</p> <p>-> Cái giếng là linh hồn của người dân trên đảo, nơi tập trung mọi h/đ của con người nơi đây.</p> <p>* Cảnh sinh hoạt, lao động.</p> <p>- Họ đến tắm quanh giếng.</p> <p>- Giếng nước ngọt ở rìa một đảo giữa bể, sinh hoạt vui như một cái bến, đậm đà mát nhẹ như một chợ đất liền.</p> <p>- Không gian không biết bao nhiêu người đến gánh và múc</p> <p>- Những người gánh nước đổ vào thùng, cong nôi tiếp đi đi về về.</p> <p>-> C/S quanh giếng vui như bao cái bến, cái chợ trên đất liền nhưng nó lại mang nét độc đáo riêng: đậm đà, mát nhẹ...</p> <p>+ MT tinh tế, tinh tũ.</p> <p>Cảnh nhộn nhịp, tấp nập, khẩn trương cho chuyến tàu sắp ra khơi.</p> <p>- Anh Châu Hòa Mãn gánh nước...</p> <p>- Chị Châu Hoà Mãn địu con, nói dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.</p> <p>- Anh Châu Hòa Mãn là h/a của người l/đ trong TK mới. Anh tiêu biểu cho vẻ đẹp lấp lánh của người dân chài khỏe khoắn, yêu lao động.</p> <p>- Chị Châu Hòa mẫn là người mẹ hiền, người lao động khỏe khoắn.</p> <p>+ So sánh, liên tưởng tạo ra một cuộc sống đầm ấm thanh bình, sự gần gũi của thiên nhiên với con người.</p> <p>- Yêu mến con người nơi đây.</p> <p>=> Cuộc sống nhộn nhịp khẩn trương cũng rất thanh bình và êm ả.</p>
---	---

HĐ 2: Tổng kết:

PP : Vấn đáp, thuyết trình.

KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm

NL: nhận xét đánh giá, tự học

? Nét đặc sắc về nghệ thuật ở văn bản?

? Nội dung chính của văn bản?

- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ.

III. Tổng kết.

1. Nghệ thuật.

Bút pháp miêu tả tinh tế, quan sát, liên tưởng mới lạ

Ngôn ngữ chính xác, động từ, tính từ gợi cảm.

So sánh, ẩn dụ...

2. Nội dung.

Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô thật lung linh, kì v

* Ghi nhớ : SGK/T.91

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- PP : Vấn đáp, thuyết trình. - KT : Đặt câu hỏi, T/C TL. - NL: hợp tác, tự học, sáng tạo ? Hãy giới thiệu về một di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh qua bài Pownpoint các em đã chuẩn bị. - Gọi đại diện HS TB - HS khác NX, b/s - GV NX, cho điểm.	

4. Hoạt động vận dụng.

? Viết đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc trên quê hương em?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm đọc những đoạn văn hay miêu tả cảnh mặt trời mọc.

- Suy tầm các bức tranh phong cảnh đẹp và giới thiệu trước lớp.

* Chuẩn bị tiết sau: Các thành phần chính của câu.

+ Đọc kỹ phần ví dụ. Tìm hiểu chủ ngữ và vị ngữ trong một câu văn, đoạn văn. Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, vai trò của chủ ngữ và vị ngữ.

Tuần 29.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 113+ 114.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN TẢ NGƯỜI

I. MỤC TIÊU : Qua bài kiểm tra, HS cần :

1. **Kiến thức:** Hiểu về kiểu văn tả người, vận dụng những kiến thức đã học để viết một bài Tập làm văn tả người có ý nghĩa.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng trình bày, diễn đạt một bài văn hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Có ý thức tự giác, trung thực khi làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, tự học,...

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu gia đình

II. HÌNH THỨC.

- Tự luận.

III. MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng
Văn miêu tả người	Biết được bố cục bài văn tả người	Phát hiện được từ ngữ miêu tả và hiểu được tác dụng của miêu tả.	Viết được bài văn miêu tả một người thân của mình.	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	SC = 1 SD = 1 TL = 10%	SC = 1 SD = 2 TL = 20%	Số câu = 1 Số điểm = 7 Tỉ lệ = 70%	SC = 3 SD = 10 Tỉ lệ = 100%

IV. BIÊN SOẠN ĐỀ.

Câu 1 (1đ): Nêu bố cục bài văn tả người.

Câu 2 (2đ): Cho đoạn văn sau:

“Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lặn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ...”

(Trích “ Vượt thác ”- Võ Quảng)

Hãy tìm những từ ngữ miêu tả dượng Hương Thư. Qua đó giúp em cảm nhận thế nào về nhân vật này ?

Câu 3 (7đ): Hãy miêu tả về một người thân em yêu quý.

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1 (1đ): HS nêu được bố cục bài văn tả người gồm 3 phần:

+ Mở bài: giới thiệu người được tả

+ Thân bài: miêu tả chi tiết (ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói...)

+ Kết bài: thường nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được tả .

Câu 2 (2đ):

- Từ ngữ miêu tả: “thả sào”, “rút sào”, “nhanh như cắt”, “bắp thịt cuồn cuộn”, “hàm răng cắn chặt”, “cặp mắt nảy lửa”...

- Tác dụng: Giúp ta cảm nhận được sức mạnh và vẻ đẹp của dượng Hương Thư khi vượt thác. Ông chính là hiện thân của vẻ đẹp của người lao động trong quá trình chinh phục tự nhiên.

Câu 3 (7đ):

1. Yêu cầu:

- Hình thức, kĩ năng:

+ Bài viết trình bày sạch sẽ, chữ viết đẹp, rõ ràng, dễ đọc.

+ Trình bày khoa học.

+ Bài viết đầy đủ bố cục ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

+ Viết đúng thể loại: Văn miêu tả người

+ Trình bày có kết cấu rõ ràng mạch lạc 3 phần, hành văn mạch lạc, lô zích.

+ Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, từ ngữ trong sáng....

- **Kiến thức:** Vận dụng tốt những kiến thức về văn miêu tả người đã học để làm một bài văn hoàn chỉnh. Bài viết phải đảm bảo được những nội dung kiến thức sau:

- Mở bài: Giới thiệu chung về người thân yêu của em.

- Thân bài:

+ Giới thiệu về tên, tuổi, nghề nghiệp...

+ Miêu tả cụ thể về hình dáng.

+ Tả tính cách người thân (qua giọng nói, cử chỉ, cách cư xử,)

+ Thói quen, sở thích.

+ Tả những cử chỉ, việc làm của người thân.

- Kết bài: Cảm xúc, suy nghĩ về người thân của em.

2. Biểu điểm:

a. Điểm 7: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên. Diễn đạt rõ ràng, trong sáng, bố cục chặt chẽ. Dùng từ chính xác, trình bày mạch lạc. Hình ảnh người thân hiện lên chân thực, rõ nét... Sai không quá 2 lỗi chính tả.

b. Điểm 5,6: Hiểu đề, miêu tả về người thân tương đối rõ nét, bố cục rõ ràng hợp lý. Dùng từ chính xác, tuy nhiên một số từ ngữ dùng chưa hợp lý. Trình bày rõ ràng mạch lạc, sai không quá 2 lỗi chính tả.

c. Điểm 3,4 : Hiểu đề, biết làm một bài văn tả người. Vận dụng chưa tốt các năng lực quan sát, nhận xét... trong viết bài văn miêu tả. Diễn đạt rõ ràng tuy nhiên một số ý còn sơ sài. Bố cục rõ ràng, sai không quá 3 lỗi chính tả.

d. Điểm 2: Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên. Đáp ứng được một phần yêu cầu, bố cục chưa rõ, chữ viết cầu thả, nội dung và hình thức chưa phù hợp. Sai nhiều lỗi chính tả.

e. Điểm 0, 1: Chưa làm đúng thể loại. Trình bày lộn xộn, cách viết mơ hồ chưa chính xác, chữ viết còn cầu thả, sai quá nhiều lỗi chính tả. Người đọc không hình dung ra được người được tả.

Tuần 29

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 115. Bài 25. Tiếng việt.

CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

I. Mục tiêu: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Biết được các thành phần chính của câu.
- Phân biệt được thành phần chính và thành phần phụ của câu.

2. Kỹ năng:

- Xác định được chủ ngữ, vị ngữ của câu.
- Đặt được câu có chủ ngữ, vị ngữ phù hợp với yêu cầu cho trước.

3. Thái độ:

- Có ý thức học và tình cảm yêu mến ngôn ngữ tiếng Việt; gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.

Tuần 29

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 29. Tiết 116. Bài 26.

Hoạt động ngữ văn: THI LÀM THƠ 5 CHỮ

I. Mục tiêu : Qua bài học, HS cần :

1. **Kiến thức:** Nắm được những đặc điểm cơ bản của thể thơ 5 chữ (tiếng). Nắm được các khái niệm vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách.
Tích với môi trường: Làm các bài thơ về đề tài môi trường.
2. **Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận diện thể thơ, phân tích vần luật của thể thơ 5 chữ. Vận dụng các kiến thức đã học vào làm thơ 5 chữ. Tạo lập văn bản bằng thể thơ 5 chữ.
3. **Thái độ:** Có tình yêu văn chương, thi ca; yêu thiên nhiên, yêu môi trường sống.

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài. Chuẩn bị một số bài thơ 5 chữ, máy chiếu.
2. Trò: Chuẩn bị tập làm thơ trước từ ở nhà, sưu tầm các bài thơ 5 chữ.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, phân tích mẫu, hoạt động nhóm, trò chơi, luyện tập thực hành
- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định tổ chức .**

* **Kiểm tra bài cũ.**

- Nêu đặc điểm của thể thơ 4 chữ ?
- Đọc bài thơ 4 chữ em đã làm ở nhà.

* **Tổ chức khởi động:**

GV chiếu thơ, giới thiệu vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP: hđ nhóm, vấn đáp - KT: thảo luận nhóm - HS đọc các đoạn thơ trong SGK - TL nhóm: 4 nhóm (4phút) <p>? Các đoạn thơ trích trong bài thơ nào?</p> <p>? Xác định: số câu/khổ, số chữ/câu, cách ngắt nhịp, gieo vần... trong từng đoạn ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi đại diện HS TB - HS khác NX. - GV NX, chốt KT. <p>? Từ 3 đoạn thơ trên em hãy rút ra đặc điểm của thể thơ 5 chữ ?</p> <p>- Học sinh đọc phần ghi nhớ</p> <p>? Theo em, muốn làm thơ hay cần đảm bảo có những yếu tố nào?</p> <p>? Đọc một số bài thơ 5 chữ mà em biết ?</p> <p>HS đọc, GV đọc (Phụ lục)</p>	<p>I. Đặc điểm thể thơ năm chữ.</p> <p>* Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Bài thơ “ Đêm nay Bác không ngủ” của Minh Huệ - Đoạn 2: “Ông Đồ” của Vũ Đình Liên. - Đoạn 3: Chế Lan Viên <p>+ Số câu: 4 câu/ khổ + Số chữ: 5 chữ/ dòng + Nhịp thơ: 3/2, 2/3 + Gieo vần: vần chân “mộng - lộng” ...; vần lưng “ vàng- càng”</p> <p>* Đặc điểm của thể thơ 5 chữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi khổ gồm 4 câu, mỗi câu 5 tiếng, số khổ không hạn chế, có thể chia khổ phù hợp cách kể và tả. + Vần được gieo là vần chân, lưng - Nhịp thơ thường 2/3, hoặc 3/2 <p>* Ghi nhớ SGK/T.104</p> <p>* Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ phải có hình ảnh dùng biện pháp nghệ thuật tu từ độc đáo(so sánh, ẩn dụ, hoán dụ...). - Thể hiện cảm xúc mạnh mẽ - Có vần điệu hình ảnh độc đáo <p>+ VD: ”Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư.</p>

- Ban giám khảo nhận xét, đánh giá bài thơ, đoạn thơ của từng đội về nội dung, cách trình bày, cho điểm. - BGK công bố kết quả thi của 4 đội	
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

PP: trò chơi, hđ nhóm

KT: TL nhóm

Hoạt động nhóm: 4 nhóm (3ph)

HS chia nhóm TL về bài thơ, đoạn thơ 5 chữ đã làm ở nhà.

HS đọc trước tổ

HS khác NX, bổ sung.

- T/C thi 4 đội: TG 30 phút

* Luật thi: Mỗi đội chọn 4 bài, đoạn thơ hay nhất đọc trước lớp.

- Đội nào có bài hay, đúng luật hơn các đội khác sẽ chiến thắng làm thơ.

Đại diện từng đội lên trình bày bài thơ, đoạn thơ đã lựa chọn.

HS bình bài, đoạn thơ vừa đọc

Thi làm thơ 5 chữ.

Trao đổi theo nhóm.

4. Hoạt động vận dụng:

- Tập làm 1 bài thơ 5 chữ về chủ đề gia đình, nhà trường, thiên nhiên.

- Đọc trước gia đình, bạn bè.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Sưu tầm các bài thơ 5 chữ viết cho thiếu nhi.

- Chuẩn bị bài mới: Cây tre Việt Nam.

+ Trình bày những nét chính về tác giả và xuất xứ của văn bản ” Cây tre Việt Nam” ra giấy tờ ki to -> Giờ sau lên trình bày.

+ Đọc kỹ phần văn bản và trả lời câu hỏi phần hướng dẫn đọc hiểu văn bản.

- Hiểu và cảm nhận được giá trị NT-ND của bút ký ”Cây tre Việt Nam”.

* Phụ lục:

ĐÁNH THỨC TRẦU	CÁI SÂN	HƯƠNG NHÃN
(Trần Đăng Khoa) <i>Trầu trầu trầu trầu</i> <i>Mày làm chúa tao</i> <i>Tao làm chúa mày</i> <i>Tao không hái ngày</i> <i>Thì tao hái đêm</i> (Câu hát của bà em)	(Trần Đăng Khoa) Em thường rải cái nông Ra góc sân ngồi học Những đêm có trăng mọc Em chơi cho đến khuya Thường là xỉ cá mè Hay làm mèo đuổi chuột Những lúc mưa sấm hột	Trần Đăng Khoa Hàng năm mùa nhãn chín Anh em về thăm nhà Anh trèo lên thoăn thoắt Tay với những chùm xa Năm nay mùa nhãn đến Anh chưa về thăm

	Em bắt cái vôi cau	nhà Nhãn nhà ta bom giội
--	--------------------	-----------------------------

<p>Tao đã đi ngủ đâu Mà trầu mảy đã ngủ Bà tao vừa đến đó Muốn xin mảy lá trầu Tao không phải ai đâu Đánh thức mảy để hái! Trầu ơi, hãy tỉnh lại Mở mắt xanh ra nào Lá nào muốn cho tao Thì mảy chia ra nhé Tay tao hái rất nhẹ Không làm mảy đau đâu... Đã dậy chưa hả trầu? Tao hái vài lá nhé Cho bà và cho mẹ Đừng lụi đi trầu ơi!</p>	<p>Chảy vào giữa chum sâu Khi trời râm em vẽ Vẽ cô tiên lặng lẽ Rải hoa trên bầu trời Thế là bao đồng lúa Cứ chín vàng, vàng tươi...</p> <p>CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG</p> <p>Suốt mùa hè chịu nắng Che mát các em chơi Đến đêm đông giá lạnh Lá còn cháy đỏ trời</p>	<p>Vân dậy vàng sắc hoa</p> <p>Mấy ngàn ngày bom qua Nhãn vẫn về đúng vụ Cùi nhãn vừa vào sữa Vỏ thắm vàng nắng pha</p> <p>Em ngồi bên bàn học Hương nhãn thơm bay đầy Ve kêu rung trời sao Một trời sao ban ngày</p> <p>Vườn xanh biếc tiếng chim Dơi chiều khua chạng vạng Ai dất ông trăng vàng Thả chơi trong lùm nhãn</p> <p>Đêm. Hương nhãn đặc lại Thơm ngoài sân trong nhà Mẹ em nằm thao thức Nhớ anh đang đi xa...</p>
--	---	--

Tuần 29.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 117. Bài 26. Văn bản:

CÂY TRE VIỆT NAM

(Thép mới)

Tiết 109 – CÂY TRE VIỆT NAM

I. Mục tiêu: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- HS hiểu được hình ảnh cây tre trong đời sống tinh thần của người Việt Nam.
- HS nêu được những đặc điểm nổi bật về giọng điệu, ngôn ngữ của bài kí.

2. Kỹ năng:

- HS đọc diễn cảm và sáng tạo bài văn xuôi giàu chất thơ bằng sự chuyển giọng đọc phù hợp.
- Đọc – hiểu được văn bản kí hiện đại có yếu tố miêu tả, biểu cảm.
- Nhận ra được phương thức biểu đạt chính: miêu tả kết hợp với biểu cảm, thuyết minh, bình luận.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các phép so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

3. Thái độ:

- Yêu thiên nhiên đất nước, yêu vẻ đẹp bình dị của quê hương.
- Tự hào về vẻ đẹp của cây tre, của con người Việt Nam.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp
- Phẩm chất: yêu quê hương, đất nước. Tự tin, tự chủ.

II. Chuẩn bị:

1. GV: giáo án, sách tham khảo, tìm tư liệu về hoàn cảnh sáng tác của bài văn, chân dung tác giả,...
2. HS: đọc và chuẩn bị bài: tìm hiểu tác giả, tác phẩm, bố cục vb, tìm hiểu chi tiết vb theo câu hỏi phần đọc – hiểu vb, sưu tầm ca dao, thơ về cây tre Việt Nam.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, giảng bình, sử dụng tranh ảnh, hoạt động nhóm
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập:**1. Hoạt động khởi động:**

- GV chiếu ảnh 1 số loài hoa, loài vật tượng trưng của các nước trên TG: hoa tuy-lip (Hà Lan), hoa anh đào (Nhật Bản), hoa sen (Ấn Độ), cây thùy dương (Nga)
- GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
<p>HD 1: Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp, trực quan, hđ nhóm - KT: đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: sd ngôn ngữ, giao tiếp <p>? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Thép Mới?</p> <p>GV cho HS xem chân dung Thép Mới.</p> <p>GV bổ sung: Thép Mới là nhà báo xuất sắc được mệnh danh là “cây bút thép”. Ông còn có bút danh khác là Nguyễn Ánh Hồng. Ông từng làm phó tổng biên tập báo Nhân dân, Ủy viên BCH Hội nhà văn VN. Ngoài những thành công rực rỡ trên lĩnh vực báo chí, TM còn viết nhiều bút kí và</p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả: (sgk)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thật: Hà Văn Lộc, quê Hà Nội. - Thép Mới là bút danh của ông. - Là nhà báo, nhà văn xuất sắc của nước ta. - TP tiêu biểu: Cây tre Việt Nam (1955-thuyết minh phim), Hiên ngang Cu – ba (bút kí- 1962), Trường Sơn hùng tráng (bút kí), Đường về Tổ quốc (thuyết minh phim)... - Có sở trường về thể loại bút kí, thuyết minh phim.

<p>thuyết minh phim.</p> <p>? Nên đọc văn bản với giọng điệu ntn?</p> <p>- GV hd: đây là 1 bài văn xuôi chính luận giàu chất trữ tình, chất thơ, cần đọc giọng khi trầm lắng, suy tư, lúc ngọt ngào dịu dàng, khi sôi nổi hân hoan, lúc thủ thỉ tâm tình... Đoạn cuối đọc chậm, giọng chắc khỏe, ấm áp, tha thiết, rần rỏi. Chú ý nhấn mạnh các điệp từ, điệp ngữ.</p> <p>- GV đọc mẫu. HS đọc (Đào, Lên). GV nx.</p> <p>- GV y.c HS theo dõi các chú thích: 2, 4, 9 10, 11.</p> <p>? Nêu xuất xứ của bài văn?</p> <p>GV bổ sung: <i>Bộ phim tài liệu “Cây tre VN” đc nhà đạo diễn Ba Lan Cac-men cùng các nhà làm phim VN xây dựng dựa theo tùy bút “Cây tre bạn đường” của nhà văn Nguyễn Tuân. Bộ phim được xây dựng nhằm ngợi ca cuộc kháng chiến hào hùng của nhân dân ta chống lại TDP. Nhà báo lừng danh Thép Mới đã viết bài kí “Cây tre VN” để thuyết minh cho bộ phim này.</i></p> <p>? Thể loại của văn bản?</p> <p>? Phương thức biểu đạt?</p> <p>- TL cặp đôi: 2 phút.</p> <p>? Văn bản có thể chia thành mấy phần?</p> <p>Nội dung chính từng phần?</p> <p>- Đại diện HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt lại.</p> <p>HD 2: tìm hiểu chi tiết văn bản:</p>	<p>2. Tác phẩm:</p> <p>* Đọc, hiểu chú thích:</p> <p>* Xuất xứ: Viết 1955, là lời bình cho bộ phim cùng tên do các nhà điện ảnh Ba Lan thực hiện sau khi cuộc k/c chống Pháp của nd ta dành thắng lợi.</p> <p>* Thể loại: bút kí</p> <p>* PTBD: miêu tả + biểu cảm, thuyết minh, bình luận.</p> <p>* Cấu trúc: 4 phần:</p> <p>+ Phần 1: Từ đầu - ...chí khí như người -> Giới thiệu chung về cây tre Việt Nam</p> <p>+ Phần 2: Tiếp - ...chết có nhau, chung thủy -> Tre gắn bó với con người trong ld, cuộc sống hằng ngày.</p> <p>+ Phần 3: Tiếp - ...tre, anh hùng chiến đấu -> Tre sát cánh với con người trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương.</p> <p>+ Phần 4: Còn lại: Tre vẫn là người bạn đồng hành của dân tộc trong hiện tại và tương lai.</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p>
--	---

- PP: vấn đáp, hoạt động nhóm, giảng bình
- KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não
- NL: cảm thụ, tư duy sáng tạo, phân tích, sd ngôn ngữ, hợp tác

*** Chiếu slide P1 văn bản.**

? Bài văn mở đầu bằng 1 nhận xét có sức khái quát, bao trùm toàn bài. Theo dõi P1 vb, cho biết đó là nhận xét gì?

? Theo em, tác giả dựa vào đâu để khẳng định điều đó?

(Vì sao nhà văn có thể khẳng định như vậy?)

? Trong câu văn mở đầu, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì để giới thiệu cây tre ?

? Nhận xét câu văn, giọng văn?

? Nhờ những bpnt ấy, đặc biệt là biện pháp điệp ngữ và nhân hóa cây tre – người bạn thân, tác giả muốn khẳng định điều gì?

GV bình giảng, chuyển ý.

Vậy cây tre mang những vẻ đẹp và phẩm chất ntn -> đoạn tiếp theo.

GV chiếu slide đoạn văn cuối P1.

*** TL nhóm (6 nhóm)**

? Tìm chi tiết miêu tả vẻ đẹp và phẩm chất của cây tre?

? NX cách dùng từ ngữ và tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn?

? Qua đó em nhận ra vẻ đẹp và phẩm chất gì của cây tre Việt Nam?

HS các nhóm thảo luận, đại diện 1 nhóm báo cáo. Các nhóm nx, bổ sung. Gv chốt.

? Trong số những vẻ đẹp và phẩm chất ấy của cây tre VN, em thích nhất vẻ đẹp, phẩm chất nào của tre? Vì sao?

1. Giới thiệu chung về cây tre Việt Nam:

- Cây tre là **người bạn thân** của nông dân VN, **người bạn thân** của nhân dân VN.

- ...*thân thuộc nhất vẫn là tre nứa.*

- *Tre Đồng Nai,...lũy tre thân mật làng tôi...đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.*

+ NT: nhân hóa, điệp ngữ (người bạn thân), liệt kê, câu văn giàu chất thơ

-> Tre gần gũi, gần bó, thân thuộc với đời sống của người VN.

*** Vẻ đẹp và phẩm chất của tre:**

- *mầm non măng mọc thẳng*

- *vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt*

- *dáng tre vươn mọc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn*

- *cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.*

- *thanh cao, giản dị, chí khí như người*

+ NT: từ láy, tính từ gọi hình gọi cảm, so sánh, nhân hóa

☑ Tre phong phú, bình dị, đầy sức sống, mang nhiều phẩm chất tốt đẹp.

HS phát biểu cảm nghĩ.	
------------------------	--

<p>GV chiếu slide hình ảnh cây tre. GV bình giảng.</p> <p>HS: Chú ý câu văn cuối đoạn và những từ ngữ: mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí. ? Những vẻ đẹp và phẩm chất của cây tre gợi cho em nghĩ đến ai? Nghệ thuật nào giúp em nhận ra điều đó? (Gợi nghĩ đến vẻ đẹp và phẩm chất của người VN) ? Từ đây em hiểu nhà văn Thép Mới muốn khẳng định một đặc điểm nào nữa của cây tre VN? GV chiếu slide ảnh bình giảng.</p> <p>? Qua đoạn đầu văn bản, em cảm nhận được tình cảm gì của tác giả với cây tre VN?</p> <p>? Hãy khái quát lại những NT tiêu biểu được sử dụng trong phần đầu vb?</p> <p>? Qua đó em cảm nhận được những đặc điểm chung gì của cây tre VN?</p>	<p>+ NT: ẩn dụ</p> <p>✉ Cây tre tượng trưng cho vẻ đẹp và phẩm chất của con người Việt Nam.</p> <p>* Tác giả: yêu quý, gắn bó với cây tre, tự hào về thiên nhiên, đất nước. * Tiểu kết: - NT: + Nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ + Miêu tả + biểu cảm, bình luận hài hòa + Từ ngữ miêu tả chọn lọc, gợi hình gợi cảm - ND: + Cây tre gắn bó thân thiết với con người VN + Tre phong phú, bình dị, đầy sức sống, mang nhiều phẩm chất tốt đẹp và là tượng trưng cho tâm hồn, khí phách của con người VN.</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Đọc những câu ca dao, tục ngữ, thơ, hoặc kể truyện cổ tích VN có nói đến cây tre?

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết 1 bài thơ 5 chữ về chủ đề cây tre.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm hiểu thêm các loài cây, loài hoa biểu tượng của các quốc gia khác trên thế giới.
- Tiếp tục tìm hiểu chi tiết văn bản theo hệ thống câu hỏi phần đọc hiểu vb/99 sgk.

Tuần 29.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 118. Bài 26. Văn bản:

CÂY TRE VIỆT NAM (Thép mới)

I. Mục tiêu: Qua bài học, HS cần:**1. Kiến thức:**

- HS hiểu được hình ảnh cây tre trong đời sống tinh thần của người Việt Nam.
- HS nêu được những đặc điểm nổi bật về giọng điệu, ngôn ngữ của bài kí.

2. Kỹ năng:

- HS đọc diễn cảm và sáng tạo bài văn xuôi giàu chất thơ bằng sự chuyển giọng đọc phù hợp.
- Đọc – hiểu được văn bản kí hiện đại có yếu tố miêu tả, biểu cảm.
- Nhận ra được phương thức biểu đạt chính: miêu tả kết hợp với biểu cảm, thuyết minh, bình luận.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các phép so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

3. Thái độ:

- Yêu thiên nhiên đất nước, yêu vẻ đẹp bình dị của quê hương.
- Tự hào về vẻ đẹp của cây tre, của con người Việt Nam.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp
- Phẩm chất: yêu quê hương, đất nước. Tự tin, tự chủ.

II. Chuẩn bị:

1. GV: giáo án, sách tham khảo, tìm tư liệu về hoàn cảnh sáng tác của bài văn, chân dung tác giả,...
2. HS: đọc và chuẩn bị bài: tìm hiểu tác giả, tác phẩm, bố cục vb, tìm hiểu chi tiết vb theo câu hỏi phần đọc – hiểu vb, sưu tầm ca dao, thơ về cây tre Việt Nam.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, giảng bình, sử dụng tranh ảnh, hoạt động nhóm
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập:**1. Hoạt động khởi động:**

Gv chiếu ảnh 1 số hình ảnh về cây tre trong đời sống, trong chiến đấu, trong hiện tại.
HS nêu suy nghĩ.

GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HĐ 1: Tìm hiểu chi tiết văn bản: - PP: vấn đáp, giảng bình, hoạt động nhóm	II. Tìm hiểu chi tiết văn bản (tiếp) : 2. Tre gắn bó với con người và dân tộc Việt Nam trong lao động và trong cuộc

<p>- KT: TL nhóm, đặt câu hỏi, động não</p> <p>- NL: cảm thụ, phân tích, bình luận, sd ngôn ngữ, hợp tác,...</p> <p>? Mở đầu đoạn 2, tre xuất hiện qua lời văn nào ?</p> <p>? Tác giả s/d PTBD nào ?</p> <p>? Em hiểu gì về hình ảnh cây tre VN?</p> <p>“ Tre...tre xanh tự bao giờ... chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh”. <i>Tre cứng cáp, dẻo dai, che bao bọc con người, tre gần gũi, thân thuộc với bao người dân quê.</i></p> <p>? Hình ảnh cây tre tiếp tục được nói đến qua những chi tiết nào ?</p> <p>? Chỉ ra những đặc sắc về nghệ thuật ở đây ?</p> <p>? Cây tre có quan hệ ntn với người dân VN ?</p> <p>? Trong đoạn văn chú ý câu văn: “Cối xay tre...thóc”. Cấu tạo câu văn có gì đặc biệt? Nhận xét cách ngắt nhịp trong câu?</p> <p>? Trong lao động tre có vai trò ntn ?</p> <p><i>Biết bao năm tháng tre với người lam lũ vất vả trong lao động, tre là cánh tay là người bạn đắc lực của nông dân. Tre trùm bóng mát, tre giúp người dân dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng khai hoang....</i></p> <p>* TL nhóm cặp đôi (2p)</p> <p>? Tre với người trong cuộc sống hằng ngày được giới thiệu qua chi tiết nào ?</p>	<p>sống hằng ngày.</p> <p>* Tre trong lao động.</p> <p>- <i>Bóng tre trùm mát rượi.</i></p> <p>- <i>Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.</i></p> <p>+ NT: Miêu tả + Biểu cảm.</p> <p>-> Tre gần bó thân thiết, bao bọc con người ở làng quê.</p> <p>- <i>Dưới bóng tre, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính.</i></p> <p>- <i>Dưới bóng tre, người dân cày dựng nhà, dựng cửa...</i></p> <p>- <i>Tre, nứa, mai, vầu... giúp người trăm công nghìn việc.</i></p> <p>- <i>Cối xay tre, nặng nề quay, từ nghìn đời nay xay nắm thóc.</i></p> <p>+ NT : Điệp ngữ, điệp cấu trúc câu, nhịp văn đều đặn, tính từ, động từ, hoán dụ.</p> <p>-> Tre gần bó bên bỉ, gần gũi với mỗi người dân trong những năm tháng khó khăn, tre với người sống đời đời kiếp kiếp.</p> <p>+ Nhịp ngắt 3/3/4/3 vắn lưng gọi người đọc hình dung ra sự vất vả, quanh quẩn của đời sống nông dân xưa.</p> <p>=> Trong lao động, tre đồng hành giúp người trăm công nghìn việc.</p> <p>* Tre trong cuộc sống hằng ngày.</p> <p>- <i>Tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hằng ngày.</i></p> <p>- <i>Giang trẻ lạt, buộc mềm</i></p>
---	---

<p>? Nghệ thuật nào được tg s/d ở đây ?</p> <p>? Em có cảm nhận gì về hình ảnh cây tre VN ?</p> <p>HS thảo luận, đại diện 1 nhóm báo cáo, nhóm khác nx, bổ sung. Gv nhận xét, chốt.</p> <p>- Tre sát cánh cùng người dân trong đời sống, là nguyên liệu không thể thiếu trong mỗi gia đình, tre còn đem niềm vui cho trẻ thơ, người già. Thế mới biết, tre đáng quý làm sao!</p> <p>Đoạn văn cho em cảm xúc gì ?</p> <p>? Câu văn mở đoạn khẳng định điều gì?</p> <p>? Nhận xét cách mở đầu đoạn văn? Tác dụng?</p> <p>? Em hiểu thêm gì về h/a cây tre ?</p> <p>? Để minh chứng cho nhận xét: "Tre bất khuất, tre cùng ta đánh giặc", Tác giả đã dùng những lời văn nào?</p> <p>? Biện pháp nghệ thuật nào t/g sử dụng ở đây ?</p> <p>? Theo em, cây tre Việt Nam có vai trò gì trong chiến đấu ?</p> <p>- Đến đây, trong kháng chiến tre càng tỏa sáng với bao chiến công hiển hách cùng con người VN trong hàng ngàn năm đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Tre trở thành người chiến sĩ kiên chung ko thể</p>	<p>- Tre là niềm vui tuổi thơ : đánh chuyền, đánh chắt, niềm vui tuổi già : làm điệu cây hút thuốc....</p> <p>- Từ thuở lọt lòng cho đến khi nhắm mắt xuôi tay tre ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp...</p> <p>+ Điệp ngữ, nhân hóa, ẩn dụ, lời văn trữ tình, BC + TS.</p> <p>=> Cây tre thân thiết tâm tình, tre gắn liền với đời sống vật chất và nâng cao đời sống tinh thần cho con người VN, gắn với truyền thống văn hóa của dt Việt Nam.</p> <p>- Yêu thiên nhiên, tự hào về cây tre VN</p> <p>3. Tre trong kháng chiến</p> <p>- Như tre mọc thẳng con người không chịu khuất phục.</p> <p>+ So sánh, liên tưởng, đảo về nhằm nhấn mạnh về vai trò của tre trong kháng chiến.</p> <p>-> Tre thẳng thắn, bất khuất, kiên cường.</p> <p>- Tre thẳng thắn, bất khuất</p> <p>- Tre là đồng chí chiến đấu cùng ta.</p> <p>- Tre là vũ khí, dựng lên thành đồng Tổ quốc.</p> <p>- Sông Hồng bất khuất có cái chông tre.</p> <p>- Gậy tre, chông tre, chống lại sắt thép quân thù</p> <p>- Tre xung phong vào xe tăng đại bác...</p> <p>- Tre hi sinh để bảo vệ con người.</p> <p>+ Nghệ thuật: nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ, liên tưởng, câu cảm thán, biểu cảm.</p> <p>Khẳng định cây tre là người chiến sĩ kiên trung, kiên cường, bất khuất, quả cảm trên chiến trường. Tre góp phần vào thắng lợi của những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.</p>
--	---

<p>thiếu...</p> <p>- TL nhóm: 4 nhóm (3phút) ? Khúc nhạc đồng quê của tre được tác giả cảm nhận qua những âm thanh nào? ? Nhận xét về nhịp điệu, lời văn? ? Đoạn văn gợi cho em cảm xúc gì?</p> <p>- Gọi đại diện HS TB - HS khác NX. - GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Măng tre trở thành biểu tượng nào ?</p> <p>? Vì sao măng non được chọn làm biểu tượng trên phù hiệu của thiếu nhi ?</p> <p>- GV bình về ý nghĩa của cây tre VN</p> <p>? Vị trí của tre trong sự đổi thay của đất nước?</p> <p>? Chỉ ra những đ/s về NT ở đây?</p> <p>? Lời văn cuối tác giả khẳng định điều gì?</p> <p><i>Tác giả cảm nhận từ cây tre những phẩm chất cao quý của dân tộc VN; đây lòng tin vào sức sống lâu bền của cây tre VN, đó cũng chính là sức sống của DT ta.</i></p> <p>HD 2: Tổng kết: - PP: vấn đáp. - KT: đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy - NL: tư duy sáng tạo,...</p>	<p>4. Tre là người bạn đồng hành của dân tộc Việt Nam trong tương lai. * Tre là khúc nhạc cuộc sống. - Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê - Điều bay, điều lá tre bay lưng trời... - Sáo tre, sáo trúc bay lưng trời... + Nhịp điệu đều đều, lời văn bay bổng du dương, ngân nga, nhẹ nhàng, dấu chấm lửng, hình ảnh đẹp, câu văn ngắn. -> Gợi về cuộc sống thanh bình, êm ả, thơ mộng ở làng quê VN, đó là biểu hiện của cuộc sống đậm ấm, hạnh phúc. - Măng tre là biểu tượng trên huy hiệu và đeo trên ngực các em thiếu nhi VN. -> Măng non, mọc thẳng cũng như thế hệ trẻ non nớt, ước mơ vươn cao, vươn xa, là thế hệ tương lai của đất nước nối tiếp sự nghiệp của cha anh đi trước. * Tre trong tương lai. - Các em sẽ quen dần với sắt thép và xi măng nhưng nứa, tre còn mãi với các em, với dt VN. - Tre vẫn là bóng mát, tre mang khúc nhạc tâm tình, tre tươi những cổng chào thẳng lợi, vẫn nhũn nhặn ngay thẳng, thủy chung, can trường... + NT: So sánh, câu cảm thán, câu khẳng định, tính từ gợi cảm xúc. => <i>Khẳng định tre còn mãi trong cuộc sống, sống mãi trong lòng người dân VN, tre mang những đức tính quý giá của con người VN. Tre mãi là h/a tượng trưng cho con người VN.</i></p> <p>III. Tổng kết 1. Nghệ thuật. - Xây dựng h/a phong phú, chọn lọc, vừa cụ thể vừa mang tính biểu tượng</p>
---	--

<p>? Nêu những NT tiêu biểu của VB ?</p> <p>? Nội dung chính của văn bản là gì ?</p> <p>GV hỏi, HS TL. GV vẽ sơ đồ tư duy lên bảng để khái quát bài học.</p> <p>- HS đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>- Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, so sánh</p> <p>- Giọng văn chính luận + trữ tình</p> <p>2. Nội dung</p> <p>- Vẻ đẹp và sự gắn bó của cây tre với đời sống dân tộc ta.</p> <p>- Tác giả có hiểu biết về cây tre, có t/c sâu nặng, có niềm tin và tự hào về cây tre VN.</p> <p>* Ghi nhớ SGK/98</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

? Phát biểu cảm nghĩ của em về cây tre sau khi học xong bài văn này?

- HS phát biểu cảm nghĩ.
- GV bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương cho hs.

4. Hoạt động vận dụng:

- Viết bài văn miêu tả bụi tre làng em.
- Đọc cho các bạn trong lớp cùng nghe.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Đọc thêm bài thơ: “Tre VN” của Nguyễn Duy; bài tùy bút “Cây tre bạn đường” của Nguyễn Tuân.
- Soạn: Câu trần thuật đơn có từ “là”: đọc và tìm hiểu các ví dụ trong bài. Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

Tuần 30. Tiết 119. Tiếng việt.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

I. Mục tiêu: Qua bài học, HS cần:

- 1. Kiến thức:** Nắm được khái niệm câu trần thuật đơn. Nắm được đặc điểm ngữ pháp của câu trần thuật đơn, tác dụng của câu trần thuật đơn.
- 2. Kỹ năng:** - Có kỹ năng nhận diện câu trần thuật đơn trong văn bản và xác định được chức năng của câu trần thuật đơn
- Sử dụng câu trần thuật đơn trong khi nói và viết hiệu quả.
- 3. Thái độ:** Học sinh ý thức học và tình cảm yêu mến ngôn ngữ tiếng Việt.
- 4. Năng lực, phẩm chất :**
- Năng lực : tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ

- Phẩm chất : tự tin, tự chủ

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài, SGK, SGV, Học tốt Ngữ văn, Tham khảo tài liệu Ngữ pháp tiếng Việt, bảng phụ ghi ví dụ, phiếu học tập.

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị theo hướng dẫn

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, phân tích

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, chia nhóm

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định tổ chức:

* Tổ chức khởi động :

GV tổ chức cho hs thi hái hoa dân chủ (lồng ghép kt bài cũ)

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP : vấn đáp, phân tích, luyện tập thực hành, hđ nhóm - KT : đặt câu hỏi, TL nhóm, chia nhóm - NL : tự học, hợp tác, phân tích,... - Trình bày bảng phụ ghi ví dụ. - Gọi HS đọc VD. - TL nhóm: 4 nhóm (TG: 3 phút) <p>? Đoạn văn trên gồm có mấy câu?</p> <p>? Dựa vào kiến thức bậc tiểu học, hãy phân loại câu theo mục đích nói?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi đại diện HS TB - HS khác NX - GV NX, chốt KT. <p>? Xác định cấu trúc ngữ pháp của các câu 1,2,6,9 ?</p> <p>? Em có NX gì về cấu trúc ngữ pháp và mục đích các câu 1,2,9 ?</p>	<p>I. Câu trần thuật đơn là gì?</p> <p>1. Xét ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn gồm 9 câu - Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> + Kể, tả, nêu ý kiến (1,2,6,9) + Hỏi (4) + Bộc lộ cảm xúc (3,5,8) + Cầu khiến(7) - Tôi/ đã héch răng lên xì một hơi rõ dài (1) CN VN - Tôi/ mắng(2) CN VN - Chú mày/ hôi như cú mèo thế này, ta/ nào chịu CN VN CN VN được(6) - Tôi về/ không một chút bận tâm((9). CN VN - Câu (1,2,9) có một kết cấu C - V. <p>Mục đích: giới thiệu, tả, kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến -> là câu trần thuật đơn.</p>

	=> Câu trần thuật đơn là câu có một kết cấu C - V.
--	--

<p>? Thế nào là câu trần thuật đơn?</p> <p>- HS đọc ghi nhớ.</p> <p>? Hãy đặt câu trần thuật đơn ?</p> <p>HS đặt câu. -> nx.</p>	<p>Mục đích: giới thiệu, tả, kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến</p> <p>2. Kết luận: Ghi nhớ (SGK/T. 101)</p> <p>* Lưu ý: - Câu có hai cặp C- V (câu 6) là câu trần thuật ghép.</p> <p>- VD: Tôi đi học.</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

<p>- PP: vận đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm</p> <p>- KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, chia nhóm</p> <p>- HS đọc bài tập 1.</p> <p>? Tìm câu trần thuật đơn, chỉ rõ mục đích của câu đó ?</p> <p>HS làm việc cá nhân, 2 bạn lên bảng chữa BT.</p> <p>* HĐ cá nhân:</p> <p>? Phân tích cấu trúc ngữ pháp của các câu?</p> <p>? Nhận xét những câu văn dưới thuộc loại câu văn nào?</p> <p>HS lên bảng làm -> nx, chốt kt.</p> <p>T/c HS TL cặp đôi (TG: 2ph).</p> <p>? Cách giới thiệu nhân vật ở đây khác gì so</p>	<p>II. Luyện tập</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>- Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô/ là một CN ngày trong trẻo sáng sủa (gthiệu, tả cảnh) VN</p> <p>- Từ khi có vịnh B.Bộ...bầu trời Cô Tô/ CN cũng trong sáng như vậy (nêu ý kiến, nx) VN</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>a. Ngày xưa/ ở miền Lạc Việt,/ cứ như bây TN1 TN2 giờ là Bắc Bộ nước ta/ có một vị thần CN thuộc nòi Rồng (con trai của thần Long Nữ)/ tên là Lạc Long Quân. Phụ chú VN</p> <p>b. Có một con ếch/ sống lâu ngày trong CN VN một giếng nọ.</p> <p>c. Bà đỡ Trần/ là người huyện Đông Triều CN VN -> Các câu trên thuộc kiểu câu trần thuật đơn giới thiệu nhân vật.</p> <p>* Bài 3.</p> <p>- Cả 3 cách đều giới thiệu nhân vật phụ đề</p>
--	---

với cách giới thiệu nhân vật ở bài 2 ? - Gọi HS trình bày - HS khác nhận xét, bổ sung - GV NX, chốt KT. ? Viết 5 câu trần thuật đơn ?	từ đó giới thiệu nhân vật chính . * Bài 4. - Hôm qua tôi đi xem đá bóng. - Tôi là học sinh lớp 6A.
---	--

4. Hoạt động vận dụng:

? Qua bài học em thấy mình cần phải sử dụng câu trần thuật đơn như thế nào?

? Viết đoạn tả chân dung bà em khi bà em đan áo cho em. Trong đoạn có sử dụng ít nhất 3 câu trần thuật đơn.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm câu TT đơn có từ "là" trong văn bản: Cây tre Việt Nam.
- Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T.101. Làm bài tập còn lại.
- Chuẩn bị bài: Lòng yêu nước.
- Bằng cách đọc kỹ phần văn bản và trả lời phần hướng dẫn đọc hiểu văn bản.
- Hiểu được tư tưởng chủ yếu của văn bản lòng yêu nước: Lòng yêu nước bắt nguồn từ những gì gần gũi, thân thuộc nhất của quê hương trở thành chủ nghĩa anh hùng trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Thấy được nghệ thuật đặc sắc của văn bản Lòng yên nước.

Tuần 30.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 120. Bài 27. Hướng dẫn đọc thêm Văn bản.

LÒNG YÊU NƯỚC

(I-li-a Ê-ren-bua)

I. Mục tiêu: Qua bài học, HS cần:

1. **Kiến thức:** Hiểu được tư tưởng chủ yếu của lòng yêu nước qua bài tùy bút - chính luận: Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những gì gần gũi, thân thuộc nhất của quê hương và được thể hiện rõ nhất trong hoàn cảnh gian nan, thử thách. Lòng yêu nước trở thành sức mạnh, phẩm chất của người anh hùng trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc.

- Thấy được những nét chính về nghệ thuật của văn bản Lòng yên nước.

2. **Kỹ năng:** Có kỹ năng đọc diễn cảm một văn bản chính luận giàu chất trữ tình: giọng đọc vừa rắn rỏi, rứt khoát, vừa mềm mại, dịu dàng tràn ngập cảm xúc.

- Nhận biết và hiểu vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm.

- Đọc - Hiểu văn bản tùy bút có yếu tố miêu tả kết hợp với biểu cảm.
 - Trình bày được những suy nghĩ, tình cảm của bản thân về đất nước mình.
3. **Thái độ:** Có lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống quê hương

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước

II. Chuẩn bị.

- Thầy: Soạn giáo án, SGK, Bình giảng vh... Phiếu ghi câu hỏi thảo luận nhóm
 - Tích hợp : Nhân hoá, so sánh....
 - Phương pháp: Thuyết trình , vấn đáp, gợi mở, nêu vấn đề, thảo luận,....
2. Trò: Học bài cũ. Trả lời phần đọc hiểu văn bản.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học :

- Phương pháp : vấn đáp, hoạt động nhóm, giảng bình, phân tích, DH hợp đồng
- Kĩ thuật : thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động :

* Ổn định tổ chức:

* Kiểm tra bài cũ:

- Cảm nhận của em về hình ảnh cây tre được miêu tả qua văn bản “Cây tre Việt Nam”?
- Cây tre có vai trò ntn đối với con người Việt Nam trong tương lai ?

* Tổ chức khởi động

GV cho hs nghe bài hát: VN quê hương em.

GV giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1 : Đọc, tìm hiểu chung :</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : DH hợp đồng, vấn đáp, hđ nhóm - KT : TL nhóm, đặt câu hỏi - NL : tự học, giao tiếp, sd ngôn ngữ,... <p>? Văn bản nên đọc bằng giọng ntn ?</p> <p>GV hướng dẫn cách đọc : giọng rắn rỏi, dứt khoát nhưng mềm mại, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu, HS đọc. - Y.cầu hs chú ý các chú thích 1,2, 3.. <p>GV nêu lại nd hợp đồng đã kí với HS : tìm hiểu tác giả, tác phẩm (xuất xứ, thể loại, ptbđ, bố cục)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm thống nhất nội dung. - Đại diện nhóm 3 trình bày, các nhóm 	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - I-li-a Ê-ren-bua (1891- 1962) - Là nhà văn, nhà báo của Liên Xô trước đây <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Đọc và tìm hiểu chú thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đọc * Chú thích.

<p>nx, bổ sung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nx, chốt kt. - GV mở rộng về tác giả, tác phẩm. <p>- Cho biết thể loại văn bản?</p> <p>- Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?</p> <p>HD 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: vấn đáp, ptich, giảng bình, hoạt động nhóm - KT: đặt câu hỏi, TL nhóm - N: hợp tác, cảm thụ, phân tích,... - TL nhóm : 4 nhóm (TG : 4 ph) <p>? Theo tác giả, lòng yêu nước bắt đầu từ đâu? Nhận xét cách viết của tác giả? Từ đó gọi cho em cảm xúc gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi đại diện nhóm TB. - HS nhóm khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT. <p>? Tại sao lòng yêu nước lại bắt đầu từ lòng yêu những vật tầm thường nhất?</p> <p>? Biểu hiện lòng yêu nước của con người xô Viết gắn liền với nỗi nhớ về đẹp các làng quê yêu dấu của họ. Đó là những vẻ đẹp nào?</p> <p>? Nhận xét về cách lập luận trong đv?</p> <p>? Em có nhận xét gì về biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước ntn?</p>	<p>b, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản được trích từ bài báo “Thử lửa” viết vào cuối tháng 6/ 1942. <p>c. Thể loại: Tuỳ bút.</p> <p>d. Bố cục: 3 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Từ đầu -> “Quê hương”: Cội nguồn của lòng yêu nước. - Phần 2: Tiếp -> “Ngày mai: Những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. - Phần 3: Còn lại: Sức mạnh của lòng yêu nước. <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>1. Cội nguồn của lòng yêu nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lòng yêu nước bắt nguồn từ những vật tầm thường nhất: Cái cây, con phố, yêu vị thơm chua mát của trái lê , đồng cỏ...</i> - <i>Chiến tranh khiến cho người dân Xô Viết nhận ra vẻ thanh tú của quê hương.</i> <p>+ NT: Câu khẳng định, liệt kê, lập luận rõ ràng.</p> <p>Lòng yêu nước bắt nguồn từ những cái bình dị, thân thuộc nhất, yêu nước là yêu vạn vật quanh ta, yêu quê hương cũng chính là yêu nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì đó là những biểu hiện của sự sống được con người tạo ra. Chúng đem lại niềm vui, hạnh phúc, sự sống cho con người. <p>2. Biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi vùng chọn một nét đặc trưng riêng biệt không thể trộn lẫn. - Vùng Bắc: Rừng, sông VINA, Xucônô, trắng... - Ucraina: Bóng thủy dương - Grudia: khí trời cao, tảng đá sáng. <p>+ Lập luận rõ ràng, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể, sinh động, liệt kê.</p> <p>Yêu nước chính là yêu thiên nhiên, yêu làng quê mình, yêu những sản vật của đất nước.</p>
--	--

<p>? Em hiểu thêm gì về nhà văn qua việc miêu tả về miền quê mình ?</p> <p>?Có gì sâu sắc trong câu văn kết đoạn: "Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc."?</p> <p><i>Lòng yêu nước thiêng liêng được nâng lên từ lòng yêu nhà, yêu xóm, yêu quê bình thường giản dị. Lòng yêu nước là một thứ tình cảm có thật, từ trong lòng người chứ không hư ảo, trừu tượng.</i></p> <p>? Tìm đọc những câu ca dao, câu thơ nói về tình yêu đất nước em biết?</p> <p>? Tác giả cảm nhận sức mạnh của lòng yêu nước được thử thách trong hoàn cảnh nào?</p> <p>? Lời văn nào diễn tả điều đó?</p> <p>? Vì sao khi có chiến tranh, khi có kẻ thù xâm lược thì lòng yêu nước lại đơ thử thách cao độ, nghiêm ngặt nhất?</p> <p>- <i>Lòng yêu nước vốn là tình cảm thiêng liêng trong mỗi con người chân chính. Nó sẽ chứng tỏ sức mãnh liệt trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, gay go, quyết liệt khi đất nước bị xâm lăng, khi độc lập tự do của đất nước bị đe dọa.</i></p> <p>? Lòng yêu nước của người dân Nga còn được nói đến qua lời văn nào ?</p> <p>? NX nghệ thuật NL trong đv ?</p> <p>? Qua đó em hiểu gì về lòng yêu nước của người dân Nga ?</p>	<p>-> Tác giả là người am hiểu và có tình cảm sâu sắc với các miền đất nước của ông. Ông đang bày tỏ lòng yêu nước của chính mình.</p> <p>- Câu văn nêu được một chân lí phổ biến và sâu sắc về lòng yêu nước.</p> <p>- Các câu ca dao, câu thơ:</p> <p>+ Anh đi anh nhớ ...</p> <p>+ Đồng Đăng...</p> <p>+ Đường vô...</p> <p>+ Việt Nam đất nước... (Nguyễn Thi)</p> <p>+ đẹp vô cùng Tổ... (Tố Hữu)</p> <p>3. Sức mạnh của lòng yêu nước</p> <p>- Thử thách chiến tranh</p> <p>- "Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu nước mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách"</p> <p>- Khi nguy cơ mất nước thì lòng yêu nước sẽ trỗi dậy nếu cần sẽ đổ máu hi sinh để đổi lấy. Như vậy, lòng yêu nước là một giá trị tinh thần có thể nhìn thấy được</p> <p>- <i>Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc. Đây là tình cảm thiêng liêng nhất của con người, sức mạnh ấy sẽ bùng nổ mãnh liệt trước tổ quốc bị xâm lăng.</i></p> <p>+ Lập luận từ cái cụ thể đến cái khái quát, câu khẳng định.</p> <p>-> Lòng yêu nước sâu sắc, mãnh liệt.</p>
---	--

<p>- TL cặp đôi: 2 phút. ? Em có suy nghĩ gì về câu văn cuối <i>Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa ?</i> - Gọi đại diện nhóm TB. - HS nhóm khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT. ? Bài văn bồi đắp cho em tình cảm gì?</p> <p>HD 3: Tổng kết: - PP: vấn đáp - KT: đặt câu hỏi ? Nêu những nghệ thuật đặc sắc của văn bản ?</p> <p>? Bài viết thể hiện nội dung gì</p> <p>? HS đọc phân ghi nhớ</p>	<p>- Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa. -> Thể hiện lòng yêu nước mãnh liệt, quên mình vì Tổ quốc, đó là biểu hiện cao nhất của lòng yêu nước</p> <p>III. Tổng kết. 1. Nghệ thuật. - Lập luận chặt chẽ theo trình tự lô-gic của tư duy - So sánh, ngôn ngữ giàu sức biểu cảm...</p> <p>2. Nội dung. - Bài văn thể hiện lòng yêu nước sâu sắc của người dân Nga và tác giả trong thử thách chiến tranh gay go, ác liệt. * Ghi nhớ (SGK/T 109)</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Lòng yêu nước bắt đầu từ đâu?
- Biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước?

4. Hoạt động vận dụng:

? Nếu nói đến vẻ đẹp tiêu biểu của quê hương mình, em sẽ nói những gì? Trách nhiệm của bản thân em với quê hương đất nước như thế nào?

- Viết bài văn tả lại một cảnh đẹp gần gũi với em.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- HS sưu tầm những bài thơ, bài hát ca ngợi thiên nhiên, đất nước.
- Chuẩn bị tiết sau: Câu trần thuật đơn có từ là. Bằng cách đọc kỹ phần ví dụ và ghi nhớ SGK. Hiểu thế nào là câu trần thuật đơn có từ là, các kiểu câu trần thuật đơn có từ là.

Tuần 31.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 27. Tiết 121. Tiếng việt.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, HS cần:

- 1. Kiến thức:** Nắm được khái niệm loại câu trần thuật đơn có từ là, đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là và các kiểu câu trần thuật đơn có từ là.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng nhận diện câu trần thuật đơn có từ là và xác định được cấu tạo của các kiểu câu trần thuật đơn có từ là trong văn bản.

- Xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong các câu trần thuật đơn có từ là. Đặt được câu trần thuật đơn có từ là.

3. Thái độ: Học sinh ý thức học tập, đặt câu trần thuật đơn có từ là trong khi nói và viết. Yêu mến ngôn ngữ tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, Tham khảo tài liệu Ngữ pháp tiếng Việt, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích mẫu.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là câu trần thuật đơn? Cho ví dụ?

? Mục đích của câu trần thuật đơn?

* **Tổ chức khởi động:**

Mỗi em đặt một câu trần thuật đơn nối tiếp nhau nói về cây tre Việt Nam để tạo thành một đoạn văn-> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>* HD 1: Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là.</p> <p>- PP: Vấn đáp, đọc sáng tạo, DH nhóm, phân tích mẫu.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.</p> <p>- NL: phân tích, tự học, giao tiếp..</p> <p>- Gọi HS đọc VD.</p> <p>* TL cặp đôi (2phút).</p> <p>? Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu trên?</p> <p>- Gọi đại diện HS TB</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p>	<p>I. Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là.</p> <p>1. Xét ví dụ.</p> <p>a. Bà đỡ Trần/ là người huyện Đông Triều. CN VN</p> <p>b. Truyền thuyết/ là loại truyện dân gian kể về.... CN VN</p> <p>c. Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô/ là một ngày... CN VN</p> <p>d. Dế Mèn trên chi Cốc/ là đại.</p>

<p>? Vị ngữ trong các câu trên thường bắt đầu bằng từ nào ? ? Em có nhận xét gì về cấu tạo vị ngữ trong câu? ? Đó là những từ, cụm từ loại nào tạo thành vị ngữ ?</p> <p>? Nhận xét về cấu tạo của VN trong câu trên ? ? Từ ví dụ em hiểu thế nào là câu trần thuật đơn có từ là ?</p> <p>? Chọn các từ: không, ko phải, chưa phải, chưa điền vào trước vị ngữ của các câu trên ?</p> <p>? Em có NX gì về nội dung ý nghĩa của câu trên sau khi thêm các từ không, chưa...? ? Em hiểu thêm đặc điểm nào của câu TTĐ có từ là ?</p> <p>? Qua VD cho biết đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là?</p> <p>- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ ? Hãy đặt câu TTĐ có từ là?</p> <p>* HD 2: Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là - PP: Vấn đáp, phân tích mẫu. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: hợp tác, ptich, tư duy stao... ? Các câu trần thuật đơn trong câu (mục I) dùng để làm gì? ? Vậy câu trần thuật đơn có từ là</p>	<p>CN VN - Vị ngữ thường bắt đầu bằng từ là - Vị ngữ có thể là một từ, cụm từ tạo thành - Danh từ, cụm danh từ, tính từ - VD: Ăn dụn/ là gọi tên sự vật, hiện tượng này.. . CN VN- CĐT -> VN là cụm động từ.</p> <p>=> Đó là câu trần thuật đơn có từ là. => Là câu có vị ngữ thường do từ là kết hợp với danh từ, cụm danh từ tạo thành. Ghi nhớ - ý 1(sgk/114)</p> <p>- VD: Bà đỡ Trần không phải là người huyện Đông Triều b. Truyền thuyết/ không phải là loại truyện dân gian kể về.... -> Vị ngữ của câu biểu thị ý phủ định</p> <p>- Khi VN biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ không phải, chưa phải. - Ý 2/ ghi nhớ (sgk/114) => Câu TTĐ có từ là: vị ngữ thường do từ là kết hợp với danh từ, cụm danh từ....tạo thành - Khi VN biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ không phải, chưa phải. 2. Ghi nhớ (SGK/T. 114) - VD: Em là học sinh lớp 6A.</p> <p>II. Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là</p> <p>1. Xét ví dụ (Phần I) a. Giới thiệu b. Định nghĩa c. Miêu tả d. Đánh giá - Câu trần thuật đơn có từ là dùng để giới thiệu,</p>
--	--

dùng để làm gì?	định nghĩa, miêu tả, đánh giá. => Có 4 kiểu câu : + Câu định nghĩa. + Câu giới thiệu. + Câu miêu tả. + Câu đánh giá.
? Qua ví dụ, em cho biết có mấy kiểu câu trần thuật đơn có từ là? Đó là những loại nào ?	2. Ghi nhớ (SGK/T. 115)
- Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ ? Cho các ví dụ về kiểu câu này?	- VD: Các em/ là học sinh trường THCS HC. - Bức tranh/ là một vẻ đẹp của thiên nhiên - Em không học/ là đánh mất tương lai

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- PP: Vấn đáp, DH nhóm, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL : tự học, hợp tác * TL nhóm: 4 nhóm (3phút) ? Tìm câu trần thuật đơn có từ là, cho biết mục đích của câu đó? - <i>Gọi HS TB - HS khác NX.</i> - <i>GV NX, chốt KT.</i> ? Viết 1 đoạn văn tả người bạn của em trong đó có câu TĐĐ có từ là .	III. Luyện tập * Bài tập 1: - Hoán dụ/ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm (Định nghĩa) CN VN - Người ta/ gọi chàng là Sơn Tinh (Không phải là CN VN câu trần thuật đơn có từ là) - Tre/ là cánh tay của người nông dân..... CN VN(giới thiệu) - Câu d, đ không phải là câu trần thuật đơn có từ là * Bài 3. Lan là học sinh lớp 6a. Bạn ấy học rất giỏi...

4. Hoạt động vận dụng.

? Viết 1 đoạn văn từ 5 đến 10 câu tả người bạn thân của em. Trong đoạn văn có sử dụng câu trần thuật đơn có từ là. Nêu tác dụng của câu trần thuật đơn có từ là trong đoạn văn đó.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- * Sưu tầm đoạn văn, bài văn có sử dụng câu trần thuật đơn có từ là.
- * Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T. 114,115. Làm bài tập còn lại
- * Chuẩn bị bài: **Lao xao**. Bằng cách đọc kỹ văn bản.
- Trình bày tác giả, xuất xứ của tác phẩm ra giấy tô ki -> giờ sau trình bày.

- + Trả lời câu hỏi phần hướng dẫn đọc hiểu văn bản. Cảm nhận được vẻ đẹp phong phú của thiên nhiên làng quê qua hình ảnh các loài chim, từ đó thấy được tâm hồn nhạy cảm, sự hiểu biết của tác giả.
- Hiểu được nghệ thuật quan sát, miêu tả và cách kể chuyện của tác giả.

Tuần 31.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 122. Bài 27. Văn bản .

LAO XAO

Hướng dẫn đọc thêm (Duy khán)

I. Mục tiêu bài học. - Qua bài, HS cần:

1. **Kiến thức:** Hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp phong phú của thiên nhiên làng quê qua hình ảnh các loài chim, thế giới các loài chim đã tạo nên vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên ở một làng quê miền Bắc.
 - Thấy được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật khi miêu tả các loài chim ở miền quê trong bài văn.
 - Cảm nhận được tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu thiên nhiên, làng quê của tác giả.
 - Hiểu được nghệ thuật quan sát, miêu tả chính xác, sinh động qua miêu tả các loài chim ở làng quê và cách kể chuyện hấp dẫn của tác giả.
2. **Kỹ năng:** Có kỹ năng đọc - hiểu bài hồi kí - tự truyện có yếu tố miêu tả.
 - Biết được chất dân gian được sử dụng trong bài văn, tác dụng của những yếu tố này.
3. **Thái độ:** Học sinh có tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.
4. **Năng lực, phẩm chất:**
 - Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
 - Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, Tham khảo tài liệu Ngữ pháp tiếng Việt, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, phân tích mẫu, bình giảng.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ôn định :

*** Kiểm tra bài cũ:**

- ? Nêu những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước trong vb : Lòng yêu nước ?
? Cảm nhận của em về lòng yêu nước sau khi tìm hiểu văn bản Lòng yêu nước?

*** Tổ chức khởi động :**

Cho HS xem clip về hình ảnh vườn tược, làng quê-> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>* HĐ 1: Đọc - tìm hiểu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, DH nhóm, phân tích, thuyết trình, DH hợp đồng. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: giao tiếp, tự học,... <p>? Nêu giọng đọc văn bản ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc nhẹ nhàng, tươi vui... - GV đọc mẫu, gọi học sinh đọc <p>? Giải nghĩa các chú thích 1,2, 3...?</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (3phút)</p> <p>? Nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm (xuất xứ, TL, PTBĐ, cấu trúc vb) ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên thuyết trình phần tác giả, tác phẩm. - HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt lại. <p>* HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, DH nhóm, phân tích, thuyết trình, bình giảng. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: cảm thụ, phân tích, hợp tác,... <p>- TL cặp đôi (TG: 3 phút)</p> <p>1, Cảnh sớm chớm hè được giới thiệu chung qua hình ảnh nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - NX về câu mở đoạn ? <p>2, Cảnh sớm chớm hè ở làng quê hiện lên ntn qua cảm nhận ban đầu của t/g ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện HS TB - HS khác NX, b/s - GV NX, chốt kiến thức. <p>? Cảnh thiên nhiên tiếp tục được gọi</p>	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Đọc, tìm hiểu chú thích</p> <p>* Đọc</p> <p>* Chú thích:</p> <p>2. Tác giả - Tác phẩm.</p> <p>a. Tác giả: Duy Khán (1934- 1995).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê : Quế Võ, Bắc Ninh. - Sở trường : Viết Hồi kí. <p>b. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của văn bản. Lao xao được trích từ tác phẩm “Tuổi thơ không im lặng”, tác phẩm được giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 1987</p> <p>c. Thể loại: Hồi ký</p> <p>b. Cấu trúc văn bản: 2 phần</p> <p>Phần 1: Từ đầu... Râm ran: Cảnh sớm chớm hè</p> <p>Phần 2: Còn lại: Thế giới các loài chim</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <p>1. Cảnh sớm chớm hè</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giời sớm chớm hè, cây cối um tùm, cả làng thơm <p>+ Nêu ý kiến, nhận xét chung khái quát.</p> <p>-> Cảnh thiên nhiên tươi mát, hương hoa lan tỏa khắp đất trời.</p> <p>* Thiên nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoa lan nở trắng xoá, hoa giẻ nở từng chùm - Hoa móng rồng bụi bầm, ong vàng, ong vò vẽ,

<p>tả qua các chi tiết nào?</p> <p>? NX NT tả cảnh ở đây ?</p> <p>? Đó là khung cảnh như thế nào?</p> <p>? Trong khung cảnh đó con người xuất hiện ra sao?</p> <p>? Cảm xúc của con người ntn?</p> <p>? Qua các hình ảnh trên, em có nhận xét gì về khung cảnh làng quê trong buổi sớm sớm hè?</p> <p><i>Đây là âm hưởng nhịp điệu của đất trời, cỏ cây và cả cái lao xao của tâm hồn tác giả.</i></p> <p>? Em cảm nhận được gì về t/c của tác giả ?</p> <p>? Tác giả giới thiệu hình ảnh các loài chim bắt đầu từ loài chim nào?</p> <p>? NT miêu tả có gì đặc sắc ?</p> <p>? Âm thanh loài chim này vang lên có dụng ý gì ?</p> <p>? Em có biết bài đồng dao nào nói về các loài chim?</p> <p>? Nhà văn còn miêu tả những loài chim nào ?</p> <p>? NX về nghệ thuật tác giả s/d khi miêu tả các loài chim hiền ?</p> <p>? Vì sao những loài chim này được coi là chim hiền?</p> <p>? Cảm nhận của em về khung cảnh nơi đây gợi tả qua thế giới loài chim?</p>	<p>bướm lặng lẽ bay đi.</p> <p>+ Miêu tả tinh tế, hình ảnh chọn lọc, tính từ.</p> <p>Cảnh thiên nhiên sinh động, độc đáo mang nét đặc trưng riêng ở miền quê. Gợi cuộc sống thanh bình, yên ả.</p> <p>- Con người: Tụ tập ở góc sân trò chuyện râm ran, sôi nổi, ồn ào</p> <p>-> Vui vẻ, yêu cuộc sống.</p> <p>✦ Cảnh làng quê thật đẹp, thơ mộng, thiên nhiên và con người đều tươi sáng rạng rỡ.</p> <p>- Yêu thiên nhiên, yêu làng quê.</p> <p>2. Thế giới các loài chim</p> <p>a. Các loài chim hiền.</p> <p>- Chim bồ câu kêu: Các..các..các</p> <p>- Bồ câu kêu vang như bị ai đuổi đánh</p> <p>- Bồ câu là bác chim ri...</p> <p>+ So sánh, câu đồng dao</p> <p>Làm nổi bật cảnh vật trong buổi sáng sớm yên tĩnh, không gian bừng tỉnh, vui nhộn, mang đậm tính văn hoá dân gian.</p> <p>- VD : Con cò chết rũ trên cây Bồ cu mở lịch xem ngày làm ma Cà cuống uống rượu la đà Chim ri sáo sậu nhảy ra chia phần..</p> <p>- Chim ri, sáo sậu, sáo đen, tu hú.</p> <p>- Chúng mang vui đến cho mọi nhà.</p> <p>- Hót mừng được mùa.</p> <p>- Tu hú kêu báo hiệu mùa tu hú chín đỏ.</p> <p>- Chim ngói, chim nhạn.</p> <p>+ Liệt kê, miêu tả cụ thể, nhân hóa.</p> <p>-> Vì chúng đều mang cho con người và giới đất niềm vui, báo hiệu được mùa đó là mong ước của con người.</p> <p>✦ Khung cảnh thanh bình, yên ả của một vùng quê tươi đẹp.</p>
---	--

*** TL nhóm: 4 nhóm (TG: 3 phút)**

? Kể tên các loài chim ác và nêu đặc điểm từng loài?

? Chỉ ra những đặc sắc về NT miêu tả các loài chim ác?

? Thế giới các loài chim hiện lên ntn

- **Đại diện HS TB - HS khác NX, b/s**

- **GV NX, chốt kiến thức.**

***Giáo dục môi trường:** Em thấy mình cần có trách nhiệm gì ?

? Tại sao tác giả lại gọi là chim hiền và chim ác ?

*** HD 3: Tổng kết.**

- PP: Vấn đáp, thuyết trình.

- KT: Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

- NL: tư duy sáng tạo

*** KT: Lược đồ tư duy.**

? Qua văn bản, em khái quát nghệ thuật, nội dung chính của văn bản ?

b. Các loại chim ác.

*** Chim bìm bịp:** Dựa vào một câu chuyện dân gian ***Sự tích chim bìm bịp*** để chỉ sự xuất hiện các loài chim ác

- Bộ cánh nâu, suốt ngày đêm chui rúc trong bụi cây, khi nó kêu thì chim xấu, chim ác mới xuất hiện.

*** Điều hâu:**

- Mũi khoằm, đánh hơi tinh, lao như mũi tên, bắt trộm gà con

*** Chèo bẻo:** Như những mũi tên đen hình đuôi cá, tới tấp bay đến đánh nhau với điều hâu, làm điều hâu hú vía. Diễn ra đột ngột, chớp nhoáng, quyết liệt.

*** Quạ:** Quạ đen, quạ khoang

- Thái độ: Khinh khỉnh, thương làm việc xấu

- Thường ăn thịt, xác rữa, ăn trộm trứng khiến ta liên tưởng tới con người có điệu bộ, hành động như loài quạ.

*** Chim cắt:**

- Cánh nhọn như dao bầu trọc tiết lộn, chuyên dùng để xia, như quỷ đen vụt đến, vụt biến.

- Cắt xông ra xia chèo bẻo, lập tức cả đàn chèo bẻo bay đến đánh lại khiến cho cắt ngấp ngoái rơi xuống đồng.

+ Miêu tả cụ thể, chi tiết, nhân hóa, thành ngữ.

=> ***Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và thế giới loài vật đa dạng, sinh động.***

- Bảo vệ các loài chim và các loài động thực vật nói chung.

- Gọi chim hiền và chim ác là tác giả tự gán cho chúng cái tên mang tính cách, phẩm chất của con người: người hiền, người ác. Từ việc miêu tả các loài chim để khuyên nhủ răn dạy con người bài học đạo lý trong c/s: cái thiện luôn chiến thắng cái ác.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật.

+ Quan sát tinh tường đối tượng miêu tả

+ Miêu tả, kể chuyện, nhân hóa, so sánh...

2. Nội dung.

- Hiểu biết thêm về một số loài chim ở làng quê. Thiên nhiên phong phú, đa dạng...
--

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, thuyết trình, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi. - NL: tự học,... <p>? Kể tên những loài chim ở làng quê em biết và nêu đặc điểm nổi bật của chúng?</p> <p>? Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV HD HS viết- Gọi HS đọc. - HS NX, b/s. GV NX, cho điểm. 	VD: chim sâu – chuyên bắt sâu...

4. Hoạt động vận dụng :

- Viết đoạn văn miêu tả về các loài chim ở làng quê mà em biết. Đọc cho bạn nghe.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Suy tâm và đọc những đoạn văn, bài văn tả cảnh làng quê Việt Nam.

* Đọc lại văn bản. Nắm vững kiến thức đã học. Thấy vẻ đẹp ở làng quê lúc chớm hè.

- Suy tâm những bài thơ, bức tranh nói về đẹp của quê hương đất nước.

* Ôn lại kiến thức Tiếng Việt đã học: Bài ẩn dụ, hoán dụ, câu trần thuật đơn... về khái niệm và phân bài tập chuẩn bị giờ sau: Kiểm tra Tiếng Việt.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 123. KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**I. Mục tiêu đề kiểm tra.****- Qua bài, HS cần:**

1. Kiến thức: - Hiểu được khái niệm hoán dụ, các kiểu hoán dụ; cấu tạo của phép so sánh; biết xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu.

- Hiểu được cấu tạo và tác dụng của câu trần thuật đơn, biết vận dụng biện pháp tu từ nhân hóa để viết đoạn văn.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng diễn đạt trình bày một bài viết hoàn chỉnh, khoa học.

3. Thái độ: Có tinh thần tự giác, nghiêm túc, ý thức tự lập khi làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Hình thức đề kiểm tra.(Tự luận)**III. Ma trận đề kiểm tra.**

Chủ đề		Mức độ		Cộng
Nhận biết		Thông hiểu	Vận dụng	
			CĐT	CĐC
Hoán dụ	Biết được thể nào là hoán dụ			
SC	SC = 1			SC = 1
SĐ	SĐ = 2			SĐ = 2
TL%	TL% = 20%			TL = 20%
Các TP chính của câu	Xác định được CV, VN trong câu			
SC	SC = 1			SC = 1
SĐ	SĐ = 1			SĐ = 2
TL%	TL% = 10%			TL = 20%
So sánh	Đặt câu có sử dụng phép so sánh			
SC	SC = 1			SC = 1
SĐ	SĐ = 2			SĐ = 2
TL%	TL% = 20%			TL = 20%
Câu TTĐ	Hiểu được mục đích của câu TTĐ			

SC SĐ TL%		SC = 1 SĐ = 1 TL% = 10%			SC = 1 SĐ = 1 TL = 10%
Nhân hóa				Viết đoạn văn có sử dụng nhân hóa	
SC SĐ TL%				SC = 1 SĐ = 5 TL% = 50%	SC = 1 SĐ = 3 TL = 30%
SC SĐ TL %	SC = 1 SĐ = 2 TL% = 20%	SC = 2 SĐ = 2 TL% = 20%	SC = 2 SĐ = 7 TL% = 70%		SC = 5 SĐ = 10 TL = 100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra.

- **Câu 1.** Hoán dụ là gì ? Kể tên các kiểu hoán dụ ?

- **Câu 2:** Xác định chủ ngữ và vị ngữ của các câu sau.

a. Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.

b. Chèo bẻo chỉ sợ mỗi chim cắt.

c. Hùng vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương.

d. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cây Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.

Câu 3. Xác định mục đích của các câu trần thuật đơn có từ là dưới đây?

a. Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trời, sáng sủa.

b. Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam.

c. Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm C-V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.

d. Tự học là biện pháp tích cực giúp ta tiến bộ.

Câu 4. Đặt 4 câu có sử dụng phép so sánh ?

Câu 5. Viết một đoạn văn từ (4 - 6 câu) miêu tả con vật em yêu quý, trong đó có sử dụng phép nhân hóa.

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm.

- **Câu 1 (1đ).** Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên s

ự vật, sự việc...khác có nét gần gũi nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Có 4 kiểu hoán dụ: + Lấy 1 bộ phận để gọi toàn thể.

+ Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.

Câu 2: (1 điểm): HS xác định đúng CN, VN

a. Bóng tre/ trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.

CN VN

b. Chèo bẻo / chị sợ mỗi chim

cắt. CN VN

c. Hùng vương thứ mười tám / có một người con gái tên là Mị Nương.

CN VN

d. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cây Việt Nam/ dựng nhà, dựng cửa,

vỡ TN CN VN

ruộng , khai hoang.

- **Câu 3 (1 điểm)** Học sinh xác định được mục đích sử dụng của các câu trần thuật đơn

a. Dùng để miêu tả.

b. Dùng để giới thiệu.

c. Dùng để định nghĩa.

d. Dùng để đánh giá.

- **Câu 4. (2 điểm)** : HS đặt đủ 4 câu so sánh đúng về cấu tạo và nội dung ý nghĩa.- **Câu 5 (5 điểm)**: Học sinh biết viết một đoạn văn từ (4-6 câu) viết về con vật yêu thích, trong đó có sử dụng phép nhân hóa.

+ Hình thức: Đúng đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt.

+ Nội dung: Tả được đặc điểm ngoại hình, thói quen ...của con vật, có nhân hóa

Tuần 33.

Ngày soạn : 4/ 4 / 2018

Ngày dạy: 11/ 4 / 2018

Tiết 124. TLV**TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN; BÀI TẬP LÀM VĂN TẢ NGƯỜI****I. Mục tiêu bài học.****- Qua bài, HS cần:**1. **Kiến thức**: Nhận ra yêu cầu và giới hạn của đề, từ đó đối chiếu với bài viết của mình, nhận ra điểm đạt và chưa đạt để phát huy và sửa chữa tránh sai lặp lại.2. **Kỹ năng**: Có kỹ năng nhận biết tự sửa lỗi sai, diễn đạt chuẩn, cách sửa sai.3. **Thái độ**: Có ý thức nghiêm túc sửa lỗi sai, tránh mắc lỗi.**4. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, bảng phụ ghi các lỗi sai trong bài viết của học sinh, chấm bài kỹ và chỉ ra những lỗi sai cho học sinh, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, hđ cá nhân

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động:*** **Ôn định :*** **Kiểm tra bài cũ:**

? Nêu những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước trong vb : Lòng yêu nước

? Cảm nhận của em về lòng yêu nước sau khi tìm hiểu văn bản Lòng yêu nước?

*** Tổ chức khởi động:**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ô chữ bí mật.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP: Vấn đáp, LTTH, DH nhóm, hđ cá nhân</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.</p> <p>- Y/C học sinh nhắc lại đề bài .</p> <p>- Học sinh đọc đề bài</p> <p>- HS hđ cá nhân trả lời câu 1.</p> <p>- TL cặp đôi. (TG:3 ph)</p> <p>? Vì sao bức tranh lại có sức cảm hóa người anh ?</p> <p>- Đại diện nhóm TB.</p> <p>- HS nhóm khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Đoạn văn cần có các ý ntn?</p> <p>? Hình thức trình bày đoạn văn?</p>	<p>A. TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN</p> <p>I. Tìm hiểu đề :</p> <p>1. Đề bài.</p> <p>Câu 1 (1 điểm): Nêu hoàn cảnh ra đời bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” (Minh Huệ)?</p> <p>Câu 2 (2 điểm): Vì sao trong truyện “Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh, bức tranh Kiều Phương vẽ anh trai lại có sức cảm hóa người anh ?</p> <p>Câu 3 (2 điểm): Viết đoạn văn giới thiệu về giá trị ND và NT của VB “Vượt thác” của Võ Quảng.</p> <p>Câu 4 (5 điểm): Nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” đã để lại cho người đọc những ấn tượng và bài học sâu sắc. Em hãy viết bài văn ngắn trình bày cảm nhận của em về nhân vật này.</p> <p>2. Đáp án.</p> <p>- Câu 1 (1đ): Sáng tác năm 1951, dựa trên sự kiện trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, Bác Hồ trực tiếp ra mặt trận theo dõi và chỉ huy cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân ta.</p> <p>- Câu 2 (2đ): Bức tranh có sức cảm hóa người anh vì:</p> <p>+ Bức tranh là tp NT đặc sắc. Cái gốc của NT là làm đẹp và hoàn thiện con người...</p> <p>+ Bức tranh còn thể hiện tài năng hội họa của Kiều Phương. Người anh thấy xấu hổ và khâm phục trước tài năng của em.</p> <p>+ Bức tranh còn thể hiện lòng nhân hậu, độ lượng của em gái. Chính tấm lòng nhân hậu của em gái đã có sức cảm hóa mạnh mẽ người anh.</p> <p>- Câu 3 (2 đ): HS viết đúng hình thức một đoạn văn nêu được:</p> <p>+ Nghệ thuật: Tả cảnh, tả người tự nhiên, sinh động; hình ảnh so sánh, nhân hóa đặc sắc; từ loại động từ, tính từ gợi tả...</p> <p>+ Nội dung: Bài văn làm nổi bật cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền</p>

<p>* Hđ nhóm (4HS/nhóm).</p> <p>- Y/C HS TL: lập dàn ý cho đề bài: Nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” đã để lại cho người đọc những ấn tượng và bài học sâu sắc. Em hãy viết bài văn ngắn trình bày cảm nhận của em về nhân vật này?</p> <p>- Đại diện nhóm TB.</p> <p>- HS nhóm khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>- GV trả bài.</p> <p>- HS nhận bài và xem bài làm.</p> <p>- GV nhận xét ưu, nhược điểm.</p>	<p>cảnh thiên nhiên hùng vĩ, rộng lớn...</p> <p>Câu 4 (5đ):</p> <p>* Yêu cầu hình thức, kỹ năng: bài đảm bảo bố cục 3 phần chặt chẽ, hành văn trôi chảy.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung: Bài đảm bảo các ý cơ bản sau:</p> <p>* MB: Giới thiệu văn bản, nhân vật Dế Mèn.</p> <p>* TB:</p> <p>- Trong đoạn trích, Dế Mèn được miêu tả là một chàng dế thanh niên cường tráng, khỏe mạnh, rất đáng yêu. (Phân tích chi tiết)</p> <p>- Dế Mèn có tính xấu: hung hăng, xốc nổi, coi thường người khác (pt chi tiết)</p> <p>- Mèn đã nhận được bài học đường đời đầu tiên trong câu chuyện với Dế Choắt.</p> <p>* KB : Suy nghĩ về nhân vật. Bài học cho bản thân.</p> <p>Điểm 0-1: Làm lạc đề hoặc bỏ bài</p> <p>Điểm 2-3: Bài làm đảm bảo yêu cầu về nội dung, hình thức. Rút ra được những bài học phù hợp từ văn bản. Mắc 3-5 lỗi chính tả, diễn đạt, lỗi ngữ pháp.</p> <p>Điểm 4-5: Bài đảm bảo tốt các yêu cầu về nội dung, hình thức. Văn phong trôi chảy, trong sáng. Bài viết sâu sắc. Rút ra được những bài học phù hợp từ văn bản. Mắc không quá 3 lỗi chính tả, diễn đạt, lỗi ngữ pháp.</p> <p>II. Trả bài.</p> <p>III. Nhận xét.</p> <p>* Ưu điểm: - Hầu hết xác định được yêu cầu của đề .</p> <p>- Trả lời đúng theo yêu cầu của câu hỏi.</p> <p>- Bài cảm nhận có 1 số bài viết tốt, viết có cảm xúc.</p> <p>- Bài viết trình bày tương đối sạch, diễn đạt tốt.</p> <p>- Tiêu biểu:</p> <p>6A: Huyền, Lan Anh, Đỗ Nhi, Mai,...</p> <p>6B: Hoảng, Tuấn, An, Phạm Hương, Hoa, ...</p> <p>2. Nhược điểm:</p> <p>- Còn bài có nd sơ sài, diễn đạt lủng củng, cộc lốc .</p> <p>- 1 số t.bày câu thả, chữ xấu, lỗi chính/tả, diễn đạt.</p> <p>- Tiêu biểu:</p> <p>6A: Thắng, Dương, Ngọc Anh, Mạnh, Quỳnh,...</p> <p>6B: Dương, Tú, Trần Hương, Quân, Đạt, Đỗ Linh,...</p> <p>IV. Sửa lỗi.</p>
--	--

- nổi bật

- + Viết đúng thể loại: Văn miêu tả người

- + Trình bày có kết cấu rõ ràng mạch lạc 3 phần, hành văn mạch lạc
 - + Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, từ ngữ trong
 - **Kiến thức:** Vận dụng tốt những kiến thức về văn miêu tả người
- Mở bài: Giới thiệu chung về người thân yêu của em

Thân bài:

Tả ngoại hình (lựa chọn chi tiết tả cho phù hợp)

Giọng nói, cử chỉ, điệu bộ của em.

Cách cư xử của người đó với mọi người trong gia đình, với mình

Kết bài: Cảm xúc, suy nghĩ về người thân của em.

II. Trả bài.

* **TL: 6 nhóm (TG: 4 ph)**

? Lập dàn ý cho đề bài: hãy miêu tả về người thân của em.
?

Gọi đại diện HS TB.

HS khác NX, bổ sung.

GV NX, chốt KT.

- GV trả bài

III. Nhận xét.

1. Ưu điểm:

- Đa số các em hiểu và làm đúng yêu cầu của đề bài.
- Hầu hết xác định được yêu cầu của đề bài: Miêu tả người
- Khắc họa hình ảnh người thân rõ nét về cử chỉ, hành động, lời nói ...
- Biết lựa chọn hình ảnh đẹp, sinh động, bộc lộ được tình cảm
- Một số trình bày sạch đẹp, bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng
- Bài viết diễn đạt tốt, vận dụng tốt so sánh.
- Tiêu biểu:

6a: Minh, Lan Anh, Mai, Ngọc, Đỗ Nhi, Thuỳ Linh,...

6b: Mai, Hương, Hoàng, ...

2. Nhược điểm:

- Một số bài có nội dung sơ sài, diễn đạt lủng củng
- Một số trình bày câu thả, chữ xấu
- Tiêu biểu: Thắng, Tiến, Thái, Dương, Thuỷ (6A). Đức, Dương, Huy, Duy, Chung (6B)

IV. Sửa lỗi.

1. Lỗi chính tả:

- dất tốt bụng -> rất tốt bụng
- dăng bài cho em -> giảng bài cho em.
- xinh sống ở quê -> sinh sống ở quê.

2. Lỗi dùng từ, đặt câu.

- Mắt ông nhăn nhó -> nhăn nheo
- Mái tóc bà đen óng mượt như tơ -> Tóc bà đã điểm bạc nhưng vẫn rất mượt.

3. Lỗi trình bày, viết tắt tự do (Vũ 6A)

V. Đọc và bình những đoạn văn, bài văn hay.

- Đọc bài hay: Minh 6A, Phạm Hương 6B.

- HS chọn bình đoạn văn, bài văn hay

3. Hoạt động vận dụng:

- Hãy viết 1 đoạn văn tả về bạn học cùng lớp với em.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Sưu tầm những đoạn văn, bài văn tả người hay, tìm những câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh.

* Xem lại bài kiểm tra trên lớp từ đó về nhà làm lại

- Tự sửa những lỗi sai trong bài của mình.

* Ôn tập lại toàn bộ các tác phẩm truyện và ký đã học trong học kì II.

- Chuẩn bị bài mới: - **Ôn tập truyện và ký.**

+ Lập bảng thống kê tên tác giả, tác phẩm (đoạn trích), thể loại, nội dung chính của tác phẩm (đoạn trích) ?

+ Lập bảng thống kê tên tác phẩm (đoạn trích), thể loại, cốt truyện, nhân vật kể chuyện?

Tuần 33.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 28. Tiết 125.

ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÝ

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm được nội dung cơ bản và những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của các tác phẩm truyện - kí hiện đại đã học.

- Hình thành những hiểu biết sơ lược về các thể loại truyện, kí trong loại hình tự sự.

- Thấy được điểm giống nhau và khác nhau giữa thể truyện và kí.

2. Kỹ năng:

Có kỹ năng hệ thống hóa, so sánh, tổng hợp kiến thức truyện, kí đã học .

- Trình bày được những hiểu biết và cảm nhận mới, sâu sắc của bản thân về thiên nhiên, đất nước và con người qua các truyện kí đã học.

3. Thái độ:

Có lòng ham học hỏi, yêu thích văn chương, thái độ học tập tích cực.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, bảng phụ ghi các lỗi sai trong bài viết của học sinh, chấm bài kỹ và chỉ ra những lỗi sai cho học sinh, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, kể chuyện, LTTH, hđ cá nhân, tư duy sáng tạo

- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Nêu những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước trong vb : Lòng yêu nước

? Cảm nhận của em về lòng yêu nước sau khi tìm hiểu văn bản Lòng yêu nước?

* **Tổ chức khởi động:**

Cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn: Đoán tên các tác phẩm đã học -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò			Nội dung cần đạt	
- PP: Vấn đáp, LTTH, DH nhóm. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: hợp tác, giao tiếp, tư duy sáng tạo... * TL nhóm: 6 nhóm (4 ph). trình bày tên tác phẩm, tác giả, thể loại, nội dung chính các văn bản đã học từ đầu kì 2 đến nay? - Mời đại diện nhóm 1 lên trình bày bản hợp đồng của nhóm mình - Gọi HS nhóm 2 NX, bổ sung. - GV NX, chốt kiến thức.			I. Những văn bản truyện kí đã học * Câu 1: Bảng 1.	
ST T	Tác Phẩm	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	Bài học đường đời đầu tiên (Trích “DMPLK”)	Tô Hoài	Truyện đồng thoại	Dế Mèn tả chân dung của mình và trò đùa tai hại của mình dẫn đến cái chết của Dế Choắt, nhận ra bài học của mình.
2	Sông nước Cà Mau (Trích “ĐRPN”)	Đoàn Giỏi	Truyện dài	Cảnh thiên nhiên thơ mộng hùng vĩ của vùng Sông nước Cà Mau và sự phong phú đặc sắc của dòng sông, chợ Năm Căn.
3	Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh	Truyện ngắn	Truyện ca ngợi tấm lòng trong sáng của người em đã cảm hóa được người anh, giúp người anh nhận ra phần hạn chế của mình.
4	Vượt Thác	Võ Quảng	Truyện	Miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên dòng sông Thu Bồn để thấy được sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên hùng vĩ.
5	Buổi học cuối	An-	Truyện	Truyện thể hiện lòng yêu nước trong một

	cùng	Fôngxơ Đô-đê		biểu hiện cụ thể là yêu tiếng nói dân tộc
6	Cô Tô	Nguyễn Tuân	Bút kí	Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô thật trong sáng và tươi đẹp .
7	Cây tre Việt Nam	Thép Mới	Bút kí	Cây tre là người bạn thân của nhân dân ta. Tre mang nhiều phẩm chất quý giá của con người VN
8	Lòng yêu nước	Ilia Êrenbua	Tùy bút	Lòng yêu nước sâu sắc của tác giả và của nhân dân Xô viết trong h/c chiến tranh Vệ quốc.
9	Lao Xao	Duy Khán	Hồi kí	Bài văn vẽ lên một thế giới sinh động về các loài chim ở làng quê Việt Nam.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
- PP: Vấn đáp, LTTH, DH nhóm. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: hợp tác, sd ngôn ngữ,... - Hđ cá nhân: ? Nêu tên tác phẩm, thể loại, cốt truyện, nhân vật, nhân vật kể chuyện của các tác phẩm đã học trong kì II?	* Câu 2: Bảng 2.

Tên tác phẩm	Thể loại	Cốt truyện	Nhân vật	NV kể chuyện
Bài học đường đời đầu tiên	Truyện đồng thoại	có	Chính: Dế Mèn Phụ: Dế Choắt, chị Cốc...	Dế Mèn Ngôi T1
Sông nước Cà Mau	Truyện dài	Không	Ông Hai, An...	Bé An Ngôi thứ ba
Bức tranh của em gái tôi	Truyện ngắn	có	Anh trai, Kiều Phương...	Anh trai Ngôi thứ nhất
Vượt Thác	Truyện dài	Không	Cục và Cù Lao, DHT...	Cục và Cù Lao Ngôi thứ nhất
Buổi học cuối cùng	Truyện ngắn	có	Prang, thầy Ha-men...	Prang Ngôi thứ nhất
Cô Tô	Kí(Tùy bút)	Không	Anh hùng Châu Hòa Mãn...	Tác giả Ngôi thứ nhất
Cây tre VN	Bút kí	Không	Cây tre	Tác/g, Ngôi thứ 3

Lòng yêu nước	Tùy bút	Không	Nhân dân Xô viết	Giấu mình. Ngôi thứ ba
Lao Xao	Hồi kí	Không	Các loài hoa, ong bướm...	Giấu mình Ngôi thứ ba
<p>* TL nhóm cặp:</p> <p>? Cho biết sự giống và khác nhau của truyện và ký?</p> <p>? Qua đó em rút ra đặc điểm nào của truyện và kí ?</p> <p>? Những tác phẩm truyện, ký đã học để lại cho em những cảm nhận gì về quê hương, đất nước, về cuộc sống và con người ?</p> <p>? Cho ví dụ?</p> <p>? Các truyện, kí đã học em thích nhất nhân vật nào? Hãy phát biểu cảm nghĩ về nhân vật đó ?</p> <p>? Từ đó em hiểu thêm gì về truyện, kí?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ,</p>				<p>tái hiện lời văn tả uôi.</p> <p>ừa, truyện sự...</p> <p>Nam: Đất đêm, cơn</p> <p>ẻ đẹp của ương của</p> <p>g văn bản, vạm vỡ, ông thì lại</p>

3. Hoạt động luyện tập:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP: Vấn đáp, LTTH, kể chuyện.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi.</p> <p>? Chọn một đoạn trích truyện và kể lại.</p> <p>? Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về một văn bản, nhân vật mà em thích ?</p> <p>- GV hd HS làm - Gọi HS đọc</p>	<p>* Bài 1.</p> <p>- Kể VB ” Bức tranh của em gái tôi”</p> <p>* Bài 2.</p> <p>- VD: Kiều Phương trong truyện ngắn ” Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh là cô bé đáng yêu, có tài năng và tấm lòng nhân hậu. Em vẽ rất đẹp...</p>

4. Hoạt động vận dụng :

- Viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu về chủ đề: tình bạn. Đọc cho các bạn trong lớp nghe.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm thêm các bài thơ, câu chuyện viết về Bác Hồ, về quê hương, đất nước.

* Học bài, nắm được kiến thức đã học trong bài ôn tập.

- Viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ của bản thân về một tác phẩm truyện (Ký).

* Chuẩn bị bài mới : Câu trần thuật đơn không có từ là. Bằng cách đọc kỹ phần ví dụ và ghi nhớ. Hiểu thế nào là câu trần thuật đơn không có từ là và các kiểu câu miêu tả, câu tồn tại...

Tuần 33.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 28. Tiết 126.**CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ LÀ****I. Mục tiêu bài học.**

- Qua bài, HS cần:

1. Kiến thức :

- Nắm được khi niệm câu trần thuật đơn không có từ “là”

- Biết vận dụng câu trần thuật đơn không có từ là khi nói, viết .

- Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ là .

- Các kiểu câu trần thuật đơn không có từ là .

2. Kỹ năng :

- Nhận diện và phân tích đúng cấu tạo của kiểu câu trần thuật đơn không có từ là.

- Đặt được các kiểu câu trần thuật đơn không có từ là .

3. Thái độ: học sinh có ý thức học tập và tình cảm yêu mến ngôn ngữ tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu Ngữ pháp tiếng Việt, bảng phụ ghi ví dụ, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, kể chuyện, LTTH, hđ cá nhân.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ổn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Thế nào là câu trần thuật đơn có từ là? Cho VD minh họa ?

? Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là? Ví dụ cụ thể?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV tổ chức cho hs tham gia đặt câu TTĐ.
- GV đặt câu TTĐ có từ là.
- HS so sánh câu GV đặt với câu HS đặt.
- GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>* HD1: Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ là</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, phân tích mẫu, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi. - NL : tư duy stao, hợp tác, sd ngôn ngữ,... - Gọi HS đọc VD. <p>* TL nhóm : 6 nhóm (4 ph)</p> <p>? Xác định cấu trúc ngữ pháp (CN, VN) trong câu trên?</p> <p>? VN của câu trên có gì khác với câu trần thuật đơn có từ là ?</p> <p>? Nêu cấu tạo VN của các câu trên ?</p> <p>? Hãy thêm từ phủ định vào trước VN của các câu trên và NX?</p> <p>- Đại diện HS TL.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Qua VD cho biết đặc điểm của</p>	<p>I. Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ là.</p> <p>1. Xét ví dụ:</p> <p>a. Phú ông/ mừng lắm. CN VN</p> <p>b. Chúng tôi / tụ hội ở góc sân. CN VN</p> <p>- ở vị ngữ không có từ là</p> <p>- VN do ĐT (CĐT), TT (CTT) tạo thành</p> <p>a. Phú ông không (chưa) mừng lắm.</p> <p>b. Chúng tôi chưa (không) tụ hội ở góc sân.</p> <p>- Nó kết hợp với từ không, chưa...-> Câu mang ý nghĩa phủ định.</p> <p>- > Câu trần thuật đơn không có từ là</p> <p>2. Ghi nhớ 1 (SGK/T. 119)</p>

<p>câu trần thuật đơn không có từ là ?</p> <p>- Y/C HS đọc ghi nhớ .</p> <p>? Xác định câu trần thuật đơn không có từ là trong câu sau ?</p> <p>? Hãy xác định cấu trúc ngữ pháp trong câu?</p> <p>* HD2: Câu miêu tả và câu tồn tại.</p> <p>- PP: Vấn đáp, phân tích mẫu.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, động não</p> <p>- NL : giao tiếp, hợp tác, tư duy sáng tạo.</p> <p>? Em có nhận xét gì về sự giống và khác nhau của hai câu trên?</p> <p>- GV chốt từng kiểu câu</p> <p>? Từ đó em có nhận xét gì về đặc điểm câu miêu tả và câu tồn tại?</p> <p>- HS đọc ghi nhớ.</p>	<p>* Bài tập nhanh.</p> <p>A, Chúng tôi chơi đá cầu.</p> <p>B, Tôi học bài còn Mạnh đá bóng.</p> <p>C, Bạn Huy bỏ học là đại.</p> <p>D, Anh tôi không phải là kĩ sư.</p> <p>II. Câu miêu tả và câu tồn tại</p> <p>1. Xét ví dụ</p> <p>a. Đứng cuối bãi/ hai cậu bé con/ tiến lại TN CN VN</p> <p>b. Đứng cuối bãi/, tiến lại ,/hai cậu bé con. TN VN CN</p> <p>- Giống: Hai câu có cùng một nội dung thông báo đều có thành phần trạng ngữ đứng đầu.</p> <p>- Khác nhau ở vị trí và các thành phần chính:</p> <p>+ Câu a: miêu tả sự xuất hiện của hai cậu bé,CN đứng trước VN -> Câu miêu tả</p> <p>+ Câu b: Thông báo sự xuất hiện,tồn tại của 2 cậu bé một cách bất ngờ,VN đứng trước CN -> Câu tồn tại.</p> <p>2. Ghi nhớ (SGK/T. 119)</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p>	
<p>Hoạt động của thầy, trò</p>	<p>Nội dung cần đạt</p>
<p>-PP: Vấn đáp, DH nhóm, LTTH.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.</p> <p>- NL : hợp tác, giao tiếp, sd ngôn ngữ, ...</p> <p>* TL cặp đôi : 3 phút.</p> <p>? Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu. Cho biết chúng thuộc loại câu nào?</p> <p>- Đại diện HS TL.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p>	<p>* Bài tập 1:</p> <p>Bóng tre/ trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn CN VN . Câu miêu tả</p> <p>- Dưới bóng tre xanh/ ta/ Giữ gìn nền văn hoá lâu TN CN VN đời . Câu miêu tả</p> <p>- Dưới bóng tre của ngàn xưa/, thấp thoáng/ mái TN VN CN</p>

<p>* Hđ cá nhân :</p> <p>? Viết đoạn văn tả cảnh trường em có sử dụng câu tồn tại ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hd HS làm - Gọi HS đọc - Gọi HS khác nhận/x- GV nx 	<p>đình mái chùa cổ kính Câu tồn tại</p> <p>* Bài 2.</p> <p>Trường em ngày nào cũng đông vui, nhộn nhịp. Sáng sớm các bạn học sinh đã đến trường trực nhật. Không khí buổi sáng thật trong lành. Đặc biệt mỗi giờ ra chơi, các bạn hs lại tíu tít chơi đùa, ngoài ghế đá, thường đọc truyện cho nhau nghe là các bạn nux...</p>
---	--

4. Hoạt động vận dụng :

? Viết đoạn văn tả về người bạn thân của em, trong đó có sử dụng câu TTĐ không có từ là ? (Đọc cho các bạn nghe)

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm thêm các câu trần thuật đơn trong văn bản « Lòng yêu nước » của Ê-ren-bua.

* Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T.119. Làm bài tập còn lại.

* Chuẩn bị bài: Ôn tập văn miêu tả. Bằng cách ôn tập lại toàn bộ kiến thức về văn miêu tả đã học. Củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học về văn miêu tả, phân biệt được giữa đoạn văn miêu tả và đoạn văn tự sự - Miêu tả trong tự sự và ngược lại.

Tuần 33.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 127. Tập làm văn.

ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm vững đặc điểm và yêu cầu của một bài văn miêu tả, củng cố và hệ thống hóa các bước, các biện pháp và kỹ năng cơ bản để làm bài văn miêu tả .
- Nhận biết và phân biệt được đoạn văn miêu tả và đoạn văn tự sự .

2. Kỹ năng :

- Có kỹ năng làm văn miêu tả .
- Thông qua các bài tập, tự rút ra những điểm cần ghi nhớ chung cho cả bài văn tả cảnh và văn tả người.

3. Thái độ: học sinh có ý thức học tập và tình cảm yêu mến ngôn ngữ tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy stao.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu Ngữ pháp tiếng Việt, bảng phụ ghi ví dụ, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, LTTH.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định :

* Kiểm tra : (15 phút)

Đề bài .

- Câu 1: Nêu phương pháp tả người?
- Câu 2: Viết một đoạn văn miêu tả về khu vườn vào một buổi sáng đẹp trời .

Đáp án + Biểu điểm.

- **Câu 1 (3 điểm):** muốn tả người cần:

- + Xác định được đối tượng cần tả.
- + Quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu.
- + Trình bày kết quả quan sát được theo một thứ tự.

- **Câu 2 (7 điểm)**

HS viết đúng đoạn văn miêu tả về khu vườn vào buổi sáng đẹp trời.

* Đảm bảo các ý:

- + Câu mở đoạn: Giới thiệu khái quát về khu vườn vào buổi sáng đẹp trời.
- + Các câu thân đoạn: Cảnh khu vườn vào buổi sáng

- Bầu trời trong xanh, không khí mát lành

- Chm hót riu ran

- Hoa đua nhau nở...

+ Câu phân kết đoạn: Cảm xúc của em khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của khu vườn vào buổi sáng đẹp trời đó.

* **Tổ chức khởi động:**

Cho HS đặt câu (miêu tả) về một đồ dùng học tập -> Tạo thành 1 đoạn văn.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
-PP: Vấn đáp, DH nhóm, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL: tư duy sáng tạo, sd ngôn ngữ, tự học, gq vấn đề, giao tiếp, hợp tác,... - Gọi HS đọc bài 1. ? Đoạn văn miêu tả cảnh gì ? ? Theo em điều gì đã tạo nên cái hay và độc đáo cho đoạn văn ? ? Tìm các câu văn miêu tả đặc sắc của tác giả để chứng minh? ? Ở mỗi cảnh tác giả vận dụng	* Bài tập 1: Đoạn trích trong văn bản Cô Tô - Đoạn/v tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô. - Tác giả lựa chọn những chi tiết, hình ảnh đặc sắc, so sánh, liên tưởng độc đáo thể hiện linh hồn của sự vật: Ngấn bể, tấm kính lau hết bụi, lòng đỏ quả trứng... - VD: Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.... - Ngôn ngữ phong phú, thay đổi song vẫn lột tả một

<p>ngôn ngữ ra sao?</p> <p>? Qua đó bộc lộ được gì về tình cảm của tác giả?</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (5 phút).</p> <p>? Lập dàn ý cho đề văn: Tả cảnh đầm sen đang mùa hoa nở.</p> <p>- Đại diện HS TL.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (5 phút).</p> <p>? Nếu miêu tả em bé độ tuổi tập đi thì em sẽ chọn những hình ảnh, chi tiết nào?</p> <p>- Đại diện HS TL.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt kiến thức.</p> <p>? Em sẽ miêu tả theo trình tự nào ?</p> <p>? Tìm hai đoạn văn miêu tả và tự sự có sử dụng các hình ảnh so sánh ví von trong văn bản: Bài học đường đời đầu tiên?</p>	<p>cách nhìn chính xác, cảnh tạo ra được một sự độc đáo riêng sống động thể hiện tài năng dùng từ của tác giả</p> <p>Tình cảm trân trọng, lòng tự hào của tác giả trước cảnh đẹp thiên nhiên ở Cô Tô.</p> <p>* Bài tập 2.</p> <p>a. Mở bài: Giới thiệu cảnh đầm sen đang nở vào thời gian nào? ở đâu? Vị trí em quan sát?</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả bao quát từ xa tới gần hoặc ngược lại - Tả lá: Lá xòe rộng như 1 cái ô trên mặt nước, búp sen xanh non, hoa màu phớt hồng..., bắp sen có hạt ăn bùi và ngon... - Hương sen thơm mát lan tỏa khắp làng quê, nước trong đầm sen trong veo, thỉnh thoảng những chú cá rô nhô lên đớp mồi... - Thể hiện cảm xúc liên tưởng về những sản phẩm từ sen: Trà sen, mứt sen... thơm ngon, bổ dưỡng. <p>c. Kết bài: ấn tượng, cảm xúc của bản thân về cảnh đầm sen: Trong đầm gì đẹp bằng sen....mùi bùn.</p> <p>* Bài tập 3. Miêu tả em bé độ tuổi tập đi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dáng bộ, cử chỉ, cổ tay, cổ chân có ngắn ... - Mái tóc tơ mềm mại, nụ cười tươi luôn nở trên đôi môi đỏ hồng, hé lộ 2 chiếc răng sữa đáng yêu, đôi mắt đen láy, nước da trắng hồng... - Bé nói chưa rõ nhưng rất ngộ nghĩnh - Trang phục: Bé mặc áo có hình con gấu, con mèo rất xinh xắn.... - Cử chỉ, hành động: tập đứng, tập đi thích thú và hăng hái... hay bị ngã nhưng bé không khóc... - Trình tự: Khái quát đến cụ thể. <p>* Bài tập 4.</p> <p>a, Văn bản: “Bài học đường đời đầu tiên”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn miêu tả: ”Cái chàng Đế Choắt...hang tôi” - Đoạn kể: “Tôi không ngờ nghe DC...đầu tiên” <p>b, Văn bản “ Bài học đường đời đầu tiên”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn miêu tả: “ Xong bài giảng...tiếng Pháp” - Đoạn tự sự: “Tôi định nhân lúc...mặt con”
---	--

<p>? Vì sao em lại nhận ra đó là đoạn văn tự sự hay miêu tả?</p> <p>? Khi làm văn miêu tả cần chú ý tới điều gì?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ. - Gọi HS đọc bài đọc thêm (sgk)</p>	<p>-> Đoạn miêu tả giúp người đọc hình dung ra các sự việc diễn ra ntn. -> Đoạn kể giúp ta biết việc đó xảy ra theo tình tự như thế nào.</p> <p>Khi làm văn tả cảnh, tả người ta cần lựa chọn những chi tiết hình ảnh đặc sắc tiêu biểu, trình bày theo một trình tự nhất định, muốn tả sống động cần liên tưởng, so sánh.....</p> <p>* Ghi nhớ SGK/T. 121</p>
--	---

4. Hoạt động vận dụng:

? Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu miêu tả chiếc cặp sách của em và đọc cho các bạn nghe.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- * Tìm đọc những đoạn văn miêu tả hay.
- * Học bài, nắm được kiến thức đã học
- Làm hoàn chỉnh dàn ý cho bài tập 2?
- * Chuẩn bị bài mới : Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ.
- + Đọc bài mới.
- + Chỉ ra những lỗi sai về ngữ pháp trong câu, cách sửa những lỗi sai này.

Tuần 34.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 128. Bài 29. Tiếng việt.

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ, VỊ NGỮ

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, HS cần:

1. **Kiến thức:** Nắm được các lỗi do đặt câu thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ.
+ Cách sửa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ.
2. **Kĩ năng:** Có kỹ năng nhận diện, phát hiện ra các lỗi do đặt câu thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ.
- Sửa được lỗi do đặt câu thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ.
3. **Thái độ:** Có lòng ham học hỏi, yêu mến môn học, cẩn thận trong khi nói và viết, gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.
4. **Năng lực, phẩm chất:**
- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu Ngữ pháp tiếng Việt, bảng phụ ghi ví dụ, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, LTTH.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ.**

? Nêu khái niệm câu trần thuật đơn không có từ là? Ví dụ?

? Có mấy kiểu câu trần thuật đơn không có từ là? Đặc điểm từng loại ?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu một số câu sai do thiếu CN, VN và y/c HS sửa lại
- GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>* HD 1 : Câu thiếu chủ ngữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi. - NL : tự học, tư duy sáng tạo, sd ngôn ngữ <p>? Xác định CN, VN trong các câu trên?</p> <p>? Em nhận xét về cấu tạo hai câu trên?</p> <p>? Hãy sửa câu a thành câu đúng?</p> <p>? Chỉ ra lỗi trong câu sau và sửa lại cho đúng ?</p> <p>* HD 2 : Câu thiếu vị ngữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, DH nhóm, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL : hợp tác, giao tiếp,... 	<p>I. Câu thiếu chủ ngữ.</p> <p>1. Xét ví dụ.</p> <p>a. Qua nhân vật Dế Mèn / cho ta thấy Dế Mèn biết... TN VN</p> <p>b. Qua nhân vật Dế Mèn / em/ thấy Dế Mèn biết... TN CN VN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu a sai -> thiếu thành phần chủ ngữ - Câu b đầy đủ các thành phần: TN, CN và VN. - Cách sửa: <p>+ C1: Thêm chủ ngữ trước thành phần VN <i>Qua nhân vật Dế Mèn, tác giả cho ta thấy DM...</i></p> <p>+ C2: Bỏ từ “qua” biến trạng ngữ thành chủ ngữ <i>Nhân vật Dế Mèn cho ta thấy Dế Mèn biết...</i></p> <p>* Bài tập nhanh.</p> <p>A, Với nhiều câu hỏi học búa khiến tôi đau đầu.</p> <p>B, Với chiếc gậy tre trong tay giúp Gióng đánh tan hết lớp giặc này đến lớp giặc khác.</p> <p>C, Qua câu truyện <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> đã giúp em hiểu nhiều điều.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thiếu CN -> Sửa: Bỏ từ qua, với. <p>II. Câu thiếu thành phần vị ngữ</p> <p>1. Xét ví dụ</p> <p>a. Thánh Gióng/cưỡi ngựa sắt,vung roi sắt.....</p>

<p>? Tìm CN,VN của các câu trên? ? Chỉ ra lỗi sai ?</p> <p>* TL nhóm: 4 nhóm (TG: 3ph) - Câu 1: Tại sao lại có những câu thiếu vị ngữ như vậy? - Câu 2: Sửa câu trên cho đúng? - <i>Gọi đại diện HS trình bày.</i> - <i>HS khác NX, bổ sung.</i> - <i>GV NX, chốt KT.</i></p> <p>? Hãy sửa câu trên cho đúng?</p>	<table><tr><td>TN</td><td>CN</td><td>VN</td></tr><tr><td>b. Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt,vung roi sắt.</td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td>CN</td><td></td></tr><tr><td>-> <i>Thiếu VN</i></td><td></td><td></td></tr><tr><td>c. Bạn Lan/, người học giỏi nhất lớp</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6A TN</td><td>Phụ ngữ</td><td></td></tr><tr><td>-> <i>Thiếu thành phần VN</i></td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Nhầm TP phụ ngữ (Phụ chú) với TP vị ngữ</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Cách sửa:</td><td></td><td></td></tr><tr><td>+ C1: Thêm VN</td><td></td><td></td></tr><tr><td>+ C2: Thêm từ “là” trước phụ ngữ -> Câu có vị ngữ.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Chữa: Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- VD: Bác Hồ, vị chủ tịch vĩ đại của dt VN.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>-> Sửa: - Bác Hồ là vị chủ tịch vĩ đại của dt VN.</td><td>a, Hoa</td><td>d, Bọn trẻ</td></tr></table>	TN	CN	VN	b. Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt,vung roi sắt.				CN		-> <i>Thiếu VN</i>			c. Bạn Lan/, người học giỏi nhất lớp			6A TN	Phụ ngữ		-> <i>Thiếu thành phần VN</i>			- Nhầm TP phụ ngữ (Phụ chú) với TP vị ngữ			- Cách sửa:			+ C1: Thêm VN			+ C2: Thêm từ “là” trước phụ ngữ -> Câu có vị ngữ.			- Chữa: Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.			- VD: Bác Hồ, vị chủ tịch vĩ đại của dt VN.			-> Sửa: - Bác Hồ là vị chủ tịch vĩ đại của dt VN.	a, Hoa	d, Bọn trẻ
TN	CN	VN																																									
b. Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt,vung roi sắt.																																											
	CN																																										
-> <i>Thiếu VN</i>																																											
c. Bạn Lan/, người học giỏi nhất lớp																																											
6A TN	Phụ ngữ																																										
-> <i>Thiếu thành phần VN</i>																																											
- Nhầm TP phụ ngữ (Phụ chú) với TP vị ngữ																																											
- Cách sửa:																																											
+ C1: Thêm VN																																											
+ C2: Thêm từ “là” trước phụ ngữ -> Câu có vị ngữ.																																											
- Chữa: Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.																																											
- VD: Bác Hồ, vị chủ tịch vĩ đại của dt VN.																																											
-> Sửa: - Bác Hồ là vị chủ tịch vĩ đại của dt VN.	a, Hoa	d, Bọn trẻ																																									

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>- PP: Vấn đáp, DH nhóm, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL : tự học, gq vđề, sd ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác, đánh giá</p> <p>- HS làm việc cá nhân. ? Đặt câu hỏi để xem các câu thiếu thành phần CN hay vị ngữ? + <i>Gọi đại diện HS trình bày.</i> + <i>HS khác NX. - GV NX, chốt KT.</i></p> <p>* TL cặp đôi: TG 2 phút. ? Câu nào viết sai ? Vì sao ? + <i>Gọi đại diện HS trình bày.</i> + <i>HS khác NX. - GV NX, chốt KT.</i></p> <p>? Điền chủ ngữ vào các câu còn thiếu cho phù hợp ? - HS làm việc cá nhân.</p>	<p>* Bài tập 1: a. Từ hôm đó bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. - Ai không làm gì nữa? - Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay làm sao? Như thế nào? b. Lát sau hồ sẽ được. - Con gì sẽ được? - Hồ làm sao?</p> <p>* Bài tập 2 - Câu sai : b,c -> thiếu CN do nhầm với TN - Sửa lại: Bỏ từ với</p> <p>* Bài 3: a, Tôi a, Hoa b, Chim d, Bọn trẻ</p>

4. Hoạt động vận dụng.

? Đặt câu có hai thành phần CN, VN về các đồ dùng học tập của em?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm các câu văn thiếu CN. VN trong bài tập làm văn của em, sửa lại cho đúng.

* Học bài, nắm được kiến thức đã học. Làm các bài tập còn lại trong SGK.

* Chuẩn bị bài mới: Viết bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo.

+ Ôn lại các kiến thức về văn miêu tả

+ Lập dàn bài và chuẩn bị theo các dàn bài SGK/T.122.

Tuần 34

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 129+ 130. Tập làm văn.

VIẾT BÀI TẬP VĂN MIÊU TẢ SÁNG TẠO**I. Mục tiêu kiểm tra. HS cần:**

1. Kiến thức: Nắm vững kiểu văn miêu tả, vận dụng những kiến thức đã học để viết một bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo có ý nghĩa.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tạo lập văn bản, kỹ năng hành văn, sử dụng linh hoạt từ ngữ.

3. Thái độ: Có ý thức tự giác, trung thực khi làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, trung thực.

II. Hình thức đề kiểm tra:

- Tự luận.

III. Ma trận đề kiểm tra:

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng CDC	Cộng
Văn miêu tả sáng tạo	Biết được đặc điểm, yêu cầu của một bài văn miêu tả.	Lựa chọn được các từ ngữ thích hợp với đối tượng miêu tả.	Viết được bài văn miêu tả sáng tạo theo trí tưởng tượng.	

Số câu	SC = 1	SC = 1	Số câu = 1	Số câu = 3
Số điểm	SD = 1	SD = 2	Số điểm =	Số điểm = 10
Tỉ lệ %	TL = 10%	TL = 20%	7 Tỉ lệ = 70%	Tỉ lệ = 100%

IV. ĐỀ KIỂM TRA.

Câu 1 (1đ): Khi viết bài văn miêu tả em cần chú ý những yêu cầu gì?

Câu 2 (2đ): Lựa chọn các từ hoặc cụm từ sau điền vào chỗ trống cho thích hợp để hoàn chỉnh đoạn văn miêu tả cây bàng: lấp ló, sần sùi, sừng sững, xanh non, đỏ thẫm, xanh, xòe ra, cái ô khổng lồ.

“Trước sân trường.....một cây bàng khổng lồ. Góc bàng rất to, người lớn dang tay ôm cũng không xuể. Cách mặt đất chừng một mét, thân cây nổi lên những cái u to bằng cái mũ. Tán bàng ra như một.....rợp cả góc sân trường. Màu sắc lá bàng thay đổi theo mùa. Khi đông về, nó khoác chiếc áo lá màu.....trông thật uy nghiêm. Khi hè sang, chiếc áo ấy lại được nhuộm màu.....như mời gọi chim về.”

3. Hoạt động luyện tập:

- Kể một số **chứng nhân lịch sử** khác của đất nước mà em biết.

Cầu Hiền Lương, chùa Một cột, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hồ Gươm...

4. Hoạt động vận dụng:

- Tìm hiểu ở địa phương em (phạm vi xã, huyện, tỉnh) những di tích nào có thể gọi là **chứng nhân lịch sử** của địa phương. Tìm hiểu thông tin về di tích đó, kể cho bạn bè, người thân nghe.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm hiểu thông tin về Văn Miếu Quốc Tử Giám, Văn miếu Xích Đằng.

- Sưu tầm những bài thơ, bức tranh nói hình ảnh quê hương đất nước.

- Chuẩn bị bài mới : Viết đơn. Bằng cách đọc kỹ phần bài học SGK/T,131-135.

+ Hiểu được các tình huống cần phải viết đơn

+ Cách trình bày một lá đơn theo mẫu và không theo mẫu.

Tuần 35

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 29. Tiết 133. Tập làm văn.

VIẾT ĐƠN

I. Mục tiêu : Qua bài học, hs cần :

1. Kiến thức:

- Biết được các tình huống cần phải viết đơn
- Hiểu được các loại đơn thường gặp và nội dung không thể thiếu trong đơn.

2. Kỹ năng:

- Viết đơn đúng quy cách.
- Nhận ra và sửa được những sai sót thường gặp khi viết đơn.

3. Thái độ:

- Ham học hỏi, yêu mến môn học, vận dụng điều đã học vào cuộc sống.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: trung thực, tự tin, tự chủ.

II. Chuẩn bị

1. GV: Giáo án, sgk, sgv... chuẩn bị một số kiểu mẫu đơn.
2. HS: Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: trực quan, vấn đáp, hoạt động nhóm, tự học, giải quyết vấn đề,...
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não,...

III. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động:

*** Ổn định tổ chức:**

*** Kiểm tra bài cũ:** KT vở soạn của HS.

*** Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu 1 số tờ đơn.
- Theo em viết đơn có cần quy tắc không? Khi nào cần viết đơn?
- HS phát biểu. GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
HD 1 : Khi nào cần phải viết đơn : - PP : vấn đáp, hđ nhóm - KT : đặt câu hỏi, TL nhóm - NL : giao tiếp, sd ngôn ngữ,	I. Khi nào cần phải viết đơn.

<p>hợp tác</p> <p>GV chiếu VD. HS đọc VD.</p> <p>* TL cặp đôi :</p> <p>? Trường hợp nào cần phải viết đơn? Vì sao?</p> <p>HS thảo luận, trình bày, nx. GV chốt.</p> <p>? Em có nhận xét gì về kiểu văn bản này trong cuộc sống?</p> <p>- Đọc ví dụ 2 sgk</p> <p>? Những trường hợp nào phải viết đơn ? Viết đơn gửi ai ?</p> <p>HD 2: Các loại đơn và nội dung</p> <p>- PP: hoạt động nhóm, trực quan</p> <p>- KT: thảo luận nhóm</p> <p>- NL: hợp tác, tự học, gq vấn đề</p> <p>- GV đưa một số kiểu đơn (đã được phô tô) cho HS quan sát.</p> <p>? Có những loại đơn nào ?</p> <p>? Thế nào là kiểu đơn theo mẫu ?</p> <p>? Thế nào là kiểu đơn đơn không theo mẫu?</p> <p>? Cho biết các mục trong đơn được trình bày theo thứ tự nào ?</p> <p>? Qua tìm hiểu em cho biết một lá đơn gồm những mục nào và trình bày theo trình tự nào ?</p>	<p>1. Ví dụ 1(sgk/131).</p> <p>- Các trường hợp trên đều cần phải viết đơn vì khi muốn một ai đó, một tổ chức nào đó giải quyết nguyện vọng, đề đạt của mình</p> <p>Đây là những dạng văn bản thường gặp trong cuộc sống (thuộc phong cách ng/ng hành chính) mà thiếu nó thì không thể quyết định được một số công việc</p> <p>2. Ví dụ 2 (sgk/131)</p> <p>a, Viết đơn gửi cơ quan công an</p> <p>b, viết đơn xin học lớp nhạc họa của nhà trường, gửi Ban giám hiệu nhà trường.</p> <p>c, Không viết đơn -> Viết bản kiểm điểm.</p> <p>d, Viết đơn xin chuyển trường gửi BGH nhà trường</p> <p>II. Các loại đơn và nội dung không thể thiếu trong một lá đơn.</p> <p>1. Các loại đơn</p> <p>* Ví dụ (sgk/132 - 133)</p> <p>- 2 loại: đơn theo mẫu và đơn không theo mẫu</p> <p>a. Đơn theo mẫu</p> <p>- Những đơn có yêu cầu nguyện vọng tương tự như nhau đã được in sẵn.</p> <p>b. Đơn không theo mẫu</p> <p>- Là những đơn mà người viết phải tự nghĩ ra nội dung và thể hiện nguyện vọng riêng.</p> <p>2. Nội dung chính không thể thiếu trong một lá đơn.</p> <p>a, Ví dụ (sgk/132 - 133)</p> <p>* Trình tự: - Quốc hiệu, tiêu ngữ.</p> <p>- Ngày tháng viết đơn. - Tên đơn</p> <p>- Đơn gửi ai, ai nhận đơn</p> <p>- Lý do viết đơn. - Nguyện vọng gì</p> <p>- Cảm ơn, ký tên</p>
---	---

<p>* TL nhóm (3p) – 6 nhóm:</p> <p>? So sánh điểm giống và khác nhau giữa hai mẫu đơn trên ?</p> <p>? Theo em những phần nào quan trọng ko thể thiếu trong đơn?</p> <p>HS các nhóm TL, đại diện trình bày, nx, bổ sung. GV chốt.</p> <p>- Từ vd, em cho biết có mấy loại đơn và mục đích của viết đơn ?</p> <p>? Viết đơn theo mẫu cần chú ý tới điều gì?</p> <p>- Hướng dẫn cụ thể theo phần đơn theo mẫu SGK/T,132</p> <p>? Đơn không theo mẫu là gì?</p> <p>? Một lá đơn không theo mẫu cần trình bày theo thứ tự nào?</p> <p>- HS nhắc lại cách thức viết đơn ntn ? (hs đọc phần ghi nhớ.)</p>	<p>* Giống : Luôn có các mục trên và trình bày các mục đó theo một trình tự nhất định .</p> <p>* Khác :</p> <p>+ Đơn theo mẫu : Các mục, nội dung có sẵn.</p> <p>+ Đơn không theo mẫu : Tự trình bày nội dung.</p> <p>- Những phần quan trọng: tên đơn, người nhận, người gửi, lí do , nguyện vọng viết đơn...</p> <p>* Ghi nhớ 1 (sgk/134)</p> <p>III. Cách thức viết đơn</p> <p>1. Đơn theo mẫu</p> <p>- Cần điền vào những ô trống, những thông tin cần thiết theo hướng dẫn.</p> <p>2. Viết đơn không theo mẫu</p> <p>* Đơn thường phải viết bằng tay, không dùng bản in</p> <p>- Quốc hiệu, tiêu ngữ.</p> <p>- Nơi viết - Ngày tháng viết đơn</p> <p>- Tên đơn - Đơn gửi ai</p> <p>- Họ tên, nơi công tác hoặc nơi ở của người viết đơn</p> <p>- Nội dung cụ thể(Trình bày lý do, nguyện vọng, đề nghị).</p> <p>- Lời cam đoan và cảm ơn. Ký tên.</p> <p>* Ghi nhớ 2 SGK/T. 134</p> <p>- Bài tập (sgk/132)</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

- HS điền những thông tin còn thiếu vào đơn xin học nghề (mẫu sgk/132) Gọi hs trình bày, hs khác nx, bs.
- GV nhận xét.

4. Hoạt động vận dụng:

- Tìm các tình huống thực tế mà em cần viết đơn.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Sưu tầm các mẫu đơn.
- Học bài, nắm được kiến thức đã học
- Viết một lá đơn xin đi học thêm (Hoặc đơn xin gia nhập Đoàn TNCS HCM)
- Chuẩn bị bài mới : Bức thư của thủ lĩnh da đỏ. Bằng cách đọc kỹ phần văn bản, trả lời câu hỏi phần Đọc - hiểu văn bản. Tìm tài liệu liên quan.

Tuần 35

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 134. Văn bản.

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ (Xi-át-ton)

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Thấy được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, thiên nhiên được đặt ra trong văn bản nhật dụng và nghệ thuật tạo nên sức hấp dẫn của văn bản.
- Thấy được tiếng nói đầy tình cảm và trách nhiệm đối với thiên nhiên, môi trường sống của vị thủ lĩnh Xi-át-ton.
- Tích hợp môi trường : Yêu thiên nhiên, môi trường sống và có ý thức bảo vệ môi trường.

2. Kỹ năng:

- Biết cách đọc diễn cảm, tìm hiểu nội dung văn bản nhật dụng.
- Cảm nhận được tình cảm tha thiết với mảnh đất quê hương của vị thủ lĩnh Xi-át-ton.
- Phát hiện và nêu được tác dụng của một số phép tu từ trong văn bản.

3. Thái độ: Học sinh thêm yêu mến và bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, bình giảng, đọc sáng tạo, LTTH.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định :

* Kiểm tra bài cũ:

? Vì sao cầu Long Biên được coi là một nhân chứng lịch sử?

? Tổ chức khởi động:

- HS xem video về ô nhiễm MT.

- HS nêu cảm nhận, suy nghĩ về nd video. GV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>* HĐ 1: Tìm hiểu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : Đọc sáng tạo, vấn đáp. - KT : Đặt câu hỏi, hỏi và trả lời - NL : tự học, giao tiếp <p>? Nêu giọng đọc của văn bản ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu - Gọi HS đọc <p>? Giải nghĩa chú thích 1,2, 3..?</p> <p>* KT hỏi và trả lời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự đặt câu hỏi cho bạn – HS trả lời – tiếp tục đặt câu hỏi cho bạn khác về : tác giả, tác phẩm. - Gọi HS NX. - GV NX, chốt KT. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc và tìm hiểu chú thích.</p> <p>a. Đọc</p> <p>b. Chú thích :</p> <p>2. Tác giả và tác phẩm.</p> <p>a. Tác giả: Xi- át- ton(thủ lĩnh của người da đỏ ở Mỹ).</p> <p>b. Tác phẩm: Năm 1854, tổng thống thứ 14 của nước Mỹ là Phreng- klin Pi- ơ- xơ muốn mua mảnh đất của người da đỏ. Thủ lĩnh Xi- át- ton đã gửi bức thư này trả lời. Đây là một bức thư rất nổi tiếng, từng được nhiều người xem là một trong những bài văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường.</p> <p>3. Tìm hiểu chung về văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại : Thư từ chính luận (Văn bản nhật dụng) - PTBD: NL,TS, MT, BC. - Bố cục: 3 phần <p>+ Phần 1: Từ đầu tiếng nói của cha ông chúng tôi: Thiên nhiên với người da đỏ.</p> <p>Phần 2: Tiếp hương hoa đồng cỏ: Quan niệm của người da trắng và người da đỏ về thiên nhiên.</p> <p>Phần 3: Còn lại: Bức thông điệp của người da đỏ.</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <p>1. Thiên nhiên với người da đỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi tác đất là thiêng liêng: Lá thông, bờ cát, hạt sương... Cách nghĩ chân thật sâu lắng, mộc mạc, gần
<p>* HĐ 2: Tìm hiểu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : DH nhóm, vấn đáp. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - NL : hợp tác, tự học, gqvd, giao tiếp, sd ngôn ngữ <p>? Những chi tiết nào nói về người da đỏ suy nghĩ về quê hương của họ?</p> <p>? Nhận xét cách suy nghĩ đó?</p>	

<p>? Trong đoạn văn trên tác giả đã sử dụng NT dụng biện pháp nghệ thuật nào? >T dụng?</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (5 phút)</p> <p>? Tình cảm của người da đỏ với mảnh đất quê hương được thể hiện qua chi tiết nào?</p> <p>? Em có NX gì về biện pháp nghệ thuật ở đây?</p> <p>? Em hiểu gì về tình cảm của người da đỏ dành cho thiên nhiên ?</p> <p>- ĐD HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>? Liên hệ môi trường: Em có thái độ, tình cảm gì với thiên nhiên, môi trường sống quanh em ?</p> <p>? Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của đoạn văn trên ?</p>	<p>gửi.</p> <p>+ : So sánh, điệp từ:</p> <p>Tác hể hiện sự dứt khoát rành mạch của người da đỏ, sự gắn bó của con người với thiên nhiên.</p> <p>- Tin</p> <p>hươ h cảm của người da đỏ với mảnh đất quê</p> <p>- Đấng mình:</p> <p>- Bớt là bà mẹ của người da đỏ</p> <p>- Mỏng hoa ngát hương là người chị</p> <p>ngư m đá, vũng nước, đồng cỏ, hơi ngựa, con</p> <p>- Giời đều chung một gia đình</p> <p>- Ti t nước của sông suối là máu của tổ tiên</p> <p>ônggng thì thầm của dòng nước là tiếng của</p> <p>+ Ngha</p> <p>✦ Ch</p> <p>ký ứ hệ thuật: nhân hoá, so sánh</p> <p>ngư i mối quan hệ huyết thống hần sâu trong</p> <p>gửi c, tiềm thức không bao giờ phai mờ trong</p> <p>gi đời da đỏ. Thể hiện tình cảm sâu nặng, gần</p> <p>- Ycua người da đỏ với thiên nhiên không dễ</p> <p>trườn đôi, bán.</p> <p>êu thiên nhiên, quý trọng tài nguyên, môi</p> <p>* Tỉng sống quanh mình.</p> <p>- Ng</p> <p>- Nếu kết.</p> <p>ngư hệ thuật: nhân hóa, so sánh, biểu cảm..</p> <p>i dung: Tình cảm yêu mến quê hương của</p> <p>ời da đỏ.</p>
3. Hoạt động luyện tập.	
<p>Hoạt động của GV và HS</p> <p>- PP : Vấn đáp, LTTH.</p> <p>- KT : đặt câu hỏi.</p> <p>- NL : tự học</p> <p>? Viết đoạn văn (5 – 7 câu) tả về môi trường nơi em sinh sống ?</p> <p>- GV HD HS viết – HS viết, đọc.</p> <p>- HS khác NX, GV NX, cho điểm.</p>	<p>Nội dung cần đạt</p> <p>* Bài tập.</p>

4. Hoạt động vận dụng:

? Em đã có hành động nào để bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống quanh em, kể cho các bạn nghe?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- * Đọc những bài báo, bài viết về vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
 - * Đọc lại văn bản, nắm vững kiến thức đã học
 - * Chuẩn bị phần còn lại của văn bản ” Bức thư của thủ lĩnh da đỏ” để học tiếp tiết sau.
- Tiếp tục hiểu được quan điểm tiến bộ của người da đỏ trong việc giao hoà với thiên nhiên, giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên. Thấy được tác dụng nghệ thuật trong việc biểu lộ tình cảm, cảm xúc của con người qua một lá thư.

Tuần 35

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 135. Văn bản.

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ (Xi-át-ton)

I. Mục tiêu bài học : Qua bài, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Thấy được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, thiên nhiên được đặt ra trong văn bản nhật dụng và nghệ thuật tạo nên sức hấp dẫn của văn bản.
- Thấy được tiếng nói đầy tình cảm và trách nhiệm đối với thiên nhiên, môi trường sống của vị thủ lĩnh Xi-át-ton.
- Tích hợp môi trường : Yêu thiên nhiên, môi trường sống và có ý thức bảo vệ môi trường.

2. Kỹ năng:

- Biết cách đọc diễn cảm, tìm hiểu nội dung văn bản nhật dụng.
- Cảm nhận được tình cảm tha thiết với mảnh đất quê hương của vị thủ lĩnh Xi-át-ton.
- Phát hiện và nêu được tác dụng của một số phép tu từ trong văn bản.

3. **Thái độ:** Học sinh thêm yêu mến và bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, trực quan, phân tích, bình giảng, LTTH.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

- * **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Vì sao cầu Long Biên được coi là một nhân chứng lịch sử?

? Cầu Long Biên đã ghi lại những chiến tích lịch sử nào ?

* **Tổ chức hoạt động:**

Cho HS xem bức tranh về thiên nhiên, môi trường sống -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>* HD1: Tìm hiểu chi tiết vb</p> <p>- PP: Đọc sáng tạo, vấn đáp, phân tích, bình giảng, hđ nhóm</p> <p>-KT:Đặt câu hỏi, hỏi&t.lời, TL nhóm</p> <p>- NL : hợp tác, giao tiếp,sd ngôn ngữ</p> <p>* TL nhóm: 6 nhóm (5 phút)</p> <p>? Tìm những chi tiết thể hiện thái độ của người da trắng với thiên nhiên?</p> <p>? Chỉ ra những đặc sắc về nghệ thuật ở đây?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì về thái độ của người da trắng với thiên nhiên?</p> <p>- ĐD HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>- GV: Cách cư xử tàn bạo, không biết giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên, không nghĩ đến hậu quả mà chỉ nghĩ đến lợi ích trước mắt. Đó là mặt trái của chủ nghĩa Tư bản.</p> <p>? Tình cảm của người da đỏ với thiên nhiên được thể hiện qua lời văn nào?</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <p>2. Thái độ của người da trắng và người da đỏ về thiên nhiên.</p> <p>a. Người da trắng đối với thiên nhiên.</p> <p>- Không gắn bó với mảnh đất nào</p> <p>- Lấy đi trong đất những gì họ cần</p> <p>- Mảnh đất này là kẻ thù của họ, họ quên đi mồ mả, tổ tiên, dòng tộc của mình.</p> <p>- Tước đoạt đất đai để lại những bãi hoang mạc.</p> <p>- Chẳng có nơi nào yên tĩnh.</p> <p>- Chẳng có nơi nào nghe được tiếng lá cây lay động vào mùa xuân.</p> <p>- Òn ào, náo động tách ra khỏi thiên nhiên, chỉ có tiếng ồn ào, lảng mạn.</p> <p>- Có những hành động phá huỷ thiên nhiên</p> <p>+ Giọng văn vừa tha thiết vừa cứng cỏi.</p> <p>+ Liên tưởng, điệp từ.</p> <p>Hoàn toàn ích kỉ, coi thường đất đai, cư xử tàn bạo, không biết giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên, đất đai.</p> <p>b. Thái độ của người da đỏ về thiên nhiên.</p> <p>- Ưa những âm thanh êm ái của những cơn gió thoảng thoảng hương thơm của phân thông</p> <p>- Không khí trong lành quý giá; người, cây cối và muôn loài cùng nhau hít thở.</p> <p>- Thiên nhiên mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông và nhận lại hơi thở cuối cùng.</p>

<p>? Giọng điệu lời văn ở đây ntn?</p> <p>? Em hiểu gì về quan điểm đó?</p> <p>* LH môi trường: Em có trách nhiệm ntn với môi trường sống ?</p> <p>? Người da đỏ gửi thông điệp nào tới người da trắng?</p> <p>? Tác giả sử dụng biện pháp nghệ NT thuật gì? Tác dụng?</p> <p>* TL cặp đôi: 3 phút.</p> <p>? Câu văn nào thể hiện mối quan hệ giữa thiên nhiên với con người?</p> <p>? Em hiểu gì về mối quan hệ đó?</p> <p>? Em có nhận xét gì về bức thông điệp của người da đỏ?</p> <p>- ĐD HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>Liên hệ tới việc bảo vệ môi trường.</p> <p>* HD3 : Tổng kết.</p> <p>- PP: Vấn đáp.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy.</p> <p>- NL: tư duy sáng tạo.</p> <p>? Khái quát nghệ thuật và nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>+ Giọng điệu nhẹ nhàng, biểu cảm trực tiếp, miêu tả.</p> <p>✚ Thiên nhiên và con người có mối quan hệ gắn gũi, gắn bó với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, họ nhận thức được tầm quan trọng của thiên nhiên với con người.</p> <p>- Yêu thiên nhiên, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường sống...</p> <p>3. Bức thông điệp của người da đỏ.</p> <p>- Nếu bán cho ngài mảnh đất này ngài phải gìn giữ và làm cho nó trở thành thiêng liêng.</p> <p>- Người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những anh em.</p> <p>- Dạy con cháu phải kính trọng đất đai.</p> <p>+ : Điệp ngữ</p> <p>-> lời nhắn nhủ thiết tha, chân thành với dụng ý: Hãy giữ gìn và bảo vệ môi trường sống lành mạnh, tôn trọng thiên nhiên.</p> <p>- Con người là gì nếu cuộc sống thiếu con thú? Nếu chúng ra đi con người sẽ chết mòn về nỗi cô đơn. Điều gì sẽ xảy đến với con thú thì sẽ xảy đến với con người.</p> <p>Mọi vật đều có sự ràng buộc : điều gì xảy ra đối với đất sẽ xảy ra đối với con người.</p> <p>☸ Bức thông điệp của người da đỏ là những điều hoàn toàn đúng đắn, sâu sắc và chân thành. Đó là một thông điệp có giá trị lớn để giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật: Lối viết văn truyền cảm, sử dụng phép so sánh, nhân hoá, điệp ngữ</p> <p>2. Nội dung: * Ghi nhớ SGK/T.140</p>
3. Hoạt động luyện tập.	
<p>Hoạt động của GV và HS</p>	<p>Nội dung cần đạt</p>
<p>* Thi vẽ tranh về chủ đề : môi trường.</p> <p>- 2 đội, mỗi đội 2 em lên vẽ (TG : 5 ph).</p> <p>- Đội nào vẽ đẹp, đúng chủ đề sẽ chiến</p>	<p>* Bài tập.</p>

thăng.	
--------	--

4. Hoạt động vận dụng:

? Kể những hoạt động của em và các bạn đã làm để bảo vệ thiên nhiên, môi trường nơi em ở và nhà trường?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Sưu tầm những bức tranh về môi trường, nêu các biện pháp bảo vệ MTTN.

- Nắm vững nội dung bài học, thấy được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và tài nguyên, thiên nhiên.

- Viết một bài văn giới thiệu về một cảnh đẹp của quê hương em.

* Chuẩn bị bài mới: Chữa lỗi chủ ngữ, vị ngữ (tiếp)

+ Tìm hiểu các câu thiếu CN.

+ Tìm hiểu các câu thiếu VN.

Tuần 36 Ngày soạn : 25/4/2018

Ngày dạy: 2/5/2018

Tiết 136. Tiếng việt. CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ, VỊ NGỮ (Tiếp)

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Hiểu được những lỗi sai về ngữ pháp trong câu (Câu thiếu cả hai thành phần C-V, sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu)

- Từ đó biết vận dụng những điều đã học để sửa những lỗi trên.

2. **Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận diện phát hiện các lỗi do đặt câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ và lỗi về quan hệ ngữ nghĩa giữa chủ ngữ với vị ngữ.

3. **Thái độ:** Có lòng ham học hỏi, yêu mến môn học, cẩn thận trong khi nói và viết, gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, LTTH.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Cho biết những lỗi sai về ngữ pháp khi viết câu ? Lấy VD minh họa ?

? Nêu nguyên nhân và cách sửa lỗi sai về chủ ngữ, vị ngữ ?

* **Tổ chức khởi động:**

Viết câu thiếu chủ ngữ hay vị ngữ là một lỗi điển hình mà người viết mắc phải là điều cần sửa. Vậy để rèn luyện thêm về viết câu đúng ngữ pháp -> vào bài hôm nay.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP: Đọc sáng tạo, vấn đáp, LTTH, DH nhóm. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - Gọi HS đọc VD. <p>* TL nhóm: 6 nhóm (5 phút)</p> <p>? Chỉ ra lỗi mắc phải trong câu trên?</p> <p>? Nêu nguyên nhân mắc lỗi và cách sửa?</p> <p>- ĐD HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p>	<p>I. Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ.</p> <p>1. Ví dụ.</p> <p>a. Mỗi khi đi qua cầu Long Biên. TN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ai đi qua cầu Long Biên? (Tìm chủ ngữ) - Không có ai -> Câu không có CN - Mỗi khi đi qua cầu Long Biên thì sao? (Tìm VN) -> Câu không có VN. - Câu thiếu cả thành phần chủ ngữ và vị ngữ. <p>* Sửa : Mỗi khi đi qua cầu Long Biên, / tôi / lại thấy TN CN VN tự hào về chiếc cầu dẻo dai vững chắc.</p> <p>b. Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay của mình, chỉ.... TN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thiếu C - V chưa diễn đạt 1 nội dung chọn vẹn. - Sửa : Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay của mình, chỉ...tháng, nhà điêu khắc đã biến khối đá vô tri thành bức tượng vô cùng sinh động. <p>2. Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do nhầm lẫn thành phần trạng ngữ là nòng cốt câu <p>3. Cách sửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm nòng cốt câu để tạo câu hoàn chỉnh - VD: Trong sân trường em. -> Sửa: Trong sân trường em, cây cối xanh tốt. <p>II. Câu sai quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu .</p> <p>1. Xét ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa Chỉ Dượng Hương Thư. - Ta: chỉ tác giả (Người dẫn chuyện). Làm cho ta dễ nhầm lẫn hình ảnh trên là VN của “ta” -> Câu sai về ngữ nghĩa.
? Chỉ ra lỗi trong câu trên ?	

<p>? Nguyên nhân nào dẫn đến câu sai ?</p> <p>? Sửa câu sai trên bằng cách nào ?</p> <p>? Xác định phần in đậm ?</p> <p>? Câu trên sai ở đâu? Sửa lại cho đúng?</p> <p>* TL cặp đôi (3 phút)</p> <p>? Xác định cấu trúc ngữ pháp của các câu trên?</p> <p>- ĐD HS TB - HS khác NX, b/s</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>? Thêm CN- VN cho phù hợp với thành phần trạng ngữ</p> <p>? Chỉ ra lỗi sai và sửa lỗi.</p>	<p>2. Nguyên nhân, cách sửa:</p> <p>- Nguyên nhân : Do sắp xếp sai trật tự từ.</p> <p>- Cách sửa : Chuyển hình ảnh “Hai hàm răng.....” về làm thành phần vị ngữ của Động Hương Thư.</p> <p>Ta thấy Động Hương Thư, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của TS oai linh...</p> <p>* Bài tập 1:</p> <p>a. Năm 1945,/ Cầu/ được đổi tên thành cầu LB TN CN VN</p> <p>b. Cứ mỗi lần ngẩng đầu lên nhìn bầu trời trong xanh,/ lòng tôi/ lại nhớ những năm ... TN CN VN</p> <p>c. Đứng trên cầu, nhìn dòng sông Hồng đỏ rực...đôi bờ, / tôi/ cảm thấy....dai, vững chắc. TN CN VN</p> <p>* Bài tập 2:</p> <p>- Mỗi khi tan trường, / tôi/ thường đi qua cây đa đầu xóm</p> <p>- Ngoài cánh đồng,/ đàn trâu/ nhớn nhớn gặm cỏ</p> <p>- Giữa cánh đồng lúa chín,/ đàn cò/ bay lượn</p> <p>* Bài tập 3:</p> <p>a. Giữa hồ (nơi có tháp Rùa cổ kính) TN Phụ chú -> thiếu CN - VN nhằm phụ chú là nòng cốt câu Thêm CN - VN.</p> <p>b. Trải qua mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta, một dân tộc anh hùng</p> <p>- Thiếu CN- VN sửa: Thêm CN- VN</p>
--	--

3. Hoạt động vận dụng:

? Đặt câu về chủ đề học tập hoặc chủ đề tình bạn, câu đảm bảo có CN-VN?

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm và sửa các câu mắc lỗi về chủ ngữ, vị ngữ trong bài viết của mình?

* Nắm được các kiến thức đã học.

- Tìm câu sai trong các bài viết, cách sửa

* Chuẩn bị bài mới: Luyện viết đơn và sửa lỗi. Hiểu những lỗi thường gặp khi viết đơn và biết cách sửa

- Biết vận dụng kiến thức đã học để viết một lá đơn hoàn chỉnh, chính xác

Tuần 36

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 137. Tập làm văn. LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT ĐƠN VÀ SỬA LỖI

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Phát hiện các lỗi thường gặp khi viết đơn.
- Biết cách sửa chữa lỗi thường mắc khi viết đơn.

2. **Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận diện phát hiện và sửa các lỗi sai thường gặp khi viết đơn.

- Có kỹ năng viết đơn theo đúng nội quy quy định.

3. **Thái độ:** Có lòng ham học hỏi, yêu mến môn học, cẩn thận trong khi viết đơn.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, LTTH.
- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Cho biết những lỗi sai về ngữ pháp khi viết câu ? Lấy VD minh họa ?

? Nêu nguyên nhân và cách sửa lỗi sai về chủ ngữ, vị ngữ ?

* **Tổ chức khởi động:**

- GV chiếu 1 số mẫu đơn viết sai và đúng, hs xđ mẫu đúng.
- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
- PP: Vấn đáp, LTTH, DH nhóm.	I. Các lỗi thường mắc khi viết đơn.

? Viết đơn xin học khóa học hè với các môn học tự chọn.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Đọc cách thức viết lá đơn đúng quy cách.

* Làm bài tập còn lại sgk.

- Viết hoàn chỉnh những lá đơn trên

* Chuẩn bị bài mới: Động Phong Nha theo câu hỏi phần đọc - hiểu văn bản. Hiểu được vẻ đẹp lồng lầy kì ảo của Động Phong Nha - Vị trí, vai trò của nó đối với người dân đất Quảng và của nhân dân ta từ đó thấy tự hào và thêm yêu quê hương đất nước.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 37. Bài 28. Tiết 117. ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÝ

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm được nội dung cơ bản và những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của các tác phẩm truyện - kí hiện đại đã học.

- Hình thành những hiểu biết sơ lược về các thể loại truyện, kí trong loại hình tự sự.

- Thấy được điểm giống nhau và khác nhau giữa thể truyện và kí.

2. Kỹ năng:

Có kỹ năng hệ thống hóa, so sánh, tổng hợp kiến thức truyện, kí đã học .

- Trình bày được những hiểu biết và cảm nhận mới, sâu sắc của bản thân về thiên nhiên, đất nước và con người qua các truyện kí đã học.

3. Thái độ:

Có lòng ham học hỏi, yêu thích văn chương, thái độ học tập tích cực.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, bảng phụ ghi các lỗi sai trong bài viết của học sinh, chấm bài kỹ và chỉ ra những lỗi sai cho học sinh, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, kể chuyện, LTTH.

- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định :

* Kiểm tra bài cũ:

? Nêu những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước trong vb : Lòng yêu nước

? Cảm nhận của em về lòng yêu nước sau khi tìm hiểu văn bản Lòng yêu nước?

*** Vào bài mới:**

Cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn: Đoán tên các tác phẩm đã học -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy, trò			Nội dung cần đạt	
- PP: Vấn đáp, LTTH, DH nhóm, DH hợp đồng. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - GV thanh lí hợp đồng đã kí kết với HS trong giờ học trước. * TL nhóm: 6 nhóm (4 ph). trình bày tên tác phẩm, tác giả, thể loại, nội dung chính các văn bản đã học từ đầu kì 2 đến nay? - Mời đại diện nhóm 1 lên trình bày bản hợp đồng của nhóm mình - Gọi HS nhóm 2 NX, bổ sung. - GV NX, chốt kiến thức.			I. Những văn bản truyện kí đã học * Câu 1: Bảng 1.	
ST T	Tác Phẩm	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	Bài học đường đời đầu tiên (Trích “DMPL K”)	Tô Hoài	Truyện đồng thoại	Dế Mèn tả chân dung của mình và trò đùa tai hại của mình dẫn đến cái chết của Dế Choắt, nhận ra bài học của mình.
2	Sông nước Cà Mau (Trích “ĐRPN”)	Đoàn Giỏi	Truyện dài	Cảnh thiên nhiên thơ mộng hùng vĩ của vùng Sông nước Cà Mau và sự phong phú đặc sắc của dòng sông, chợ Năm Căn.
3	Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh	Truyện ngắn	Truyện ca ngợi tấm lòng trong sáng của người em đã cảm hóa được người anh, giúp người anh nhận ra phần hạn chế của mình.
4	Vượt Thác	Võ Quảng	Truyện	Miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên dòng sông Thu Bồn để thấy được sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên hùng vĩ.
5	Buổi học cuối cùng	An-Fôngxơ Đô-đê	Truyện	Truyện thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là yêu tiếng nói dân tộc

6	Cô Tô	Nguyễn Tuấn	Bút kí	Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô thật trong sáng và tươi đẹp .
7	Cây tre Việt Nam	Thép Mới	Bút kí	Cây tre là người bạn thân của nhân dân ta. Tre mang nhiều phẩm chất quý giá của con người VN
8	Lòng yêu nước	Ilia Êrenbua	Tùy bút	Lòng yêu nước sâu sắc của tác giả và của nhân dân Xô viết trong h/c chiến tranh Vệ quốc.
9	Lao Xao	Duy Khán	Hồi kí	Bài văn vẽ lên một thế giới sinh động về các loài chim ở làng quê Việt Nam.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - PP: Vấn đáp, LTTH, DH nhóm. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm. - TL nhóm: 4 nhóm (TG: 5ph) <p>? Nêu tên tác phẩm, thể loại, cốt truyện, nhân vật, nhân vật kể chuyện của các tác phẩm đã học trong kì II?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện HS TL. - HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt kiến thức. 	<p>* Câu 2:</p> <p>Bảng 2.</p>

Tên tác phẩm	Thể loại	Cốt truyện	Nhân vật	NV kể chuyện
Bài học đường đời đầu tiên	Truyện đồng thoại	có	Chính: Dế Mèn Phụ: Dế Choắt, chị Cốc...	Dế Mèn Ngôi T1
Sông nước Cà Mau	Truyện dài	Không	Ông Hai, An...	Bé An Ngôi thứ ba
Bức tranh của em gái tôi	Truyện ngắn	có	Anh trai, Kiều Phương...	Anh trai Ngôi thứ nhất
Vượt Thác	Truyện dài	Không	Cục và Cù Lao, DHT...	Cục và Cù Lao Ngôi thứ nhất
Buổi học cuối cùng	Truyện ngắn	có	Prang, thầy Ha-men...	Prang Ngôi thứ nhất
Cô Tô	Kí(Tùy bút)	Không	Anh hùng Châu Hòa Mãn...	Tác giả Ngôi thứ nhất
Cây tre VN	Bút kí	Không	Cây tre	Tác/g, Ngôi thứ 3

Lòng yêu nước	Tùy bút	Không	Nhân dân Xô viết	Giấu mình. Ngôi thứ ba
Lao Xao	Hồi kí	Không	Các loài hoa, ong bướm...	Giấu mình Ngôi thứ ba
<p>? Cho biết sự giống và khác nhau của truyện và ký?</p> <p>? Qua đó em rút ra đặc điểm nào của truyện và kí ?</p> <p>? Những tác phẩm truyện, ký đã học để lại cho em những cảm nhận gì về quê hương, đất nước, về cuộc sống và con người ?</p> <p>? Cho ví dụ?</p> <p>? Các truyện, kí đã học em thích nhất nhân vật nào? Hãy phát biểu cảm nghĩ về nhân vật đó ?</p> <p>? Từ đó em hiểu thêm gì về truyện, kí?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ,</p>				<p>tái hiện lời văn tả</p> <p>uôi.</p> <p>ừa, truyện</p> <p>sự...</p> <p>Nam: Đất đêm, cơn</p> <p>ẻ đẹp của ương của</p> <p>g văn bản , vạm vỡ, ong thì lại</p>

3. Hoạt động luyện tập:

- PP: Vấn đáp, LTTH, kể chuyện. - KT: Đặt câu hỏi. ? Chọn một đoạn trích truyện và kể lại. ? Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về một văn bản, nhân vật mà em thích ? hd HS làm - Gọi HS đọc	* Bài 1. - Kể VB ” Bức tranh của em gái tôi” * Bài 2. - VD: Kiều Phương trong truyện ngắn ” Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh là cô bé đáng yêu, có tài năng và tấm lòng nhân hậu. Em vẽ rất đẹp...
---	---

4. Hoạt động vận dụng :

- Viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu về chủ đề: tình bạn. Đọc cho các bạn trong lớp nghe.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm thêm các bài thơ, câu chuyện viết về Bác Hồ, về quê hương, đất nước.

* Học bài, nắm được kiến thức đã học trong bài ôn tập.

- Viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ của bản thân về một tác phẩm truyện (Ký).

* Chuẩn bị bài mới : Câu trần thuật đơn không có từ là. Bằng cách đọc kỹ phần ví dụ và ghi nhớ. Hiểu thế nào là câu trần thuật đơn không có từ là và các kiểu câu miêu tả, câu tồn tại...

Tuần 37

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 138. Hướng dẫn đọc thêm :

Văn bản. ĐỘNG PHONG NHA (Trần Hoàng)

I. MỤC TIÊU: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu được vẻ đẹp lồng lẩy kì ảo và tiềm năng phát triển du lịch của Động Phong Nha.

- Vị trí, vai trò của nó đối với người dân đất Quảng và của nhân dân ta.

- Giáo dục môi trường : Giữ gìn, bảo vệ, phát huy những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của đất nước.

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng đọc - hiểu văn bản nhật dụng đề cập đến vấn đề bảo vệ môi trường, danh lam thắng cảnh.

- Tích hợp với phần tập làm văn để viết một bài văn miêu tả.

3. Thái độ: học sinh có lòng tự hào, yêu quý những danh lam thắng cảnh đất nước.

4. Định hướng năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, khiêm tốn, có tinh thần vượt khó

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Giáo án,sgv, TKBG, Tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập...

2. Học sinh: Học bài cũ, Trả lời phần đọc hiểu văn bản.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Dạy học trực quan, gợi mở-vấn đáp, giải quyết vấn đề, đàm thoại, phân tích, thảo luận nhóm, bình giảng, ...

2, Kỹ thuật: Động não, đặt câu hỏi, làm việc theo nhóm

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

TẬP. 1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức:**

* **Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu nội dung và nghệ thuật của văn bản: Bức thư của thủ lĩnh da đỏ?

* **Tổ chức khởi động:**

GV cho HS xem clip về động Phong Nha – Kẻ Bàng, hang Sơn Đoòng.

HS nêu cảm nhận. GV gt bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HD1: Đọc - Tìm hiểu chung - PP: Trực quan, đàm thoại, hđ nhóm - Kỹ thuật: Động não, đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: tự học - Mời đại diện HS lên trình bày về tác giả và xuất xứ của tác phẩm? - HS trình bày. - HS khác NX, bổ sung. - GV NX, chốt KT.	I . Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả : Trần Hoàng 2. Tác phẩm: a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm. - Bài văn <i>Động Phong Nha</i> của tác giả Trần Hoàng giới thiệu vị trí và vẻ đẹp kỳ lạ, hiếm có cùng tiềm năng khai thác du lịch rất lớn của động. - Được NXB Giáo dục in năm 1998 trong cuốn sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ. b. Đọc và tìm hiểu chú thích.

<p>? Nêu giọng đọc của văn bản? Giọng rõ ràng, phấn khởi, tươi vui...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu, gọi học sinh đọc - Giải nghĩa các chú thích 1,2, 3... -? “ Động PN” thuộc nhóm VB nào ? -? Xác định các PTBD của văn bản ? ? Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần? <p>HD2: Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: Trực quan, đàm thoại, hđ nhóm - Kỹ thuật: Động não, đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: hợp tác, giao tiếp, sd ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích <p>? Cho biết vị trí của Động Phong Nha?</p> <p>? Nhận xét cách giới thiệu đó?</p> <p>? Vào Động Phong Nha bằng mấy con đường?</p> <p>? Theo em, con đường nào có nhiều ưu thế? Vì sao?</p> <p>? Em có nx gì về con đường vào động?</p> <p>- <i>Tác giả nghiêng về cảnh sắc đường thủy, có ý khuyên người du lịch hãy chọn con đường thuận lợi, thưởng ngoạn cảnh đẹp thanh bình dọc đôi bờ sông... Song đi đường bộ cũng có lí thú riêng.</i></p> <p>? Quần thể Động Phong Nha gồm mấy bộ phận ?</p> <p>* TL nhóm: 4 nhóm (TG: 3 phút)</p> <p>1, Động khô được giới thiệu qua những</p>	<p>* Đọc</p> <p>* Chú thích :</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Văn bản nhật dụng d. PTBD: TM, TS, MT, BC e. Bố cục: 3 phần - Phần 1: Từ đầu- bãi mía nằm rải rác: Những con đường vào Động Phong Nha - Phần 2: Tiếp- nơi cảnh chùa, đất Bụt: Vẻ đẹp của Động Phong Nha - Phần 3: Còn lại: Động PN trong tương lai <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:</p> <p>1. Con đường vào Động Phong Nha.</p> <p>* Vị trí : Nằm trong quần thể hang động thuộc Kẻ Bàng, miền Tây Quảng Bình</p> <p>Cụ thể, chính xác</p> <p>* Đường vào động :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào động bằng hai con đường: Thủy, bộ. - Đường thủy có ưu thế hơn. - Vượt được thư giãn, ngắm sông, ngắm núi, cảnh sắc hai bên bờ. <p>❖ Đây là con đường thơ mộng.</p> <p>2. Vẻ đẹp của Động Phong Nha.</p> <p>a. Vẻ đẹp của động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai bộ phận: Động khô và động nước. <p>* Động khô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao 200m - Vòm đá trắng vân nhũ
---	---

<p>chi tiết nào?</p> <p>2, NX về nghệ thuật tác giả sử dụng? 3, Động khô hiện nên ntn ?</p> <p>- HS trình bày.- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>? Động chính được tác giả miêu tả qua những hình ảnh nào?</p> <p>? Chi tiết phong lan mọc vách đá gọi cho em suy nghĩ gì?</p> <p>? Nhận xét về nghệ thuật ở đây?</p> <p>? Cảm nhận của em về Động Phong Nha? (GV bình về đẹp của ĐPN).</p> <p>? Người nước ngoài đã có nhận xét nào về động?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì về lời nói này?</p> <p>? Hãy liệt kê những cái nhất của Động Phong Nha?</p> <p>? NT nào được t/g sử dụng ở đây ?</p> <p>? Em có nx gì về kì quan Phong Nha?</p> <p>? Tình cảm của tác giả dành cho Phong Nha ntn ?</p> <p>? Động Phong Nha trong tương lai ra sao?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì về thắng cảnh này ?</p> <p>? Nước ta còn có những thắng cảnh nào nữa, hãy kể tên cảnh đẹp em biết ?</p>	<p>- Vô số cột đá màu xanh ngọc bích. + TM + MT, tính từ. Vẻ đẹp lung linh huyền ảo</p> <p>* Động nước:</p> <p>- Hiện là con sông dài chảy suốt ngày đêm</p> <p>- Đi bằng thuyền, mang đuốc vì hang tối.</p> <p>- 14 buồng nối với nhau, dài hơn 1500m cao từ 10-40m nối với khu rừng nguyên sinh</p> <p>- Những khối thạch nhũ đủ màu sắc lóng lánh như kim cương</p> <p>- Nhánh phong lan rủ xuống, tiếng nước ...</p> <p>-> Sức sống mãnh liệt trước cái trầm lắng của đá cuội nghìn năm.</p> <p>+Cách g/t cụ thể, so sánh, từ láy, tính từ.</p> <p>✧ Vẻ đẹp lộng lẫy kì ảo, huyền diệu, xứng đáng là một kỳ quan thế giới.</p> <p>b. Lời đánh giá về Động Phong Nha.</p> <p>-Kỉ niệm 16 năm thám hiểm Động Phong Nha là động dài nhất, đẹp nhất thế giới</p> <p>Lời nói đầy uy tín, khoa học.</p> <p>- 7 cái nhất: Dài nhất; cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát đẹp nhất; hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng nhất; thạch nhũ trắng lè nhất; sông ngầm dài nhất.</p> <p>+ Liệt kê, miêu tả tỉ mỉ.</p> <p>-> Thắng cảnh đẹp</p> <p>Tự hào về đất nước có thắng cảnh đẹp.</p> <p>3. Động Phong Nha trong tương lai.</p> <p>- Động sẽ trở thành danh lam thắng cảnh</p> <p>- Thu hút sự quan tâm của du khách.</p> <p>- Là điểm du lịch hấp dẫn.</p> <p>☑ Thắng cảnh đẹp của đất nước, tiềm năng du lịch trong tương lai.</p> <p>- VD : Tam Cốc Bích Động, Yên Tử...</p> <p>- Bảo vệ, gìn giữ nguyên vẹn vẻ đẹp</p>
--	---

<p>- Liên hệ môi trường : Vậy chúng ta cần phải làm gì trước những vẻ đẹp của quê hương đất nước?</p> <p>* TL nhóm cặp đôi: TG 2 phút.</p> <p>Vì sao vb có tên là Động Phong Nha ?</p> <p>- HS trình bày - HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX chốt KT.</p> <p>HD3: Tổng kết</p> <p>- PP: Vấn đáp</p> <p>- Kĩ thuật: Động não, đặt câu hỏi</p> <p>- NL: tự học, đánh giá</p> <p>? Những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản ?</p> <p>? Nội dung văn bản phản ánh là gì ?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>thiên nhiên của các danh lam thắng cảnh đó.</p> <p>- Vì văn bản viết về Động Phong Nha - một thắng cảnh đẹp của đất nước. Tác giả muốn ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật.</p> <p>- Thuyết minh k/h với miêu tả, so sánh, tính từ, tả từ khái quát đến cụ thể....</p> <p>2. Nội dung .</p> <p>- Vẻ đẹp của ĐPN, trở thành một kì quan bậc nhất...</p> <p>* Ghi nhớ SGK/T.148</p>
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

? Động Phong Nha hiện lên với vẻ đẹp như thế nào?

? Nghệ thuật & nội dung chính của văn bản?

4. Hoạt động vận dụng:

? Qua bài học em có tình cảm gì trước vẻ đẹp của quê hương đất nước?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Viết một bài văn giới thiệu về một cảnh đẹp của quê hương em.

- Đọc lại văn bản- Nắm vững kiến thức đã học

- Chuẩn bị : Ôn tập về dấu câu(Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than).

+ Bằng cách đọc kỹ và tìm hiểu ví dụ SGK.

+ Hiểu công dụng và ý nghĩa ngữ pháp của các loại dấu câu

Tuần 37.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 139. Tiếng Việt.

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than)

I. MỤC TIÊU: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: - Hiểu công dụng và ý nghĩa ngữ pháp của các loại dấu câu : Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

- Củng cố kiến thức và cách sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

2. Kỹ năng:

- Lựa chọn và cách sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong khi viết.

- Phát hiện và chữa đúng một số lỗi thường gặp về dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

3. Thái độ: Có ý thức học tập, sử dụng đúng dấu câu khi nói và viết.

4. Định hướng năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, khiêm tốn có tinh thần vượt khó

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi ví dụ, phiếu học

tập Tích hợp : Các văn bản đã học

2. Học sinh: Học bài cũ - đọc trước bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Dạy học trực quan, gợi mở-vấn đáp, giải quyết vấn đề, đàm thoại, phân tích, hđ nhóm,...

2, Kỹ thuật: Động não, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

TẬP. 1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức:**

* **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở bài tập của học sinh.

* **Tổ chức khởi động:**

GV kể câu chuyện cười về việc sử dụng câu không đúng cách.

HS nêu cảm nhận. GV gt bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HD1: Công dụng . - PP: Trực quan, phân tích mẫu, vấn đáp, hđ nhóm - Kỹ thuật: Động não, đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: tự học, hợp tác, gq vđề - HS đọc VD * TL nhóm : 4 nhóm (TG : 3 ph) - Câu 1 : Điền dấu câu vào() sao cho thích hợp? - Câu 2: Vì sao em lại điền dấu câu đó? - HS trình bày - HS khác NX, bổ sung.	I. Công dụng . 1. Ví dụ 1: a. Dấu chấm than “!” - Câu cảm thán b. Dấu chấm hỏi “?” - Câu nghi vấn c. Dấu chấm than “!” - Câu cầu khiến d. Dấu chấm “.” - Câu trần thuật

<p>- GV NX chốt KT. ? Từ ví dụ, em rút ra nhận xét gì về cách dùng dấu câu ?</p> <p>- Gọi HS đọc ghi nhớ ý 1.</p> <p>- Đọc VD. ? Hãy nói rõ công dụng của các dấu câu được sử dụng trong đoạn văn ?</p> <p>? Qua vd, em rút ra nhận xét gì về cách dùng dấu câu kiểu đặc biệt ?</p> <p>- GV KL ghi nhớ 2. - Gọi HS đọc ghi nhớ - ý 2. - GV chốt kiến thức.</p> <p>? Hãy điền dấu câu cho phù hợp ?</p> <p>HD2: Chữa một số lỗi thường gặp. - PP: Trực quan, phân tích mẫu, hđ nhóm - Kỹ thuật: Động não, đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: nhận xét đgiá, hợp tác - Gọi HS đọc ví dụ 1 SGK. ? So sánh việc dùng dấu câu trong các đoạn văn ? HS TL cặp đôi, trả lời.</p> <p>- Gọi HS đọc ví dụ 2 SGK. ? Cách dùng dấu chấm hỏi và dấu chấm than trong các câu trên không đúng. Vì sao? Chữa lại cho đúng ?</p>	<p>-> Thông thường, dấu chấm được đặt ở cuối câu trần thuật, dấu chấm hỏi đặt cuối câu nghi vấn, dấu chấm than đặt cuối câu cầu khiến, câu cảm thán. * Ghi nhớ 1/sgk-150.</p> <p>2. Ví dụ 2. Cách dùng dấu câu kiểu đặc biệt</p> <p>a. Xét ví dụ - Sau câu cầu khiến dùng dấu chấm - Sau câu trần thuật đặt dấu chấm than và chấm hỏi Có lúc người ta dùng dấu chấm ở cuối câu cầu khiến...để biểu thị thái độ của người viết với ý đó.. * Ghi nhớ 2/ sgk .Tr 150.</p> <p>3. Ghi nhớ SGK/T.150 * Bài tập nhanh: A, Tôi đi học B, Bạn đang làm gì vậy C, Bông hoa đẹp quá D, Hãy dừng việc làm này của bạn đi</p> <p>II. Chữa một số lỗi thường gặp.</p> <p>* Ví dụ 1 (sgk/150): a. Dùng dấu chấm là hợp lí để tách bạch hai ý. - Dùng dấu phẩy không hợp lí vì vì hai vế câu ghép này không liên quan tới nhau nhiều b. Dùng dấu phẩy là hợp lý vì làm cho câu có hai vị ngữ phù hợp với quan hệ từ vừa, vừa.. * Ví dụ 2 (sgk/151): - Câu a, b đều phải dùng dấu phẩy vì đây là những câu trần thuật chứ không phải là câu nghi vấn hay câu cảm thán.</p>
---	---

<p>HD3:Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: luyện tập thực hành, hđ nhóm - Kĩ thuật: đặt câu hỏi, TL nhóm - NL: sd ngôn ngữ, phán đoán,... - Gọi HS đọc bài 1 SGK. - Y/C HS làm việc cá nhân. <p>? Đặt dấu chấm vào những chỗ thích hợp ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>HS trình bày - HS khác NX, bổ sung.</i> - <i>GV NX chốt KT</i> <p>* TL cặp đôi: TG 3 phút.</p> <p>? Dấu chấm nào dùng chưa đúng? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>HS trình bày - HS khác NX, bổ sung.</i> - <i>GV NX chốt KT.</i> <p>? Đặt dấu chấm than vào cuối câu thích hợp ?</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>* Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy rét.....sông Lương. Mùa xuân....den xám. Trên những.....mùa xuân đến. - Những buổi....toả khối. Những.....trắng xoá. Có.....sậy. <p>* Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu 1+2 đúng - Câu 4 đúng - Câu 2+5 sai với mục đích nói. <p>* Bài tập 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động Phong Nha...nước ta ! (Câu cảm thán) - Chúng tôi. .quê tôi ! (Câu cầu khiến)
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

? Đặt dấu chấm câu như thế nào cho thích hợp?

? Tác dụng của các dấu câu đã học?

4. Hoạt động vận dụng:

? Qua bài học em thấy mình cần phải sử dụng dấu câu như thế nào?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Viết đoạn văn với chủ đề tự chọn, sử dụng dấu câu hợp lí.
- Làm bài tập còn lại sgk/152. Học thuộc phần Ghi nhớ SGK/T.150.
- Chuẩn bị bài mới : Ôn tập về dấu câu(dấu phẩy).
- Đọc kỹ phần nội dung bài học và ghi nhớ.
- Hiểu, sử dụng dấu phẩy một cách hợp lý, hiểu công dụng và vận dụng kiến thức về dấu phẩy trong khi viết.

Ngày soạn:

Tuần 34. Tiết 140

Ngày dạy:

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN MIÊU TẢ SÁNG TẠO, TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về thơ và truyện kí hiện đại Việt Nam

- Củng cố kiến thức về tập làm văn tả người

2. Kỹ năng:

- Tạo lập đoạn văn, bài văn hoàn chỉnh

3. Thái độ:

- Yêu thích môn Văn .

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: giao tiếp, hợp tác, đánh giá, sd ngôn ngữ, tự chủ, phân tích, cảm thụ,...
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Phương pháp: dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở, quy nạp, giảng bình...
- Phương tiện: máy chiếu, bài KT đã chấm

2. Học sinh:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình trả bài

* Tổ chức khởi động:

GV tổ chức trò chơi “Hái hoa dân chủ”

- HS chia thành 3 đội (cử đội trưởng). Lần lượt từng đội lên hái hoa, nhận câu hỏi của đội mình -> 1p thảo luận trong đội tìm câu trả lời -> đội nào nhanh hơn, đáp án chính xác nhất -> chiến thắng.

2. Hoạt động luyện tập:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>HD 1: Trả bài ktra TLV miêu tả sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại đề c1 - GV chiếu đề kt. - HS làm việc cá nhân, tự trả lời câu 1, 2 vào vở. - HS trình bày bài làm của mình - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. 	<p>I. Trả bài kiểm tra Tập làm văn miêu tả sáng tạo :</p> <p>1. Tìm hiểu đề, đáp án:</p> <p>Câu 1:</p> <p>a. Đối tượng miêu tả: Dế Mèn</p> <p>b. Cái hay, độc đáo của đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ miêu tả có sự kết hợp giữa các động từ, tính từ: “mẫm bóng”, “cứng dần”, “nhọn hoắt”, “co căng”, “đạp”, ... - Kết hợp các biện pháp so sánh, nhân hóa. <p>=> Miêu tả vẽ đẹp khỏe mạnh, cường tráng của Dế Mèn.</p> <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - giới thiệu khái quát về người anh hùng (nguồn gốc, xuất thân kì lạ) - Miêu tả người anh hùng: <ul style="list-style-type: none"> + Ngoại hình tuấn tú, cường tráng... + Tài năng phi thường + Hội tụ những phẩm chất quý báu: dũng cảm, chiến đấu, hi

- | | | |
|-----|--------------|------------|
| STT | Lỗi
chính | Sửa
lỗi |
|-----|--------------|------------|

STT	Lỗi chính tả	Sửa lỗi
1.	Cháng sĩ	Tráng sĩ
2	Lãng mạng	Lãng mạn
3	Phù xa	Phù sa
4	Hoang rã	Hoang dã
5	Tạo lên	Tạo nên

	tả		Tìm và sửa lỗi diễn đạt		
1.			STT	Lỗi diễn đạt	Sửa lỗi
2			1.	Sông Hồng chính là con sông đẹp nhất, rộng nhất và vui nhất mà em từng thấy .	Với em, sông Hồng thực sự là một điểm đến thơ mộng, gắn bó với nhiều kỉ niệm tuổi thơ . (Lỗi về kiến thức địa lý)
3				Sông Hồng bắt nguồn từ con sông Cái xa xôi kia.	Dòng sông Hồng đã gắn bó với những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ em.
4			2.	Dòng sông Hồng đã để lại trong em những kỉ niệm êm đềm	
5....					
Nhóm 2: Tìm và sửa lỗi diễn đạt					
STT	Lỗi diễn đạt	Sửa lỗi			
1.					
2					
3					
4					
5....					
HD 2: Trả bài ktra TV			II. Trả bài kiểm tra Tiếng Việt:		
- PP: vấn đáp, trực quan, hđ nhóm, ptich mẫu...			1. Tìm hiểu đề, đáp án. Câu 1:		
- KT: đặt câu hỏi, TL nhóm, ...			a. Phó từ : là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.		
- NL: giao tiếp, hợp tác, đánh giá, ...			Xác định phó từ trong đoạn văn : rất, lại, ra, đã, lắm.		
			Câu 2 :		
			a. Thành phần cấu tạo :		
			(1) Tre // giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, CN VN giữ đồng lúa chín.		
			(2) Tre // hi sinh để bảo vệ con người. CN VN		
- HS trình bày bài làm của mình			(3) Tre, // anh hùng lao động ! CN VN		
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.			(4) Tre, // anh hùng chiến đấu ! CN VN		
			b. Nhận xét về cấu tạo:		
			(1)) CN là danh từ; VN là các cụm động từ .		
			(2)) CN là danh từ, VN là cụm động từ.		
			(3)) CN là danh từ, VN là cụm danh từ .		

<p>- GV trả bài cho HS</p> <p>- GV nhận xét về bài làm của HS</p> <p>-GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thiện theo bảng sau:</p> <p>Nhóm 1: Tìm và sửa lỗi chính tả</p> <table> <tr> <th>STT</th><th>Lỗi chính tả</th><th>Sửa lỗi</th></tr> <tr> <td>1.</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>3</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>4</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>5....</td><td></td><td></td></tr> </table> <p>Nhóm 2: Tìm và sửa lỗi diễn đạt</p> <table> <tr> <th>STT</th><th>Lỗi diễn đạt</th><th>Sửa lỗi</th></tr> <tr> <td>1.</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td><td></td></tr> </table>			STT	Lỗi chính tả	Sửa lỗi	1.			2			3			4			5....			STT	Lỗi diễn đạt	Sửa lỗi	1.			2					
STT	Lỗi chính tả	Sửa lỗi																														
1.																																
2																																
3																																
4																																
5....																																
STT	Lỗi diễn đạt	Sửa lỗi																														
1.																																
2																																
<p>(4)) CN là danh từ, VN là cụm danh từ . Câu 3 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - giới thiệu khái quát về văn bản, đoạn văn - Phân tích tác dụng của biện pháp so sánh: <ul style="list-style-type: none"> + “chân trời, ngân bển sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi”: Không gian cảnh mặt trời mọc như phong nền rộng lớn, tinh khiết như để chuẩn bị đón chờ mặt trời mọc . + Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn...Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình <p>minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông « : Miêu tả sinh động cảnh mặt trời mọc, giúp hình ảnh thiên nhiên hiện lên nên thơ, tráng lệ.</p> <p>2. Trả bài:</p> <p>3. Nhận xét:</p> <p>a. Ưu điểm:</p> <p>* Về kiến thức</p> <p>- Hoàn thiện được các câu văn dựa trên cơ sở các cụm từ đã gợi ý</p> <p>* Về hình thức:</p> <p>- Biết cách tạo lập đoạn văn, bài văn hoàn chỉnh</p> <p>b. Nhược điểm:</p> <p>- Chưa nêu được cảm nhận khái quát về nhân vật</p> <p>- Hoàn thiện câu văn nhưng chưa kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác so sánh, liên tưởng .</p> <p>- Một số bài viết đi xa trọng tâm, thiên về miêu tả mẹ .</p> <p>4. Chữa lỗi :</p> <table> <tr> <td colspan="3">Tìm và sửa lỗi chính tả</td></tr> <tr> <td>STT</td><td>Lỗi chính tả</td><td>Sửa lỗi</td></tr> <tr> <td>1.</td><td>Từ đã</td><td>Từ già</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Xong nôi</td><td>Xoong nôi</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Chải dài</td><td>Trải dài</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Giọt xương</td><td>Giọt sương</td></tr> <tr> <td>5....</td><td></td><td></td></tr> </table> <p>Tìm và sửa lỗi diễn đạt</p> <table> <tr> <th>STT</th><th>Lỗi diễn đạt</th><th>Sửa lỗi</th></tr> <tr> <td>1.</td><td>Trên đường, những bác nông dân đã mang cuốc ra đồng cày</td><td>Trên đường, các bác nông dân đã mang cuốc ra đồng làm việc</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Ông mặt trời đỏ như quả cà chua chín nấp sau</td><td>Ông mặt trời đỏ như lòng đỏ trứng gà đang từ từ</td></tr> </table>			Tìm và sửa lỗi chính tả			STT	Lỗi chính tả	Sửa lỗi	1.	Từ đã	Từ già	2	Xong nôi	Xoong nôi	3	Chải dài	Trải dài	4	Giọt xương	Giọt sương	5....			STT	Lỗi diễn đạt	Sửa lỗi	1.	Trên đường, những bác nông dân đã mang cuốc ra đồng cày	Trên đường, các bác nông dân đã mang cuốc ra đồng làm việc	2	Ông mặt trời đỏ như quả cà chua chín nấp sau	Ông mặt trời đỏ như lòng đỏ trứng gà đang từ từ
Tìm và sửa lỗi chính tả																																
STT	Lỗi chính tả	Sửa lỗi																														
1.	Từ đã	Từ già																														
2	Xong nôi	Xoong nôi																														
3	Chải dài	Trải dài																														
4	Giọt xương	Giọt sương																														
5....																																
STT	Lỗi diễn đạt	Sửa lỗi																														
1.	Trên đường, những bác nông dân đã mang cuốc ra đồng cày	Trên đường, các bác nông dân đã mang cuốc ra đồng làm việc																														
2	Ông mặt trời đỏ như quả cà chua chín nấp sau	Ông mặt trời đỏ như lòng đỏ trứng gà đang từ từ																														

3					
4					
5....					
-GV đọc và bình 1 số bài văn đạt điểm cao, có ý tưởng mới lạ và diễn đạt mạch lạc			2	rặng tre đang từ từ nhô lên Cảnh bình minh ở đâu cũng đẹp nhưng cảnh bình minh đẹp nhất vẫn là cảnh trên quê hương em	nhô lên từ phía rặng tre Quê hương có rất nhiều cảnh đẹp. Trong đó em thích nhất là vẻ đẹp thơ mộng, đầy sức sống vào mỗi buổi bình minh Những tia nắng ấm áp đang tỏa xuống mặt đất Tôi luôn giữ sở thích ngắm bình minh vào mỗi buổi sáng. Trong đó, tôi thích nhất là được ngắm nhìn khung cảnh ấy trên quê hương ấy
			3	Những tia hồng ngoại đang dần tỏa xuống mặt đất Mỗi buổi sáng thức giấc em đều ngắm cảnh bình minh nhưng khi xem bình minh thì em lại thấy đẹp nhất cảnh ở quê em	
			5. Đọc và nhận xét bài làm tốt: Phương Linh, Mai, Huyền, Ngọc,...		

3. Hoạt động vận dụng:

- Làm lại bài kiểm tra vào vở.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Học hỏi thêm những bài kiểm tra của các bạn đạt điểm cao.
- Chuẩn bị bài: Tổng kết phần văn và TLV: soạn theo hệ thống câu hỏi trong sgk.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Chỉ ra tác dụng của dấu phẩy trong một văn bản đã học.
- Làm bài tập 2,3 (sgk/159)
- Chuẩn bị bài mới: Trả bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo, bài kiểm tra tiếng Việt. Nhận ra yêu cầu và giới hạn của đề, từ đó đối chiếu với bài viết của mình, nhận ra điểm đạt và chưa đạt để phát huy và sửa chữa tránh sai lặp lại.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 38. Tiết 141. TỔNG KẾT PHẦN VĂN VÀ TẬP LÀM VĂN**I. Mục tiêu bài học.****- Qua bài, HS cần:**

1. Kiến thức: HS nắm được hệ thống văn bản với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của các văn bản đó trong chương trình Ngữ Văn 6.

- HS hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của một số hình tượng văn học tiêu biểu, tư tưởng yêu nước và truyền thống nhân ái trong các văn bản đã học.

2. Kỹ năng: có kỹ năng hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức.

3. Thái độ: học sinh có ý thức học tập, ôn tập tốt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. Học sinh: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, LTTH.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động:**

* **Ôn định tổ chức.**

* **Kiểm tra bài cũ.**

* **Tổ chức khởi động:**

Cho HS đặt câu (miêu tả) về một đồ dùng học tập -> Tạo thành 1 đoạn văn.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò		Nội dung cần đạt
- PP: DH nhóm, vấn đáp - KT: Đặt câu hỏi, hỏi và trả lời - NL: giao tiếp, hợp tác, tự học * KT hỏi và trả lời: Kể tên các văn bản đã học từ học kì I đến nay? - HS lần lượt hỏi bạn kể tên các văn bản đã học theo thể loại. - GV NX.		A. Phần văn học. I. Hệ thống các văn bản đã học.
Thể loại	Tên văn bản	
Truyền thuyết	Con Rồng, cháu Tiên; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; Bánh chưng bánh giầy....	
Truyện cổ tích.	Sự tích Hồ Gươm; Sọ Dừa; Em bé thông minh; Cây bút thần; Ông	

	lão đánh cá và con cá vàng; Thạch Sanh....
Truyện ngụ ngôn	Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Đeo nhạc cho mèo; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.
Truyện cười	Treo biển; Lợn còi áo mới.
Truyện Trung đại	Mẹ hiền dạy con, Con hổ có nghĩa....
Thơ	Đêm nay Bác không ngủ, Mưa, Lượm
Văn bản nhật dụng	Câu Long Biên - chứng nhân lịch sử, Động Phong Nha, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.

Hoạt động của thầy, trò**Nội dung cần đạt**

<p>- PP: DH nhóm, vấn đáp</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi</p> <p>- NL: hợp tác, sáng tạo, ...</p> <p>* Chơi trò chơi: Ai nhanh hơn (2 đội).</p> <p>- GV chuẩn bị các tấm bìa ghi các thể loại: truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn...</p> <p>- Các tấm bìa nêu khái niệm, đặc điểm của các thể loại trên.</p> <p>- Y/C HS lên dán đúng khái niệm, đặc điểm của từng thể loại.</p> <p>- Trong TG 3 phút, đội nào xong trước sẽ thắng.</p> <p>- GV tổng kết trò chơi.</p>	<p>Hệ thống các thể loại văn học.</p> <p>1. Truyện thuyết.</p> <p>a. Khái niệm :</p> <p>Là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật có liên quan tới lịch sử thời quá khứ , thường có yếu tố kỳ ảo. Truyện thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện , nhân vật được kể.</p> <p>b. Đặc điểm</p> <p>- Nhân vật : Thần thánh, người có ý nghĩa to lớn gắn với sự kiện lịch sử.</p> <p>- Cốt truyện: Đơn giản gây hứng thú gắn với yếu tố hoang đường, phi thường kỳ ảo.</p> <p>- Nội dung : Giải thích nguồn gốc dân tộc , phong tục , tập quán , hiện tượng thiên nhiên , mơ ước chinh phục thiên nhiên và chiến thắng giặc ngoại xâm...</p> <p>2. Truyện cổ tích.</p> <p>a. Khái niệm:</p> <p>Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc: Nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ và có tài năng....</p> <p>b. Đặc điểm:</p> <p>- Nhân vật lịch sử, người nghèo, người bất hạnh, thông minh... Nhân vật thường được chia theo hai tuyến thiện và ác, tốt và xấu..thường gắn với đời thường.</p> <p>- Cốt truyện phức tạp, yếu tố kỳ ảo hoang đường phổ biến.</p> <p>- Mục đích: Thể hiện ước mơ của nhân dân về lẽ</p>
---	--

II.

công bằng cái thiện sẽ thắng cái ác, cái tốt sẽ thắng cái xấu....

3. Truyện ngụ ngôn .

a. Khái niệm. Là loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật ...

b. Đặc điểm:

- Nhân vật: Đồ vật, con vật, con người, bộ phận trên cơ thể con người....
- Nghệ thuật: Nhân hoá
- Cốt truyện: Ngắn gọn , triết lý sâu sắc.
- Mục đích: Thông qua nhân vật được kể để nói những bài học về lẽ sống , đạo đức, phê phán những cái nhìn thiên cận hẹp hòi.

4. Truyện cười.

a. Khái niệm. Là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội

b. Đặc điểm:

- Nhân vật: Con người
- Nghệ thuật: Các yếu tố gây cười nhằm vào cái đáng cười trong cuộc sống.
- Cốt truyện: Ngắn gọn.
- Mục đích: Tạo ra tiếng cười vui vẻ nhằm chế giễu, châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội , hướng tới một xã hội tốt đẹp hơn.

5. Truyện Trung đại.

a. Khái niệm.

- Là thể loại truyện văn xuôi chữ Hán có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn....

b. Đặc điểm:

- Nhân vật: Chủ yếu được miêu tả qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể truyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nv.
- Nghệ thuật: Các yếu tố hư cấu, tưởng tượng.
- Cốt truyện: Ngắn gọn, đơn giản..
- Mục đích: Giáo huấn, rút ra bài học làm người trong cuộc sống.

6. Văn bản nhật dụng .

a. Khái niệm.

- Là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và

<p>HD 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- PP: vấn đáp, hđ nhóm- KT: đặt câu hỏi, động não,...- NL: giao tiếp, hợp tác, phân tích- <i>Y/C HS chuẩn bị ở nhà</i> <p>? Lập bảng thống kê các văn bản truyện đã học theo mẫu ?</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Gọi HS TB, NX, bổ/s.</i>- <i>GV nhận xét - chốt lại.</i> <p>? Trong các nhân vật chính ở trên, em thích nhân vật nào? Vì sao ?</p> <p>- <i>Thảo luận cặp đôi: 3 phút.</i></p> <p>? Theo em, Truyện dân gian, truyện trung đại, truyện hiện đại về PTBD có gì giống nhau?</p> <p>?Tìm những văn bản thể hiện truyền thống yêu nước và lòng nhân ái của dân tộc ta ?</p>	<p>cộng đồng trong xã hội hiện đại như: thiên nhiên, môi trường, dân số...</p> <p>b. Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Viết về những vấn đề trong đời sống hằng ngày- Mục đích: Những vấn đề có tính bức thiết cần giải quyết . <p>III. Hệ thống các văn bản truyện .</p> <table><tr><th>STT</th><th>Tên VB</th><th>NV chính</th><th>Tính cách, vị trí, ý nghĩa.</th></tr><tr><td>1</td><td>Con Rồng, cháu Tiên</td><td>- Lạc Long Quân, Âu Cơ</td><td>- Mạnh mẽ, xinh đẹp. - Cha mẹ đầu tiên của người Việt...</td></tr></table> <p>- VD: Thích nhân vật Thánh Gióng.</p> <p>- Vì Gióng là người anh hùng quả cảm chống giặc ngoại xâm...</p> <p>* Giống nhau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phương thức biểu đạt: Tự sự xen lẫn miêu tả, biểu cảm- VB thể hiện tt yêu nước: Lượm, Cây tre, Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử, Động Phong Nha...- VB thể hiện lòng nhân ái: Đêm nay Bác không ngủ, Dế Mèn phiêu lưu kí...	STT	Tên VB	NV chính	Tính cách, vị trí, ý nghĩa.	1	Con Rồng, cháu Tiên	- Lạc Long Quân, Âu Cơ	- Mạnh mẽ, xinh đẹp. - Cha mẹ đầu tiên của người Việt...
STT	Tên VB	NV chính	Tính cách, vị trí, ý nghĩa.						
1	Con Rồng, cháu Tiên	- Lạc Long Quân, Âu Cơ	- Mạnh mẽ, xinh đẹp. - Cha mẹ đầu tiên của người Việt...						

3. Hoạt động vận dụng.

? Đọc đoạn văn miêu tả hay em đã chuẩn bị.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm hiểu những tài liệu liên quan đến bài học.

* Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Văn học.

- Phát biểu cảm nghĩ về một văn bản đã học hoặc đọc thêm.

* Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Tập làm văn để chuẩn bị cho tiết học sau. Cùng cố, khắc sâu và nâng cao kiến thức về phân môn Tập làm văn, về các loại Tập làm văn đã học. Đặc điểm nổi bật của từng phương thức biểu đạt và sự thâm nhập lẫn nhau của các phương thức đó trong một văn bản.

Tuần 38.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 142.**TỔNG KẾT PHẦN VĂN VÀ TẬP LÀM VĂN (TIẾP THEO)****I. Mục tiêu bài học: Qua bài, học sinh cần:**

1. Kiến thức: HS nắm được hệ thống văn bản với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của các văn bản đó trong chương trình Ngữ Văn 6.

- HS hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của một số hình tượng văn học tiêu biểu, tư tưởng yêu nước và truyền thống nhân ái trong các văn bản đã học.

2. Kỹ năng: có kỹ năng hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức.

3. Thái độ: học sinh có ý thức học tập, ôn tập tốt.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, bình giảng, đọc sáng tạo, LTTH.

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.**1. Hoạt động khởi động:**

* **Ôn định :**

* **Kiểm tra bài cũ:**

? Vì sao cầu Long Biên được coi là một nhân chứng lịch sử?

? Cầu Long Biên đã ghi lại những chiến tích lịch sử nào ?

* **Tổ chức các hoạt động học tập:**

Cho HS hát bài: Trái đất này -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động luyện tập:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt						
<p>- PP: Vấn đáp, DH nhóm, LTTH, DH hợp đồng</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm, hỏi và trả lời.</p> <p><i>* KT hỏi và trả lời:</i> HS lần lượt hỏi bạn tìm tên các văn bản tương ứng với PTBD chính đã học.</p> <p>? Nêu các phương thức biểu đạt đã học, ứng với mỗi phương thức</p>	<p>B. Phần Tập làm văn</p> <p>I. Các loại văn bản và những phương thức biểu đạt đã học .</p> <p>- Câu 1. Bảng thống kê</p> <table><tr><th>STT</th><th>Các học PTBD</th><th>Bài văn đã</th></tr><tr><td>1</td><td>Tự sự</td><td>Con Rồng, cháu Tiên; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh;</td></tr></table>	STT	Các học PTBD	Bài văn đã	1	Tự sự	Con Rồng, cháu Tiên; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh;
STT	Các học PTBD	Bài văn đã					
1	Tự sự	Con Rồng, cháu Tiên; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh;					

biểu đạt đó là các văn bản nào?
- **GV chốt KT.**

		Bánh trưng bánh giầy....
2	Miêu tả	Sông nước Cà Mau, Vượt thác, Cô Tô, Mưa, Động Phong Nha
3	Biểu cảm	Đêm nay Bác không ngủ, Cây tre Việt Nam, Lượm
4	Nghị luận	Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, Lòng yêu nước...
5	Hc công vụ	Đơn từ

? Tìm PTBD của các vb : Thạch Sanh, Lượm, Mưa, BHHĐT, Cây tre VN vào bảng thống kê sau?

- **Câu 2: Bảng thống kê.**

STT	Tên văn bản	PTBD chính
1	Thạch Sanh	Tự sự
2	Lượm	Biểu cảm, Tự sự, MT
3	Mưa	Miêu tả
4	Bài học đường đời đầu tiên	Tự sự, Miêu tả
5	Cây tre Việt Nam	Biểu cảm, Miêu tả

? Thống kê các VB đã học trong Nv 6 theo các PTBD sau?

- **Câu 3: Bảng thống kê.**

? Em đã tập làm những PTBD nào?

* **DH hợp đồng.**

* **TL nhóm: 4 nhóm (TG: 4 p)**

STT	PTBĐ	Thể hiện qua các bài văn đã học
1	Tự sự	Con Rồng cháu Tiên, BCBG, Thánh Gióng, ST TT, Sự tích Hồ Gươm, Thạch Sanh, Sọ Dừa, Em bé thông minh, Cây bút thần, Ông lão.... con cá vàng...
2	Miêu tả	Sông nước Cà Mau, Vượt thác, Mưa, Cô Tô, Lao xao, Cây tre VN, ĐPN.
3	Biểu/c	Lượm, Đêm nay Bác không ngủ, Mưa
4	Nghị/l	Lòng yêu nước, Bức thư... lĩnh da đỏ

Nhóm 1,2: So sánh mđ, nội dung, hình thức của các loại VB : TS, MT, Đơn từ ?

Nhóm 3,4 : Bố cục của các văn bản: Tự sự, gồm có mấy phần? Nội dung của từng phần?

Đ D nhóm lên trình bày.

HS NX, bổ sung.

GV nhận xét, chốt KT.

II. Đặc điểm và cách làm.

- Câu 1,2.

- Nhóm 1,2. Bảng thống kê

STT	Văn bản	Mục đích	Nội dung	Hình thức
1	Tự sự	Kể chuyện, làm sống lại câu chuyện, sự việc được kể	Hệ thống, sâu chuỗi các chi tiết hành động, sv diễn tiến tiếp theo.	Văn xuôi, văn vắn...
2	Miêu tả	- Tái hiện cụ thể, sống động như thật cảnh vật hoặc chân dung con người.	Hệ thống chuỗi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, đường nét làm cho người, vật...như hiện ra trước mắt người đọc.	Văn xuôi, bút kí...
3	Biểu cảm	Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của con người	Hệ thống chuỗi tình cảm, cảm xúc ...	Thơ, văn xuôi
4	Đơn từ	Giải quyết yêu cầu, nguyện vọng của người viết	Trình bày lí do, yêu cầu, đề nghị, nguyện vọng để người, cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Theo mẫu, không theo mẫu..

- Nhóm 3,4: Bố cục của các bài văn MT, TS.

STT	Các phần	Tự sự	Miêu tả
1	Mở bài	GT khái quát truyện, nhân vật hoặc dẫn truyện	Giới thiệu khái quát cảnh được tả
2	Thân bài	Kể theo trình tự, các khía cạnh của vấn đề.	Miêu tả cảnh vật theo một trình tự
3	Kết bài	Kết cục câu chuyện được kể, số phận các nhân vật được kể. - Cảm nghĩ của người kể(nếu có)	Phát biểu ấn tượng chung, cảm xúc của người tả.
? Nêu mqh giữa sv, nhân vật, chủ đề trong vb tự sự ?		- Câu 3. Mối q/h giữa sv, nhân vật, chủ đề trong vb tự sự. - Chúng có qh chặt chẽ với nhau. - Sự việc phải do nhân vật làm ra, nếu không có NV thì SV sẽ rời rạc.	

<p>? Cho ví dụ minh họa ?</p>	<p>- SV và nhân vật cùng tập trung thể hiện để làm nổi bật chủ đề. Chủ đề sẽ phải thể hiện qua nhân vật, sự việc mới hay, hấp dẫn. - Ví dụ: Truyện “ Thánh Gióng” + Sự việc: có thai kì lạ, gặp sứ giả, đánh giặc Ân, bay về trời + Nhân vật: T Gióng. + Chủ đề : Bài ca chiến đấu, chiến thắng công giặc ngoại xâm của dân tộc ta. -> Các yếu tố trên có quan hệ mật thiết với nhau.</p>
<p>? Nhân vật trong tự sự thường được kể qua yếu tố nào ?</p>	<p>- Câu 4. Nhân vật trong văn tự sự. - Thường kể, tả qua các yếu tố: chân dung ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, lời nhận xét của nhân vật khác, hoặc người kể.</p>
<p>? Tác dụng của thứ tự kể và ngôi kể trong văn tự sự ? Cho ví dụ ?</p>	<p>- Câu 5. Thứ tự kể, ngôi kể. - Làm cho cách kể thêm linh hoạt VD: Truyện “ Cây bút thần” - kể theo trình tự không gian -> Làm cho cảnh vật hiện lên có thứ tự, dễ xem, dễ theo dõi.</p>
<p>? Vì sao khi miêu tả đòi hỏi phải quan sát ?</p>	<p>- Câu 6. Miêu tả. - Để tả cho thật, cho sâu sắc. Tránh tả chung chung, hời hợt, chủ quan theo ý mình.</p>
<p>? Nêu các phương pháp miêu tả đã học ?</p>	<p>- Câu 7: Phương pháp miêu tả: Tả cảnh (Thiên nhiên, cảnh sinh hoạt) + Tả người. + Tả đồ vật. + Tả sáng tạo, tưởng tượng.</p>
<p>? Từ bài thơ “ Đêm nay Bác không ngủ” hãy kể lại bằng một bài văn?</p>	<p>- Bài 1. VD: Vào một đêm mưa rét, trong rừng chiến khu, Bác cùng các anh bộ đội đang nghỉ ngơi sau một ngày chiến đấu...</p>
<p>? Viết bài văn miêu tả lại cảnh mưa. - Gọi hs trình bày. - Gọi hs khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét. - Mục nào còn thiếu trong đơn ?</p>	<p>* Bài 2 : - Bầu trời âm u, mây đen kéo đến. - Những cơn gió mạnh dần cuốn bụi bay mù mịt... - Sấm, chớp nhoáng nhoáng.... - Mưa....mưa... những hạt mưa thưa rồi mau dần... * Bài 3. - Lí do viết đơn</p>

3. Hoạt động vận dụng :

? Viết một đoạn văn tả về người em yêu quý ?

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- * Tìm đọc những đoạn văn, bài văn miêu tả, kể chuyện hay.
- * Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Tập làm văn.
- Từ những đề văn trên lớp hãy lập dàn ý và viết thành một bài văn hoàn chỉnh.
- * Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Tiếng Việt để chuẩn bị cho tiết học sau: Tổng kết phần Tiếng Việt. Củng cố những kiến thức đã học về phần Tiếng Việt trong chương trình lớp 6 . Trả lời các câu hỏi sgk 167, 168.
- + Ôn tập các phép: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ...

Tuần 38.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 143. TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu bài học.

Qua bài, học sinh cần:

1. **Kiến thức:** - Ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức đã học trong phần Tiếng Việt lớp 6.
2. **Kĩ năng:** - Biết nhận diện các đơn vị và hiện tượng ngôn ngữ đã học : Danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ, câu đơn, câu ghépso sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ
- Biết phân tích các đơn vị và hiện tượng ngôn ngữ đó .
3. **Thái độ:** học sinh có ý thức học tập, ôn tập tốt.
4. **Năng lực, phẩm chất:**
- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.
2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, DH hợp đồng, chơi trò chơi, LTTH.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

- * **Ôn định:**
- * **Kiểm tra bài cũ:** - Trong giờ học.
- * **Tổ chức khởi động:**

Cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn: Tìm danh từ, tính từ, động từ...

GV vào bài.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt														
<p>- PP: Vấn đáp, LTTH, DH hợp đồng, chơi trò chơi.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TC trò chơi.</p> <p>- NL: tự học, giao tiếp, hợp tác,....</p> <p>? Điền các từ loại và các cụm từ loại đã học vào bảng sau? Mỗi từ loại cho VD minh họa ?</p> <p>- DH hợp đồng.</p> <p>* HS TL nhóm: 6 nhóm (TG: 4 ph).</p> <p>? Trình bày khái niệm, đặc điểm, cấu tạo, phân loại của các từ loại, cụm từ loại đã học ?</p> <p>- Nhóm 1,2: DT, cụm danh từ.</p> <p>- Nhóm 3,4: ĐT, cụm ĐT.</p> <p>- Nhóm 5,6: TT, cụm TT.</p> <p>+ ĐD HS TB - HS khác NX, b/s.</p> <p>+ GV NX, chốt KT.</p>	<p>I. Các từ loại , cụm từ đã học.</p> <div><div>Từ loại</div><table><tr><td>Danh từ</td><td>Động từ</td><td>Tính từ</td><td>Số từ</td><td>Lượng từ</td><td>Chỉ từ</td><td>Phó từ</td></tr><tr><td>VD: Sách</td><td>VD: đi...</td><td>VD: đỏ ...</td><td>VD: một...</td><td>VD: Các...</td><td>VD: này...</td><td>VD: đã...</td></tr></table></div> <p>- HS trình bày, hs khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>1. Danh từ và cụm danh từ.</p> <p>- DT là những từ chỉ người....</p> <p>- Các loại DT: -DT riêng</p> <p>+ DT chung: - DT chỉ sự vật</p> <p>+ DT chỉ ĐV: - ĐV tự nhiên</p> <p style="padding-left: 40px;">- ĐV quy ước: - ĐV ước chừng</p> <p style="padding-left: 40px;">- ĐV Chính xác</p> <p>- Cụm danh từ là loại tổ hợp từ do danh từ kết hợp với các một số từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Cụm DT gồm 3 phần: Phần trước, phần TT, phần sau</p> <p>2. Động từ và cụm động từ.</p> <p>- Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật</p> <p>- Các loại: + Động từ tình thái : Đòi hỏi đi kèm</p> <p>+ Động từ chỉ hoạt động, trạng thái : Không đòi hỏi động từ khác đi kèm</p> <p>VD: đi, đứng...</p> <p>- Cụm động từ gồm 3 phần: : Phần trước, phần TT, PS VD: đang học bài.</p> <p>3. Tính từ và cụm tính từ.</p> <p>- Tính từ: Là những từ chỉ đặc điểm tính chất của sự vật, hành động, trạng thái (TT chỉ đặc điểm tương đối và TT chỉ đặc điểm tuyệt đối) VD: đẹp, xấu</p> <p>- Cụm tính từ gồm 3 phần: : Phần trước, phần TT, phần sau</p> <p>VD: rất tốt, hơi béo...</p> <p>* Bài 1.</p> <p>- VD: cái bút.</p> <p>- Đặt câu: Cái bút để trên bàn...</p>	Danh từ	Động từ	Tính từ	Số từ	Lượng từ	Chỉ từ	Phó từ	VD: Sách	VD: đi...	VD: đỏ ...	VD: một...	VD: Các...	VD: này...	VD: đã...
Danh từ	Động từ	Tính từ	Số từ	Lượng từ	Chỉ từ	Phó từ									
VD: Sách	VD: đi...	VD: đỏ ...	VD: một...	VD: Các...	VD: này...	VD: đã...									

*** Chơi trò chơi: tiếp sức.**

- 3 đội, mỗi đội 2 HS, 2 phút, đội nào tìm được nhiều DT (hoặc TT, ĐT) sẽ chiến thắng.

? Nêu các phép tu từ từ vựng đã học ?

? Thế nào là so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ ? Cho ví dụ minh họa ?

*** TL cặp đôi: 3 phút.**

? Xác định biện pháp tu từ trong câu sau và phân tích tác dụng ?

+ **ĐD HS TB - HS khác NX, b/s.**

+ **GV NX, chốt KT.**

II.

? Kể tên các kiểu câu đã học ? Mỗi loại cho ví dụ ?

? Nêu các loại dấu câu đã học ?

? Tác dụng của các dấu câu: dấu chấm, dấu hỏi, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than ?

Các phép tu từ đã học.

- **Các phép tu từ :** so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ

1. So sánh : là đối chiếu sv này với sv khác.....

- Các loại: 2 loại

+ So sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng.

+ VD: Những ngôi sao thức..... chúng con....

*** Bài 2.**

- Quê hương là chùm khế
ngọt Cho con trèo hái mỗi
ngày....

- BPTT: so sánh.

-> Ca ngợi quê hương thật ngọt ngào đối với mỗi con người, quê hương là nơi nuôi dưỡng, cho ta biết bao niềm vui, kỉ niệm yêu dấu...

III. Các kiểu câu tạo câu đã học.

~~Các kiểu câu tạo câu~~

~~Câu đơn~~

~~Câu ghép~~

Câu có từ là VD: Để Câu không có từ là
Mèn treu chị Cốc là dẻ VD: Phú ông mừng lắm.

IV. Các dấu câu đã học .

~~Dấu câu tiếng việt~~

Dấu kết thúc câu

Dấu phân cách các bộ phận câu: Dấu phẩy

Dấu chấm	Dấu chấm hỏi	Dấu chấm than
-------------	--------------------	---------------------

I.

Dấu chấm: Kết thúc câu trần thuật

- Dấu chấm hỏi: Kết thúc câu nghi vấn
- Dấu chấm than: Kết thúc câu cầu khiến, cảm thán

2. Dấu phẩy:

- Đặt giữa các bộ phận trong câu có cùng chức vụ
- Giữa các thành phần chính và thành phần phụ
- Giữa một cụm từ với phần chú thích của nó
- Giữa các vế của một câu ghép.

V. Lỗi dùng từ.

<p>? Các lỗi dùng từ thường mắc/ VD? Nguyên nhân và cách khắc phục?</p> <p>? Đặt 2 câu đơn, 2 câu ghép ?</p>	<p>1. Lỗi lặp từ. 2. Lỗi lẫn lộn từ gần âm 3. Lỗi dùng từ không đúng nghĩa * Bài 3. - Mẹ em đi chợ - Em học bài còn Minh đá bóng.</p>
--	--

3. Hoạt động vận dụng.

? Kể các đồ dùng học tập của em có sử dụng danh từ hoặc cụm danh từ, tính từ hoặc cụm tính từ?

? Kể các hoạt động của em ở trường có sử dụng động từ hoặc cụm động từ?

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm các đoạn văn hay có sử dụng các từ loại, cụm từ loại, biện pháp tu từ đã học.

* Ôn tập lại các kiến thức đã học về Tiếng Việt và nắm vững.

- Xem lại phần kiến thức đã học trên lớp

- Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học về ba phân môn: Văn- Tiếng Việt- Tập làm văn

* Chuẩn bị giờ sau: Ôn tập tổng hợp. Củng cố và nâng cao kiến thức của ba phân môn: Văn - Tiếng Việt - Tập làm văn

Tuần 39.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 144

ÔN TẬP TỔNG HỢP

I. Mục tiêu bài học.

- Qua bài, học sinh cần:

1. **Kiến thức:** - Ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức đã học trong phần văn bản, Tiếng Việt, tập làm văn lớp 6.

- Củng cố và nâng cao kiến thức của ba phân môn: Văn- Tiếng Việt- Tập làm văn

2. **Kĩ năng:** Có kĩ năng khái quát, hệ thống hoá kiến thức.

3. **Thái độ:** học sinh có ý thức học tập, ôn tập tốt.

4. **Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

II. Chuẩn bị.

1. GV: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu, SGK, SGV, TKBG, học tốt văn 6, giáo án, phiếu học tập.

2. HS: chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, đọc sáng tạo, LTTH.
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ôn định :

* Kiểm tra bài cũ: - Trong giờ học.

* Vào bài mới:

Cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn: Tìm danh từ, tính từ, động từ... -> GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
- PP: Vấn đáp, LTTH. - KT: Đặt câu hỏi. ? Trong chương trình văn học ở cả 2 học kì, em đã học những thể loại nào? - Đặc điểm chủ yếu của từng loại văn bản? ? Những nội dung cần nắm vững qua văn bản? ? Trong chương trình ở cả 2 học kì chúng ta đã học những nội dung kiến thức Tiếng Việt nào? - Hệ thống hoá cho HS nhớ lại nội dung của bài học.	A. Phần văn bản 1. Các loại văn bản chính - HKI: + Truyện dân gian + Truyện trung đại. - Học kì II: Truyện hiện đại, Kí, thơ tự sự - trữ tình hiện đại, văn bản nhật dụng, đơn... 2. Những nội dung cần nắm vững. - Cốt truyện, nhân vật chính, chi tiết, hình ảnh.. - Nghệ thuật: miêu tả, kể chuyện..sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ. B. Phần tiếng Việt. 1. Học kì I. - Từ - Danh từ và cụm danh từ - Động từ và cụm động từ - Tính từ và cụm tính từ. - Số từ, lượng từ, chỉ từ. 2. Học kì II. - Các vấn đề về câu: + Các thành phần chính về câu. + Các kiểu câu trần thuật. Các biện pháp nghệ thuật tu từ: So sánh, Nhân hoá,

<p>? Trong chương trình văn 6, các em đã đã học những kiểu bài văn nào?</p> <p>? Nội dung tự sự kể về những vấn đề gì?</p> <p>? Nội dung miêu tả gồm những gì?</p> <p>? Có mấy loại đơn từ đã học?</p> <p>- Y/C HS làm đề KT chất lượng (sgk/165,166)</p> <p>? Lập dàn ý và viết thành bài hoàn chỉnh cho đề văn trên ?</p>	<p>ân dụ, Hoán dụ</p> <p>- Các kiểu dấu câu: dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm phẩy, dấu chấm than, dấu phẩy.</p> <p>C. Phần tập làm văn.</p> <p>- Tự sự, miêu tả, đơn từ.</p> <p>1. Tự sự.</p> <p>- Kể chuyện dân gian, đời thường, sáng tạo, tưởng tượng.</p> <p>2. Miêu tả.</p> <p>- Tả cảnh thiên nhiên, tả đồ vật, con vật.</p> <p>- Tả người</p> <p>- Miêu tả tưởng tượng, sáng tạo</p> <p>3. Đơn: 2 loại.</p> <p>- Theo mẫu và Không theo mẫu</p> <p>II. Luyện tập.</p> <p>* Trắc nghiệm. 1 – a, 2- D, 3 – c....</p> <p>* Tự luận.</p> <p>- MB: Trong bữa cơm, em đã gây ra một 1 việc khiến cha mẹ buồn.</p> <p>- TB:</p> <p>+ Cả nhà đang quây quần bên mâm cơm vui vẻ...</p> <p>+ Bỗng nhiên em đã nói một câu thiếu lễ phép với bà</p> <p>+ Bố, mẹ không vui</p> <p>+ Ăn xong, mẹ gọi em vào nhẹ nhàng chỉ bảo cho em hiểu.</p> <p>+ Em thấy mình thật có lỗi</p> <p>- KB: Tự nhủ sẽ không bao giờ làm cho bố mẹ, ông bà buồn nữa...</p>
--	---

3. Hoạt động vận dụng.

- Viết đoạn văn từ 5 – 7 câu về chủ đề: về tình bạn.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- * Tìm đọc những bài văn, đoạn văn hay.
- * Ôn tập lại toàn bộ kiến thức đã học của cả 3 phân môn theo nội dung đã ôn tập
- Viết bài văn hoàn chỉnh cho đề văn trên lớp (SGK/163 - 165).
- * Chuẩn bị: Kiểm tra tổng hợp cuối năm. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra để tự đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của bản thân về ba phân môn: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học trong năm.

Ngày soạn:
Tiết 145-146

Ngày dạy:

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

I. Mục tiêu đề kiểm tra: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Hiểu cách vận dụng những kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra để tự đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của bản thân về ba phân môn: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học trong năm.
2. Kỹ năng: Có kỹ năng trình bày, diễn đạt, vận dụng tốt kiến thức khi làm bài
3. Thái độ: Có ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài.
4. Năng lực, phẩm chất:
 - Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, sáng tạo
 - Phẩm chất: tự tin, tự chủ, trung thực.

II. Hình thức kiểm tra: Tự luận

III. Ma trận đề kiểm tra:

IV. Đề kiểm tra:

Câu 1(1đ). Cho câu thơ:

”Anh đội viên nhìn
Bác”

- a, Chép lại theo trí nhớ 3 câu thơ tiếp theo?
- b, Những câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Của ai?

Câu 2 (2đ). Trình bày giá trị nội dung của văn bản ”Cây tre Việt Nam” của Thép Mới.

Câu 3 (2đ). Xác định biện pháp tu từ và viết đoạn văn nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó trong câu ca dao sau:

”Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy
ra”

Câu 4 (5đ). Thầy cô - người lái đò thầm lặng luôn ở trong tim em. Hãy tả một người thầy giáo (cô giáo) cũ mà em yêu quý nhất.

V. Hướng dẫn chấm và biểu

điểm. Câu 1 (1 điểm)

- a, Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm. (0,5đ)
- b, Bài thơ ” Đêm nay Bác không ngủ” của Minh Huệ. (0,5đ)

Câu 2 (2điểm).

HS trình bày được giá trị nội dung của văn bản ”Cây tre Việt Nam”:

- ”Cây tre Việt Nam” của Nguyễn Duy là bài bút kí đặc sắc viết về hình ảnh cây tre Việt Nam. Bài kí khẳng định tre là người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và của nhân dân Việt Nam.

- Bài văn ngợi ca cây tre có vẻ đẹp bình dị và mang nhiều phẩm chất cao quý của con người Việt Nam: Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm.

- Khẳng định cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, con người Việt Nam.
- Qua bài kí, tác giả đã ca ngợi vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam và bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, tự hào về đất nước, con người Việt Nam.

Câu 3: (2 điểm)

- * Xác định biện pháp tu từ: so sánh. (0,5đ)
- * HS tạo lập được đoạn văn phân tích tác dụng của phép tu từ so sánh trong câu ca dao: "Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"

* Yêu cầu:

- Về hình thức:
 - + Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: mở - thân – kết đoạn với kết cấu chặt chẽ, có liên kết.
 - + Hành văn trôi chảy, dùng từ đúng chuẩn mực.
 - + Không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp,...
- Về nội dung:

Mở đoạn: Giới thiệu bài ca dao và biện pháp tu từ so sánh.

Thân đoạn: phân tích biện pháp tu từ trong câu ca dao và chỉ rõ tác dụng:

+ Bài ca dao đã so sánh công cha với núi Thái Sơn – ngọn núi cao ngất trời, so sánh nghĩa mẹ với nước trong nguồn – dòng nước dạt dào, vô tận, không bao giờ vơi cạn.

+ Nhờ biện pháp so sánh, bài ca dao khẳng định công lao sinh thành, dưỡng dục của người cha rất lớn lao, vĩ đại; khẳng định tình thương của mẹ dành cho con là vô hạn như dòng nước trong nguồn bất tận, chảy không bao giờ vơi. Đồng thời, bptt so sánh còn làm cho bài ca dao trở nên giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa hơn.

Kết đoạn: Khẳng định giá trị của phép tu từ so sánh hoặc cảm nhận chung về bài ca dao.

- Câu 4 (5đ)

* Yêu cầu.

- **Hình thức, kĩ năng:**

- + Viết đúng kiểu bài văn miêu tả người.
- + Bố cục rõ ràng 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- + Trình tự miêu tả hợp lí.
- + Hành văn sáng sủa, từ ngữ trong sáng, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

- **Kiến thức:**

Bài làm cần đạt được những nội dung cơ bản sau:

Mở bài: Giới thiệu chung về người thầy (cô giáo) cũ để lại ấn tượng sâu sắc trong tim em.

Thân bài:

- Tả ngoại hình: Tả chi tiết dáng vóc, khuôn mặt, ánh mắt,...
- + Tả tính cách: tả giọng nói, cử chỉ, thói quen, thái độ của thầy (cô giáo) để làm toát lên tính cách thầy cô.
- + Tả cụ thể hành động, việc làm, cách cư xử của thầy (cô).

Kết bài: Cảm nghĩ của em về thầy cô giáo đó.

*** Biểu điểm:**

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên. Viết đúng thể loại văn miêu tả, liên tưởng độc đáo. Văn phong có dấu ấn riêng. Diễn đạt rõ ràng, trong sáng, bố cục chặt chẽ. Dùng từ chính xác, trình bày mạch lạc. Sai không quá 2 lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp, diễn đạt.
- Điểm 4: Bài làm đáp ứng khá tốt các yêu cầu trên. Làm đúng kiểu bài văn tả người. Dùng từ chính xác, hành văn trôi chảy. Trình bày rõ ràng mạch lạc, trình tự tả hợp lí. Còn mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (không quá 4 lỗi)
- Điểm 3: Hiểu đề, biết làm một bài văn miêu tả. Chưa sử dụng được nhiều năng lực trong văn miêu tả. Diễn đạt rõ ràng tuy nhiên một số ý còn sơ sài. Bố cục rõ ràng. Sai không quá 5 lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp, diễn đạt.
- Điểm 2. Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu nội dung. Bố cục chưa rõ, chữ viết cầu thả, nội dung và hình thức chưa phù hợp. Sai nhiều lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, ngữ pháp.
- Điểm 0, 1. Không đáp ứng hoặc đáp ứng một phần nhỏ yêu cầu của đề. Chưa làm đúng kiểu bài, còn nhầm giữa miêu tả và tự sự. Trình bày không theo trình tự hợp lí. Chữ viết còn cầu thả, sai quá nhiều lỗi chính tả.

Tuần .

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 139. CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG

(PHẦN VĂN VÀ TẬP LÀM VĂN)

TÌM HIỂU DANH LAN THẮNG CẢNH HUNG

YÊN. VĂN BẢN: ĐỀN ĐA HÒA.

I. Mục tiêu: Qua bài học, hs cần:

1. **Kiến thức:** Biết được một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của địa phương, những chương trình hay kế hoạch về bảo vệ môi trường của địa phương em.
2. **Kỹ năng:** Có kỹ năng viết văn bản nhật dụng về những vấn đề của địa phương mình (môi trường, di tích lịch sử, dân số...).
3. **Thái độ:** Có ý thức yêu mến và tự hào về quê hương đất nước.
4. **Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: tự học, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ
- Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương.

II. Chuẩn bị:

1. Thầy: Soạn bài, sách tham khảo (sgk, sgv, TKBG...) , phiếu học tập
- Tích hợp : Văn bản “ Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử”; Tập làm văn: Văn miêu tả.
2. Trò : Chuẩn bị trước bài mới, sưu tầm những vấn đề của địa phương mình.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, hoạt động nhóm
- Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ôn định tổ chức :

* Kiểm tra bài cũ : Lòng vào phần bài mới

* Vào bài mới.

GV chiếu video một số danh lam thắng cảnh của tỉnh Hưng Yên, HS quan sát, phát hiện, GV giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1 : Đọc, tìm hiểu chung :</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP : vấn đáp, đọc sáng tạo - KT : đặt câu hỏi - GV HD HS đọc văn bản : Đọc to, rõ ràng, truyền cảm... - GV đọc mẫu - Gọi hs đọc. - Giải thích chú thích (1,2,3)... - Bài văn thuộc nhóm vb nào ? - Xác định thể loại văn bản ? - VB sử dụng những PTBĐ nào? - Đối tượng thuyết minh là gì ? - Xác định bố cục của văn bản ? <p>HD 2: Tìm hiểu chi tiết VB</p> <ul style="list-style-type: none"> - PP: hoạt động nhóm, vấn đáp - KT: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi <p>? Tìm những chi tiết vị trí, đặc điểm chung của đền Đa Hòa ?</p> <p>? Đền thờ ai ?</p> <p>? Giới thiệu đền Đa Hòa, tg đã sử dụng NT gì ?</p> <p>? Em có nhận xét gì về đền Đa Hòa ?</p> <p>? Vì sao nơi đây lại thờ Đức thánh Chử Đồng tử ?</p> <p>? Việc lập đền thờ có ý nghĩa gì ?</p>	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Đọc - Tìm hiểu chú thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đọc. * Chú thích. * Văn bản nhật dụng. <p>2. Thể loại: Thuyết minh.</p> <p>3. PTBĐ: TM + MT, TS, BC</p> <p>- Đối tượng: Đền Đa Hòa.</p> <p>4. Bố cục: 3 phần</p> <p>+ MB: Khách đi đò....tỉnh Hưng Yên</p> <p>+ TB: Tiếp.....đất Hưng Yên.</p> <p>+ KB: Còn lại.</p> <p>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.</p> <p>1. Giới thiệu chung về đền Đa Hòa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Cách Hà Nội 20 km, nằm bên bờ sông. - Đặc điểm: Mái cong cong hình mũi đao - Giữ gìn và phát huy những truyền thống, di tích lịch sử của địa phương. - Đền thờ Đức thánh Chử Đồng Tử. + Miêu tả, kể, so sánh. <p>-> Một trong những di tích lịch sử văn hóa của Hưng Yên.</p> <p>2. Kiến trúc của đền Đa Hòa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương truyền, sau khi Chử Đồng Tử hóa về trời, nhớ công ơn khai phá đầm lầy thành làng mạc, mở mang nghề buôn nd đã lập đền thờ. -> Lòng biết ơn người có công đối với nhân dân Hưng Yên.

<p>? Tìm những chi tiết giới thiệu về công trình kiến trúc đền Đa Hòa ?</p> <p>? Nhận xét nghệ thuật tác giả s/d khi gt đền Đa Hòa ?</p> <p>? NX về đền Đa Hòa ?</p> <p>- Đọc đến đây, bài viết bồi đắp cho em tình cảm gì ?</p> <p>* Thảo luận nhóm cặp đôi:</p> <p>? Công trình kiến trúc đền Đa Hòa có ý nghĩa gì ?</p> <p>? Xây dựng đền Đa Hòa để lại ý nghĩa gì ?</p> <p>? Kể tên một số di tích LS của HY cũng như đất nước mà em biết?</p> <p>- TL nhóm: Những di tích lịch sử đó em cần làm gì ?</p> <p>GV chiếu ảnh, mở rộng về di tích lịch sử tỉnh HY.</p> <p>HĐ 3: Tổng kết:</p> <p>- KT: hỏi và trả lời.</p> <p>? Khái quát những đặc sắc về ND và NT của VB ?</p>	<p>- Đền xây trên một khu đất cao, diện tích 18.700m vuông.</p> <p>- Mái đền hình thuyền rồng.</p> <p>- Khu ngoài rộng 7.200m</p> <p>- Khu giữa rộng khoảng 4.300m ...</p> <p>- Khu trong xây các cung thờ theo kiểu kiến trúc cung đình thời Nguyễn: thờ Đức thánh Chử Đồng Tử và Nhị vị phu nhân...</p> <p>+ NT: TM cụ thể, tỉ mỉ theo trình tự từ trong ra ngoài.</p> <p>-> Đây là công trình kiến trúc đồ sộ, cổ kính, thể hiện nét đẹp truyền thống văn hóa của quê hương Hưng Yên .</p> <p>- Yêu quê hương, đất nước, tự hào về văn hóa Hưng yên.</p> <p>3. Ý nghĩa.</p> <p>- Gửi gắm khát vọng của nhân dân HY.</p> <p>- Sự dung hợp giữa triết lý Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo.</p> <p>- là công trình kiến trúc đặc sắc.</p> <p>-> Là di tích lịch sử, văn hóa có giá trị của Hưng Yên và đất nước.</p> <p>- VD: Đền Hùng, Đền Gióng, Đền Mây..</p> <p>- Giữ gìn, bảo vệ, phát huy...</p> <p>III. Tổng kết.</p> <p>1. Nghệ thuật.</p> <p>2. Nội dung.</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Kể những di tích lịch sử, truyền thống văn hóa tốt đẹp của địa phương?
- Em có suy nghĩ gì về vấn đề môi trường của địa phương mình ?
- Qua giờ Ngữ văn địa phương này em thấy mình cần phải làm gì?

4. Hoạt động vận dụng:

- Cùng các bạn tìm thông tin về Đền Mẫu, đền Trần ở TP Hưng Yên.
- Sưu tầm ảnh các di tích lịch sử địa phương và tập hợp với các bạn để làm 1 bộ ảnh về di tích lịch sử địa phương.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tiếp tục sưu tầm về những di tích lịch sử, truyền thống văn hóa tốt đẹp của địa phương... Viết bài về những vấn đề đó.

Tuần 37 .

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 140. TRẢ BÀI BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP

I. Mục tiêu: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức: Nhận ra yêu cầu và giới hạn của đề, từ đó đối chiếu với bài viết của mình, nhận ra điểm đạt và chưa đạt để phát huy và sửa chữa tránh sai lặp lại.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng nhận biết tự sửa lỗi sai, diễn đạt chuẩn, cách sửa sai.

3. Thái độ: Có ý thức nghiêm túc sửa lỗi sai, tránh mắc lỗi.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: giao tiếp, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ

- Phẩm chất: tự tin, tự chủ

II. Chuẩn bị:

1. Thầy: Soạn bài, bảng phụ ghi các lỗi sai trong bài viết của học sinh, chấm bài kỹ và chỉ ra những lỗi sai cho học sinh.

- Tích hợp: Cuộc sống, lỗi dùng từ, chữa lỗi về chủ ngữ- vị ngữ.....

2. Trò : Xem lại đề kiểm tra học kì.

III. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm

- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

IV. Tổ chức các hoạt động học tập.

1. Hoạt động khởi động:

* Ổn định tổ chức :

* Kiểm tra bài cũ: Vỡ bài tập của hs.

* Vào bài mới.

GV chiếu lại đề KT. gV giới thiệu bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

H.động của GV-HS	Nội dung cần đạt
HĐ 1: Tìm hiểu đề và yêu cầu của đề - PP: vấn đáp, hđ nhóm - KT: đặt câu hỏi, TL nhóm - HS nhắc lại đề bài.	I. Tìm hiểu đề và Yêu cầu của đề. 1. Đề bài Câu 1(1đ). Cho câu thơ: <i>"Anh đội viên nhìn Bác"</i> a, Chép lại theo trí nhớ 3 câu thơ tiếp theo? b, Những câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Của ai? Câu 2 (2đ). Trình bày giá trị nội dung của văn bản "Cây tre Việt Nam" của Thép Mới.

	Câu 3 (2đ). Xác định biện pháp tu từ và viết đoạn văn nêu tác
--	--

<p>- Gọi 1 hs làm câu 1. HS khác bs, nhận xét. GV chốt đáp án.</p> <p>- Trình bày giá trị nội dung của vb "Cây tre VN"?</p> <p>- HS t.bày</p> <p>- GV chốt đáp án.</p> <p>- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu ca dao?</p> <p>- Đoạn văn phân tích giá trị của bptt cần đạt được những yêu cầu gì?</p> <p>HS thảo luận nhóm cặp đôi, trả lời.</p> <p>HS 1 nhóm báo cáo, nhóm khác bs, nx. GV chốt đáp án.</p>	<p>dụng của biện pháp tu từ đó trong câu ca dao sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"</i></p> <p>Câu 4 (5đ). Thầy cô - người lái đò thầm lặng luôn ở trong tim em. Hãy tả một người thầy giáo (cô giáo) cũ mà em yêu quý nhất.</p> <p>2. Đáp án.</p> <p>Câu 1 (1 điểm)</p> <p>a, Anh đội viên nhìn Bác Càng nhìn lại càng thương Người Cha mái tóc bạc Đốt lửa cho anh nằm.</p> <p>b, Bài thơ " Đêm nay Bác không ngủ" của Minh Huệ.</p> <p>Câu 2 (2điểm).</p> <p>HS trình bày được giá trị nội dung của VB "Cây tre VN":</p> <p>- "Cây tre VN" của Nguyễn Duy là bài bút kí đặc sắc viết về hình ảnh cây tre Việt Nam. Bài kí khẳng định tre là người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và của nhân dân VN.</p> <p>- Bài văn ngợi ca cây tre có vẻ đẹp bình dị và mang nhiều phẩm chất cao quý của con người Việt Nam: Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm.</p> <p>- Khẳng định cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, con người Việt Nam.</p> <p>- Qua bài kí, tác giả đã ca ngợi vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam và bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, tự hào về đất nước, con người Việt Nam.</p> <p>Câu 3: (2 điểm)</p> <p>* Xác định biện pháp tu từ: so sánh.</p> <p>* HS tạo lập được đoạn văn phân tích tác dụng của phép tu từ so sánh trong câu ca dao:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"</i></p> <p>* Yêu cầu:</p> <p>- Về hình thức:</p> <p>+ Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: mở - thân – kết đoạn với kết cấu chặt chẽ, có liên kết.</p> <p>+ Hành văn trôi chảy, dùng từ đúng chuẩn mực.</p> <p>+ Không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp,...</p> <p>- Về nội dung:</p>
---	--

	<p>Mở đoạn: Giới thiệu bài ca dao và bptt so sánh. Thân đoạn: phân tích bptt trong câu ca dao và chỉ rõ tác dụng: + Bài ca dao đã so sánh công cha với núi Thái Sơn –</p>
--	---

<p>* TL nhóm: 4 nhóm (TG: 5 ph)</p> <p>- Lập dàn ý cho đề văn trên ?</p> <p>- Gọi đại diện HS TB.</p> <p>- HS khác NX, bổ sung.</p> <p>- GV NX, chốt KT.</p> <p>- GV trả bài.</p>	<p>ngọn núi cao ngất trời, so sánh nghĩa mẹ với nước trong nguồn – dòng nước dạt dào, vô tận, không bao giờ vơi cạn.</p> <p>+ Nhờ biện pháp so sánh, bài ca dao khẳng định công lao sinh thành, dưỡng dục của người cha rất lớn lao, vĩ đại; khẳng định tình thương của mẹ dành cho con là vô hạn như dòng nước trong nguồn bất tận, chảy không bao giờ vơi.</p> <p>Đồng thời, bptt so sánh còn làm cho bài ca dao trở nên giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa hơn.</p> <p>Kết đoạn: Khẳng định giá trị của phép tu từ so sánh hoặc cảm nhận chung về bài ca dao.</p> <p>- Câu 4 (5đ)</p> <p>* Yêu cầu.</p> <p>- Hình thức, kĩ năng:</p> <p>+ Viết đúng kiểu bài văn miêu tả người.</p> <p>+ Bố cục rõ ràng 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>+ Trình tự miêu tả hợp lí.</p> <p>+ Hành văn sáng sủa, từ ngữ trong sáng, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.</p> <p>- Kiến thức:</p> <p>Bài làm cần đạt được những nội dung cơ bản sau:</p> <p>Mở bài: Giới thiệu chung về người thầy (cô giáo) cũ để lại ấn tượng sâu sắc trong tim em.</p> <p>Thân bài:</p> <p>- Tả ngoại hình: Tả chi tiết dáng vóc, khuôn mặt, ánh mắt,...</p> <p>+ Tả tính cách: tả giọng nói, cử chỉ, thói quen, thái độ của thầy (cô giáo) để làm toát lên tính cách thầy cô.</p> <p>+ Tả cụ thể hành động, việc làm, cách cư xử của thầy (cô).</p> <p>Kết bài: Cảm nghĩ của em về thầy cô giáo đó.</p> <p>II. Trả bài.</p>
---	--

III. Nhận xét.

1. Ưu điểm:

- Đa số các em hiểu và làm đúng yêu cầu của đề bài.
- Câu 1, 2 hầu hết HS làm tốt.
- Câu 3 nhiều HS đáp ứng khá tốt yêu cầu, biết tác dụng của bptt so sánh trong bài cd.
- Bài TLV hầu hết xác định được yêu cầu của đề bài: Miêu tả người
- Khắc hoạ hình ảnh thầy cô giáo cũ khá chi tiết, nhiều hs miêu tả theo trình tự hợp lí.
- Biết lựa chọn hình ảnh miêu tả, bộc lộ được tình cảm.
- Nhiều em trình bày sạch đẹp, bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng.
- Bài viết diễn đạt tốt, vận dụng tốt so sánh.

2. Nhược điểm:

- Một số bài có nội dung sơ sài, diễn đạt lủng củng.

- Một số trình bày câu thả, chữ xấu.
- Một số HS bài TLV miêu tả không theo trình tự hợp lí, có bài bố cục không rõ ràng.
- Một số HS viết đoạn văn (câu 3) chỉ nêu được bptt mà chưa phân tích rõ tác dụng.

IV. Sửa lỗi.

1. Lỗi chính tả:

- dất tốt bụng -> rất tốt bụng
- dâng bài cho em -> giảng bài cho em.
- trang phục dân dị -> giản dị

2. Lỗi dùng từ, đặt câu.

- Đôi mắt cô đen sì như hai hạt nhãn.
- Mắt thầy nhăn nhó -> nhăn nheo
- Mái tóc cô dài thiết tha ->.....dài óng mượt.

3. Lỗi trình bày, viết tắt tự do.

V. Đọc và bình những đoạn văn, bài văn hay.

- Đọc bài hay: Trang, Hiếu
- Gọi HS chọn bình đoạn văn, bài văn hay.

3. Hoạt động vận dụng:

- Hãy viết 1 đoạn văn tả về bạn học cùng lớp với em.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- * Sưu tầm những đoạn văn, bài văn tả người hay.
- * Xem lại bài kiểm tra trên lớp từ đó về nhà làm lại
- Tự sửa những lỗi sai trong bài của mình.